



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
KHOA CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ

KỶ YẾU HỘI THẢO

CHUYỂN ĐỔI SỐ BÁO CHÍ ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI TRUYỀN THÔNG

Nghệ An, 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TÁC GIẢ	TRANG
BÁO CÁO ĐỀ DẪN	<i>TS. Hắc Xuân Cảnh</i>	4
<i>PHẦN I: ĐÀO TẠO VÀ NGHIÊN CỨU BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ</i>		
1. NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA BÁO CHÍ KỶ NGUYÊN SỐ: TỪ ĐÀO TẠO ĐẾN LÀM NGHỀ	<i>TS. Hồ Bất Khuất</i>	9
2. ĐÀO TẠO BÁO CHÍ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ - CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP	<i>TS. Vũ Thị Phương Lê</i>	22
3. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH BÁO CHÍ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH	<i>TS. Hắc Xuân Cảnh</i>	35
4. ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO BÁO CHÍ	<i>Th.S Lê Thị Thu Hiền</i>	46
5. ĐỀ XUẤT QUY TẮC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP NGÀNH BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG BỐI CẢNH HIỆN NAY	<i>Th.S Nguyễn Thị Quỳnh Nga</i>	56
6. VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH HIỆN NAY	<i>TS. Nguyễn Thị Thế</i>	73
7. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ VỚI VIỆC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	<i>Th.S Nguyễn Khánh Ly; Th.S Nguyễn Mạnh Hưng</i>	84
8. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	<i>TS. Phan Văn Tuấn; Th.S Nguyễn Khánh Ly</i>	93
9. NGHIÊN CỨU TỘC NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TRUYỀN THÔNG SỐ	<i>TS. Bùi Minh Hào</i>	102

PHẦN II: ỨNG DỤNG TRONG BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG SỐ

1. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRUYỀN THÔNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM	<i>PGS.TS Trần Viết Quang</i>	123
2. CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở BÁO NGHỆ AN: KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM	<i>Th.S Hà Nguyên Sơn</i>	130
3. TÁC ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG – THUẬN LÝ VÀ NGHỊCH LÝ	<i>TS. Lê Thanh Nga</i>	137
4. ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG	<i>TS. Phạm Thúy Hồng</i> <i>Siu H'Liên</i>	145
5. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG CHÍNH TRỊ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG	<i>TS. Trương Thị Phương Thảo</i>	156
6. NGÔN NGỮ PHÓNG SỰ CỦA HUỖNH DŨNG NHÂN	<i>TS. Nguyễn Thị Khánh Chi</i>	165
7. TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC NHỮNG THỬ ĐOẠN LỪA ĐẢO TRỰC TUYẾN HIỆN NAY	<i>Nguyễn Văn Hiệp, Vương Lê</i> <i>Quỳnh Anh, Nguyễn Thanh</i> <i>Ánh, Nguyễn Trung Tá</i>	181
8. VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM	<i>TS. Nguyễn Thị Lê Vinh</i>	196
9. BÁO CHÍ VỚI VẤN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN KHÔNG GIAN SỐ HIỆN NAY	<i>Th.S Trần Thị Phương Nhung</i>	202
10. VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG TRONG VIỆC NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ LUẬT AN NINH MẠNG HIỆN NAY	<i>Th.S Nguyễn Thị Thanh Hải</i>	215

BÁO CÁO ĐỀ DẪN HỘI THẢO KHOA HỌC
“CHUYỂN ĐỔI SỐ BÁO CHÍ: ĐỊNH HÌNH TƯƠNG LAI TRUYỀN THÔNG”

TS. Hắc Xuân Cảnh

Phó Hiệu trưởng Trường KHXH&NV, Trường Đại học Vinh

Kính thưa các quý vị đại biểu, khách quý!

Kính thưa các nhà khoa học!

Thưa các em SV thân mến!

Chuyển đổi số là cụm từ được đề cập phổ biến hiện nay. Đây được xem là sự tiếp cận bắt buộc đối với các ngành, nghề, trong đó có cả báo chí – truyền thông để thích ứng với xu hướng mới. Nằm chung trong chương trình chuyển đổi số quốc gia và để phù hợp với xu thế phát triển của báo chí, truyền thông thế giới, ngày 06/04/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 348/QĐ-TTg, Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó xác định *“Chuyển đổi số báo chí nhằm mục tiêu xây dựng các cơ quan báo chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp nội dung số”*.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa các nhà khoa học!

Để thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí, thời gian qua các cơ quan báo chí, truyền thông, các cơ sở đào tạo báo chí, truyền thông đã tăng cường trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ... Tuy nhiên, thực chất của chuyển đổi số báo chí không đơn giản là đầu tư trang thiết bị, công nghệ mà là sự thay đổi mạnh mẽ về tư duy, đổi mới về nội dung, cách thức, quy trình, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để tạo ra những nguồn “nhân lực số”... Điều đó đòi hỏi phải có sự phối

hợp đồng bộ giữa các cơ quan, tổ chức liên quan đến hoạt động báo chí truyền thông, từ cơ sở đào tạo đến đơn vị sản xuất, kinh doanh báo chí - truyền thông.

Nhận thức được những yêu cầu cấp thiết hiện nay, nhằm góp thêm những ý kiến vào quá trình thúc đẩy chuyển đổi số báo chí, được sự đồng ý của Trường Đại học Vinh, khoa Chính trị và Báo chí Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh chủ trì tổ chức Hội thảo khoa học: “Chuyển đổi số báo chí: Định hình tương lai truyền thông”. Hội thảo là dịp để các nhà khoa học, những người giảng dạy, học tập và những người đang làm việc trong lĩnh vực báo chí truyền thông nhìn nhận, đánh giá những cơ hội, thách thức, từ đó tìm ra những giải pháp thúc đẩy chuyển đổi số báo chí, nâng cao chất lượng hoạt động của báo chí, truyền thông.

Thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin trân trọng cảm ơn và nồng nhiệt chào mừng các quý vị đại biểu, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu đã gửi bài viết và có mặt tham dự tại buổi Hội thảo ngày hôm nay. Tôi cũng xin được cảm ơn các đối tác, các cơ quan báo chí – truyền thông, các đơn vị hợp tác với Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh trong đào tạo, nghiên cứu và sử dụng lao động đã có sự quan tâm và có mặt tham dự Hội thảo.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa các nhà khoa học!

Sau hơn 2 tháng chuẩn bị, Ban Tổ chức Hội thảo đã nhận được hơn 20 tham luận của các nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, nhà báo, phóng viên... đến từ các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu, cơ quan báo chí – truyền thông trên cả nước như Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Nghệ An, Hà Nội... Điều đó cho thấy sự quan tâm của đông đảo các nhà khoa học, nhà quản lý, giảng viên, nhà báo, phóng viên dành cho chủ đề của Hội thảo này.

Nhìn chung, các bài viết gửi đến Hội thảo tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau đây:

Thứ nhất: Đào tạo và nghiên cứu báo chí – truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số

Vấn đề này đã được đề cập trong các bài viết của TS. Vũ Thị Phương Lê; TS, nhà báo Hồ Bất Khuất, TS. Hắc Xuân Cảnh, ThS. Lê Thị Thu Hiền, ThS.NCS Nguyễn Thị Quỳnh Nga, TS. Nguyễn Thị Thế, ThS. Nguyễn Khánh Ly – ThS. Nguyễn Mạnh Hưng, TS. Phan Văn Tuấn, TS. Bùi Minh Hào... Các nghiên cứu đã chỉ ra những cơ hội, thách thức, yêu cầu và tác động của chuyển đổi số báo chí, đồng thời đề xuất các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu báo chí đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số hiện tại và tương lai. Đa số ý kiến đều cho rằng, thay đổi nhận thức, đổi mới mạnh mẽ cả về nội dung, cách tiếp và phương pháp thực hiện là yêu cầu cấp thiết đối với đào tạo và nghiên cứu báo chí hiện nay.

Trong bài viết của mình, TS, Nhà báo Hồ Bất Khuất cho rằng: *Chuyển đổi số đã mang lại những thay đổi lớn lao trong lĩnh vực truyền thông và vai trò của các nhà báo. Nó đã tạo ra cả cơ hội và thách thức cho các tổ chức truyền thông, nhà báo và công chúng. Các cơ quan báo chí vốn năng động nên đã và đang cố gắng lĩnh hội những cái mới để thay đổi công việc của mình cho phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên số, các cơ sở đào tạo báo chí cũng đã có những thay đổi tất yếu với hoàn cảnh để sản phẩm của họ đào tạo ra không chỉ làm báo mà còn làm được nhiều việc khác trong xã hội. Tuy nhiên, những đổi mới ở các cơ sở đào tạo báo chí của Việt Nam cần được đẩy mạnh hơn trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của thế giới và điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Để báo chí Việt Nam trong kỷ nguyên số có tương lai tươi sáng, cần có sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và các cơ quan báo chí; giữa các cơ quan báo chí với nhau.*

Đề cập đến những yêu cầu của việc đào tạo nguồn nhân lực Báo chí trong bối cảnh mới, TS. Vũ Thị Phương Lê, Trưởng khoa Chính trị và Báo chí Trường Đại học Vinh cho rằng: *Đào tạo nhân lực báo chí trong kỷ nguyên số không chỉ là việc truyền đạt kỹ năng nghề nghiệp, nhất là kỹ năng cho tác nghiệp báo chí số;*

mà còn là việc hình thành nên tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng và tầm nhìn về vai trò của báo chí trong việc định hình xã hội, định hình tương lai truyền thông. Để đào tạo ra đội ngũ nhà báo tương lai có khả năng đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, các trường đại học không chỉ trang bị cho người học kỹ năng nghề nghiệp, mà còn phải bồi đắp và giúp họ nuôi dưỡng tình yêu với nghề, trách nhiệm với xã hội, khả năng thích ứng với sự thay đổi không ngừng của môi trường truyền thông.

Có thể nói, những kết quả nghiên cứu nói trên không chỉ chỉ ra thực trạng mà còn gợi mở những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của hoạt động đào tạo và nghiên cứu báo chí truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Thứ hai: Ứng dụng trong lĩnh vực báo chí truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số

Cùng với đào tạo và nghiên cứu, vấn đề ứng dụng trong lĩnh vực báo chí, truyền thông cũng được nhiều tác giả quan tâm và đưa ra những luận giải khác nhau. Nhiều bài viết của các tác giả, nhóm tác giả như: PGS.TS. Trần Viết Quang, ThS, Nhà báo Hà Nguyên Sơn, TS. Lê Thanh Nga, TS. Phạm Thị Thúy Hồng, TS. Trương Thị Phương Thảo, TS. Nguyễn Thị Lê Vinh, ThS. Trần Thị Phương Nhung, ThS. Nguyễn Thanh Hải, nhóm sinh viên: Nguyễn Văn Hiệp, Vương Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Thị Thanh Ánh, Nguyễn Trung Tá... đã đưa ra những nghiên cứu có tính ứng dụng trong đào tạo, nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm báo chí truyền thông. Nhiều giải pháp thực tế và mô hình ứng dụng trong quản lý nhà nước về báo chí, tổ chức hoạt động của các cơ quan báo chí, truyền thông... được đề xuất có tính thực tiễn cao.

Có thể thấy, các bài viết gửi tới Hội thảo là khá đa dạng, bao trùm, nhiều nội dung phong phú. Kết quả nghiên cứu của các tác giả đã chỉ ra rằng chuyển đổi số là xu thế và yêu cầu bắt buộc đối với báo chí truyền thông. Chuyển đổi số đem lại

nhiều cơ hội cho báo chí bứt phá để phục vụ công chúng tốt hơn, đồng thời khẳng định vai trò không thể thay thế trong việc cung cấp, định hướng thông tin cũng như giám sát, phản biện xã hội. Tuy nhiên, chuyển đổi số cũng đặt ra những thách thức to lớn đối với báo chí truyền thông hiện tại và tương lai.

Tại Hội thảo hôm nay, Ban Tổ chức rất mong các đại biểu, các nhà khoa học tiếp tục tập trung thảo luận làm sáng rõ một số vấn đề về bối cảnh, yêu cầu, thời cơ, thách thức và yêu cầu đối với đào tạo nguồn nhân lực báo chí nói riêng và sự phát triển của báo chí nói chung, đồng thời chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng trong sản xuất báo chí, truyền thông.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Kính thưa các nhà khoa học!

Trên đây là những nội dung cơ bản của các bài viết gửi tới Hội thảo và những gợi mở mà Ban Tổ chức đưa ra với mong muốn được làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề về đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực báo chí trong bối cảnh đầy mạnh chuyển đổi số. Chúng tôi tin tưởng rằng, Hội thảo sẽ đem lại những luận giải khách quan, khoa học và đề xuất được những giải pháp quan trọng góp phần thúc đẩy công tác đào tạo, nghiên cứu và ứng dụng lĩnh vực báo chí truyền thông ngày càng phát triển, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số báo chí – truyền thông.

Một lần nữa, thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin được cảm ơn các quý vị đại biểu, các nhà khoa học đã tham gia Hội thảo. Xin trân trọng cảm ơn Đảng ủy, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu và các đơn vị trong trường Đại học Vinh đã tạo điều kiện thuận lợi để hội thảo được diễn ra.

Xin kính chúc các quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc. Chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA BÁO CHÍ KỶ NGUYÊN SỐ: TỪ ĐÀO TẠO ĐẾN LÀM NGHỀ

Nhà báo – TS. Hồ Bất Khuất

Tóm tắt: Báo chí có vị trí vai trò vô cùng quan trọng trong sự phát triển của nhân loại. Báo chí mới ra đời khoảng 400 năm gần đây nhưng đã ghi dấu ấn đậm nét trong sự bứt phá của con người trong kinh tế, khoa học, công nghệ... Bản thân báo chí cũng liên tục bứt phá khi xuất hiện những loại hình báo chí mới. Đặc biệt, khi bước vào kỷ nguyên số với mạng Internet phổ biến khắp nơi, báo chí đã có nhiều thay đổi đổi để thích ứng với hoàn cảnh. Trước hết, đó là việc các cơ sở đào tạo báo chí ở nhiều quốc gia tăng lên, người học báo chí ngày càng nhiều. Chuyển đổi số đã mở ra cơ hội và dựng lên nhiều thách thức trước các cơ quan báo chí nên các nhà báo cũng chịu nhiều áp lực. Song, trong thời đại công nghệ phát triển mạnh mẽ, các nhà báo tìm ra các giải pháp hữu hiệu để vượt qua thách thức, đáp ứng kỳ vọng của công chúng. Trí tuệ nhân tạo (AI) sẽ đóng vai trò quyết định trong sự phát triển của xã hội nói chung, của báo chí nói riêng. Những người làm công tác đào tạo phải ghi nhớ điều này.

Từ khóa: Kỷ nguyên số, báo chí – truyền thông, trí tuệ nhân tạo (AI)

I. Đặt vấn đề

Những người nghiên cứu lịch sử phát triển loài người nhận ra rằng, báo chí – truyền thông thúc đẩy cuộc sống chuyển động nhanh hơn, tiến bộ khoa học kỹ thuật được phổ biến nhanh hơn, rộng hơn. Xã hội loài người đã tồn tại từ lâu và phát triển tuần tự theo năm tháng với tốc độ bình thường. Từ khi báo chí xuất hiện (đầu thế kỷ 17) thì tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học – kỹ thuật được đẩy lên rất cao. Nguyên nhân chính là báo chí đã phổ biến kiến thức rộng rãi và cổ vũ mọi người sáng tạo nên tạo ra xung lực cho sự phát triển.

Báo in tồn tại và phát triển độc lập trong khoảng hơn 300 năm. Tốc độ phát triển kinh tế - xã hội trong 300 năm này so với hàng ngàn năm trước cũng đã nhanh

hơn nhiều. Đến đầu thế kỷ 20, xuất hiện phát thanh, đến giữa thế kỷ 20, có thêm truyền hình. Lúc này, tác động của báo chí đối với sự phát triển của xã hội còn nhanh hơn nữa. Và vô cùng đặc biệt, khi mạng Internet ra đời và thiết lập nên hệ thống báo chí khá hoàn chỉnh với 4 loại hình là báo in, phát thanh, truyền hình và báo điện tử thì nhân loại đã có một nền công nghiệp truyền thông phát triển mạnh mẽ. Lúc này hoạt động của báo chí – truyền thông bước vào một giai đoạn mới với những phương thức chủ đạo dựa vào kỹ thuật số. Điều này đã tạo ra một cuộc cách mạng trong lĩnh vực báo chí – truyền thông, khắp nơi kêu gọi chuyển đổi số.

Chuyển đổi số đã mang lại những thay đổi lớn lao trong lĩnh vực truyền thông và vai trò của các nhà báo. Nó đã tạo ra cả cơ hội và thách thức cho các tổ chức truyền thông, nhà báo và công chúng. Các cơ quan báo chí vốn năng động nên đã và đang cố gắng lĩnh hội những cái mới để thay đổi công việc của mình cho phù hợp với yêu cầu của kỷ nguyên số. Trong bối cảnh này, các cơ sở đào tạo báo chí cũng đã có những thay đổi tất yếu với hoàn cảnh để sản phẩm của họ đào tạo ra không chỉ làm báo mà còn làm được nhiều việc khác trong xã hội. Tuy nhiên, những đổi mới ở các cơ sở đào tạo báo chí của Việt Nam cần được đẩy mạnh hơn trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của thế giới và điều chỉnh để phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

Để báo chí Việt Nam trong kỷ nguyên số có tương lai tươi sáng, cần có sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và các cơ quan báo chí; giữa các cơ quan báo chí với nhau. Nhà nước cũng cần hiểu rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí trong xã hội để hỗ trợ đúng mực và kịp thời.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Tại sao nở rộ các cơ sở đào tạo báo chí trong kỷ nguyên số?

Bước vào kỷ nguyên số, có rất nhiều điều mới mẻ xảy ra, trong đó có hiện tượng “nở rộ” các cơ sở đào tạo báo chí. Trước năm 1990, ở Việt Nam chỉ có Phân viện Báo chí và Tuyên truyền (nay là học Viện Báo chí và Tuyên truyền) và

Trường Cao đẳng Phát thanh và Truyền hình đào tạo nghề báo. Trong những năm gần đây, các cơ sở đào tạo thi nhau mở chuyên ngành báo chí ở khắp mọi nơi. “Tới nay, cả nước có 9 trường đại học, học viện đào tạo báo chí, tất cả đều là trường công lập: Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học quốc gia Hà Nội); Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh), Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, Trường Đại học Khoa học (Đại học Huế), Trường Đại học Khoa học (Đại học Thái Nguyên), Trường Đại học Văn học nghệ thuật Quân đội, Trường Đại học Sư phạm (Đại học Đà Nẵng), Đại học Vinh. Ngoài ra, có nhiều trường tư thục và trường liên kết quốc tế đào tạo về truyền thông và quan hệ công chúng” 1. [Phúc Hằng, “Đào tạo nhà báo trong kỷ nguyên số”, báo Tin Tức, ra ngày 19/6/2024)].

Thật ra, đây là thống kê chưa đầy đủ. Theo hiểu biết của tôi, ngoài 9 cơ sở được nêu trên, còn có Trường Đại học Đà Lạt, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Đại học Cần Thơ cũng đang đào tạo ngành báo chí. Hơn thế nữa, nhiều trường đại học không có mã ngành báo chí trong danh sách đào tạo, họ chỉ có các mã ngành Quan hệ công chúng, Truyền thông đa phương tiện... nhưng họ dạy những môn học đặc trưng báo chí như Điều tra – Phóng sự, Phỏng vấn... Điển hình cho xu hướng này là Đại học Duy Tân (Trường đại học dân lập đầu tiên và hiện là duy nhất ngoài công lập được nâng cấp từ Trường đại học lên Đại học) đã tổ chức dạy cho hàng trăm sinh viên những môn học này.

Việc ngành báo chí nở rộ các cơ sở đào tạo không chỉ diễn ra ở Việt Nam, mà diễn ra hầu như trên khắp thế giới. Trước 1991, khi Liên Xô còn tồn tại thì ở quốc gia rộng lớn này cũng chỉ có 4 đến 5 trường đại học đào tạo nghề báo. Còn nay, chỉ tính riêng nước Nga đã có tới 130 cơ sở đào tạo chuyên ngành báo chí – truyền thông. Nhưng đây chưa phải là quốc gia có nhiều cơ sở đào tạo báo chí nhất, Mỹ mới là đất nước chiếm vị trí này. Hiện nay ở Hoa Kỳ có tới 388 trường đại học cung cấp các khóa học và cấp bằng báo chí. Chương trình và hình thức đào

tạo rất đa dạng: ngắn hạn, dài hạn, học toàn bộ thời gian, bán thời gian, trực tuyến, và thậm chí có thể học từ xa.

Như vậy, có thể thấy khi nhân loại bước vào kỷ nguyên công nghệ số, việc đào tạo nhân lực báo chí - truyền thông sôi động hẳn lên và liên tục tăng cả về cơ sở đào tạo lẫn người đi học. Thực tế cuộc sống đòi hỏi cần có nhiều người được đào tạo trong lĩnh vực báo chí – truyền thông?! Hiện tượng là như vậy, còn nguyên nhân do đâu thì cần nghiên cứu kỹ hơn. Song, có một điều dường như có tính quy luật là con người thường quan tâm, thường đẩy mạnh hoạt động trong những lĩnh vực hứa hẹn nhiều điều tốt đẹp cho tương lai. Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ truyền thông nên việc các quốc gia mở rộng đào tạo ngành báo chí – truyền thông có vẻ là hợp lý.

Tuy nhiên, việc có nhiều người học báo chí cũng khiến xuất hiện những câu hỏi: “Tại sao ngành báo chí lại được nhiều người học như vậy?”, “Nhiều người học như vậy, khi ra trường liệu có kiếm được việc làm không?”

Thực tế đã chỉ ra rằng, báo chí là nghề được tôn trọng và đóng vai trò quan trọng trong đời sống nên được nhiều người yêu thích, khi có điều kiện, họ vào học ngay. Hơn thế nữa, báo chí là một nghề nhưng không phải là nghề kiếm sống đơn thuần; nghề này đòi hỏi người làm nghề phải có trí tuệ, có kiến thức, năng động, hoạt bát, tôn trọng sự thật và dám chịu khó, chịu khổ, chịu hi sinh vì nghề. Những đòi hỏi này khiến nghề báo trở nên hấp dẫn, người làm nghề chân chính có thể tự hào về điều này. Những người có chuyên môn về báo chí – truyền thông hầu như không thất nghiệp, nếu không làm việc tại một tập thể nào thì họ cũng có thể hoạt động độc lập để tạo ra những tác phẩm báo chí. Các cơ quan báo chí – truyền thông luôn luôn cần những tác phẩm báo chí phản ánh mọi mặt cuộc sống. Khi báo điện tử và phiên bản điện tử của các cơ quan báo in hoạt động tích cực, người ta cần vô cùng nhiều các tác phẩm báo chí.

Mục đích đầu tiên của những cơ sở đào tạo báo chí là tạo nên những nhà báo chuyên nghiệp. Tuy nhiên, tốt nghiệp đại học báo chí có thể làm nhiều nghề, đảm nhiệm những vị trí khác nhau như cán bộ truyền thông của các cơ quan, thư ký giám đốc, chuyên viên phân tích dữ liệu... Những người có điều kiện và đủ tự tin có thể thành lập công ty truyền thông, tổ chức sự kiện, tư vấn tiêu dùng văn hóa...

Cách đây hàng chục năm, trong một buổi giao lưu, có người chất vấn Giáo sư Zasursky (người có tới gần 50 năm giữ chức Trưởng khoa Báo chí Trường đại học Tổng hợp Moskva mang tên Lomonosov): “Ông có thấy buồn khi nhiều người tốt nghiệp báo chí nhưng không làm báo, mà kinh doanh? Họ kinh doanh đam mê và thành công, trở nên giàu có...”. Giáo sư Zasursky vui vẻ đáp: “Tại sao tôi phải buồn khi học trò thành đạt và trở nên giàu có đâu không làm nghề báo?! Mục đích của chúng tôi là cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin tốt nhất; trên cơ sở đó chọn cho mình cách hành nghề để kiếm sống và tạo ra những giá trị riêng. Người tốt nghiệp đại học báo chí trở thành doanh nhân thành đạt cũng chứng tỏ chất lượng đào tạo của chúng tôi tốt thế nào rồi. Tôi phải vui chứ, sao lại buồn?!”.

Từ xưa đến nay, những cơ sở đào tạo báo chí đều thiên về việc tạo dựng cho người học kỹ năng nắm bắt thông tin gắn liền với các xu thế phát triển trong cuộc sống. Do vậy, những người tốt nghiệp đại học báo chí thường hoạt bát, năng động, nhanh nhạy... và biết lựa chọn lĩnh vực phù hợp với mình. Những người có những phẩm chất như vậy luôn luôn tìm ra phương thức để chủ động tham gia vào cuộc sống đang diễn ra hết sức sôi động hiện nay. Chỉ có điều, các cơ sở đào tạo đừng quên báo chí học là ngành khoa học thiên về thực hành, vì vậy trong các học phần phải dành thời gian tương xứng cho việc thực hành.

2. Kỹ nguyên số tạo cho báo chí – truyền thông nhiều thách thức và cũng mở ra lắm cơ hội

Bước vào kỷ nguyên số với việc mạng Internet phổ biến khắp thế giới, hoạt động của báo chí – truyền thông sôi nổi hơn, đa dạng hơn, nhiều “âm thanh, màu sắc” hơn. Điều thấy rõ nhất là những thay đổi trong hoạt động của nhà và công chúng. Trước đây, nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà báo là săn tin; nay nhiệm vụ quan trọng nhất là thẩm định thông tin, xác định đâu là tin thật, đâu là tin giả. Công chúng (độc giả, thính giả, khán giả) cũng không còn là những người thụ động tiếp nhận thông tin nữa, họ đã trở thành người cùng tham gia vào quá trình truyền thông, đưa ra bình luận của mình. Sự tương tác giữa nhà báo và công chúng đã được thiết lập và ngày càng trở nên chặt chẽ. Nhà báo có nhiều hình thức để truyền tải thông tin, vấn đề tốc độ được đặt lên hàng đầu. Một sự kiện xảy ra, cơ quan báo chí nào đưa tin đầu tiên được đánh giá cao, có uy tín. Ở đây chúng ta thấy sự khốc liệt của thách thức: Phải đưa tin thật nhanh nhưng phải bảo đảm chính xác, phải là tin thật! Vậy phải thẩm định thông tin bằng cách nào, vào lúc nào? Tất cả những điều này thuộc trách nhiệm của nhà báo – nhà báo phải vận dụng tất cả kỹ năng, phẩm chất của mình để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong môi trường làm việc sôi động và đầy tính thi thố, cạnh tranh như vậy, các nhà báo thấy cần phải liên tục đổi mới mới có thể đáp ứng được nhu cầu và kỳ vọng của công chúng. Điều này gây ra nhiều áp lực đối với các nhà báo. Nhưng cũng thật may mắn (hay là sự tương ứng có tính quy luật?!) là xuất hiện nhiều yếu tố trợ giúp các nhà báo. Đó là việc xuất hiện các nền tảng và định dạng truyền thông mới cho phép nhà báo sáng tạo và phân phối nhiều loại nội dung truyền thông khác nhau như blog, video, podcast (các tệp âm thanh kỹ thuật số có sẵn trên Internet), đồ họa thông tin, câu chuyện tương tác... Các nền tảng và định dạng này cung cấp những phương thức mới để thu hút công chúng, cung cấp thông tin cho họ nhanh hơn, hấp dẫn hơn, thú vị hơn. Tuy nhiên, để làm được điều này, các nhà báo cần có những năng lực và kỹ năng mới để tạo ra tác phẩm báo chí cùng một

chủ đề cho nhiều loại hình báo chí khác nhau (sản xuất đa phương tiện), trực quan hóa dữ liệu, nắm bắt và tận dụng tốt các phương tiện truyền thông xã hội.

Trí tuệ nhân tạo (AI) được xem là công cụ hỗ trợ đắc lực cho các nhà báo trong thời đại số hóa báo chí và hoạt động truyền thông. Nhờ có AI, các nhà báo được hỗ trợ trong một số công việc của họ, như tìm kiếm và xác minh thông tin, tạo và tóm tắt nội dung bài viết, phân tích dữ liệu, truyền tải tin tức... Bài báo “Truyền thông và Báo chí: Báo chí trong Kỷ nguyên số: Điều hướng Bối cảnh Kinh doanh” trên Fastercapital nói rằng, báo chí phương Tây đã sử dụng AI khá hiệu quả trong công việc. Ví dụ, hãng Reuters sử dụng công cụ AI có tên là Lynx Insight để giúp các nhà báo tìm kiếm xu hướng, sự kiện, nguồn dữ liệu từ các tập dữ liệu lớn; Báo Washington Post sử dụng hệ thống AI có tên Heliograf để giúp nhà báo trong việc thể hiện bài viết.

Ở Việt Nam, AI cũng đang được chú ý nghiên cứu và sử dụng trong cuộc sống. FPT đang “đặt cược” vào AI và hợp tác chặt chẽ với các trường đại học. Chủ tịch Trương Gia Bình nói: “Chúng ta sẽ xây dựng dự án với các trường đại học hàng đầu thế giới về AI, tài trợ và đầu tư vào các phòng thí nghiệm hàng đầu thế giới về AI như Milla - Quebec AI institute, và sẽ mở tiếp các dự án nghiên cứu với họ.... FPT tiết kiệm từng xu từng hào, nhưng chúng ta đã cá cược lớn đến thế, vì chúng ta tin tưởng vào AI”.² [Mai Chi, “Ông Trương Gia Bình hé lộ cú “đặt cược” tất cả tương lai của FPT”, báo Dân Trí, ngày 08/07/2024].

Xin lưu ý là với riêng báo chí, AI có ảnh hưởng lớn và trực tiếp: Các công cụ do AI điều khiển, như thể hệ ngôn ngữ tự nhiên, có thể tự động tạo ra các bài báo dựa trên dữ liệu có cấu trúc có sẵn hoặc theo mẫu. Nhưng AI không thể tạo được “cái tôi” cá tính của các nhà báo chuyên nghiệp có tay nghề cao. Vì vậy, các nhà báo không phải quá lo lắng về chuyện đến một lúc nào đó AI sẽ có thể thay thế họ hoàn toàn. Tuy nhiên, AI buộc các nhà báo phải sắc sảo hơn, cá tính hơn, có phong cách riêng. AI cũng đặt ra những thách thức về tính trung thực, đạo đức

ngành nghiệp, trách nhiệm với xã hội của nhà báo. Đó là việc đảm bảo tính chính xác, sự minh bạch, trách nhiệm giải trình, sự giám sát của con người đối với các thuật toán, các dữ liệu được sử dụng trong các hệ thống AI. Đây là những thách thức không hề nhỏ, nhiều khi chúng làm nhụt chí một số nhà báo. Song, sử dụng AI trong hoạt động báo chí truyền thông là xu hướng không thể đảo ngược nên các tòa soạn nói chung và từng nhà báo nói riêng phải chấp nhận điều này như một lẽ đương nhiên.

Báo chí bước vào kỷ nguyên số buộc phải thay đổi nhiều vì phải cạnh tranh với nhiều nguồn cung cấp thông tin. Về cái mất, cái được của báo chí trong kỷ nguyên số, ông Timofeev rất có lý khi viết: “Sự xuất hiện trong những năm gần đây của hàng nghìn, thậm chí hàng chục nghìn “phương tiện truyền thông nhỏ” dưới dạng các trang và tài khoản công khai theo chủ đề trên mạng xã hội. Các kênh và blog Telegram đã cung cấp cho khán giả hàng chục nghìn nguồn thông tin và hàng chục nghìn sự lựa chọn. Tất nhiên, đồng thời họ đã tước đi tính tinh hoa của nghề báo, nhưng đồng thời cũng làm cho nó trở nên phổ biến và rộng rãi hơn”. 3[Timofeev A. A. “Báo chí trong thời đại kỹ thuật số: Từ mất mát đến lợi ích mới”, Bản tin Trường đại học Tổng hợp Moskva mang tên Lomonosov, số 5/2018, tr. 143].

3. Phải làm gì để bảo đảm tương lai cho báo chí?

Cần phải khẳng định ngay điều này: Báo chí luôn luôn đồng hành cùng với loài người khi sự sống vẫn tiếp diễn trên trái đất. Cách đây hơn 237 năm, vào năm 1787, ông Thomas Jefferson từng viết: “Nếu tôi phải quyết định chọn một chính phủ không có báo chí hoặc báo chí không có chính phủ, tôi sẽ không ngần ngại một giây để chọn cái thứ hai”. Cái ý dí dỏm và sâu sắc này của vị tổng thống thứ ba của nước Mỹ chứng tỏ vị trí, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội là không thể thay thế.

Tuy nhiên, điều chúng ta mong muốn là trong kỷ nguyên số, báo chí vẫn được công chúng yêu mến và tin tưởng, vẫn được xem là người đưa tin nhanh nhất, đầy đủ nhất, đáng tin cậy nhất. Muốn vậy, ngay từ bây giờ, các nhà báo phải luôn luôn thể hiện được phẩm chất chuyên môn và phẩm chất đạo đức của mình trong công việc. Phẩm chất chuyên môn là: Nhanh nhạy trong thu thập thông tin, kiểm định chính xác tính xác thực của thông tin, chống thông tin sai sự thật, tìm ra nhiều hình thức chuyển tải thông tin hấp dẫn, tích cực tương tác, giao lưu với công chúng... Phẩm chất đạo đức là: Thực hiện nghiêm túc những quy tắc nghề nghiệp do cơ quan, hiệp hội đề ra; bảo đảm các tiêu chuẩn thẩm mỹ nghề báo trong tất cả các hình thức thông tin của mình; có trách nhiệm giải trình để làm sáng tỏ mọi mâu thuẫn...

Trong thực tế, các phẩm chất chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức nghề báo hòa quyện với nhau, hỗ trợ lẫn nhau để nhà báo luôn luôn đứng ra bảo vệ công lý. Phẩm chất chuyên môn và phẩm chất đạo đức của nhà báo bắt đầu được hình thành từ trên ghế nhà trường, sau đấy được thử thách và củng cố qua những năm tháng làm nghề để tạo nên bản lĩnh của nhà báo chân chính. Vì vậy, các cơ sở đào tạo phải ý thức được trách nhiệm khởi đầu của mình.

Ở các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, các cơ quan báo chí hoạt động như một doanh nghiệp, muốn tồn tại và phát triển, thu luôn luôn lớn hơn chi. Thu có 2 nguồn chính: 1. Bán báo in và thu phí đọc báo qua mạng Internet; 2. Quảng cáo. Các tòa báo đã ung dung tồn tại và triển như thế hàng trăm năm. Nay kỷ nguyên số đã phá vỡ các mô hình kinh doanh truyền thống cho báo chí chủ yếu dựa vào quảng cáo và bán báo, thu phí. Sự suy giảm của các nguồn thu này, cùng với sự gia tăng của các nền tảng trực tuyến đã tạo ra khó khăn tài chính cho nhiều hãng tin tức, nhiều tòa báo. Trong hoàn cảnh như vậy, các tòa báo phải tìm ra những cách mới để kiếm tiền từ công việc của họ bằng các hình thức như gây quỹ cộng đồng, thành viên, tài trợ, quyên góp, trợ cấp và quan hệ đối tác. Các nhà báo

cũng phải cân bằng giữa các khía cạnh kinh tế và biên tập trong công việc của họ, và duy trì sự độc lập và toàn vẹn biên tập của họ. Chúng ta cũng đã thấy một số tòa báo phải đóng cửa, phải đình bản vì lý do tài chính. Nhưng phần lớn các hãng thông tấn, các tòa báo đã chấp nhận sự cạnh tranh về công chúng, quảng cáo và doanh thu. Hiện nay, các nguồn thu của họ cũng đã đa dạng hơn, ngoài quảng cáo, thu phí, họ còn có nguồn thu từ tổ chức sự kiện và nguồn thu từ nền tảng số.

Tình hình kinh tế - xã hội ở Việt Nam vẫn có những nét khác biệt với các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, vì vậy, hoạt động của báo chí cũng khác. Trước khi được phép quảng cáo, các cơ quan báo chí Việt Nam chủ yếu sống bằng kinh phí từ ngân sách nhà nước. Các cơ quan báo in còn có thêm tiền bán báo, còn phát thanh, truyền hình hoàn toàn dựa phải tiền từ ngân sách. Vào những năm chín mươi của thế kỷ trước, báo chí Việt Nam được phép quảng cáo và trở thành nguồn thu quan trọng. Trong hàng chục năm, nguồn thu của các cơ quan báo chí ở Việt Nam là bán báo, quảng cáo, kinh phí từ ngân sách và tiền tài trợ.

Từ khi mạng Internet được sử dụng rộng rãi, các báo điện tử ra đời, gần như tất cả báo in đều có phiên bản điện tử và hầu như tất cả nội dung đều được đưa lên mạng, đã xảy ra một nghịch lý: Sản phẩm chính của các cơ quan báo chí là tin tức được cung cấp miễn phí! Vậy các nguồn thu của các cơ quan báo chí là gì? Quảng cáo, tài trợ, ngân sách... và một ít từ bán báo. Nhìn chung thì hiện tại các cơ quan báo chí vẫn “sống tươi”, tuy nhiên thu nhập của các nhà báo giảm (so với thời báo giấy được phát hành rộng rãi). Điều khiến một số cơ quan báo chí và nhiều nhà báo âm ỉ là sản phẩm chính của họ là tin tức bị buộc phải cung cấp miễn phí. Vì vậy, hiện nay quảng cáo là nguồn thu chủ yếu của nhiều cơ quan báo chí. Theo kết quả khảo sát 63 báo Đảng địa phương, có tới 91% số cơ quan báo chí được hỏi có nguồn thu từ quảng cáo; 78% báo có nguồn thu từ phát hành báo in. Trong khi đó, chỉ có 9% báo có nguồn thu từ tổ chức sự kiện và 7% báo có nguồn thu từ nội dung số.

Theo báo cáo thường niên “Các xu hướng và dự báo về báo chí, truyền thông và công nghệ năm 2020” của Viện Nghiên cứu Báo chí Reuters (RISJ), 52% lãnh đạo các cơ quan báo chí tại 29 quốc gia khẳng định thu phí báo điện tử là trọng tâm tạo doanh thu của họ trong thời gian tới. Trong khi đó ở Việt Nam hầu như chưa có cơ quan báo chí nào (báo điện tử và phiên bản điện tử của báo in) thu được phí. Mấy năm trước, lãnh đạo Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam nêu quyết tâm thu phí và chọn báo điện tử Vietnamnet làm thí điểm. Mấy năm trôi qua, ông Nguyễn Văn Bá – Tổng biên tập Vietnamnet thú nhận kế hoạch thu phí thất bại hoàn toàn.

Để báo chí Việt Nam tồn tại và phát triển trong nền kinh tế thị trường, cần phải đa dạng hóa nguồn thu. Ngoài quảng cáo, ngân sách và tài trợ (không phải có quan báo chí nào cũng có), nguồn thu sẽ nhắm tới: Thu từ việc bán bản quyền cho các trang tin điện tử, mạng xã hội, tổ chức sự kiện truyền thông... Các hoạt động kinh doanh cần dựa vào nền tảng số. Một trong những nguồn thu quan trọng sẽ là thu phí người đọc báo trên mạng Internet. Nhưng muốn làm được điều này, các cơ quan báo chí phải hợp tác chặt chẽ với nhau, cùng nhau đưa ra chính sách.

III. Kết luận

Kỷ nguyên số đang tác động mạnh mẽ lên hoạt động của báo chí – truyền thông, tạo ra những cơ hội và thách thức. Đối diện với những vấn đề này, các tổ chức, cá nhân làm việc trong lĩnh vực liên quan đến báo chí – truyền thông đã có những phản ứng nhanh và phù hợp: các cơ sở đào tạo báo chí tăng lên, chương trình, nội dung được đổi mới và cập nhật liên tục; các cơ quan báo chí trở nên năng động hơn, hầu hết báo in đều có phiên bản điện tử và trên thực tế cả 4 loại hình báo chí (báo in, phát thanh, truyền hình, báo điện tử) đều được các tòa soạn vận dụng.

Dẫu những thay đổi có lớn lao đến đâu thì vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của báo chí vẫn không thay đổi: cung cấp thông tin, tôn trọng vào bảo vệ sự thật, giám sát và phản biện xã hội, tạo dựng môi trường sáng tạo và hướng thiện,

gợi ý những giải pháp hợp lý để giải quyết những vấn đề trong cuộc sống, góp phần tích cực vào hoạt động giáo dục và giải trí...

Để thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong kỷ nguyên số, báo chí cần có nguồn nhân lực chất lượng cao; việc này phải dựa vào đổi mới đào tạo và tự đào tạo. Bên cạnh đó, phải tạo dựng nền tảng để tồn tại và phát triển như một doanh nghiệp trong cơ chế thị trường: thu chi phải cân bằng. Do vậy, các cơ quan báo chí phải dần dần kiếm nguồn thu dựa vào công nghệ số và thu phí người đọc báo trên mạng Internet.

Đề vai trò, vị trí của báo chí trong kỷ nguyên số được bảo đảm, các cơ sở đào tạo phải là những người đầu tiên ý thức được trách nhiệm của mình, phải tìm cách đổi mới, thay đổi và cập nhật dung, chương trình giảng dạy, cân bằng giữa lý thuyết và thực hành.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- [1] Phúc Hằng, *“Đào tạo nhà báo trong kỷ nguyên số”*, báo Tin Tức, ra ngày 19/6/2024.
- [2] Mai Chi, *“Ông Trương Gia Bình hé lộ cú “đặt cược” tất cả tương lai của FPT”*, báo Dân Trí, ngày 08/07/2024.
- [3] С.В. Гуськова, А.А. Долотцев, ФГБОУ ВО «Тамбовский государственный университет имени Г.Р. Державина», *“ОСОБЕННОСТИ РАБОТЫ ЖУРНАЛИСТА В ЭПОХУ ЦИФРОВОГО ОБЩЕСТВА”*, - S.V. Guskova, A.A. Dolottsev, Cơ quan giáo dục ngân sách nhà nước liên bang về giáo dục đại học thuộc Trường đại học Tổng hợp Tambov (Nga) mang tên của G.R. Derzhavin) *“ĐẶC ĐIỂM CÔNG VIỆC CỦA NHÀ BÁO TRONG THỜI ĐẠI XÃ HỘI SỐ”*

- [4] Тимофеев А.А. “Журналистика в цифровой век: от утрат к новым приобретениям”, Вестник Московского университета - Серия 10. Журналистика, <https://vestnik.journ.msu.ru>, №5/2019 стр. 143 - Timofeev A.A. “*Báo chí trong thời đại kỹ thuật số: Từ mất mát đến lợi ích mới*” Bản tin Trường đại học Tổng hợp Moskva mang tên Lomonosov, số 5/2018, tr. 143.
- [5] <https://fastercapital.com/> - “Media and Journalism: Journalism in the Digital Age: Navigating the Business Landscape” (Truyền thông và Báo chí: Báo chí trong Kỷ nguyên số: Điều hướng Bối cảnh Kinh doanh)

ĐÀO TẠO BÁO CHÍ TRONG KỶ NGUYÊN SỐ CƠ HỘI, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP

TS Vũ Thị Phương Lê

*Trưởng Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ đã đưa nhân loại bước vào kỷ nguyên số. Báo chí và công tác đào tạo ngành Báo chí ở Việt Nam đang đứng trước vận hội mới với thuận lợi, thời cơ đan xen với khó khăn, thách thức. Trong bài viết này, dựa trên việc tổng hợp những nguồn tư liệu lý thuyết và thực tiễn ở Việt Nam, chúng tôi phân tích những cơ hội mà kỷ nguyên số mang lại cho báo chí, đồng thời cũng chỉ ra những thách thức mà công tác đào tạo nguồn nhân lực báo chí đang phải đối mặt trong kỷ nguyên số. Chúng tôi cũng đề xuất những giải pháp thích hợp cho công tác đào tạo nhân lực ngành báo chí đáp ứng những yêu cầu mới trong bối cảnh kỷ nguyên số.

Từ khóa: báo chí, chuyển đổi số, kỷ nguyên số

Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ như vũ bão của khoa học và công nghệ, nhất là của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với sự “lên ngôi” của trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (*big data*), công nghệ 3D, của internet vạn vật (*IoT*),... được thúc đẩy bởi quá trình toàn cầu hóa, đã đưa nhân loại bước vào kỷ nguyên số. Thuật ngữ “kỷ nguyên số” (*digital age*) đã được thế giới sử dụng phổ biến trong hơn một thập kỷ nay. Kỷ nguyên số làm xuất hiện những dạng thức mới trong đời sống xã hội như tri thức số, văn hóa số, chính phủ số, đô thị số, đời sống số, công dân số; đã và đang làm con người phải nhanh chóng chuyển đổi cách thức, phương pháp vận hành từ mô hình truyền thống sang mô hình số. Đó là mô hình kết hợp, bổ trợ cho nhau giữa các thành tựu công nghệ, của trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, của vạn vật kết nối internet,... với ứng dụng số hóa một cách nhịp nhàng để tạo ra một kết quả

tối ưu nhất. Áp dụng công nghệ số làm thay đổi văn hóa đơn vị, tổ chức, công ty, doanh nghiệp theo hướng tích cực và hiện đại; mở ra phương thức làm việc, điều hành, quản lý, lãnh đạo một cách tự động, số hoá để tạo ra các giá trị mới. Do đó, kỷ nguyên số tác động mạnh mẽ đến đời sống thế giới cũng như của từng quốc gia trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Trong bối cảnh kỷ nguyên số thì chuyển đổi số báo chí trở thành xu thế tất yếu. Chuyển đổi số báo chí thực chất “là việc ứng dụng công nghệ hiện đại vào hoạt động báo chí, làm cho hệ sinh thái báo chí số được bồi đắp thêm các tính năng mới, ưu việt, giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả truyền thông.”¹. Tình hình đó cũng mở ra những cơ hội cho báo chí thay đổi và phát triển, đồng thời cũng đặt ra những thách thức lớn đối với các cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực cho chính ngành này.

Những cơ hội cho báo chí trong kỷ nguyên số

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư với ra đời của kỷ nguyên số đã đưa báo chí bước vào giai đoạn chuyển đổi số. Kỷ nguyên số tạo ra sự đổi mới căn bản, toàn diện các hoạt động tác nghiệp và vận hành của cơ quan báo chí, mang đến cho phóng viên, biên tập viên những tiện ích so với áp dụng mô hình truyền thông truyền thống. Báo chí truyền thông số với các mô hình truyền thông mới như “tòa soạn hội tụ”, “báo chí đa phương tiện”, “báo chí đa nền tảng”, “báo chí di động”, “báo chí mạng xã hội” ra đời với một số tính năng nổi trội: thông tin số hoá để truyền trên thiết bị số, trên internet; báo chí truyền thông siêu dữ liệu; báo chí truyền thông trí tuệ nhân tạo; bạn đọc thông minh; tính cá nhân và toàn cầu của thông tin.... Nhiều chương trình phát thanh, truyền hình, các tờ báo in cũng dịch chuyển sang nền tảng internet với nhiều hình thức truyền thông hấp dẫn như: *megastory, infographics, video, data journalism, long form, media, podcast*,... Dựa

¹ Trương Thị Kiên (2023), “Báo chí chuyển đổi số và bài toán “nhân lực chuyển đổi số toàn diện””, *Báo Quân đội nhân dân* online ra ngày 18-6-2023; link: <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/chuyen-doi-so/bao-chi-chuyen-doi-so-va-bai-toan-nhan-luc-chuyen-doi-so-toan-dien-731519>, truy cập tháng 5 năm 2024.

trên phần mềm kỹ thuật số, các nhà lãnh đạo, quản lý các cơ quan báo chí có thể thay đổi phương thức quản trị nội bộ tòa soạn, quản trị quy trình xuất bản, quản trị dữ liệu, quản trị tương tác công chúng.

Trong kỷ nguyên số, cách thức và phương pháp đào tạo, nguồn dữ liệu phục vụ đào tạo báo chí và các hoạt động xã hội cũng có sự vận động, phát triển. Người dạy, người học có điều kiện bổ sung, cập nhật những thông tin, kiến thức, phương pháp dạy học mới, giúp họ không ngừng nâng cao trình độ nhận thức, rèn luyện phương pháp tư duy khoa học, mở rộng thông tin, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, công nghệ; trau dồi kỹ năng phân tích, đánh giá, lập luận, phản bác các luận điểm sai trái; trau dồi bản lĩnh chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, ứng phó kịp thời và hiệu quả trước sự bùng nổ thông tin hiện nay. Theo đó, chất lượng đào tạo báo chí cũng có cơ hội được nâng lên.

Đối với các cơ quan sản xuất báo chí, trong thời đại công nghệ số, sự ra đời các tòa soạn điện tử tích hợp, chuyển sang số hóa làm báo in và báo điện tử là một bước thay đổi lớn về tư duy và phương thức làm báo, giúp tăng năng lực và hiệu suất làm báo. Những bó buộc về không gian, thời gian được gỡ bỏ, thay vào đó, nhà báo có thể tác nghiệp ở mọi lúc, mọi nơi, hoặc làm việc trực tuyến. Việc quản lý báo chí chuyên môn được thông qua hệ thống tòa soạn điện tử. Việc sắp xếp và hợp lý hóa các khâu sản xuất và tổ chức hoạt động có thể giảm nhân sự ở một số khâu không cần thiết, mang lại hiệu quả thiết thực. Thông qua ứng dụng công nghệ số, cơ quan báo chí, truyền thông, nhà báo có thể tạo trường quay ảo, phim trường ảo, phỏng vấn từ xa với những nơi mà phóng viên không thể tiếp cận trực tiếp hiện trường (như trong thiên tai, bão lũ, chiến sự hoặc các thảm họa khác) mà tác phẩm vẫn bảo đảm tính thời sự, chân thực. Tòa soạn báo chuyển đổi thành tòa soạn số, tờ báo có thể hiện diện sinh động trên nhiều thiết bị, nền tảng, tiếp cận được nhiều công chúng, mở rộng vùng ảnh hưởng, tăng cường thương hiệu. Mạng xã hội phát triển cũng đồng nghĩa với việc gia tăng người dùng internet. Do đó, báo chí truyền

thông số, hệ sinh thái truyền thông online là những đặc thù cần được tận dụng nhưng cũng cần có giải pháp để thúc đẩy thế mạnh.

Kỷ nguyên số đang tạo ra cơ hội lớn chưa từng có cho báo chí trong lịch sử phát triển loại hình thông tin này. Sự tích hợp và giao thoa giữa các thành tựu công nghệ số như điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn... đang tạo ra một xã hội số trong đó thông tin sẽ trở thành yếu tố trung tâm quyết định sự biến đổi cả về phương thức sản xuất dẫn đến yêu cầu mới về lực lượng sản xuất thuộc lĩnh vực báo chí, truyền thông. Khi thực hiện việc chuyển đổi số, cơ quan báo chí không chỉ sẽ tối ưu hóa các công đoạn sản xuất sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, mà thông tin cũng nhanh nhạy hơn, tính tương tác được chú trọng và mở rộng hơn. Đặc biệt, cơ quan báo chí dễ dàng nắm bắt nhu cầu công chúng, từ đó sẽ thu hút công chúng, nâng cao uy tín vị thế, làm tăng nguồn thu và khả năng tích lũy. Nhiều đơn vị sản xuất báo chí có thể thu phí người dùng nghe, xem các sản phẩm, chương trình theo yêu cầu. Mô hình báo chí đa nền tảng đòi hỏi tận dụng tối đa các chất liệu làm báo khác nhau để tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm báo chí. Trong xu thế người đọc muốn tiết kiệm thời gian tối đa, nếu cơ quan báo chí đa nền tảng làm chủ được công nghệ và thiết lập được các công nghệ sẽ khiến hoạt động của mô hình trở nên tiện lợi, hiệu quả hơn.

Kỷ nguyên số không chỉ mang đến những cơ hội cho báo chí trong phát triển mà còn tạo điều kiện cho các ngành đào tạo, người học được tiếp cận các chương trình đào tạo ở các vị trí việc làm tạo ra các sản phẩm in ấn, nghe nhìn, sản phẩm số, kỹ thuật truyền thông đa phương tiện,... Sinh viên báo chí có thể được học tập với chương trình đào tạo cập nhật phân hiện đại có tính ứng dụng, đảm bảo sau khi ra trường, họ có thể dễ hoà nhập với môi trường sáng tạo truyền thông đa phương tiện năng động của thị trường. Đặc biệt, sinh viên được tiếp cận rất nhanh với các hình thức truyền thông sáng tạo, truyền thông mới, như siêu phẩm số megastory,

data journalism... Sinh viên cũng được đi thực tế, thực tập và trải nghiệm nhiều hơn với các công nghệ mới tại các cơ quan báo chí truyền thông.

Các cơ sở đào tạo báo chí trong cả nước đã nhanh chóng nắm bắt xu thế vận động của ngành báo chí, cập nhật vào chương trình đào tạo các môn học mới, mở các ngành đào tạo mới ở các trình độ theo nhu cầu xã hội, có ngành chưa có trong hệ thống danh mục mã ngành đào tạo cấp IV do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Những thách thức đối với công tác đào tạo nguồn nhân lực báo chí

Kỷ nguyên số vừa mở ra cơ hội lớn cho báo chí đồng thời cũng “đặt ra nhiều thách thức đối với người làm báo và công tác quản lý báo chí”²; đối với các cơ sở giáo dục, các trường đại học có đào tạo ngành báo chí. *Chỉ thị 43- CT/TW ngày 8/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới* đã khẳng định: “Báo chí có nguy cơ bị truyền thông xã hội chi phối, lấn át, gây ra nhiều tác hại”³.

Đào tạo nhân lực báo chí trong kỷ nguyên số không chỉ là việc truyền đạt kỹ năng nghề nghiệp, nhất là kỹ năng cho tác nghiệp báo chí số; mà còn là việc hình thành nên tư duy phản biện, đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng và tầm nhìn về vai trò của báo chí trong việc định hình xã hội, định hình tương lai truyền thông. Để đào tạo ra đội ngũ nhà báo tương lai có khả năng đáp ứng yêu cầu của bối cảnh mới, các trường đại học không chỉ trang bị cho người học kỹ năng nghề nghiệp, mà còn phải bồi đắp và giúp họ nuôi dưỡng tình yêu với nghề, trách nhiệm với xã hội, khả năng thích ứng với sự thay đổi không ngừng của môi trường truyền thông.

Ở Việt Nam hiện nay, các cơ sở đào tạo những ngành phục vụ nguồn nhân lực báo chí, truyền thông còn khá khiêm tốn. Các trường có truyền thông đào tạo

² Trần Bá Dung (2020), “Truyền thông xã hội và những thách thức “chỗ đứng” của nhà báo”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* ra ngày 21/06/2020; link: <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/truyen-thong-xa-hoi-va-nhung-thach-thuc-cho-dung-cua-nha-bao-557347.html>; truy cập tháng 5 năm 2024.

³ Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới*.

về ngành báo chí, truyền thông đã tổ chức đào tạo các ngành và ở các trình độ đại học, sau đại học, một số trường chỉ đào tạo một số ngành trình độ đại học không thuộc nhóm ngành báo chí truyền thông nhưng có liên quan của vị trí việc làm liên quan đến truyền thông.

Tuy nhiên, chương trình đào tạo hiện nay chưa chú trọng nhiều đến công nghệ trong báo chí số, báo chí trên các nền tảng công nghệ mà thế giới đang phát triển, trong khi xu hướng hiện nay là phải tập trung đào tạo các nhà báo công nghệ, nhà báo quan hệ công chúng, nhà báo có kỹ năng tư duy số. Ở nhiều trường, chương trình đào tạo vẫn nặng về hàn lâm, lý thuyết, nên người học sẽ thiếu kiến thức thực tế và tốn thêm thời gian tích hợp kỹ năng sau khi ra trường. Chưa kể đến việc nhu cầu, hành vi của công chúng hiện nay đang dịch chuyển mạnh mẽ trên thị trường thông tin trong khi chương trình đào tạo báo chí ở nhiều trường chưa thể bắt kịp với xu hướng đó. Trong bối cảnh công chúng ngày càng “khó tính”, đòi hỏi những thông tin trực quan, ngắn gọn, khái quát, dễ hiểu, hướng tới cá nhân hóa thì “việc cung cấp kiến thức chung, sơ lược, thiếu chiều sâu khiến sinh viên thiếu hụt năng lực thích ứng, đáp ứng thị hiếu đa dạng, linh hoạt, cũng như khả năng tương tác với công chúng”⁴. Sự phát triển nhanh chóng của công nghệ đã kéo theo sự phát triển như vũ bão của báo chí trực tuyến, mạng xã hội và các loại hình báo chí mới, nhiều cơ sở đào tạo báo chí không bắt kịp với sự phát triển đó nên dẫn đến việc sinh viên ra trường thiếu kỹ năng xử lý dữ liệu, sản xuất nội dung đa phương tiện, tương tác với công chúng trên nền tảng số. Do đó, chương trình đào tạo báo chí cần cập nhật các học phần mới hiện đại và tăng cường đào tạo các kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực báo chí, truyền thông, thay đổi được nội dung cách thức đào tạo và rèn luyện kỹ năng, trách nhiệm của báo chí truyền thông số cho người học.

⁴ Phúc Hằng (2024), “Đào tạo báo chí trong kỷ nguyên số - Bài 1: Gắn đào tạo với thực tiễn hoạt động báo chí”, *Tin tức Thông tấn xã Việt Nam* online ra ngày 19/06/2024; link: <https://baotintuc.vn/thoi-su/dao-tao-bao-chi-trong-ky-nguyen-so-bai-1-gan-dao-tao-voi-thuc-tien-hoat-dong-bao-chi-20240619113512908.htm>; truy cập tháng 9 năm 2024.

Sự thay đổi trước hết phải bắt đầu từ chính sách của các cơ sở đào tạo mà nòng cốt là phát triển đội ngũ giảng viên.

Khó khăn, thách thức lớn nhất đối với các cơ sở đào tạo ngành báo chí hiện nay chính là nguồn nhân lực. Hiện nay, đa số các ngành đào tạo đối với lĩnh vực báo chí, truyền thông đều là các ngành đào tạo mới, hầu hết giảng viên đặt nền móng cho các ngành đào tạo mới đều có chuyên môn “tay ngang”. Đội ngũ giảng viên báo chí và cả đội ngũ nhà báo của các cơ quan báo chí truyền thông đang chủ yếu là nguồn nhân lực được đào tạo theo cách truyền thống. Đội ngũ giảng viên, nhà báo này chưa có nhiều kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cho tác nghiệp báo chí số; vốn ngoại ngữ không nhiều. Trong toàn hệ thống hiện nay, có rất ít giảng viên được đào tạo chuyên ngành hẹp, chuyên sâu về báo chí truyền thông, truyền thông đa phương tiện và được đào tạo từ nước ngoài. Thế mạnh của đội ngũ này là sự năng động, có kiến thức về công nghệ số, có trình độ ngoại ngữ. Tuy nhiên, họ hầu hết là những người trẻ nên sự trải nghiệm và kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều. Tất cả những vấn đề trên đang đặt ra yêu cầu đối với các cơ sở đào tạo trong công tác đào tạo và bồi dưỡng. Thêm vào đó, sự phát triển của truyền thông đa nền tảng, đa phương tiện đòi hỏi nhân lực làm việc trong lĩnh vực báo chí phải có sự thích nghi và thay đổi triệt để; quá trình đào tạo và tự đào tạo gắn liền với nỗ lực vươn lên mỗi ngày, đáp ứng nhu cầu phát triển. Vì vậy, trong thời gian tới, vấn đề tăng cường đầu tư và xây dựng đội ngũ giảng viên báo chí – nhất là đội ngũ giảng viên chuyên nghiệp ở trình độ cao vẫn là một thách thức, đồng thời là mục tiêu quan trọng bậc nhất để các cơ sở đào tạo hướng tới. Sự thiếu hụt nhân lực công nghệ trong công tác đào tạo báo chí cũng dẫn đến hệ lụy là thiếu nhân lực công nghệ cho

các cơ quan báo chí. Đây là thách thức lớn trong quá trình chuyển đổi số báo chí hiện nay⁵.

Một khó khăn, thách thức lớn đối với công tác đào tạo báo chí ở các trường công lập hiện nay là về cơ sở vật chất. Nhiều năm gần đây, các trường công lập có đào tạo ngành báo chí tuy được Nhà nước và các cấp, các ngành quan tâm đầu tư cơ sở vật chất và những trang thiết bị phục vụ dạy học, nhưng nhìn chung vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của lĩnh vực báo chí, nhất là trong bối cảnh truyền thông số phát triển rất mạnh mẽ. Hệ thống bài giảng, giáo trình còn thiếu, ít cập nhật. Vẫn còn khoảng cách lớn giữa lý thuyết được đào tạo trên giảng đường với thực tiễn nghề báo năng động, khắc nghiệt. Báo chí đa nền tảng là xu hướng báo chí mà người đọc có thể tiếp cận tin tức trên tất cả các nền tảng kỹ thuật số khác nhau nên đòi hỏi các trường đào tạo báo chí và các cơ quan báo chí phải làm chủ công nghệ nhằm kết hợp các nền tảng trong một chỉnh thể thống nhất.

Cuộc cách mạng công nghệ kỹ thuật số đưa đến sự ra đời và phát triển các mô hình tòa soạn của tất cả các thiết chế truyền thông trong hệ thống chính trị, thúc đẩy các dòng sản phẩm báo chí, truyền thông đa phương tiện và đa nền tảng, nên hơn bao giờ hết, các nhà trường, các cơ quan báo chí, nơi trực tiếp đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực báo chí, có vai trò rất lớn trong đào tạo “nhà báo đa năng” với kiến thức nền tảng sâu rộng, năng động, sáng tạo.

Giải pháp đào tạo nhân lực báo chí, truyền thông trong kỷ nguyên số

Mục tiêu của giáo dục và đào tạo nói chung, trong đó có đào tạo nguồn nhân lực báo chí, truyền thông là “Phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá

⁵ Hoàng Thị Thảo Ly (2023), “Nhà báo với những thách thức bên trong cơ hội”, Tạp chí điện tử *Người làm báo* ra ngày 10/12/2023, link: <https://nguoi-lam-bao.vn/nha-bao-voi-nhung-thach-thuc-ben-trong-co-hoi>, truy cập tháng 5 năm 2024.

nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế”⁶. Ngoài ra, với đặc thù của nghề báo thì đòi hỏi công tác đào tạo không chỉ giúp họ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, mà còn phải có đạo đức tốt, ý thức chính trị cao, luôn phải tu dưỡng đạo đức, đạo đức nghề nghiệp, nâng cao bản lĩnh chính trị.

Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 6/4/2023 đã xác định mục tiêu chung của chuyển đổi số báo chí là “nhằm xây dựng các cơ quan báo chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp nội dung số.”⁷. Theo đó, phấn đấu đến năm 2025, 70% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước), 50% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động; đến năm 2030: 100% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số, 100% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số.

Để đạt được các mục tiêu đề ra, cần có sự chung tay, góp sức của cả hệ thống chính trị, của các cơ quan báo chí và của các cơ sở đào tạo, các trường đại học. “Đào tạo báo chí trong công cuộc chuyển đổi số không chỉ cần vai trò của các cơ sở đào tạo, còn cần sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên: Nhà nước - cơ quan chủ

⁶ Quốc hội Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục*.

⁷ Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.

quản - cơ quan báo chí - cơ sở đào tạo.”⁸. Cần có sự tham gia, phối hợp của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam, các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, các trường đại học để xây dựng khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng báo chí thống nhất trong cả nước.

Cần có chiến lược xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ báo chí am tường công nghệ, kỹ thuật và giàu sức sáng tạo. Cần tạo điều kiện và cơ hội cho đội ngũ này thường xuyên được học tập, cập nhật các kỹ thuật công nghệ và kỹ thuật nghiệp vụ báo chí chuyển đổi số trên thế giới, nhất là từ các nước tiên tiến.

Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cũng nhấn mạnh giải pháp phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc xây dựng và ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực báo chí và thông tin các trình độ của giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số⁹. Nhà nước, cơ quan báo chí, cơ sở đào tạo phải cùng phối hợp để xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhân lực báo chí; mở các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyển đổi số báo chí, tạo cơ hội học tập thường xuyên, suốt đời cho các nhà báo, cho sinh viên ngành báo chí. Chương trình đào tạo cần phải cân bằng giữa khối kiến thức nền tảng, lý thuyết và kỹ năng thực hành. Kiến thức hàn lâm sẽ trang bị cho người học nền tảng lý thuyết chuyên sâu và phương pháp luận vững chắc. Thực hành, thực tế sẽ giúp người học rèn luyện kỹ năng thực hành nghề nghiệp. Sự đan xen một trong hai nội dung đó trong đào tạo sẽ dẫn đến những hệ lụy. Nếu chương trình đào tạo nặng về đào tạo kiến thức hàn lâm, người học sẽ thiếu trải nghiệm thực tế và họ cũng thiếu kỹ năng khi ra trường. Ngược lại, nếu chương trình học thiên về đào tạo kỹ năng, người học sẽ thiếu kiến thức nền tảng, thiếu

⁸ Phúc Hằng (2024), “Đào tạo báo chí trong kỷ nguyên số - Bài cuối: Giải bài toán về nhân lực chuyển đổi số toàn diện cho báo chí”, *Tin tức Thông tấn xã Việt Nam* online ra ngày 19/06/2024; link: <https://baotintuc.vn/thoi-su/dao-tao-bao-chi-trong-ky-nguyen-so-bai-cuoi-giai-bai-toan-ve-nhan-luc-chuyen-doi-so-toan-dien-cho-bao-chi-20240619114630160.htm>; truy cập tháng 9 năm 2024.

⁹ Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.

phương pháp luận để phân tích và giải quyết vấn đề, dẫn đến việc cho ra đời những tác phẩm báo chí không có chiều sâu. Vì vậy, cần đào tạo báo chí theo mô hình “đưa tòa soạn đến giảng đường”, gắn lý thuyết với thực hành, vận dụng.

Bộ Thông tin và Truyền thông với tư cách là cơ quan chủ quản, cần định hướng và cung cấp thông tin cần thiết, tài liệu hướng dẫn các cơ quan báo chí thực hiện đo lường, đánh giá mức độ cập nhật và phát triển chuyển đổi số báo chí; hỗ trợ đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng; huy động nguồn lực từ doanh nghiệp để đồng hành với mục tiêu của chương trình hỗ trợ báo chí chuyển đổi số. Các bộ, ngành Trung ương cần tăng cường biện pháp quản lý, giáo dục về an toàn thông tin mạng, qua đó khẳng định lại vai trò, vị thế và công việc của người làm báo, các cơ quan báo chí chuyên nghiệp.

Cần có sự tham gia, hỗ trợ, hợp tác từ phía ngành báo chí, cộng đồng và chính quyền địa phương nhằm tạo ra một môi trường đào tạo đa chiều, thực tế, gần gũi với yêu cầu của thị trường lao động cũng như xã hội.

Tăng cường các hoạt động rèn nghề, thực hành nghề nghiệp, thực tế để rèn luyện kỹ năng báo chí số, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo, học tập suốt đời cho sinh viên. Cần tiếp tục tăng cường mối liên kết giữa nhà trường với nhà tuyển dụng; xây dựng chính sách đào tạo, bồi dưỡng giảng viên, có chính sách đãi ngộ và thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao.

Việc đào tạo nhân lực báo chí, truyền thông phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tiến bộ khoa học, công nghệ, củng cố quốc phòng, an ninh; thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa; bảo đảm cân đối trình độ, nguồn nhân lực và phù hợp vùng miền; mở rộng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả; kết hợp giữa đào tạo và sử dụng; phát triển hệ thống giáo dục đào tạo mở, xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời.

Kết luận

Báo chí là lĩnh vực rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, là vũ khí sắc bén trên mặt trận tư tưởng - văn hóa, là diễn đàn về chính trị, văn hóa, tinh thần của nhân dân. Trong thời gian qua, ngành báo chí và truyền thông Việt Nam đã thực hiện tốt chức năng thông tin, tuyên truyền về tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong bối cảnh kỷ nguyên số hiện nay, công tác đào tạo chuyên ngành báo chí cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa, cần chú trọng tính tinh thông, chuyên nghiệp và hội nhập quốc tế.

Để giải bài toán “nhân lực chuyển đổi số toàn diện” cho báo chí đáp ứng yêu cầu đổi mới trong kỷ nguyên số, phù hợp xu hướng phát triển của báo chí, đòi hỏi cần có sự chung tay góp sức của cả hệ thống chính trị, của các cơ sở đào tạo, các trường đại học. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, đào tạo đại học chỉ mang tính chất căn bản, trang bị phương pháp luận định hướng cách tư duy và cách thức hòa nhập vào thế giới việc làm, còn lại, các cơ quan báo chí - nơi sử dụng nguồn nhân lực sẽ là môi trường thực tiễn sinh động và khắc nghiệt nhất trong quá trình rèn giũa họ trở thành những nhà báo chân chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2020), *Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 08/4/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của Hội Nhà báo Việt Nam trong tình hình mới*.
2. Trần Bá Dung (2020), “Truyền thông xã hội và những thách thức “chỗ đứng” của nhà báo”, *Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* ra ngày 21/06/2020; link: <https://dangcongsan.vn/tieu-diem/truyen-thong-xa-hoi-va-nhung-thach-thuc-cho-dung-cua-nha-bao-557347.html>; truy cập tháng 5 năm 2024.
3. Phúc Hằng (2024), “Đào tạo báo chí trong kỷ nguyên số - Bài 1: Gắn đào tạo với thực tiễn hoạt động báo chí”, *Tin tức Thông tấn xã Việt Nam* online ra ngày 19/06/2024; link: <https://baotintuc.vn/thoi-su/dao-tao-bao-chi-trong-ky-nguyen-so->

bai-1-gan-dao-tao-voi-thuc-tien-hoat-dong-bao-chi-20240619113512908.htm; truy cập tháng 9 năm 2024.

4. Phúc Hằng (2024), “Đào tạo báo chí trong kỷ nguyên số - Bài cuối: Giải bài toán về nhân lực chuyển đổi số toàn diện cho báo chí”, *Tin tức Thông tấn xã Việt Nam* online ra ngày 19/06/2024; link: <https://baotintuc.vn/thoi-su/dao-tao-bao-chi-trong-ky-nguyen-so-bai-cuoi-giai-bai-toan-ve-nhan-luc-chuyen-doi-so-toan-dien-cho-bao-chi-20240619114630160.htm>; truy cập tháng 9 năm 2024.

5. Trương Thị Kiên (2023), “Báo chí chuyển đổi số và bài toán “nhân lực chuyển đổi số toàn diện””, *Báo Quân đội nhân dân* online ra ngày 18-6-2023; link: <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/chuyen-doi-so/bao-chi-chuyen-doi-so-va-bai-toan-nhan-luc-chuyen-doi-so-toan-dien-731519>, truy cập tháng 5 năm 2024.

6. Hoàng Thị Thảo Ly (2023), “Nhà báo với những thách thức bên trong cơ hội”, *Tạp chí điện tử Người làm báo* ra ngày 10/12/2023, link: <https://nguoilambao.vn/nha-bao-voi-nhung-thach-thuc-ben-trong-co-hoi>, truy cập tháng 5 năm 2024.

7. Quốc hội Việt Nam (2019), *Luật Giáo dục*.

8. Thủ tướng Chính phủ (2023), *Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 6/4/2023 phê duyệt Chiến lược “Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.

**NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH BÁO CHÍ
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ:
ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

TS. Hắc Xuân Cảnh

*Phó Hiệu trưởng Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Chuyển đổi số (*Digital Transformation*) là cụm từ không còn xa lạ hiện nay. Đây được xem là sự tiếp cận bắt buộc đối với các ngành, nghề để thay đổi theo xu hướng vận động mới. Theo đó, báo chí và truyền thông cũng không nằm ngoài xu hướng này. Để thực hiện Chiến lược Chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, vấn đề đào tạo nguồn nhân lực báo chí được coi là vấn đề quan trọng nhất. Bài viết này sẽ làm rõ những yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực báo chí, đồng thời đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí tại Trường Đại học Vinh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số báo chí hiện nay.

Từ khóa: nâng cao chất lượng; đào tạo, báo chí; chuyển đổi số

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, chuyển đổi số đã trở thành một yêu cầu tất yếu trong lĩnh vực báo chí – truyền thông. Có thể hiểu “*chuyển đổi số không đơn giản chỉ là trang bị thật nhiều công nghệ tiên tiến, máy móc hiện đại, mà cốt là phải thay đổi từ tư duy, tầm nhìn, kiến thức, kỹ năng, thái độ của đội ngũ nhân lực báo chí-truyền thông số, ở tất cả các khu vực khác nhau trong một cơ quan báo chí, truyền thông, từ ban lãnh đạo, quản lý cho đến đội ngũ cán bộ, phóng viên, nhân viên* [1]. Để thực hiện thành công chuyển đổi số báo chí, vấn đề cốt yếu là phải đào tạo được “nguồn nhân lực số”. Do đó, việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực

báo chí, truyền thông đóng vai trò quan trọng đặc biệt. Đây cũng là một trong những giải pháp được đưa ra trong Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Chính phủ phê duyệt. Với hơn 10 năm đào tạo ngành Báo chí ở bậc đại học, Trường Đại học Vinh đã không ngừng đổi mới chương trình, phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá. Tuy nhiên, Nhà trường cần có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ hơn để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số báo chí nói riêng.

2. Nội dung

2.1. Chuyển đổi số báo chí và những yêu cầu đặt ra đối với đào tạo nguồn nhân lực báo chí

Nằm chung trong chương trình chuyển đổi số quốc gia và để phù hợp với xu thế phát triển của báo chí, truyền thông thế giới, ngày 06/04/2023, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 348/QĐ-TTg, Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Chiến lược đã xác định các mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, gồm:

Mục tiêu chung: Chuyển đổi số báo chí nhằm mục tiêu xây dựng các cơ quan báo chí theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; làm tốt sứ mệnh thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới; thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp nội dung số [4].

Mục tiêu cụ thể:

- *Mục tiêu đến năm 2025:* 70% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước); 50% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu

hóa hoạt động; 80% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ, phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số; Các cơ quan báo chí tối ưu hóa nguồn thu, trong đó 30% cơ quan báo chí tăng doanh thu tối thiểu 20%; 100% các cơ sở giáo dục đại học chuyên ngành báo chí hoặc có khoa báo chí cập nhật các kiến thức, kỹ năng tác nghiệp trong môi trường báo chí số trong chương trình đào tạo cho sinh viên; 100% lãnh đạo, cán bộ, phóng viên, biên tập viên các cơ quan báo chí được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số báo chí; 100% cơ quan báo chí điện tử có giải pháp đảm bảo an toàn, an ninh hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên; Hình thành và phát triển các nền tảng số quốc gia cho báo chí.

- *Mục tiêu đến năm 2030*: 100% cơ quan báo chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước); 90% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động; 100% cơ quan báo chí hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ và các mô hình phù hợp với sự phát triển của khoa học, công nghệ tiên tiến trên thế giới, sản xuất nội dung theo các xu hướng báo chí số; Các cơ quan báo chí tối ưu hóa nguồn thu, trong đó 50% cơ quan báo chí tăng doanh thu tối thiểu 20% [4].

Cùng với việc xác định các mục tiêu, Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định 6 nhóm nhiệm vụ và giải pháp, gồm: Nâng cao nhận thức, tăng cường tuyên truyền; Rà soát, hoàn thiện các quy định pháp luật; Phát triển các sản phẩm báo chí số; Phát triển nền tảng số; Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Tăng cường hợp tác quốc tế, học tập kinh nghiệm của các quốc gia có nền báo chí số phát triển mạnh.

Với việc Chính phủ phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, việc *chuyển đổi số không còn là sự lựa chọn mà là nhiệm vụ đặt ra đối với từng cơ quan báo chí, cơ sở truyền thông, để vừa phục*

vụ tốt nhất, nhanh nhất nhu cầu thông tin của công chúng, vừa phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại, đồng thời tối ưu hóa các nguồn lực cho sự phát triển của báo chí - truyền thông nước nhà [1]. Bên cạnh đó, Chiến lược chuyển đổi số báo chí cũng đem lại nhiều cơ hội và đặt ra những yêu cầu đối với việc đào tạo nguồn nhân lực báo chí.

Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã xác định: *Xây dựng và ban hành chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực báo chí và thông tin các trình độ của giáo dục đại học, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số; cập nhật các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực báo chí và thông tin trong danh mục thống kê ngành đào tạo đối với giáo dục đại học theo quy định [4].* Đây là một trong những nội dung để thực hiện nhiệm vụ và giải pháp về phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực báo chí. Điều đó cho thấy, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là một trong những yêu cầu cơ bản và quan trọng để thực hiện Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Đó cũng là yêu cơ cơ bản để chúng ta xây dựng thành công nền báo chí số, đưa báo chí Việt Nam bắt kịp sự phát triển của báo chí, truyền thông thế giới. Chiến lược chuyển đổi số báo chí đã đặt ra yêu cầu đòi hỏi các cơ sở đào tạo báo chí, truyền thông phải có những giải pháp mạnh mẽ để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

2.2. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí ở Trường Đại học Vinh đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số báo chí

Sự phát triển của khoa học công nghệ và chuyển đổi số hiện nay đang đặt ra yêu cầu đối với các cơ sở đào tạo báo chí - truyền thông là cần xác định triết lý, mục tiêu đào tạo phù hợp với xu thế mới, xây dựng chương trình chuẩn về đào tạo báo chí, truyền thông gắn với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trường Đại học Vinh là một trong những cơ sở đào tạo ngành Báo chí của cả nước. Từ năm 2013, Nhà trường đã được cấp phép đào tạo bậc đại học ngành Báo chí. Trong hơn 10 năm thực hiện đào tạo, Nhà trường luôn chú trọng việc nâng cao chất lượng đào tạo. Theo đó, Nhà trường đã thực hiện nhiều giải pháp như: đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận CIDO, đổi mới phương pháp giảng dạy, đầu tư trang thiết bị dạy học và thực hành cho sinh viên... Thông qua các giải pháp nói trên, chất lượng đào tạo ngành Báo chí ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số báo chí hiện nay, Nhà trường cần tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí.

Theo chúng tôi, để nâng cao chất lượng đào tạo ngành Báo chí đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, các cơ sở đào tạo ngành Báo chí, trong đó có Trường Đại học Vinh cần thực hiện các giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới và phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, hiện đại, cập nhật yêu cầu chuyển đổi số báo chí

Chương trình đào tạo được coi là một trong những yếu tố quyết định chất lượng đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực. Do vậy, đổi mới, phát triển chương trình đào tạo là giải pháp quan trọng hàng đầu để nâng cao chất lượng đào tạo. Từ năm 2016, Trường Đại học Vinh đã điều chỉnh chương trình đào tạo ngành Báo chí theo hướng tiếp cận CDIO. Nhà trường đã xây dựng chuẩn đầu ra dựa trên cơ sở khung năng lực quốc gia và ý kiến khảo sát các nhà tuyển dụng và các bên liên quan. Theo đó, chuẩn đầu ra ngành Báo chí gồm hệ thống các chuẩn đầu ra về kiến thức, năng lực, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp và năng lực thực hành nghề nghiệp CDIO (Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành) [5]. Trên cơ sở chuẩn đầu ra, Nhà trường đã xây dựng Khung chương trình đào tạo ngành Báo chí gồm 36 học phần, với 125 tín chỉ [6]. Tiếp đó, năm 2021, Nhà trường tiếp tục

rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra và khung chương trình đào tạo ngành Báo chí, theo hướng tăng cường năng lực thực hành, năng lực nghề nghiệp cho người học. Nhìn chung, chương trình đào tạo ngành Báo chí đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng ngày càng hiện đại, cập nhật.

Tuy nhiên, để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngành Báo chí, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, Nhà trường cần tiếp tục đổi mới, phát triển chương trình đào tạo theo hướng: hình thành triết lý mở trong đào tạo Báo chí; cập nhật mục tiêu chuyển đổi số báo chí vào mục tiêu chương trình đào tạo; điều chỉnh, cập nhật chuẩn đầu ra chương trình đào tạo bằng việc tăng cường năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường năng lực số, năng lực thực hành, ứng dụng, năng lực sáng tạo.... Chương trình đào tạo cần tăng cường các học phần thực hành, các hoạt động trải nghiệm, dự án mô phỏng, thực tập, thực tế để sinh viên có thể áp dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể. Cần có những học phần chuyên sâu về chuyển đổi số báo chí.

Thứ hai, đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học theo hướng tăng cường dạy học dự án, dạy học thực hành, mô phỏng, đánh giá theo sản phẩm dự án, đồ án

Đi đôi với đổi mới chương trình đào tạo, Nhà trường cần tiếp tục đổi mới hơn nữa phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá người học. Trong những năm gần đây, Trường Đại học Vinh đã có những đổi mới trong phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá theo hướng tăng cường dạy học dự án và đánh giá theo chuẩn đầu ra. Theo đó, ngành Báo chí cũng đã có nhiều đổi mới trong phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá, với các hình thức phù hợp như tăng cường dạy học thực hành, thực tế, trải nghiệm, đánh giá qua sản phẩm... Tuy nhiên, trước yêu cầu của cách mạng 4.0 và chuyển đổi số báo chí hiện nay, nội dung các môn học cần được cập nhật liên tục để phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp, nhất là cập nhật các xu

hướng và công cụ mới nhất trong lĩnh vực truyền thông số. Cần tăng cường thực hành những nội dung thuộc về công nghệ kỹ thuật mới, chuyển đổi số. Phương pháp giảng dạy cần thay đổi mạnh mẽ hơn, ngoài dạy học theo dự án và thực tế hiện nay, Nhà trường cần tăng cường hoạt động mô phỏng thực tế, tăng cường kết hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông để hỗ trợ sinh viên nghiên cứu thực tiễn, mời những người đang công tác tại các cơ quan báo chí, truyền thông trực tiếp đứng lớp để hướng dẫn kỹ năng thực hành cho sinh viên và mạnh dạn thực hiện các giờ học ngay tại các cơ quan báo chí, truyền thông, chứ không chỉ dừng lại ở việc đi thực tế, quan sát như hiện nay. Nhà trường cũng cần đa dạng phương pháp kiểm tra, đánh giá. Ngoài đánh giá theo chuẩn đầu ra như hiện nay, cần tập trung vào việc đo lường năng lực thực hành, giải quyết vấn đề và tư duy phản biện của sinh viên. Phương pháp đánh giá theo sản phẩm, trong đó có yêu cầu về chuyển đổi số sẽ là phương pháp phù hợp và phát huy hiệu quả trong việc đánh giá đối với sinh viên ngành Báo chí.

Thứ ba, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên là những người thực hiện chương trình đào tạo, đóng vai trò then chốt của việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nói về vai trò của việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trong các cơ sở đào tạo báo chí, GS.TS Lê Văn Lợi, Phó Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh cho rằng *việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cũng có tác động rất lớn đến chất lượng đào tạo báo chí - truyền thông, đòi hỏi phải được tiến hành thường xuyên để bắt kịp với sự thay đổi liên tục của thời kỳ chuyển đổi số, đi cùng với đó là thách thức trong thu hút, giữ chân đội ngũ giảng viên giỏi ở lại các trường đại học, cao đẳng thay vì dịch chuyển sang các cơ quan báo chí-truyền thông với mức đãi ngộ cao hơn và môi trường làm việc năng động hơn* [1]. Trong điều kiện của chuyển đổi số báo chí hiện nay, để nâng cao chất lượng đào tạo, đội ngũ giảng viên ngoài trình độ chuyên

môn sâu và năng lực sư phạm tốt, cần phải có năng lực tốt về chuyển đổi số. Do đó, Nhà trường cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho đội ngũ giảng viên đảm nhận chương trình đào tạo ngành Báo chí, như: có chương trình hợp tác, trao đổi giảng viên với các trường đại học, các đơn vị báo chí truyền thông lớn ở trong và ngoài nước, cử giảng viên tham gia các hội thảo, diễn đàn về chuyển đổi số quốc gia và chuyển đổi số báo chí để kịp thời nắm bắt các xu thế của chuyển đổi số... Có như vậy, giảng viên mới đủ năng lực để giảng dạy, hướng dẫn cho người học những kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện tại và trong tương lai.

Thứ tư, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phục vụ công tác thực hành của sinh viên

Có thể nói, một trong những yêu cầu của việc hình thành năng lực số là người học phải được tiếp xúc, làm quen với các trang thiết bị hiện đại. Chính vì vậy, việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại là giải pháp hết sức quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo. Trong những năm qua, Trường Đại học Vinh đã có sự quan tâm nhất định đối với việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ đào tạo ngành Báo chí, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được những yêu cầu của việc nâng cao chất lượng đào tạo, nhất là gắn với chuyển đổi số báo chí. Vì vậy, để sinh viên hình thành được các kỹ năng về chuyển đổi số, Nhà trường cần chú trọng đầu tư phòng thực hành chuyên môn cho sinh viên ngành Báo chí với những trang thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số như mô hình tòa soạn báo hội tụ, thiết bị sản xuất báo chí số...

Thứ năm, tăng cường năng lực nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp của giảng viên và sinh viên

Nghiên cứu khoa học là một trong hai nhiệm vụ cơ bản của giảng viên và sinh viên, đồng thời, năng lực nghiên cứu khoa học cũng là yếu tố quan trọng để

đánh giá năng lực của giảng viên và sinh viên. Do vậy, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua hoạt động nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp, cả giảng viên và sinh viên có thể khám phá ra những tri thức mới, hình thành kỹ năng và năng lực giải quyết vấn đề một cách tốt hơn, từ đó áp dụng vào hoạt động giảng dạy và học tập. Để thực hiện được điều này, Nhà trường cần có thêm những cơ chế khuyến khích, tăng cường đầu tư để giảng viên và sinh viên ngành Báo chí có thể nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp để giải quyết quyết những vấn đề đang đặt ra của chuyển đổi số, từ đó góp phần đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của công cuộc chuyển đổi số báo chí.

3. Kết luận

Chuyển đổi số báo chí là yêu cầu tất yếu trong bối cảnh hiện nay và đã được Chính phủ ban hành chiến lược để triển khai thực hiện. Tuy nhiên, “chuyển đổi số báo chí - truyền thông thành công cần đòi hỏi sự hội tụ của rất nhiều yếu tố, trong đó, yếu tố con người được coi là then chốt” [2]. Điều này đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao hơn đối với công tác đào tạo báo chí để có thể theo kịp xu thế phát triển chung và đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số. Theo đó, các cơ sở đào tạo báo chí truyền thông sẽ phải chuyển đổi một cách căn bản và toàn diện, chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo đối với ngành Báo chí.

Thực tế cho thấy, trong thời gian qua, các cơ sở đào tạo báo chí đã có những nhận thức đúng đắn về vai trò của đào tạo trong việc cung cấp nguồn nhân lực cho chuyển đổi số báo chí, từ đó đã có những đổi mới về tư duy, triết lý, mục tiêu và phương pháp đào tạo báo chí theo hướng hiện đại. Một số cơ sở đào tạo đã đưa các nội dung chuyển đổi số vào chương trình đào tạo... Tuy nhiên, trước yêu cầu của chuyển đổi số báo chí ngày càng đặt ra một cách mạnh mẽ, các cơ sở đào tạo cần

tiếp tục có những giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngành Báo chí đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số hiện nay.

Trong những năm qua, Trường Đại học Vinh đã có những cải tiến trong chương trình đào tạo ngành Báo chí từ việc xây dựng và phát triển chuẩn đầu ra theo tiếp cận CIDO, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá... Điều này đã tạo nên những chuyển biến nhất định trong đào tạo ngành Báo chí. Tuy nhiên, cũng như các cơ sở đào tạo khác, Nhà trường cần tiếp tục có những giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngành báo chí đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số báo chí hiện nay và tương lai. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp chúng tôi đã nêu sẽ nâng cao hơn nữa chất lượng nguồn nhân lực báo chí được đào tạo ở Trường Đại học Vinh, góp phần cung cấp nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu chuyển đổi số báo chí nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đỗ Bình, *Nâng cao chất lượng đào tạo báo chí-truyền thông trước yêu cầu chuyển đổi số*, <https://www.vietnamplus.vn/nang-cao-chat-luong-dao-tao-bao-chi-truyen-thong-truoc-yeu-cau-chuyen-doi-so-post957476.vnp>, ngày 05/06/2024.
- [2]. *Đào tạo báo chí - truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay*, <https://lyluanchinhtri.vn/dao-tao-bao-chi-truyen-thong-trong-boi-can-chuyen-doi-so-hien-nay-5584.html>
- [3]. Trần Thị Hoa Mai *Cải thiện chất lượng đào tạo ngành báo chí, truyền thông đáp ứng yêu cầu mới của người học hiện nay*, <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/cai-thien-chat-luong-dao-tao-nganh-bao-chi-truyen-thong-dap-ung-yeu-cau-moi-cua-nguoi-hoc-hien-nay-p28742.html>

- [4]. Quyết định 348/QĐ-TTg, ngày 06/04/2023 Phê duyệt Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, <https://datafiles.chinhphu.vn/cpp/files/vbpq/2023/4/348-ttg.signed.pdf>.
- [5]. Trường Đại học Vinh, Chuẩn đầu ra cấp độ 3 chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đại học hệ chính quy, ngành Báo chí, ban hành kèm theo Quyết định số 747 /QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.
- [6]. Trường Đại học Vinh, Khung chương trình đào tạo tiếp cận CDIO đại học hệ chính quy, ngành Báo chí, ban hành kèm theo Quyết định số 747 /QĐ-ĐHV ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh.

ẢNH HƯỞNG CỦA CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỐI VỚI ĐÀO TẠO BÁO CHÍ

Th.S Lê Thị Thu Hiền

*Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Trong kỷ nguyên số hiện nay, công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng trở thành một yếu tố quan trọng trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là ngành báo chí. Công nghệ AI đã và đang thay đổi cách tiếp cận thông tin và truyền thông. AI không chỉ giúp tự động hóa quy trình biên tập mà còn cung cấp công cụ để phân tích dữ liệu và tạo ra nội dung. Bài viết này phân tích những ảnh hưởng của AI đối với quá trình đào tạo nhà báo, từ việc cải thiện kỹ năng viết cho đến việc cung cấp phân tích dữ liệu sâu sắc, đồng thời thảo luận về những thách thức và cơ hội mà công nghệ này mang lại.

Từ khóa: *Trí tuệ nhân tạo, AI, đào tạo, nhà báo, báo chí*

Nội dung

1. Tác động của AI đến quá trình lao động của nhà báo

1.1. Khả năng phân tích và xử lý dữ liệu

Trong bối cảnh thông tin ngày càng đa dạng, sự phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI) đã cách mạng hóa cách thức nhà báo xử lý và phân tích dữ liệu. Các công cụ phân tích dữ liệu từ AI giúp nhà báo không chỉ tiết kiệm thời gian mà còn phát hiện ra những xu hướng, mô hình và thông tin quan trọng từ khối lượng lớn dữ liệu. Điều này dẫn đến việc tạo ra những bài viết có chiều sâu và đáng tin cậy hơn, qua đó nâng cao chất lượng tác phẩm báo chí.

Các công cụ như Python với các thư viện Pandas và NumPy, hay các nền tảng như Tableau và Power BI, cho phép nhà báo dễ dàng thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau. Ví dụ, khi sản xuất tin bài về một cuộc bầu

cử, nhà báo có thể thu thập dữ liệu từ các cuộc khảo sát, thông tin bỏ phiếu và các bài viết trên mạng xã hội để tạo ra một bức tranh toàn cảnh về tình hình chính trị. Cụ thể như trong các cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2020 và 2024, nhiều nhà báo đã sử dụng AI để phân tích dữ liệu từ hàng triệu bài viết trên mạng xã hội và các cuộc khảo sát để dự đoán kết quả. Họ đã áp dụng các thuật toán học để xác định xu hướng của cử tri và phân tích cảm xúc của công chúng đối với từng ứng cử viên. Nhờ vào việc xử lý dữ liệu lớn này, họ có thể cung cấp những phân tích sắc sảo và dự đoán kết quả bầu cử gần chính xác hơn.

AI không chỉ giúp xử lý dữ liệu mà còn cho phép nhà báo phát hiện các xu hướng và mô hình mà có thể khó nhận thấy bằng cách thủ công. Các mô hình học máy như hồi quy logistic, cây quyết định, hay mạng nơ-ron có thể được áp dụng để phân tích dữ liệu và tìm kiếm các mối quan hệ giữa các biến số khác nhau. Một ứng dụng đáng chú ý là phân tích dữ liệu thời gian thực. Chẳng hạn, trong đại dịch COVID-19, AI đã được sử dụng để theo dõi và phân tích dữ liệu từ các nguồn khác nhau, bao gồm số ca nhiễm, số ca tử vong và các biện pháp chính phủ. Công cụ AI có thể nhanh chóng xử lý thông tin và tạo ra các biểu đồ, bản đồ trực quan hóa, giúp độc giả dễ dàng hiểu được tình hình dịch bệnh. Bằng cách này, nhà báo không chỉ cung cấp thông tin mà còn giúp người đọc hiểu rõ hơn về các xu hướng và tác động của dịch bệnh, từ đó đưa ra các khuyến nghị hợp lý.

Việc tích hợp AI vào quy trình làm việc của nhà báo không chỉ giúp họ thu thập và phân tích dữ liệu mà còn tạo ra nội dung có chiều sâu hơn. Khi có đủ thông tin và dữ liệu đáng tin cậy, nhà báo có thể viết các bài báo chi tiết hơn, đưa ra các lập luận và phân tích dựa trên dữ liệu thực tế. AI có thể hỗ trợ nhà báo để phân tích dữ liệu về tình trạng nghèo đói trong một khu vực cụ thể từ các báo cáo chính phủ, khảo sát xã hội và thậm chí là dữ liệu từ các tổ chức phi chính phủ. Bằng cách sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu, nhà báo có thể tìm thấy mối liên hệ giữa nghèo đói và giáo dục, y tế, và các yếu tố khác. Khi đã có đủ dữ liệu, nhà báo có thể viết

một bài báo sâu sắc, không chỉ đơn thuần là trình bày số liệu mà còn đưa ra các giải thích, đánh giá và khuyến nghị cho chính phủ và các tổ chức xã hội. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng nội dung mà còn tạo ra giá trị cho độc giả.

Một trong những yếu tố quan trọng trong báo chí là tính chính xác và đáng tin cậy của thông tin. AI có khả năng giúp nhà báo xác minh thông tin một cách nhanh chóng và hiệu quả. Các công cụ như FactCheck.org và Snopes.com, kết hợp với các thuật toán AI, có thể tự động kiểm tra tính xác thực của thông tin từ nhiều nguồn khác nhau. Điều này không chỉ giúp cải thiện chất lượng nội dung mà còn nâng cao lòng tin của công chúng đối với báo chí.

Tuy nhiên, một trong những vấn đề lớn là tính minh bạch của các thuật toán AI. Nếu nhà báo không hiểu rõ cách thức hoạt động của các mô hình, họ có thể mắc sai lầm trong việc giải thích và phân tích dữ liệu. Ngoài ra, việc phụ thuộc quá nhiều vào công nghệ có thể dẫn đến việc nhà báo bỏ qua các yếu tố con người quan trọng trong việc phân tích và viết lách. Sự sáng tạo, kinh nghiệm và cảm xúc của nhà báo vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nội dung chất lượng. Sự phát triển của AI đang mở ra những cơ hội mới cho ngành báo chí trong việc xử lý và phân tích dữ liệu. Các công cụ phân tích dữ liệu giúp nhà báo phát hiện xu hướng, mô hình và thông tin quan trọng từ khối lượng lớn dữ liệu, từ đó tạo ra những bài viết có chiều sâu và đáng tin cậy hơn. Tuy nhiên, để tận dụng tối đa các công nghệ này, nhà báo cần phải kết hợp giữa công nghệ và yếu tố con người một cách hợp lý, nhằm đảm bảo rằng nội dung không chỉ chính xác mà còn sâu sắc và có giá trị cho độc giả.

1.2. Rút gọn quy trình sản xuất thông tin

Trong thời đại số hóa hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đã trở thành một công cụ mạnh mẽ trong ngành báo chí, đặc biệt là trong việc tự động hóa quy trình sản xuất tác phẩm. Các công nghệ như GPT-3, BERT, T5 và nhiều mô hình khác

không chỉ giúp nhà báo tạo ra các bản nháp cho bài viết, giảm thời gian sản xuất nội dung mà còn đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng và chính xác.

Tự động hóa viết tin tức thông qua AI là một quy trình bao gồm nhiều bước, từ thu thập dữ liệu đến sản xuất nội dung. Các công cụ AI như GPT-3 có khả năng xử lý và tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, giúp tạo ra các bản nháp bài viết trong thời gian ngắn. Điều này đặc biệt hữu ích trong các tình huống cần thông tin cập nhật nhanh chóng, như trong các sự kiện thể thao, thảm họa tự nhiên, hay các sự kiện chính trị quan trọng. Điển hình là trong các trận đấu bóng đá, các công ty truyền thông thể thao đã sử dụng AI để tự động viết các báo cáo trận đấu ngay khi trận đấu kết thúc. Chẳng hạn, công ty Associated Press đã triển khai một hệ thống AI để tạo ra các bản tin về kết quả trận đấu, thống kê cầu thủ, và diễn biến chính. Hệ thống này có khả năng thu thập dữ liệu từ các nguồn như trang web chính thức, mạng xã hội, và các dịch vụ trực tuyến khác, sau đó phân tích và tạo ra bản tin chỉ trong vài phút. Việc này có thể được hỗ trợ bởi các mô hình như BERT, giúp phân tích ngữ cảnh và xác định thông tin quan trọng để đưa vào bài viết.

Một trong những lợi ích rõ rệt của việc tự động hóa viết tin là khả năng **giảm thời gian sản xuất** nội dung. Thay vì phải ngồi xuống và viết từng câu từng chữ, nhà báo có thể sử dụng AI để tạo ra bản nháp. Công cụ như T5 có thể giúp nhà báo chuyển đổi nhanh chóng các thông tin đầu vào thành bản tin hoàn chỉnh, từ đó tiết kiệm thời gian và năng lượng, cho phép họ tập trung vào các nhiệm vụ quan trọng hơn như phân tích và điều tra sâu hơn vào các khía cạnh của câu chuyện. Trong bối cảnh báo cáo về các cuộc bầu cử, AI có thể nhanh chóng tổng hợp kết quả từ nhiều khu vực bầu cử và tạo ra các bản tin tóm tắt. Việc này có thể được thực hiện với sự hỗ trợ của các mô hình như RoBERTa, cho phép AI xử lý thông tin phức tạp và cung cấp các bản tin chính xác và kịp thời.

AI không chỉ giúp giảm thời gian sản xuất mà còn **đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng**. Trong một thế giới nơi thông tin liên tục thay đổi, khả

năng cập nhật ngay lập tức là rất quan trọng. Việc sử dụng AI cho phép các tổ chức báo chí nhanh chóng điều chỉnh và phát hành thông tin mới khi có các diễn biến quan trọng. Ví dụ, trong các sự kiện thảm họa thiên nhiên như động đất hay bão lũ, AI có thể tự động thu thập dữ liệu từ các nguồn tin cậy và tạo ra các bản tin khẩn cấp để cảnh báo cho công chúng. Mô hình như ELECTRA có thể cải thiện hiệu suất trong việc phân loại và xác minh thông tin, đảm bảo rằng độc giả nhận được thông tin kịp thời và chính xác.

Với việc sử dụng AI để tự động hóa quá trình viết tin, nhà báo có thể dành nhiều thời gian hơn cho **phân tích và điều tra**. Các công cụ như GPT-4 có khả năng tạo ra bản nháp cho các bài viết, cho phép nhà báo tập trung vào việc nghiên cứu sâu hơn và phát hiện ra các vấn đề mới. Thay vì phải dành hàng giờ để viết lại nội dung, nhà báo có thể sử dụng AI để tạo ra một bản nháp, từ đó tập trung vào việc phân tích ý kiến của các nhân vật và đưa ra các bình luận sâu sắc hơn. Điều này không chỉ làm tăng chất lượng bài viết mà còn giúp độc giả có được cái nhìn rõ ràng hơn về vấn đề đang được thảo luận. Ví dụ, trong một cuộc điều tra về tham nhũng, nhà báo có thể sử dụng AI để tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn, từ đó xây dựng một bức tranh tổng thể trước khi đi sâu vào các chi tiết quan trọng.

Mặc dù AI mang lại nhiều lợi ích trong việc tự động hóa viết tin, nhưng cũng cần lưu ý đến các thách thức và vấn đề đạo đức. Một trong những lo ngại là sự chính xác của thông tin mà AI tạo ra. Nếu không được lập trình đúng cách, các hệ thống AI như BERT hay T5 có thể tạo ra thông tin sai lệch hoặc thiếu sót. Do đó, nhà báo vẫn cần có trách nhiệm kiểm tra và xác minh thông tin trước khi phát hành. Ngoài ra, việc phụ thuộc quá nhiều vào AI có thể dẫn đến việc giảm đi tính sáng tạo và phong cách cá nhân trong viết lách. Mặc dù AI có thể tạo ra nội dung một cách nhanh chóng, nhưng cũng chính vì vậy khiến tác phẩm có thể thiếu đi cảm xúc và những trải nghiệm cá nhân mà một nhà báo có thể truyền đạt trong bài viết của mình.

Tự động hóa viết tin nhờ vào trí tuệ nhân tạo đang định hình lại cách thức sản xuất nội dung trong ngành báo chí. Việc giảm thời gian sản xuất và đảm bảo thông tin được cập nhật nhanh chóng cho phép nhà báo tập trung vào việc phân tích và điều tra sâu hơn, nâng cao chất lượng nội dung. Tuy nhiên, các tổ chức báo chí cũng cần phải đối mặt với những thách thức và vấn đề đạo đức liên quan đến việc sử dụng AI. Chỉ khi kết hợp giữa công nghệ và yếu tố con người một cách hợp lý, ngành báo chí mới có thể phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.¹⁰

2. AI ảnh hưởng sâu sắc đến hoạt động đào tạo báo chí

Trong thời đại số hóa hiện nay, ngành báo chí đang trải qua những thay đổi mạnh mẽ, không chỉ trong cách thức sản xuất nội dung mà còn trong yêu cầu về kỹ năng của nhà báo. Đào tạo nhà báo giờ đây không chỉ dừng lại ở các kiến thức lý thuyết và kỹ năng báo chí truyền thông mà còn cần mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ, đặc biệt là kiến thức về cách sử dụng các công cụ AI và phân tích dữ liệu. Sự thay đổi này không chỉ phản ánh sự phát triển của công nghệ mà còn đặt ra những yêu cầu mới đối với chương trình đào tạo báo chí, cần phải được cập nhật thường xuyên để theo kịp những thay đổi nhanh chóng trong công nghệ.

Trước bối cảnh này, các yêu cầu về sử dụng AI, phân tích dữ liệu, và cách sử dụng các công cụ công nghệ truyền thông phải được tích hợp trong chương trình đào tạo kỹ năng thực hành báo chí. Ví dụ, các học phần ứng dụng sản xuất sản phẩm báo chí có thể hướng dẫn sinh viên cách sử dụng Python để phân tích dữ liệu, từ đó giúp sinh viên phát triển kỹ năng xử lý dữ liệu lớn, các công cụ như Tableau hoặc Power BI hỗ trợ trực quan hóa dữ liệu và trình bày thông tin một cách hấp dẫn hơn trong các bài viết. Các công cụ kiểm tra thông tin tự động như FactCheck.org cũng nên được sinh viên sử dụng để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của nội dung báo chí.

¹⁰ Anderson, C. W. (2021). Automated Journalism: Challenges and Opportunities for the Future of News Production. Journalism Practice

Chương trình đào tạo cũng cần phải được cập nhật thường xuyên để theo kịp sự thay đổi nhanh chóng trong công nghệ. Các công nghệ mới liên tục xuất hiện, và các nhà báo cần phải nắm bắt kịp thời để không bị lạc hậu, bao gồm các khóa học ngắn hạn hoặc hội thảo về các công nghệ mới, như các công cụ AI mới nhất trong phân tích dữ liệu hoặc các phần mềm viết lách tiên tiến.¹¹ Để đảm bảo chương trình đào tạo luôn cập nhật và phù hợp, các trường đại học và tổ chức đào tạo có thể hợp tác với các công ty công nghệ. Sự hợp tác này có thể tạo ra cơ hội cho sinh viên thực tập và làm việc trên các dự án thực tế, giúp họ áp dụng kiến thức vào thực tiễn, có được kinh nghiệm thực tế mà còn giúp họ xây dựng mối quan hệ với các chuyên gia trong ngành. Ngoài việc đào tạo sinh viên, các tổ chức báo chí và các cơ quan báo chí truyền thông cũng cần cung cấp đào tạo liên tục cho nhà báo hiện tại. Các khóa học nâng cao về công nghệ, phân tích dữ liệu và viết lách sẽ giúp nhà báo cập nhật kỹ năng và duy trì tính cạnh tranh trong ngành, cải thiện chất lượng nội dung tác phẩm báo chí.

Việc tích hợp AI vào chương trình đào tạo không chỉ giúp cải thiện chất lượng giảng dạy kỹ năng báo chí hiệu quả, mà còn tạo ra một trải nghiệm học tập cá nhân hóa cho sinh viên. Các hệ thống AI hiện nay có khả năng thu thập và phân tích dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, như kết quả bài kiểm tra, thảo luận trong lớp, và tương tác trực tuyến. Giảng viên có thể ứng dụng các nền tảng trực tuyến như Coursera hoặc Khan Academy sử dụng AI để theo dõi cách thức sinh viên tương tác với các bài học. Thông qua việc phân tích dữ liệu này, AI có thể xác định phong cách học tập của từng sinh viên, từ đó đưa ra những đề xuất phù hợp. Nếu một sinh viên thể hiện sự ưu tiên cho việc học qua video hơn là đọc tài liệu, hệ

¹¹ Ward, S. J. A., & Williams, A. (2020). The Role of Artificial Intelligence in Journalism Education: Opportunities and Challenges. *Journalism Studies*.

thống AI có thể gợi ý cho họ các khóa học có nhiều video hơn hoặc các tài liệu trực quan để giúp họ tiếp thu kiến thức hiệu quả.

Sự gia tăng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành báo chí đã mang đến nhiều cơ hội, nhưng cũng đặt ra những câu hỏi sâu sắc về đạo đức. Khi AI trở thành một phần quan trọng trong quy trình sản xuất nội dung, nhà báo cần được đào tạo để hiểu rõ các vấn đề liên quan đến độ tin cậy của thông tin do AI sản xuất, cũng như cách đảm bảo tính chính xác và khách quan trong nội dung. Một trong những mối quan tâm lớn nhất khi sử dụng AI trong báo chí là độ tin cậy của thông tin mà AI cung cấp. Các mô hình AI, như GPT-3 hay BERT, được đào tạo trên những tập dữ liệu khổng lồ, nhưng không phải lúc nào cũng đảm bảo rằng thông tin mà chúng tạo ra là chính xác hoặc đáng tin cậy. Điều này có thể dẫn đến việc phát tán thông tin sai lệch hoặc thiếu sót, gây ảnh hưởng tiêu cực đến độc giả.

Chẳng hạn, khi phân tích dữ liệu của cuộc bầu cử, nếu một công cụ AI được sử dụng để tự động tạo ra các báo cáo về kết quả bầu cử mà không có sự kiểm tra và xác minh từ nhà báo, có thể dẫn đến những thông tin sai lệch. Một ví dụ thực tế là vào năm 2016, một số công cụ AI đã tự động phát tán các thông tin không chính xác về kết quả bầu cử ở Mỹ, gây ra sự hoang mang trong công chúng. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhà báo cần được trang bị kiến thức để đánh giá độ tin cậy của thông tin mà AI sản xuất. Để đảm bảo tính chính xác trong nội dung, nhà báo cần hiểu rõ cách thức hoạt động của các mô hình AI. Họ cần có khả năng phân tích dữ liệu và thông tin mà AI cung cấp, đồng thời thực hiện các bước kiểm tra để xác minh thông tin. Không chỉ dựa vào AI để sản xuất nội dung, nhà báo cần phải có trách nhiệm trong việc kiểm tra và làm rõ nguồn gốc thông tin.¹²

Trong bối cảnh thông tin sai lệch đang gia tăng, việc sử dụng AI để kiểm tra thông tin trở nên cần thiết. Một ví dụ là việc sử dụng AI để xác minh các phát biểu từ các chính trị gia. Nếu một nhà báo sử dụng AI để kiểm tra tính chính xác của

¹² Diakopoulos, N. (2019). Accountability in Automated Journalism. Digital Journalism.

một phát biểu mà không xác minh lại thông qua các nguồn tin cậy khác, họ có nguy cơ đưa ra thông tin sai lệch. Việc này có thể dẫn đến việc làm xói mòn lòng tin của công chúng vào báo chí.

AI có thể bị ảnh hưởng bởi các thiên lệch có trong dữ liệu mà nó được đào tạo. Nếu dữ liệu đầu vào chứa đựng các thiên lệch về chủng tộc, giới tính hoặc chính trị, mô hình AI có thể tái hiện những thiên lệch đó trong nội dung mà nó sản xuất. Điều này đặt ra thách thức lớn đối với nhà báo trong việc đảm bảo rằng những thông tin họ đưa ra là khách quan và không thiên vị.

Sự gia tăng sử dụng AI trong báo chí mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra những câu hỏi về đạo đức mà nhà báo cần phải đối mặt. Để đảm bảo độ tin cậy, tính chính xác và khách quan trong nội dung, nhà báo cần được đào tạo và trang bị kiến thức về các vấn đề đạo đức liên quan đến AI. Việc này không chỉ giúp nâng cao chất lượng báo chí mà còn bảo vệ lòng tin của công chúng vào ngành nghề này. Chỉ khi nhà báo hiểu rõ và thực hành một cách có trách nhiệm trong việc sử dụng AI, ngành báo chí mới có thể phát triển bền vững trong kỷ nguyên số.

Trước những thách thức và vấn đề đạo đức này, việc đào tạo nhà báo về các vấn đề đạo đức liên quan đến AI là vô cùng cần thiết. Các chương trình đào tạo cần phải bao gồm các chủ đề như độ tin cậy của thông tin, tính chính xác và khách quan trong nội dung, và cách sử dụng AI một cách có trách nhiệm. Các tổ chức báo chí cũng cần phát triển các chính sách và hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc sử dụng AI trong sản xuất nội dung. Điều này không chỉ giúp đảm bảo rằng các nhà báo tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức mà còn giúp xây dựng lòng tin từ phía công chúng. Chẳng hạn, một số tổ chức báo chí đã bắt đầu xây dựng các bộ quy tắc đạo đức liên quan đến việc sử dụng AI, yêu cầu các nhà báo phải xác minh thông tin trước khi sử dụng trong bài viết. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng nội dung mà còn giúp bảo vệ uy tín của tổ chức báo chí.

Kết luận

Công nghệ trí tuệ nhân tạo đang mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho ngành báo chí, đặc biệt là trong quá trình đào tạo nhà báo. Để thích ứng với những thay đổi này, các chương trình đào tạo cần được điều chỉnh và cập nhật liên tục, nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để thành công trong môi trường làm việc ngày càng phức tạp. Việc kết hợp giữa công nghệ và yếu tố con người sẽ là chìa khóa để phát triển một thể hệ nhà báo không chỉ giỏi về chuyên môn mà còn nhạy bén trước những biến đổi của xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Anderson, C. W., & De Maeyer, J. (2021). Automated Journalism: The Future of News Production. *Journalism Studies*.
2. Diakopoulos, N. (2019). Accountability in Algorithms: A Case Study of Automated Journalism. *Digital Journalism*.
3. Lacy, S., & Watson, T. (2020). The Role of Artificial Intelligence in Journalism Education. *Journalism Practice*.
4. Ward, S. J. A., & Williams, A. (2020). The Role of Artificial Intelligence in Journalism Education: Opportunities and Challenges. *Journalism Studies*.

ĐỀ XUẤT QUY TẮC SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP NGÀNH BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG BỐI CẢNH HIỆN NAY

Th.S Nguyễn Thị Quỳnh Nga

*Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo (AI) được tích hợp ngày càng sâu vào các lĩnh vực, ngành báo chí – truyền thông đối mặt với cơ hội và thách thức mới, đòi hỏi sự định hướng rõ ràng để khai thác tiềm năng công nghệ mà vẫn bảo đảm các giá trị nghề nghiệp cốt lõi. Bài viết tập trung xây dựng các quy tắc sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách hiệu quả, có đạo đức và bền vững trong hoạt động nghiên cứu và học tập ngành báo chí – truyền thông. Nghiên cứu trước tiên làm rõ các ứng dụng AI phổ biến trong báo chí – truyền thông, bao gồm tạo nội dung tự động, tối ưu hóa dữ liệu truyền thông, phân tích thị trường, và hỗ trợ phát triển kỹ năng sáng tạo. Dựa trên phân tích thực tiễn và tham khảo các khung pháp lý, bài nghiên cứu đề xuất bốn nhóm quy tắc chính: minh bạch và trách nhiệm, đạo đức và tính chính trực, phát triển năng lực và pháp luật và quyền sở hữu trí tuệ. Việc xây dựng và tuân thủ các quy tắc sử dụng AI không chỉ giúp nâng cao hiệu quả học tập, nghiên cứu mà còn củng cố giá trị nghề nghiệp trong báo chí – truyền thông, cần sự phối hợp của các cơ sở đào tạo, nhà nghiên cứu và cơ quan quản lý để xây dựng các chính sách hỗ trợ và nâng cao nhận thức về sử dụng AI một cách có trách nhiệm.

Bối cảnh chuyển đổi số và sự tích hợp AI vào các lĩnh vực đời sống

Chuyển đổi số đang trở thành xu hướng toàn cầu, định hình lại cách thức con người sống, làm việc và học tập. Trên thế giới, các quốc gia phát triển như Mỹ, Trung Quốc, và các nước châu Âu đã đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ, dữ liệu lớn (big data) và trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm thúc đẩy hiệu quả kinh tế và cải

thiện chất lượng cuộc sống. Tại Việt Nam, chiến lược chuyển đổi số quốc gia đang được triển khai quyết liệt, với mục tiêu đưa đất nước trở thành quốc gia số vào năm 2030. Các lĩnh vực như y tế, nông nghiệp, công nghiệp và đặc biệt là giáo dục đào tạo đang hưởng lợi từ quá trình này thông qua việc áp dụng công nghệ hiện đại.

Trong bối cảnh đó, trí tuệ nhân tạo nổi lên như một công cụ chủ đạo, giúp tự động hóa, tối ưu hóa và sáng tạo hóa nhiều khía cạnh của đời sống. AI không chỉ thay đổi cách thức hoạt động của các tổ chức mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến các phương pháp giáo dục và đào tạo. Các ứng dụng AI trong giáo dục, như hệ thống học tập cá nhân hóa, trợ giảng ảo, phân tích dữ liệu học tập và đánh giá tự động, đang được triển khai rộng rãi. Đặc biệt, trong ngành báo chí, sự tích hợp AI mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra không ít thách thức.

Đào tạo báo chí – truyền thông trong kỷ nguyên số cần nhanh chóng thích ứng với sự thay đổi do AI mang lại. Trước đây, quá trình sản xuất nội dung báo chí phụ thuộc nhiều vào năng lực cá nhân, từ việc thu thập thông tin, viết bài đến chỉnh sửa. Tuy nhiên, với sự hỗ trợ của AI, các công việc này có thể được tự động hóa một phần hoặc hoàn toàn. Công cụ xử lý ngôn ngữ tự nhiên (*Natural Language Processing – NLP*) giúp phân tích dữ liệu, phát hiện xu hướng và thậm chí tạo ra các bài viết tự động, trong khi học máy (*machine learning*) có thể hỗ trợ nhà báo xác minh thông tin và phân tích cảm xúc độc giả. Những ứng dụng này không chỉ giúp tăng tốc độ sản xuất nội dung mà còn cải thiện độ chính xác và tính cá nhân hóa, đáp ứng nhu cầu đa dạng của công chúng.

Tuy nhiên, việc tích hợp AI vào giáo dục báo chí cũng đặt ra một số thách thức quan trọng. Làm thế nào để sinh viên báo chí sử dụng AI mà không làm mất đi giá trị sáng tạo và đạo đức nghề nghiệp? Làm thế nào để cân bằng giữa việc tận dụng công nghệ và duy trì bản sắc nghề báo? Các cơ sở đào tạo cần xây dựng chương trình học linh hoạt, kết hợp giữa kiến thức truyền thống và kỹ năng số hóa,

đồng thời trang bị cho sinh viên khả năng sử dụng công cụ AI một cách có trách nhiệm.

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, việc tích hợp AI vào đào tạo báo chí không chỉ là xu thế tất yếu mà còn là nhiệm vụ chiến lược, giúp chuẩn bị cho thế hệ nhà báo tương lai đối mặt với một môi trường làm việc không ngừng biến đổi. Điều này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà hoạch định chính sách, cơ sở giáo dục và giới chuyên môn để xây dựng một hệ thống giáo dục báo chí – truyền thông hiện đại, linh hoạt và bền vững.

Các công cụ AI phổ biến trên thế giới hiện nay

Hiện nay, có rất nhiều công cụ *chatbot AI* được thiết kế cho các mục đích khác nhau, từ giao tiếp thông thường đến hỗ trợ doanh nghiệp. Dưới đây là danh sách một số công cụ chatbot AI phổ biến:

- *ChatGPT* (OpenAI) - Phổ biến với các phiên bản GPT-3.5 và GPT-4, chuyên về hội thoại và sáng tạo nội dung.

- *Claude AI* (Anthropic) - Tập trung vào việc cung cấp câu trả lời chính xác, có khả năng xử lý tệp lớn và phục vụ mục đích học thuật.

- *Bing AI* (Microsoft Copilot) - Tích hợp với công cụ tìm kiếm Bing, hỗ trợ truy cập thông tin mới nhất và các tính năng tích hợp với Office 365.

- *Gemini* (Google) - Thay thế Google Bard, hỗ trợ nhập/xuất dữ liệu và tích hợp với Google Workspace.

- *Chatsonic* (Writesonic) - Được tối ưu hóa cho các ngành sáng tạo, hỗ trợ thông tin cập nhật từ Google Search.

- *Poe* (Quora) - Cho phép người dùng truy cập và so sánh nhiều mô hình AI, bao gồm GPT-4 và Claude-3.

- *Drift* - Được thiết kế đặc biệt cho các doanh nghiệp B2B, tập trung vào hỗ trợ bán hàng và *marketing*.

- *Dialogflow* (Google) - Một nền tảng phát triển chatbot dành cho doanh nghiệp, tích hợp các công cụ đàm thoại thông minh.

- *IBM Watson Assistant* - Hỗ trợ doanh nghiệp tự động hóa các tác vụ chăm sóc khách hàng.

- *Tidio* - Một chatbot phổ biến trong lĩnh vực thương mại điện tử, giúp doanh nghiệp tăng cường tương tác với khách hàng.

- *Zendesk AI* - Cung cấp các giải pháp tự động hóa dịch vụ khách hàng tích hợp với các nền tảng Zendesk.

- *LivePerson* - Hỗ trợ giao tiếp với khách hàng qua các kênh khác nhau, từ website đến mạng xã hội.

- *Ada* - Một nền tảng AI không yêu cầu mã hóa, dễ dàng thiết kế chatbot cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong đó, ChatGPT, Gemini, Copilot, và Claude AI đều là các công cụ chatbot AI tiên tiến với nhiều điểm chung đáng chú ý. Tất cả các công cụ này được xây dựng dựa trên các mô hình AI ngôn ngữ lớn, như GPT-4, Claude-3, Gemini Pro 1.0, và Microsoft Prometheus. Những mô hình này đều được thiết kế để hiểu và tạo phản hồi ngôn ngữ tự nhiên một cách mạch lạc và thông minh, được sử dụng cho nhiều mục đích, từ sáng tạo nội dung, hỗ trợ giáo dục, nghiên cứu học thuật, đến chăm sóc khách hàng hoặc hỗ trợ doanh nghiệp. Các công cụ này đều cho phép người dùng nhập và xuất tệp, có thể tùy chỉnh cách công cụ hoạt động hoặc tắt khả năng sử dụng dữ liệu cá nhân cho mục đích huấn luyện mô hình và đều có thể hoạt động trên nhiều nền tảng như ứng dụng web, di động, hoặc tích hợp vào các hệ thống doanh nghiệp. Dưới đây là bảng so sánh các công cụ trên:

AI	ChatGPT	Gemini	Copilot	Claude AI
Mô hình AI	ChatGPT 3.5 GPT-4 (Plus)	Gemini (trước đây là Bard)	(trước đây là Bing)	Phiên bản miễn phí: Claude

	GPT-4o (mới ra mắt)	Pro 1.0 cho Gemini Ultra 1.0 cho Gemini Pro	Mô hình Prometheus của Microsoft	Sonnet Pro: Claude Opus
Nhập dữ liệu	GPT-3.5: Tải lên tệp GPT-4/4o: Tải lên tệp	Gemini: Tải lên hình ảnh Gemini Pro: Tải lên tệp	Copilot: Sao chép & dán; tải lên hình ảnh Copilot Pro: Tải lên tệp	Miễn phí: Tải lên tệp (giới hạn) Claude Opus: Tải lên tệp, hình ảnh không giới hạn
Xuất dữ liệu	GPT-3.5: Xuất ra Word, Excel/CSV GPT-4/4o: Xuất theo yêu cầu	Gemini & Gemini Pro: Xuất sang Google Sheets	Copilot/Copipro: Xuất ra Excel, sao chép & dán	Sao chép & dán
Chi phí	GPT-3.5: Miễn phí GPT-4o: Miễn phí (giới hạn) GPT-4 (Plus): 22\$/tháng	Miễn phí 22\$/tháng	Miễn phí 22\$/tháng	Miễn phí Tùy chọn Premium: 22\$/tháng
Mục đích thiết kế	Nhiệm vụ chung và sáng tạo Tùy chỉnh GPTs (Plus)	Nhiệm vụ chung và sáng tạo	Nhiệm vụ chung và sáng tạo Tùy chỉnh GPTs (Pro)	Nhiệm vụ chung (tìm kiếm miễn phí) Mục đích học thuật
Kết nối Internet	GPT-3.5/4o: Có GPT-4: Có	Có	Có	Không

Dữ liệu huấn luyện	Có thể tắt mà không mất bộ nhớ	Có thể tắt	Có thể tắt	Mặc định tắt
---------------------------	--------------------------------	------------	------------	--------------

Việc bán các gói cao cấp của các công cụ AI như ChatGPT, Gemini, Claude AI và Microsoft Copilot đang ghi nhận sự tăng trưởng mạnh, phản ánh nhu cầu lớn từ người dùng trên toàn thế giới. Trong tương lai, với tốc độ hoàn thiện và nâng cấp không ngừng như hiện nay, việc sử dụng các công cụ AI trong đời sống hằng ngày ở mọi lĩnh vực sẽ phổ biến như tìm kiếm trên Google hiện nay, với hiệu quả và độ tin cậy đầy triển vọng vượt trội.

Ứng dụng AI trong học thuật và tác nghiệp, sản xuất sản phẩm báo chí – truyền thông hiện nay

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các lĩnh vực học thuật và báo chí - truyền thông.

Trong học thuật, AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, dự đoán xu hướng nghiên cứu, và tối ưu hóa quản lý học thuật. Công nghệ này không chỉ cải thiện tốc độ và hiệu quả công việc mà còn giúp các nhà nghiên cứu phát hiện những mối quan hệ phức tạp trong dữ liệu, hỗ trợ các sáng tạo trong nhiều lĩnh vực khoa học. Ngoài ra, AI được sử dụng để cá nhân hóa trải nghiệm học tập, cải thiện khả năng đánh giá và hỗ trợ người học thông qua các nền tảng như ChatGPT và Copilot. AI hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn, xác định xu hướng nghiên cứu, và tạo ra các dự đoán chính xác. Các lĩnh vực như y học, khoa học máy tính, và khoa học xã hội đã áp dụng AI để rút ngắn thời gian nghiên cứu và cải thiện kết quả. Ví dụ, AI được sử dụng để thiết kế các loại thuốc mới hoặc phân tích dữ liệu trong nghiên cứu xã hội. Nền tảng học tập trực tuyến như Coursera hay Khan Academy sử dụng AI để cung cấp nội dung phù hợp với từng người học. AI phân tích kết quả học tập, xác định điểm yếu của người học, và đề xuất các bài giảng phù hợp. Các trường đại học và tổ chức giáo

dục ứng dụng AI vào quản lý học thuật, ví dụ như đánh giá tự động các bài viết, theo dõi tiến độ học tập của sinh viên, và tối ưu hóa quy trình tuyển sinh.

Việt Nam đang dần bắt kịp xu hướng toàn cầu nhưng vẫn còn ở giai đoạn đầu trong việc ứng dụng AI vào học thuật. Một số trường đại học lớn như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Bách Khoa, và các viện nghiên cứu đã ứng dụng AI trong các dự án khoa học, như phân tích dữ liệu môi trường, dự báo kinh tế, và ứng dụng trong công nghiệp. Các nền tảng giáo dục trực tuyến trong nước như VioEdu đã bắt đầu ứng dụng AI để cung cấp bài giảng tương tác, phù hợp với trình độ từng học sinh. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn phải đối mặt với những hạn chế như nguồn nhân lực chuyên môn còn ít, thiếu dữ liệu lớn có tính địa phương hóa, và chưa có chiến lược rõ ràng trong việc ứng dụng AI cho giáo dục ở quy mô quốc gia.

Trong báo chí - truyền thông, hơn 90% các tòa soạn trên thế giới đã tích hợp AI vào một số khía cạnh của quy trình sản xuất tin tức, như thu thập, biên tập, và phân phối thông tin. Những ứng dụng phổ biến nhất của AI trong báo chí bao gồm tự động hóa các tác vụ lặp đi lặp lại, cá nhân hóa nội dung để tăng trải nghiệm người dùng, và mở rộng phạm vi tiếp cận thông tin qua nhiều định dạng như video hoặc podcast. AI hỗ trợ sản xuất các bài báo cơ bản, đặc biệt là các bản tin dữ liệu như báo cáo tài chính, tin thể thao, hoặc dự báo thời tiết. Công cụ AI như Wordsmith của Automated Insights và Heliograf của The Washington Post có thể tạo ra hàng nghìn bài viết nhanh chóng dựa trên dữ liệu định sẵn. Một ví dụ khủng khiếp là Heliograf đã tạo hơn 850 bài báo tự động về bầu cử trong một ngày. Bên cạnh đó, AI giúp nhà báo xử lý lượng lớn dữ liệu để phát hiện câu chuyện hoặc xu hướng. Các công cụ như Data Miner và NLP-based Analysis Tools được sử dụng để phân tích tài liệu pháp lý, báo cáo tài chính, và dữ liệu công khai. AI cũng cung cấp công cụ chỉnh sửa tự động, phát hiện lỗi chính tả, ngữ pháp, và cấu trúc bài viết. Nền tảng như Grammarly và các dịch vụ dịch thuật tự động (DeepL, Google Translate) giúp nhà báo tiết kiệm thời gian trong việc biên tập và chuyển ngữ. AI

hỗ trợ sản xuất các nội dung video, hình ảnh, và âm thanh, ví dụ như Synthesia dùng để tạo video AI với các phát thanh viên ảo hoặc Adobe Sensei giúp tối ưu hóa hình ảnh và âm thanh. AI hỗ trợ việc kiểm chứng thông tin trong thời đại tin giả. Công cụ như Factmata hoặc Full Fact sử dụng AI để xác minh tính chính xác của thông tin lan truyền trên mạng xã hội và các kênh truyền thông.

Trong tác nghiệp báo chí, AI ngày càng chứng tỏ mình là một công cụ hữu ích trong việc hỗ trợ nhà báo tác nghiệp và hoàn thiện tác phẩm báo chí. AI có thể viết các bài tin tức cơ bản dựa trên dữ liệu như kết quả thể thao, báo cáo tài chính, hoặc thông tin thời tiết. Những công cụ như GPT-4 có khả năng hỗ trợ viết nội dung, chỉnh sửa và cải thiện chất lượng bài viết hay tóm tắt các bài báo dài thành các đoạn ngắn gọn, dễ hiểu, giúp người đọc nhanh chóng nắm bắt nội dung chính. AI có thể phân tích các xu hướng trên mạng xã hội, các phản hồi của người đọc và tìm kiếm các chủ đề đang được quan tâm, từ đó giúp phóng viên định hướng viết bài, có khả năng tự động hóa quá trình tìm kiếm và thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, giúp nhà báo tiết kiệm thời gian. AI có thể hỗ trợ chỉnh sửa bài viết, kiểm tra lỗi chính tả và ngữ pháp, đảm bảo nội dung xuất bản đạt chuẩn về ngôn ngữ, điều chỉnh phong cách viết phù hợp với đối tượng đọc giả hoặc chuẩn mực của tòa soạn. AI có thể đề xuất các từ khóa phù hợp, tối ưu tiêu đề và thẻ mô tả để bài viết dễ dàng được tìm thấy trên các công cụ tìm kiếm, giúp tăng cường sự tiếp cận của nội dung. AI có thể chuyển đổi các bài báo thành âm thanh, giúp người dùng tiếp cận nội dung thông qua việc nghe, đồng thời có thể tự động tạo các đoạn video ngắn dựa trên nội dung bài báo hoặc cung cấp các hình ảnh minh họa để làm cho bài viết sinh động hơn. AI hỗ trợ kiểm chứng thông tin và phát hiện các nội dung sai lệch, giúp giảm thiểu rủi ro của việc lan truyền tin tức không chính xác. AI có thể hỗ trợ dịch các bài báo sang nhiều ngôn ngữ khác nhau một cách nhanh chóng, giúp mở rộng phạm vi tiếp cận của tòa soạn đến độc giả quốc tế.

Trong lĩnh vực truyền hình, AI có thể hỗ trợ viết kịch bản cho các chương trình, từ talk show đến phim ngắn, bằng cách phân tích các yếu tố kịch bản đã thành công trước đó và gợi ý ý tưởng sáng tạo, thể hỗ trợ chỉnh sửa video, bao gồm việc cắt ghép, điều chỉnh màu sắc, cân bằng âm thanh, và thêm các hiệu ứng đặc biệt, giúp tiết kiệm thời gian sản xuất. AI có khả năng tự động chuyển đổi lời nói thành văn bản (speech-to-text) để tạo phụ đề cho chương trình, đồng thời hỗ trợ dịch phụ đề sang nhiều ngôn ngữ khác nhau. AI có thể phân tích dữ liệu khán giả để xác định xu hướng, đánh giá mức độ yêu thích của các chương trình và dự đoán nội dung có thể hấp dẫn khán giả trong tương lai cũng như đề xuất các chương trình phù hợp với sở thích của từng khán giả, giúp nâng cao trải nghiệm xem. AI có thể phân tích dữ liệu người xem để xác định thời điểm phát sóng tối ưu cho các chương trình, từ đó tối ưu hóa lượng khán giả và nâng cao hiệu quả phát sóng. AI được sử dụng để xây dựng chatbot hỗ trợ khán giả, trả lời các câu hỏi liên quan đến chương trình, lịch phát sóng, hoặc gợi ý nội dung phù hợp hoặc chèn quảng cáo vào những thời điểm phù hợp nhất trong chương trình dựa trên phân tích sự chú ý của khán giả, đảm bảo tính liên tục và không làm gián đoạn trải nghiệm xem. Đặc biệt, có thể sử dụng mô hình AI kết hợp với công nghệ đồ họa 3D để tạo ra các nhân vật MC ảo có thể dẫn chương trình trực tiếp trên sóng truyền hình hoặc trong các bản tin. Các nhân vật MC ảo này có thể được tùy chỉnh với diện mạo và phong cách dẫn dắt phù hợp với nội dung chương trình. Hiện nay nhiều nền tảng đã sử dụng để chuyển đổi giọng nói của MC ảo thành giọng tự nhiên và sống động, giúp khán giả có cảm giác gần gũi hơn. AI cũng có khả năng điều chỉnh tông giọng, nhấn nhá và biểu cảm sao cho phù hợp với nội dung. MC bằng AI có thể làm việc liên tục 24/7 mà không cần nghỉ ngơi, giúp các kênh truyền hình có thể phát sóng liên tục các bản tin, chương trình mà không gặp phải hạn chế về thời gian hoặc nhân lực.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều lo ngại về đạo đức, tính chính xác và sự mất đi chiều sâu phân tích vốn là thế mạnh của báo chí truyền thống. Các tòa soạn ở khu vực Nam bán cầu thường gặp khó khăn hơn trong việc áp dụng AI do hạn chế về ngôn ngữ và nguồn lực.

Tại Việt Nam, ứng dụng AI trong học thuật và báo chí – truyền thông đang phát triển nhưng vẫn còn hạn chế do thiếu nguồn lực và kinh nghiệm. Các trường đại học và viện nghiên cứu đang dần tích hợp công nghệ AI vào nghiên cứu khoa học và quản lý giáo dục, nhưng chưa phổ biến ở quy mô rộng. Trong báo chí, một số tòa soạn và đài truyền hình đã bắt đầu ứng dụng AI trong sản xuất nội dung và sản phẩm báo chí, ví dụ như VietnamPlus, ZingNews và Đài Truyền hình Việt Nam đã bước đầu áp dụng AI để biên tập tin tức, phân tích dữ liệu người đọc, và sản xuất video tự động. Một số nhà báo Việt Nam tham gia các khóa học quốc tế để hiểu sâu hơn về việc ứng dụng AI, như đào tạo tại Ấn Độ hoặc hội thảo ở Singapore.

Tuy vậy, việc triển khai AI vẫn đối mặt với những thách thức lớn như thiếu kinh phí, nhân lực chuyên môn, và lo ngại về tính minh bạch, công bằng trong ứng dụng công nghệ. Việt Nam đang cần nhiều nỗ lực hơn để xây dựng các chính sách khuyến khích phát triển công nghệ AI trong các ngành nghề, cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thời đại số.

Quy chuẩn về sử dụng AI trong công bố học thuật trên thế giới hiện nay

Các tổ chức khoa học quốc tế như Hội đồng Khoa học Quốc tế (ISC) đã công bố các chiến lược toàn cầu nhằm tăng cường việc tích hợp AI vào khoa học và nghiên cứu, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tuân thủ các quy định đạo đức và trách nhiệm trong quá trình nghiên cứu và công bố khoa học, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và tôn trọng quyền con người. Liên minh châu Âu (EU) đã ban hành Quy định chung về bảo vệ dữ liệu (GDPR), áp dụng cho tất cả các ứng dụng AI sử dụng dữ liệu cá nhân của công dân châu Âu. Quy định này yêu cầu các nhà

ngiên cứu và tổ chức phải đảm bảo quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu khi sử dụng AI trong nghiên cứu và công bố khoa học. Các cơ quan quản lý yêu cầu các nhà nghiên cứu phải minh bạch trong việc sử dụng AI, bao gồm việc công bố rõ ràng về cách thức AI được áp dụng trong nghiên cứu, dữ liệu được sử dụng và các thuật toán liên quan. Ngoài ra, cần có cơ chế trách nhiệm giải trình để đảm bảo tính chính xác và đáng tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Các trường hợp sử dụng AI trong nghiên cứu khoa học bị coi là vi phạm đạo đức nghiên cứu thường liên quan đến những vấn đề như minh bạch, trách nhiệm, tính xác thực và tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan. Không công bố rõ ràng việc sử dụng AI, thao túng hoặc ngụy tạo dữ liệu bằng AI, thiếu sự giám sát và xác thực kết quả từ AI, xâm phạm quyền riêng tư và bảo mật thông tin cá nhân, không đảm bảo công bằng và thiên vị trong AI, sử dụng AI để tạo ra bài viết học thuật mà không thừa nhận đóng góp của AI, sử dụng AI trong các nghiên cứu gây hại hoặc không mang lại giá trị tích cực đều được coi là thiếu minh bạch, trách nhiệm, tính xác thực và tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan trong đạo đức nghiên cứu.

Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam đã ban hành tài liệu hướng dẫn về 9 nguyên tắc nghiên cứu và phát triển hệ thống AI có trách nhiệm, bao gồm: Tinh thần hợp tác, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Tính minh bạch; Khả năng kiểm soát; An toàn; Bảo mật; Quyền riêng tư; Tôn trọng quyền và phẩm giá con người; Hỗ trợ người dùng; Trách nhiệm giải trình.

Các nguyên tắc này nhằm hướng đến một xã hội lấy con người làm trung tâm, đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa lợi ích và rủi ro của các hệ thống AI.

Hiện nay, quy định về sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong sản xuất báo chí và truyền thông đang dần được xây dựng và áp dụng tại nhiều quốc gia, tổ chức truyền thông, và các cơ quan quản lý báo chí. Dù vậy, do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, các quy định này thường mang tính hướng dẫn và khuyến nghị, hơn là những bộ luật cụ thể, chi tiết. Tuy nhiên, các sản phẩm báo chí được

tạo ra toàn bộ hoặc một phần bởi AI cần được công khai rõ ràng, ghi chú về sự tham gia của AI trong quá trình sản xuất. Điều này nhằm đảm bảo độc giả, khán giả hiểu được nguồn gốc và bản chất của thông tin. Và quá trình sản xuất tác phẩm báo chí luôn phải đảm bảo những nguyên tắc hoạt động nghề nghiệp cố hữu, trong đó có tính trung thực, khách quan dù có sử dụng AI hay không.

Đề xuất các quy tắc sử dụng AI trong học tập và đào tạo Báo chí – Truyền thông hiện nay

Trong việc đào tạo sinh viên báo chí, việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) có thể mang lại nhiều lợi ích cho quá trình học tập và rèn luyện kỹ năng của sinh viên. Tuy nhiên, để đảm bảo việc sử dụng AI không gây ra vi phạm đạo đức, thiếu trung thực, hoặc làm giảm tính sáng tạo, cần có những quy định cụ thể nhằm quản lý và hướng dẫn sinh viên về cách sử dụng công nghệ này. Dưới đây là một số đề xuất về các quy tắc sử dụng AI trong *học tập* đối với sinh viên Báo chí – truyền thông hiện nay:

Minh bạch về việc sử dụng AI

Khi sử dụng AI để hỗ trợ viết bài, biên tập, hoặc phân tích thông tin, sinh viên phải công khai việc đã sử dụng công cụ AI và giải thích vai trò cụ thể của AI trong sản phẩm báo chí của mình. Nếu AI được sử dụng trong quá trình viết hoặc biên tập bài báo, sinh viên cần thừa nhận công cụ và đóng góp của AI như một phần trong quá trình sáng tạo nội dung.

Giới hạn việc sử dụng AI trong viết và biên tập

Không được lạm dụng AI để viết bài hoàn chỉnh: AI có thể hỗ trợ sinh viên trong việc lấy ý tưởng hoặc gợi ý câu từ, nhưng sinh viên không được sử dụng AI để viết toàn bộ bài báo hoặc nội dung học thuật. Việc này vi phạm tính trung thực học thuật và làm giảm khả năng tư duy sáng tạo của sinh viên.

Chỉ sử dụng AI để gợi ý và cải thiện chất lượng bài viết: AI có thể được sử dụng như một công cụ gợi ý, hỗ trợ biên tập hoặc kiểm tra ngữ pháp, nhưng bài viết cuối cùng phải là sản phẩm mang dấu ấn cá nhân của sinh viên.

Đảm bảo tính độc lập và sáng tạo cá nhân

Sinh viên cần tự mình nghiên cứu, tư duy và tạo ra các bài báo của riêng mình, AI chỉ nên là công cụ hỗ trợ, không phải là người thay thế quá trình sáng tạo. Trường báo chí nên có các bài tập yêu cầu sinh viên tự nghiên cứu và viết mà không có sự can thiệp của AI để phát triển kỹ năng cá nhân. Sinh viên cần hiểu rằng tự động hóa không thể thay thế các kỹ năng chuyên môn và nhân văn trong báo chí như khả năng phỏng vấn, cảm nhận, phân tích tình huống và xây dựng góc nhìn cá nhân.

Không sử dụng AI để thao tác và ngụy tạo thông tin

Cấm sử dụng AI để tạo thông tin sai lệch: Sinh viên không được sử dụng AI để tạo ra hoặc chỉnh sửa thông tin sai lệch, gây hiểu nhầm cho người đọc. Điều này đặc biệt quan trọng vì báo chí là lĩnh vực liên quan đến cung cấp thông tin chính xác cho công chúng.

Không được sử dụng AI để ngụy tạo nguồn tin: Sinh viên không được sử dụng AI để tạo ra các nguồn tin giả mạo hoặc câu chuyện không có căn cứ, vì điều này vi phạm nghiêm trọng tính trung thực báo chí.

Sử dụng AI để học tập, không để gian lận

Cấm sử dụng AI trong kiểm tra và đánh giá: Sinh viên không được sử dụng AI để trả lời các bài kiểm tra, viết luận hoặc bất kỳ hình thức đánh giá nào mà yêu cầu tính độc lập của sinh viên.

Tuân thủ quy tắc đạo đức học thuật: Trường nên có các quy định nghiêm ngặt về việc gian lận học thuật liên quan đến việc sử dụng AI, và nêu phát hiện vi phạm, cần có biện pháp xử lý phù hợp.

Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quyền riêng tư

Sinh viên phải đảm bảo tuân thủ các quy định về quyền sở hữu trí tuệ khi sử dụng AI, đặc biệt là khi sử dụng các nội dung hoặc dữ liệu do AI tạo ra. Nếu sử dụng AI để thu thập và phân tích thông tin liên quan đến người khác, sinh viên phải tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư, đảm bảo không xâm phạm đến các quyền lợi của cá nhân.

Đối với giảng viên và cơ sở đào tạo chuyên ngành cũng cần thiết lập những hoạt động có tổ chức nhằm *giám sát và hướng dẫn người học* trong quá trình sử dụng AI vào học tập và nghiên cứu để đảm bảo tính trung thực học thuật, phát triển kỹ năng cá nhân, và ngăn ngừa việc lạm dụng công nghệ:

Áp dụng các quy tắc rõ ràng

Các cơ sở giáo dục nên có các quy định rõ ràng và chi tiết về việc sử dụng AI trong học tập và nghiên cứu, trong đó xác định những gì được phép và không được phép. Ví dụ: sinh viên có thể sử dụng AI để chỉnh sửa ngữ pháp, nhưng không được phép sử dụng AI để viết toàn bộ luận văn. Sinh viên cần ký cam kết tuân thủ quy tắc sử dụng AI một cách trung thực. Cam kết này nhấn mạnh tầm quan trọng của tính trung thực trong học thuật và sự phát triển cá nhân.

Sử dụng công cụ phát hiện nội dung do AI tạo ra

Hiện nay, có một số công cụ có khả năng phát hiện nội dung được tạo ra bởi AI như GPTZero, Copyleaks, và Turnitin AI Detection. Những công cụ này có thể giúp giảng viên phát hiện ra nếu một bài làm của sinh viên có dấu hiệu được viết bởi AI thay vì do sinh viên tự làm. Các công cụ phát hiện AI thường phân tích văn phong và cấu trúc của bài viết để nhận biết nếu nội dung có đặc điểm thường thấy trong các bài do AI tạo ra. Sự thiếu vắng tính cá nhân và văn phong đơn điệu thường là dấu hiệu cho thấy AI đã được sử dụng.

Yêu cầu báo cáo quá trình học tập

Để tránh việc sử dụng AI một cách không trung thực, giảng viên có thể yêu cầu sinh viên nộp kèm theo bài làm một bản báo cáo giải thích cách thức họ đã

nghiên cứu và thực hiện bài làm. Điều này giúp giám sát sinh viên sử dụng AI đúng cách và đảm bảo họ tự tham gia vào quá trình học tập. Đối với các dự án nghiên cứu lớn, giảng viên có thể thực hiện các buổi phỏng vấn trực tiếp với sinh viên để kiểm tra mức độ hiểu biết về nội dung đã nộp. Nếu sinh viên không thể giải thích các phần của bài làm, có thể đó là dấu hiệu của việc lạm dụng AI.

Áp dụng các hình thức đánh giá không dễ sao chép

Các bài kiểm tra miệng, thuyết trình hoặc bài tập thực hành có thể được áp dụng thay cho các bài viết truyền thống. Hình thức này yêu cầu sinh viên phải nắm vững nội dung và không thể chỉ dựa vào AI để hoàn thành. Chia bài tập thành các giai đoạn nhỏ và yêu cầu sinh viên nộp từng phần theo tiến độ giúp giám sát việc học tập và tránh việc sử dụng AI để hoàn thành toàn bộ bài trong thời gian ngắn.

Sử dụng công cụ phát hiện đạo văn

AI có thể tạo ra nội dung mới dựa trên các nguồn thông tin khác nhau, đôi khi dẫn đến vấn đề đạo văn. Sử dụng các phần mềm phát hiện đạo văn như Turnitin, Copyscape, hoặc Grammarly giúp giảng viên kiểm tra xem sinh viên có sao chép nội dung từ các nguồn khác mà không trích dẫn hay không.

Giám sát qua các bài tập thực hành và đánh giá cá nhân

Phát triển bài tập mang tính cá nhân hóa bằng cách đưa ra các bài tập mà yêu cầu sự trải nghiệm hoặc ý kiến cá nhân của sinh viên. Những bài tập này khó có thể hoàn thành bằng AI do chúng đòi hỏi sự tham gia của cá nhân, trải nghiệm thực tế và suy nghĩ chủ quan. Yêu cầu sinh viên thực hiện các bài tập thực hành như phỏng vấn, quan sát thực tế hoặc làm việc nhóm giúp kiểm tra khả năng thực tế của sinh viên và tránh việc sử dụng AI một cách tiêu cực.

Hướng dẫn và giáo dục về đạo đức sử dụng AI

Các trường đại học cần cung cấp các khóa học hoặc hội thảo về đạo đức và các quy tắc sử dụng AI. Sinh viên cần hiểu rõ về những hệ quả khi lạm dụng AI trong học tập, bao gồm cả trách nhiệm pháp lý và đạo đức. Sinh viên cần được

khuyến khích sử dụng AI một cách hợp lý, tập trung vào những khía cạnh hỗ trợ học tập và nghiên cứu, không để AI làm giảm sự phát triển kỹ năng tư duy cá nhân.

Thiết lập hệ thống phản hồi từ giảng viên

Tăng cường phản hồi liên tục từ giảng viên đối với các bài làm của sinh viên giúp phát hiện kịp thời nếu có dấu hiệu lạm dụng AI. Phản hồi chi tiết giúp giảng viên hiểu rõ quá trình học tập của sinh viên và kịp thời điều chỉnh nếu phát hiện bất thường. Đối với các bài nghiên cứu hoặc bài luận dài, giảng viên có thể đặt câu hỏi ngắn gọn hoặc yêu cầu sinh viên giải thích một số phần của bài làm để đảm bảo rằng họ đã hiểu rõ và nắm vững nội dung.

Kết luận

Trí tuệ nhân tạo (AI) đang dần thay đổi cách thức vận hành của ngành báo chí – truyền thông, mở ra những cơ hội lớn trong việc tạo dựng nội dung, phân tích dữ liệu và nâng cao hiệu quả công việc. Tuy nhiên, cùng với tiềm năng to lớn, AI cũng đặt ra những thách thức về đạo đức, tính minh bạch và quyền sở hữu trí tuệ, đòi hỏi ngành báo chí – truyền thông phải có những định hướng rõ ràng trong việc sử dụng công nghệ này.

Bài nghiên cứu đã làm rõ vai trò quan trọng của AI trong việc hỗ trợ các khâu sản xuất nội dung, tối ưu hóa dữ liệu truyền thông và thúc đẩy khả năng sáng tạo trong hoạt động báo chí. Đồng thời, việc tích hợp AI vào nghiên cứu và học tập cũng giúp sinh viên, nhà nghiên cứu tiếp cận với công cụ hiện đại, từ đó nâng cao kỹ năng và hiệu quả làm việc. Tuy nhiên, điều này cần đi kèm với những nguyên tắc chặt chẽ nhằm đảm bảo tính chính trực và các giá trị nghề nghiệp.

Bốn nhóm quy tắc được đề xuất trong nghiên cứu – minh bạch và trách nhiệm, đạo đức và tính chính trực, phát triển năng lực, cùng pháp luật và quyền sở hữu trí tuệ – là nền tảng giúp định hướng cách sử dụng AI một cách bền vững. Những quy tắc này không chỉ tạo ra hành lang pháp lý và đạo đức rõ ràng mà còn

góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người học và người làm nghề trong kỷ nguyên công nghệ mới.

Sự thành công của việc áp dụng các quy tắc này đòi hỏi nỗ lực phối hợp từ nhiều bên, bao gồm các cơ sở đào tạo, nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý và cả sinh viên ngành báo chí – truyền thông. Chỉ khi có sự đồng lòng và hiểu biết sâu sắc, ngành báo chí mới có thể khai thác toàn diện sức mạnh của AI, đào tạo và cung ứng cho thế giới việc làm một nguồn nhân lực có đầy đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để phát triển bản thân và xã hội không ngừng trong bối cảnh phụ thuộc công nghệ như hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Inrush, F., (2023). Systematic Review of Literature on Expert System in Education

[2] Ke Zhang and Ayse Begum Aslan., (2021). AI technologies for education: Recent research & future directions. Computers and Education. Artificial Intelligence 2

[3] Pea, R., D. (1983) Logo Programming and Problem Solving

[4] Schmidt, K. L. (1919) Der Rahmen der Geschichte Jesu (“The Framework of the Story of Jesus”), Berlin.

[5] Stevenson, I. J. (2008) Tool, tutor, environment or resource: Exploring metaphors for digital technology and pedagogy using activity theory. Computers and Education. 51, 836-853.

[6] Sutherland, R. and Hoyles, C. (1989) Logo mathematics in the classroom. Routledge.

[7] Travis, S.H., “Form Criticism,” (1977). In Marshall, H., ed., New Testament Interpretation: Essays on Principles and Methods,. Carlisle: The Paternoster Press, revised 1979. pp.153-164.

VẤN ĐỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ VÀ BÁO CHÍ – TRUYỀN THÔNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Thế

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, chuyển đổi số chính là xu hướng của xã hội nói chung và lĩnh vực giáo dục nói riêng. Việc áp dụng công nghệ vào giáo dục có vai trò vô cùng to lớn, tạo nên nhiều bước ngoặt phát triển, mở ra nhiều phương thức giáo dục mới thông minh, hiệu quả hơn và đồng thời tiết kiệm chi phí cho người học. Đối với giáo dục đại học, chuyển đổi số đã và đang tác động sâu sắc đến cả công tác quản lý, giảng dạy của giảng viên và học tập, nghiên cứu khoa học của sinh viên, trong đó có công tác giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí truyền thông. Bài viết tập trung làm rõ quan điểm của Đảng ta về chuyển đổi số và nội dung chuyển đổi số trong giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí truyền thông ở trường Đại học Vinh hiện nay.

Từ khóa: *Chuyển đổi số, chuyển đổi số trong giáo dục, giảng dạy các môn lý luận và báo chí truyền thông.*

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định, một trong những nhiệm vụ trọng tâm của nhiệm kỳ là: “Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, khắc phục những điểm nghẽn cản trở sự phát triển của đất nước”.

Trong phát biểu của mình tại phiên Khai mạc Đại hội, cố Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng nhấn mạnh, một trong những nhiệm vụ

chiến lược để đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới là: "Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số quốc gia".

Có thể khẳng định, điều này thể hiện tầm nhìn mang tính chiến lược của Đảng và Nhà nước; đồng thời phản ánh chính xác bước đi, nhu cầu phát triển tất yếu của thời đại trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

Bên cạnh nhấn mạnh nhiệm vụ chiến lược phải chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết Đại hội Đảng XIII cũng quan tâm đến phát triển giáo dục. Đánh giá về trình độ phát triển giáo dục, Đảng ta chỉ rõ: “Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ở nước ta chưa trở thành động lực then chốt thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội”. Vì vậy, một trong những đột phá chiến lược được Đảng ta xác định, đó là: “Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đãi ngộ nhân tài, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Điều đó để hiểu rằng, trong bối cảnh hiện nay, phát triển giáo dục đào tạo là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Để phát triển giáo dục đào tạo, cần có nhiều giải pháp, trong đó, chuyển đổi số là một giải pháp có tính chất then chốt.

2. Nội dung

2.1. Thực chất của chuyển đổi số trong giáo dục

Hiểu đơn giản, chuyển đổi số (digital transformation) là khai thác các dữ liệu có được từ quá trình số hóa (tức chuyển đổi các hệ thống thường sang hệ thống kỹ thuật số, chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm

trên máy tính, số hóa truyền hình chuyển từ phát sóng analog sang phát sóng kỹ thuật số, số hoá hình ảnh, âm thanh, số hoá các quy trình, thủ tục, số hoá sản phẩm, dịch vụ...), rồi áp dụng các công nghệ để phân tích, biến đổi các dữ liệu đó và sử dụng dữ liệu để tạo ra các giá trị mới hơn. Điều kiện cứng để chuyển đổi số là bắt buộc phải có hạ tầng công nghệ mới như dữ liệu lớn (big data), vạn vật kết nối (IoT), điện toán đám mây (cloud computing)... trên nền tảng Internet. Hay nói cách khác, chuyển đổi số là chuyển các hoạt động của con người từ thế giới thực sang thế giới ảo, mọi hoạt động đều diễn ra trên môi trường mạng dưới sự hỗ trợ của công nghệ (chủ yếu là công nghệ thông tin viễn thông).

Từ đó có thể hiểu, *chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục* là việc ứng dụng hạ tầng công nghệ mới và Internet để vận hành, triển khai các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nhằm đạt hiệu quả thực cực, thúc đẩy đổi mới, phát triển.

Trước đó Đại hội Đảng XIII, tháng 6/2020, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 749 về *Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*. Quyết định nêu bật tầm nhìn, mục tiêu cơ bản của Chuyển đổi số quốc gia, những nhiệm vụ, giải pháp phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, đặc biệt, xác định một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số nhanh chóng, trong đó có lĩnh vực giáo dục. Theo Quyết định của Thủ tướng, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục được xác định gồm: phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa; ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy, học tập; số hoá tài liệu, giáo trình;

Xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hoá.

Ngay sau khi Thủ tướng ban hành Chương trình chuyển đổi số quốc gia, và đặc biệt, sau định hướng của Đảng tại Đại hội Đảng XIII, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục, các nhà trường ở hầu hết địa phương trong cả nước đã tăng tốc trên lộ trình chuyển đổi số và đạt được những kết quả đáng kể. Có thể nhận diện ở một số biểu hiện sau:

Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục: Đó là sự thay đổi về tư duy quản lý của các nhà lãnh đạo, quản lý, ban hành các cơ chế, chính sách mới, tạo điều kiện để các trường có thể áp dụng chuyển đổi số vào giảng dạy - học tập.

Chuyển đổi số trong hoạt động dạy - học - kiểm tra, đánh giá: Bài giảng được số hoá, các phần mềm được áp dụng để soạn bài, giảng bài, học bài, làm bài tập, kiểm tra, đánh giá người học...

Chuyển đổi số trong học liệu: Đó là kho học liệu số, học liệu mở với việc ra đời và ứng dụng phổ biến sách giáo khoa điện tử, tài liệu học tập điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi...

Chuyển đổi số trong công tác lưu trữ: Thư viện số, hồ sơ số (bao gồm hồ sơ cán bộ giáo viên, hồ sơ người học)

Chuyển đổi số trong phương pháp giảng dạy: Bắt buộc giáo viên phải thay đổi phương pháp giảng dạy, sáng tạo, linh hoạt trong ứng dụng các tiện ích của phần mềm máy tính và kho dữ liệu minh họa sinh động trên tài nguyên Internet vào bài giảng; thay đổi công tác quản lý lớp và tương tác với người học...

Chuyển đổi số trong nghiên cứu khoa học: Xây dựng khoa học mở với các cơ sở dữ liệu nghiên cứu khoa học trực tuyến chia sẻ miễn phí (open access databases)...

2.2. Chuyển đổi số trong giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí - truyền thông

Theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội XIII về chuyển đổi số quốc gia, trong đó có chuyển đổi số trong lĩnh vực đào tạo, ở các trường đại học có giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí - truyền thông nói chung, tại khoa

Chính trị và Báo chí, trường Đại học Vinh nói riêng, cũng đã có những bước chuyển nhất định, trong đó có việc ứng dụng chuyển đổi số.

Trường đại học Vinh đã ban hành Quy định tạm thời về áp dụng hình thức đào tạo từ xa, trực tuyến (online). Đáng chú ý là các nội dung:

Thứ nhất, sử dụng phần mềm Microsoft Teams được sử dụng thống nhất trong toàn trường, ở tất cả các hệ đào tạo để triển khai đào tạo từ xa, trực tuyến;

Thứ hai, Viện đào tạo trực tuyến giám sát từ xa, trực tuyến đối với hoạt động dạy - học của giảng viên và sinh viên; kết quả đánh giá các học phần đào tạo từ xa, trực tuyến được công nhận như kết quả đánh giá các học phần/tín chỉ theo hình thức đào tạo truyền thống;

Thứ ba, học phần/tín chỉ đào tạo từ xa, trực tuyến phải đảm bảo các yêu cầu chung về kiến thức, kỹ năng, thái độ, đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định của Học viện và của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thứ tư, mỗi buổi giảng từ xa, trực tuyến, đối với một buổi học lý thuyết tối thiểu 3 tiết/buổi học (50 phút/tiết, thời gian còn lại giảng viên phải có trách nhiệm giao người học tự học, tự nghiên cứu và được thanh toán như một buổi học thông thường (5 tiết);

Thứ năm, giảng viên tạo lớp theo tài khoản do Bộ phận Công nghệ thông tin cung cấp và thống nhất các quy định về chuẩn bị tài liệu, điểm danh, các điều kiện kiểm tra, thi... đối với người học các lớp từ xa trực tiếp giảng dạy;

Thứ sáu, trách nhiệm của giảng viên là xây dựng bài giảng, lựa chọn phương pháp giảng dạy từ xa, trực tuyến cho phù hợp, đảm bảo chất lượng giảng dạy của học phần, tham gia quy trình sản xuất học liệu điện tử (ghi hình, thu âm) phục vụ giảng dạy từ xa, thiết kế các bài tập tình huống (case study), thiết kế hệ thống câu hỏi trắc nghiệm khách quan;

Thứ bảy, xây dựng và thực hiện đầy đủ kế hoạch học tập cụ thể, giải đáp kịp thời những thắc mắc của người học trong quá trình học tập, kiểm tra, đánh giá kết

quả, giải đáp các câu hỏi trên diễn đàn thảo luận, hỗ trợ người học giải quyết những khó khăn nảy sinh trong quá trình học tập;

Thứ tám, giảng viên chịu trách nhiệm về nội dung bài giảng và các vấn đề thảo luận đưa lên hệ thống đào tạo từ xa, chủ động lưu trữ các minh chứng để cung cấp khi cần;

Thứ chín, giảng viên giảng dạy học phần/tín chỉ (lớp) nào đồng thời là trưởng nhóm lớp đó và phải trực tiếp đưa thêm cán bộ quản lý đào tạo phụ trách lớp/đơn vị tham gia thành viên lớp để giám sát; đưa thêm lãnh đạo và giáo vụ khoa chủ quản cùng tham gia thành viên lớp để cùng giám sát và quản lý quá trình tổ chức giảng dạy...

Bên cạnh đó, người học chỉ được thi kết thúc học phần khi tham gia học tập trên lớp từ xa tối thiểu 80% số tiết học theo lịch, có đầy đủ ý kiến trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi trên diễn đàn học tập theo yêu cầu của giảng viên; hoàn thành đầy đủ các bài kiểm tra, bài tập... theo quy định đối với học phần.

Tóm lại, với Quy định tạm thời về áp dụng hình thức đào tạo từ xa, trực tuyến, đã tạo cơ sở pháp lý, là căn cứ để Nhà trường, các trường trực thuộc, các khoa, Viện, giảng viên, sinh viên, cán bộ quản lý đào tạo, khảo thí và kiểm định... triển khai đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo hoạt động dạy - học - quản lý - giám sát dạy, học được diễn ra thông suốt.

Trong thời điểm dịch Covid-19 bùng phát, trường đại học Vinh áp dụng hình thức giảng dạy trực tuyến cho tất cả các hệ và các ngành đào tạo. Đến thời điểm hiện nay, đào tạo từ xa, trực tuyến vẫn được triển khai, với tỉ lệ tối đa 30% trên tổng thời lượng giảng dạy các học phần.

Hiện nay, chưa có bất kỳ một điều tra người học, người dạy một cách toàn diện để đánh giá chính xác nhất về chất lượng đào tạo, cũng như những hạn chế, bất cập, từ đó có được giải pháp phù hợp để công tác chuyển đổi số trong đào tạo lý luận chính trị và báo chí truyền thông đạt hiệu quả như mong đợi. Tuy

nhiên, qua quan sát thực tiễn và phản hồi bước đầu của người học, có thể rút ra một vài kết luận sau:

Chuyển đổi số trong đào tạo lý luận chính trị và báo chí truyền thông mới chỉ là bước đầu. Hầu hết các giảng viên đã bắt kịp nhịp dạy online, đảm bảo tiến độ dạy - học, nhưng vẫn còn khó khăn nhất định. Không phải giảng viên nào cũng sử dụng phần mềm dạy online thành thạo. Tài nguyên các tính năng phần mềm chưa được khai thác triệt để để áp dụng cho giảng dạy - kiểm tra - giám sát - đánh giá sinh viên. Không phải giảng viên nào cũng nghiêm túc thay đổi phương pháp giảng dạy. Nhiều người vẫn quen áp dụng phương pháp thuyết giảng, nặng về mô tả lý thuyết, đánh rơi các công cụ kỹ thuật và phương pháp dạy hiện đại, như thiết kế slide trình chiếu PowerPoint với nhiều minh họa, đa phương tiện (có thể thu thập từ Internet và nhiều nguồn khác), phương pháp thảo luận, làm bài tập nhóm, phương pháp khai thác tài nguyên học liệu số vào học tập của sinh viên,... Chưa có đủ nguồn học liệu số cần thiết để đưa lên kho học liệu mở hỗ trợ quá trình tự nghiên cứu của sinh viên. Buông lỏng quản lý, giám sát người học trong lớp trực tuyến, dẫn đến tình trạng sinh viên mất tập trung, làm việc riêng trong lớp, kết quả học tập không cao. Chuyên ngành báo chí với đặc thù thực hành nhiều. Việc phối hợp làm bài tập thực hành hiện trường theo nhóm của sinh viên trong bối cảnh học online khá khó khăn, việc giám sát sinh viên thực hành hiện trường của giảng viên cũng có hạn chế nhất định.

3. Một số đề xuất nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí - truyền thông

Trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu lý luận chính trị và báo chí - truyền thông, để chuyển đổi số thành công, phải có những điều kiện về phía cơ quan quản lý, cơ sở đào tạo, giảng viên, sinh viên. Cụ thể:

3.1. Đối với cơ quan quản lý giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo):

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần tập trung: một là, xây dựng chiến lược giáo dục số; hai là xây dựng, ban hành chính sách về đào tạo trực tuyến, ví dụ: Ban hành Luật Giáo dục trực tuyến. Đây là cơ sở để các trường ban hành các quy định chuẩn về đào tạo trực tuyến, đồng thời, thống nhất trong toàn hệ thống cơ sở đào tạo trong cả nước; ba là, xây dựng hệ thống công cụ, nhân lực quản lý, giám sát trực tuyến tương thích, phù hợp từ Bộ Giáo dục và Đào tạo để phối hợp quản trị đồng bộ với các cơ sở đào tạo, triển khai nhanh, có hiệu quả các chính sách, quyết định, quy chế mới.

3.2. Đối với cơ sở đào tạo các môn lý luận chính trị và báo chí - truyền thông nói chung, tại Khoa Chính trị và báo chí, trường Đại học Vinh nói riêng:

Thứ nhất, chú trọng đầu tư hạ tầng mạng ổn định, đồng bộ phục vụ dạy-học; có đầy đủ thiết bị, phần mềm hỗ trợ cho dạy - học trực tuyến. Khuyến khích giảng viên đầu tư máy tính tốt, tương thích với cài đặt các phần mềm dạy online hiện đại;

Thứ hai, tích cực xây dựng phần mềm quản trị số và nhân lực quản trị số để hỗ trợ và thúc đẩy chất lượng, hiệu quả của quá trình dạy và học. Tại trường đại học Vinh, hầu hết các lĩnh vực quản lý (đào tạo, tài chính, khoa học, nhân sự...) đã và đang triển khai các phần mềm hỗ trợ, tương ứng là sự thay đổi kỹ thuật, tư duy quản trị của Hội đồng trường, Ban giám hiệu, các phòng, ban chức năng. Lãnh đạo đã nhận thấy tầm quan trọng của chuyển đổi số trong giáo dục. Nhờ những phòng học online, đã giải quyết được sự thiếu hụt về phòng học offline đang đặt ra bấy lâu nay. Tuy nhiên, cũng cần phải có thời gian để các phần mềm vận hành tốt, kết nối thông suốt.

Thứ ba, xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu đầy đủ và được số hoá đầy đủ. Hiện nay, đại học Vinh đã đưa vào sử dụng thư viện số với nhiều đầu sách và tài liệu nghiên cứu. Tuy nhiên, do hầu hết tư liệu số đều dừng lại ở việc scan (chụp ảnh) mà chưa có phương thức số hoá chuyển đổi định dạng, nên tốc

độ tải tài liệu vẫn gây khó khăn cho người truy cập; nhanh chóng số hoá tất cả dữ liệu của giảng viên, sinh viên để thuận tiện cho lưu trữ, tra cứu khi cần thiết. Song song với đó, Nhà trường cũng cần lưu ý xử lý vấn đề bản quyền tác giả, sở hữu trí tuệ, an ninh thông tin khi số hoá bài giảng của giảng viên và cho phép quyền truy cập rộng rãi của người học; thúc đẩy phát triển “kho” học liệu số, đi cùng với đó, hoàn thiện hành lang pháp lý để có cơ chế vừa giúp người học khai thác được kho học liệu số, vừa giúp bảo vệ bản quyền và sở hữu trí tuệ chung của toàn trường và từng cá nhân cán bộ giảng viên; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực đào tạo lý luận chính trị và báo chí - truyền thông. Chúng ta đều biết, thay đổi phương thức đào tạo trực tiếp thành đào tạo trực tuyến đòi hỏi người dạy phải có kỹ năng “truyền cảm hứng”, đặc biệt thông qua nội dung bài giảng và phương pháp truyền đạt. Điều này yêu cầu không chỉ bản thân mỗi cán bộ giảng viên phải tự học tập, rèn luyện, nâng cao chất lượng giảng dạy trực tuyến, mà còn đòi hỏi nhà trường phải tổ chức các khoá tập huấn, giúp giảng viên biết cách khai thác các nguồn tài liệu mở trên không gian mạng để ứng dụng vào bài giảng, cách thiết kế slide sinh động, phù hợp; tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ giảng viên trong việc triển khai mạnh mẽ nghiên cứu, giảng dạy số, để tất cả các cán bộ giảng viên, các bộ phận hợp lực, cùng hướng tới mục tiêu xây dựng văn hoá số trong trường học; đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực lý luận chính trị và báo chí - truyền thông, đặc biệt nghiên cứu ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy - học tập, đồng thời, thúc đẩy ứng dụng những thành tựu nghiên cứu này trong thực tế

Thứ năm, tạo điều kiện cho giảng viên được tập trung vào công việc chuyên môn, giải phóng khỏi nhiều công việc hành chính sự vụ (điều tra thực trạng việc làm sau ra trường của sinh viên, điều tra nhà tuyển dụng, quản lý hồ sơ học tập của người học...).

3.3. Đối với giảng viên: có trách nhiệm, nghĩa vụ tự học tập để sử dụng thành thạo thiết bị công nghệ công nghệ, phần mềm giảng dạy online; biết cách khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên tri thức số để áp dụng vào bài giảng – đặc biệt là khai thác sản phẩm trí tuệ nhân tạo như ChatGPT. AI; tích cực phối hợp với nhà trường để triển khai các quy định về đào tạo số; tự giác tìm tòi các phương pháp để nâng cao chất lượng nội dung, cách thức giảng dạy số; có cách thức hợp lý để kiểm tra, giám sát, điều chỉnh thái độ, hành vi học tập của sinh viên, duy trì được sự quan tâm và yêu thích của sinh viên trong lớp học trực tuyến; có kỹ năng tự đảm bảo an toàn thông tin mạng...

3.4. Đối với sinh viên: được định danh số (tất cả các dữ liệu học tập của sinh viên sẽ được số hoá và lưu trữ để tiện tra cứu khi cần; được hỗ trợ, hướng dẫn và tự học tập để sử dụng thành thạo thiết bị công nghệ, phần mềm, áp dụng trong học trực tuyến, tra cứu dữ liệu trên Internet, trên thư viện số của nhà trường.... , Bên cạnh đó, tự trang bị văn hoá giáo dục trực tuyến. Đó là ý thức tự giác, chủ động, nghiêm túc học tập, sẵn sàng thích ứng để học tập, coi việc học trực tuyến là việc học suốt đời, từ đó, tạo niềm hứng khởi, say mê học.

Kết luận

Chuyển đổi số trong giáo dục nói chung, trong giảng dạy các môn lý luận chính trị và báo chí - truyền thông nói riêng hiện nay là yêu cầu cần thiết. Điều này phù hợp với định hướng của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhưng quan trọng, nó sẽ góp phần đưa nền giáo dục Việt Nam phát triển, thích ứng với bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Tài liệu tham khảo

[1] Sandkuhl, K., & Lehmann, H, (2017), Digital Transformation in Higher Education–The Role of Enterprise Architectures and Portals, Digital Enterprise Computing (DEC 2017).

[2] Bảo, H. T, (2020), Chuyển đổi số thời COVID-19. Retrieved from <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-congnghe/Chuyen-doi-so-thoi-COVID-19-23135>.

[3] Thủ tướng Chính phủ, (2020), Quyết định phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030”.

[4] Joan M. Reitz, (2013), Dictionary of Library and Information Science, Cambridge University Press, CUP.

[5] WITTEN, Ian H, BAIBRIDGE, David, (2003), How to Build a Digital Library, New York: Morgan Kaufmann.

[6] Nguyễn Minh Hiệp, (2016), Tài nguyên học tập và tài nguyên số, Retrieved from https://r7.epository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/11598/1/OERBook%2810%29.pdf.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ VỚI VIỆC GIÁO DỤC TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ, ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CHO THANH NIÊN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Th.S Nguyễn Khánh Ly, ThS. Nguyễn Mạnh Hưng

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Tóm tắt: Giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên luôn được Đảng, Nhà nước và Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm. Đây là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, quan trọng, đòi hỏi sự quan tâm của toàn Đảng, của các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và toàn xã hội, trong đó có các cơ quan báo chí. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, thời gian qua, báo chí nước ta đã làm tốt công tác tuyên truyền trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh niên bằng các tác phẩm báo chí sinh động. Qua đó đã góp phần khơi dậy và thúc đẩy trong mỗi thanh niên lòng yêu nước, tự hào dân tộc, lý tưởng cách mạng kiên định, có niềm tin vững chắc vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Trong bối cảnh hiện nay, việc phát huy vai trò của báo chí trong giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh niên theo tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa hết sức cấp thiết.

Từ khoá: báo chí, giáo dục, chính trị, đạo đức, lối sống, thanh niên.

Đặt vấn đề

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi thanh niên là người chủ tương lai của đất nước, tin tưởng ở thanh niên, tin vào bản chất và sức mạnh của họ, vào ưu thế vượt trội với tư cách là lực lượng trẻ trung và nhiệt huyết của dân tộc. Người cũng đã chỉ rõ: thanh niên bây giờ là một thế hệ rất vẻ vang, vì vậy phải tự giác, tự nguyện mà tự động cải tạo tư tưởng của mình để xứng đáng với nhiệm vụ của mình. Tức là thanh niên phải có “đức”, có “tài”. Hơn ai hết, Hồ Chí Minh nhận thấy những thế mạnh của tuổi trẻ, nhưng cũng nhận rõ những nguy hại mà dân tộc phải đối mặt nếu không chú trọng công tác bồi dưỡng, rèn luyện, định hướng đúng đắn cho thanh niên. Vì vậy, theo Người, phải giáo dục thanh niên trở thành những người vừa “hồng” vừa “chuyên”, vừa có “đức”, vừa có “tài”, trở thành con người toàn diện (Hồ Chí Minh, 2011). Người chỉ ra phương hướng của việc giáo dục lý

luận trên báo, nêu rõ các phương châm giáo dục lý luận chính trị, học đi đôi với hành, lý luận liên hệ với thực tiễn, học để làm việc, làm người, làm cán bộ, phụng sự đoàn thể, nhân dân, Tổ quốc và nhân loại. Về giáo dục đạo đức, Bác chủ trương phải kết hợp xây và chống. Xây tích cực, chống quyết liệt, nhưng xây vẫn là chính, với chủ nghĩa nhân văn, Bác tin vào con người, tin vào những điều tốt đẹp và cao cả của con người. Bác mong muốn công tác giáo dục của báo chí là phải làm cho cái tốt của con người nảy nở như hoa mùa xuân, làm át đi cái ác, cái xấu trong mỗi con người.

Trong quá trình đất nước hội nhập sâu rộng như hiện nay, việc giáo dục tư tưởng chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hoá cho thanh niên là một nhiệm vụ lớn lao, có ý nghĩa không chỉ hiện tại mà còn chi phối vận mệnh tương lai của đất nước. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2017-2022, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh yêu cầu: “Cần tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ. Đây vừa là nhiệm vụ cấp thiết trước mắt, thường xuyên, vừa là nhiệm vụ cơ bản, chiến lược, lâu dài, đòi hỏi phải có sự quan tâm, đầu tư thỏa đáng”(Nguyễn Phú Trọng, 2017). Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định: “Tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa, nâng cao lòng yêu nước, tự hào dân tộc, nuôi dưỡng hoài bão, khát vọng vươn lên; nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với xã hội”(Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, cần có sự quan tâm đặc biệt của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị và toàn xã hội, trong đó có trách nhiệm lớn lao của các cơ quan báo chí.

Xã hội càng phát triển thì yêu cầu của thanh niên về học tập, nâng cao trình độ hiểu biết càng cao và càng phong phú. Nhà trường không thể đáp ứng hết yêu cầu này vì nhiệm vụ của nhà trường giới hạn ở việc chủ yếu trang bị hệ thống tri thức phổ thông và đào tạo nghề nghiệp ban đầu cho thanh niên. Trong khi đó, đời sống văn hóa, xã hội, khoa học, kinh tế... vận động không ngừng và đòi hỏi con người phải thường xuyên bổ sung, hoàn thiện vốn hiểu biết của mình. Báo

chỉ là phương tiện lý tưởng thực hiện công việc này thông qua những hình thức đa dạng, giàu sức hấp dẫn, dễ tiếp cận. Sự đa dạng về phương pháp, hình thức và cách truyền tải thông tin tạo cho thanh niên khả năng lựa chọn và giúp họ có nhiều cơ hội nâng cao trình độ hiểu biết, khẳng định và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp, hình thành và không ngừng hoàn thiện lối sống tích cực của thanh niên.

Nội dung

1. Tình hình giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên trên báo chí

Hiện nay, báo chí ở nước ta phát triển với tốc độ rất nhanh. Theo Báo cáo công tác báo chí năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến tháng 12/2023, cả nước có khoảng 20.508 nhà báo được cấp Thẻ Nhà báo; 6 cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực, 15 cơ quan báo chí nằm trong cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện. Ngoài ra còn có 127 cơ quan báo; 671 cơ quan tạp chí. Cả nước có 72 cơ quan hoạt động phát thanh (báo nói), truyền hình (báo hình). Hiện số trang thông tin điện tử tổng hợp đã cấp phép, còn hoạt động là 1.924 trang (riêng năm 2023 cấp giấy phép cho 90 trang. Số trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan báo chí, còn hoạt động là 136 trang) (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023). Đặc biệt, các trang mạng và truyền thông xã hội trên môi trường Internet phát triển rất nhanh chóng. Sự phát triển mạnh mẽ của các loại hình báo chí đã có những tác động to lớn, sâu sắc đối với xã hội nói chung, thanh niên nói riêng.

Quán triệt, vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh, trong gần 100 năm qua, báo chí nước ta luôn là công cụ sắc bén, góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên.

Trong những năm qua, báo chí nước ta đã khẳng định năng lực thông tin, tuyên truyền giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Các nhóm thông tin giáo dục như: giáo dục cốt lõi (hoà bình, tự do, việc làm, gia đình, sức khỏe, an ninh, tự trọng, công lý, sống có mục đích, niềm tin, tính tự lập, giá trị nghề nghiệp, học vấn...), giáo dục cơ bản (sáng tạo, tình bạn, tình yêu...), giáo dục có ý nghĩa (ví dụ cuộc sống đầy đủ vật chất, các giá trị nghệ thuật, cái đẹp...)... đều

được chuyển tải qua thông điệp báo chí. Các tờ báo dành riêng cho vị thành niên và thanh niên ở Việt Nam như: Mực Tím, Hoa Học trò, Thanh Niên, Tiền Phong, Tuổi trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, Tuổi trẻ Thủ đô... cũng đã luôn bám sát mục tiêu thông tin giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên (Nguyễn Quang Bình, 2018).

Trong bối cảnh tình hình mới của đất nước, việc báo chí tham gia giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên được quan tâm thực hiện ở nhiều khía cạnh. Báo chí đã có sự chủ động, tích cực cùng với các ngành, các cấp xây dựng môi trường xã hội lành mạnh để thanh niên được rèn luyện, cống hiến và trưởng thành. Đồng thời, tạo cho thanh niên cơ hội để tham gia các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh, hưởng thụ văn hóa, lối sống đẹp, sống lành mạnh để nâng cao sức khỏe và tinh thần. Trong thời gian qua, báo chí đã thực hiện tốt vai trò, sứ mệnh của mình trong việc phát hiện, đấu tranh, ngăn chặn nhiều vụ việc tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, góp phần giải quyết các vấn đề bức xúc của xã hội, tạo chuyển biến trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tội phạm và tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, mại dâm, giải quyết các vấn đề về an toàn giao thông, môi trường sống, tạo ra nhiều công trình, tác phẩm văn học - nghệ thuật có giá trị tư tưởng, có tính định hướng thẩm mỹ cao góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, hình thành lối sống văn hóa và ý thức công dân cho thanh niên.

Trong công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, lối sống cho thanh niên, các cơ quan báo chí luôn bám sát các quan điểm chỉ đạo của Đảng mà cụ thể là Nghị quyết 25 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH”. Đây là nội dung được nhiều tờ báo chú trọng thực hiện tuyên truyền thường xuyên. Việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, của Trung ương Đoàn,... đã góp phần khơi dậy và thúc đẩy trong mỗi thanh niên lòng yêu nước, tự hào dân tộc, lý tưởng cách mạng kiên định, có niềm tin vững chắc vào chế độ xã hội chủ nghĩa, tiếp nối truyền thống cha anh ra sức vun đắp, kiến tạo quê hương, đất nước. Những đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng như: Học tập và làm theo

tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Ngày thành lập Đảng, Quốc khánh, kỷ niệm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh... là dịp để các cơ quan báo chí, thông tấn tuyên truyền sâu rộng, kết hợp với phân tích, giải thích, động viên nhằm giúp hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thấm sâu vào tư tưởng của thế hệ trẻ.

Trong công tác giáo dục thế hệ trẻ, báo chí chú trọng xây dựng các hoạt động gắn trách nhiệm của thanh niên với bảo vệ lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia, coi việc tôn vinh, nêu gương, cổ vũ thanh niên sống đẹp, sống có ích, làm rạng danh Tổ quốc cũng chính là cách thức để báo chí tham gia giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên.

Ngoài ra, báo chí cũng đã chủ động, kịp thời cung cấp thông tin chính thống về tình hình trong nước và thế giới cho thanh niên. Báo chí đã tích cực thông tin, tuyên truyền định hướng dư luận trước những diễn biến phức tạp của tình hình khu vực, thế giới, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, xung đột, tranh chấp ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích của người dân. Đấu tranh phòng chống “diễn biến hòa bình”, phản bác các luận điệu, thông tin sai trái nhằm tăng “sức đề kháng” cho thế hệ trẻ trước sự chống phá của các thế lực thù địch.

Đặc biệt, với sự phát triển nhanh chóng, ứng dụng rộng rãi của công nghệ thông tin và Internet, báo chí, truyền thông đã thực sự trở thành trường học xã hội không biên giới trong việc giáo dục nâng cao hiểu biết, trình độ nhận thức cho thanh niên, tôn vinh các giá trị dân tộc, nhân văn tốt đẹp, góp phần phát triển văn hóa, con người Việt Nam. Đồng thời, báo chí, truyền thông cũng trở thành cầu nối hữu nghị giữa thanh niên Việt Nam với thanh niên quốc tế, tạo môi trường thuận lợi cho thanh niên trong việc tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm giàu thêm bản sắc văn hóa dân tộc.

Bên cạnh những ưu điểm, thành tựu, hệ thống báo chí, truyền thông Việt Nam không tránh khỏi những hạn chế, khuyết điểm. Hiện tượng thông tin báo chí không đảm bảo tiêu chí về chính trị, tư tưởng, văn hoá tiếp tục diễn ra với các biểu hiện như: không thực hiện định hướng thông tin, thông tin thiếu nhạy cảm về chính trị, không phù hợp với lợi ích của đất nước; thông tin sai sự thật, thiếu chuẩn xác;

thông tin thiếu cân bằng, thiếu tính xây dựng, đưa quá nhiều thông tin liên quan đến vấn đề tiêu cực, mặt trái của xã hội, bị cuốn theo, dẫn dắt bởi thông tin trên mạng xã hội, gây tác động tiêu cực đến dư luận xã hội, bị báo chí nước ngoài, các trang tin điện tử của các thế lực chống đối lợi dụng để xuyên tạc; rút tít theo kiểu giật gân câu khách; nội dung, hình ảnh phản cảm, không phù hợp với thuần phong mỹ tục. Nhiều bài viết chú trọng tính chất giải trí, thương mại, chạy theo thị hiếu tầm thường hoặc kích thích giới trẻ a dua theo những trào lưu vô bổ mà sao nhãng, coi nhẹ các giá trị chân chính của cuộc sống (nhất là trên các trang mạng xã hội, Internet)...., dẫn đến một bộ phận không nhỏ thanh niên thiếu lý tưởng sống, giảm sút niềm tin, ít quan tâm đến tình hình đất nước và địa phương; có xu hướng đề cao chủ nghĩa cá nhân; sống buông thả, hành xử hung bạo, bất chấp pháp luật; thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với gia đình, cộng đồng và xã hội. Trong thực tiễn, vẫn còn một số đối tượng bất mãn hoặc thù địch chống phá chế độ, chống phá đất nước từ bên trong và bên ngoài tung thông tin sai trái, xấu độc lên mạng xã hội, bóp méo sự thật, xuyên tạc đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Những thông tin này là những tác nhân gây nhiễu về tư tưởng, văn hóa, ảnh hưởng xấu đến tư tưởng, nhận thức và niềm tin của thanh niên.

2. Phát huy vai trò của báo chí trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên

Trước bối cảnh cách mạng 4.0 và hội nhập quốc tế, đòi hỏi các cơ quan báo chí, thông tấn phải tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò, trách nhiệm của mình trong việc giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống cho thanh niên nhằm chăm lo, bồi dưỡng và phát huy cao nhất sức mạnh của thanh niên trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để hoàn thành nhiệm vụ trên, báo chí cần tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, trong các đề tài về thanh niên, báo chí phải đặc biệt quan tâm, coi trọng nâng cao tri thức, văn hoá, rèn luyện thói quen, kỹ năng sống cho thanh niên, nhất là kỹ năng điều tiết và kiểm soát bản thân. Làm tốt điều này sẽ giúp thanh niên có đủ tự tin, bản lĩnh và phương pháp phòng tránh, đấu tranh, phản bác trước

những âm mưu, thủ đoạn, luận điệu sai trái, xuyên tạc của các đối tượng bất mãn, phản động, thù địch trên các trang mạng xã hội, Internet.

Hai là, báo chí cần định hướng cho thanh niên những giá trị, chuẩn mực, phương hướng, mục tiêu để thanh niên phấn đấu, rèn luyện; xây dựng nhiều đề tài tuyên truyền, giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc cho thanh niên; chú trọng giáo dục thanh niên qua nêu gương điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh nhằm phát huy tính tự rèn luyện, tu dưỡng theo tấm gương của Bác trong mỗi thanh niên.

Ba là, tăng cường phối hợp tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền hưởng ứng phong trào “văn hoá đọc” cho đối tượng thanh niên nhằm đưa phong trào đọc sách, báo trở thành thành nét đẹp văn hoá của thanh niên. Tổ chức biên soạn, phát hành, quảng bá, giới thiệu những loại sách, báo mang tính giáo dục cao về bồi dưỡng lý tưởng cách mạng, tâm hồn, giá trị sống cho thanh niên.

Bốn là, cần phát huy, khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông hiện đại, báo mạng điện tử, truyền hình kỹ thuật số... trong việc tiếp cận và truyền đạt nội dung tuyên truyền, giáo dục, làm cho các nội dung được đăng tải trở nên phong phú, hấp dẫn và sinh động, thu hút thanh niên tham gia và quan tâm nhiều hơn. Đồng thời tăng cường tương tác, thu hút thanh niên phản hồi, đối thoại và chia sẻ với báo chí những quan điểm về lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống hiện nay.

Năm là, để giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trên báo chí cho thanh niên, bản thân mỗi nhà báo, nhà truyền thông trước hết phải là một nhà giáo dục. Mỗi nhà báo có đủ kiến thức, kỹ năng, trách nhiệm xã hội và tuân thủ, tôn trọng các chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

Sáu là, tăng cường công tác phối hợp giữa Đoàn thanh niên với báo chí trong hoạt động thông tin giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho thanh niên. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần tiếp tục phát huy tốt ưu thế của các công cụ, phương tiện truyền thông hiện đại, mạng xã hội, hệ thống báo chí, xuất bản của Đoàn và phối hợp tốt với các cơ quan báo chí truyền thông trong công tác giáo dục lý tưởng cách

mạng, đạo đức, lối sống cho thanh niên bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng và rộng khắp thông qua việc tổ chức các cuộc thi viết, hội thi, hội diễn, tọa đàm, mít tinh, hay các cuộc thi trên Internet hoặc trải nghiệm các ứng dụng trên điện thoại di động thông minh... về công tác tuyên truyền, học tập và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, của Đoàn vào thực tiễn công tác và đời sống thanh niên; thực trạng và giải pháp giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng cho đoàn viên, thanh niên; vai trò của Đoàn trong công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và phản bác các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch; triển khai các đợt sinh hoạt chính trị gắn với dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước... qua đó góp phần quan trọng vào việc xây dựng một lớp thanh niên mới.

3. Kết luận

Thanh niên là một bộ phận quan trọng của dân tộc, là lực lượng xung kích và sáng tạo của cách mạng, là lực lượng dự bị chiến đấu của Đảng, nên cần được chuẩn bị tốt về mọi mặt, nhất là về tư tưởng. Với chức năng, nhiệm vụ của mình, các cơ quan báo chí, thông tấn đã cùng với Đoàn Thanh niên, gia đình, nhà trường góp phần thực hiện tốt công tác định hướng giáo dục tư tưởng để thanh niên vững tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Với sự thâm nhập ngày càng sâu rộng, báo chí có tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới sự phát triển trí tuệ, hình thành nhân sinh quan, thế giới quan, bồi đắp tình cảm nhân văn cho thanh niên. Do đó, việc định hướng thông tin sao cho có ý nghĩa giáo dục, nâng cao hiểu biết nhiều mặt cũng như góp phần trau dồi đạo đức, nhân cách và tuyên truyền lối sống lành mạnh cho thanh niên phải trở thành nhiệm vụ cần được coi trọng thường xuyên đối với mọi cơ quan báo chí.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2008), Nghị quyết 25-NQ/TW về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH”, ngày 25/7/2008, Hà Nội.

- [2]. Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo tổng kết công tác báo chí năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, Hà Nội.
- [3]. Nguyễn Quang Bình (2018), “Phát huy vai trò của báo chí trong giáo dục giá trị cho thế hệ trẻ Việt Nam hiện nay”, Tạp chí Dân chủ & Pháp luật, <https://danchuphapluat.vn/phan-huy-vai-tro-cua-bao-chi-trong-giao-duc-gia-tri-cho-the-he-tre-viet-nam-hien-nay>, truy cập ngày 10/10/2024.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.167.
- [5]. Hồ Chí Minh (2011), Toàn tập, tập 15, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.622.
- [6]. Nguyễn Phú Trọng (2017), “Bài phát biểu tại Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ XI, nhiệm kỳ 2017-2022”, Hà Nội, ngày 11/12/2017.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI BÁO CHÍ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Phan Văn Tuấn

*Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Th.S Nguyễn Khánh Ly

Trường Đại học Kinh tế Nghệ An

Tóm tắt: Báo chí là một hoạt động đặc biệt mang tính chính trị - xã hội, đi đầu trên mặt trận tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và kỷ nguyên truyền thông số phát triển mạnh mẽ, tình hình thế giới và trong nước diễn biến phức tạp, tạo ra những thời cơ cũng như thách thức đối với báo chí. Cách thức thu nhận, trao đổi thông tin nhiều chiều và tức thì mang tính toàn cầu qua mạng Internet đã tạo ra những ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến hoạt động báo chí và quản lý nhà nước về báo chí. Do vậy, việc lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động báo chí, hoạt động quản lý nhà nước đối với báo chí ngày càng phải đáp ứng yêu cầu cao hơn, khó khăn, phức tạp hơn.

Từ khoá: báo chí, quản lý báo chí, quản lý nhà nước.

Đặt vấn đề

Sau gần 40 năm đổi mới, sức mạnh tổng hợp, vị thế quốc tế của Việt Nam ở khu vực và thế giới đã được nâng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nước cơ bản được giữ vững và ổn định; hệ thống chính trị tiếp tục được củng cố; nhà nước pháp quyền tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện.

Báo chí là một hoạt động đặc biệt mang tính chính trị - xã hội, đi đầu trên mặt trận tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Với mục tiêu giữ vững ổn định chính trị, củng cố sự thống nhất ý chí trong Đảng, báo chí là diễn đàn dân chủ của nhân dân, có trách nhiệm nâng cao nhận thức, định hướng tư tưởng, tăng cường sự đồng thuận của xã hội.

Quản lý nhà nước đối với báo chí là những hoạt động của bộ máy chính quyền hướng tới sự bảo đảm để báo chí hoạt động ổn định và phù hợp với xu thế phát triển chung của xã hội. Cũng như bất kỳ dạng quản lý xã hội nào khác, quản lý nhà nước trong lĩnh vực báo chí là dạng quản lý công vụ quốc gia của bộ máy nhà nước - là công việc của bộ máy hành pháp. Nó là sự tác động của các tổ chức và được điều chỉnh bằng pháp luật trên cơ sở quyền lực nhà nước đối với các hoạt động báo chí do các cơ quan có thẩm quyền trong bộ máy hành pháp từ trung ương đến cơ sở, để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, thỏa mãn nhu cầu tự do báo chí của nhân dân.

Trong giai đoạn phát triển mới của đất nước, báo chí nước ta đã và đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và cả những khó khăn, thách thức không nhỏ. Vì vậy, công tác quản lý Nhà nước về báo chí hiện nay cũng đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi phải có những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý về báo chí, giúp báo chí phát triển đúng quy luật, hoàn thành trách nhiệm, sứ mệnh đối với đất nước, nhân dân.

Nội dung

1. Khái quát công tác quản lý nhà nước đối với báo chí ở Việt Nam hiện nay

Trong những năm gần đây, báo chí nước ta đã đạt nhiều thành tựu quan trọng. Theo Báo cáo công tác báo chí năm 2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông, tính đến tháng 12/2023, cả nước có khoảng 20.508 nhà báo được cấp Thẻ Nhà báo; Hiện nay, cả nước có 6 cơ quan truyền thông đa phương tiện chủ lực (Báo Nhân Dân, Đài Truyền hình Việt Nam - VTV, Đài Tiếng nói Việt Nam - VOV, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Quân đội nhân dân, Báo Công an nhân dân). Có 15 cơ quan báo chí (11 báo, 3 tạp chí và Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC) nằm trong cơ quan truyền thông chủ lực đa phương tiện. Ngoài ra còn có 127 cơ quan báo; 671 cơ quan tạp chí (319 tạp chí khoa học, 72 tạp chí văn học nghệ thuật). Cả nước có 72 cơ quan hoạt động phát thanh (báo nói), truyền hình (báo hình), gồm: 2 Đài quốc gia (VOV và VTV); 64 Đài tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; 1 Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC (trực thuộc Đài VOV) và 5 đơn vị hoạt động truyền hình

(Báo Nhân Dân, QHVN, ANTV, VNews, PTTH Quân đội). Trong 72 Đài phát thanh truyền hình, có 3 đơn vị là VTV, Vnews và HTV được cấp giấy phép biên tập kênh truyền hình nước ngoài. Hiện số trang thông tin điện tử tổng hợp đã cấp phép, còn hoạt động là 1.924 trang (riêng năm 2023 cấp giấy phép cho 90 trang. Số trang thông tin điện tử tổng hợp của cơ quan báo chí, còn hoạt động là 136 trang) (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023).

Sự lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước đối với báo chí trong những năm qua được thể hiện qua việc Đảng hoạch định chủ trương và chính sách phát triển báo chí cách mạng Việt Nam; ban hành các chỉ thị, nghị quyết về báo chí; Nhà nước thể chế hóa, cụ thể hóa và thực hiện quyền hạn, trách nhiệm quản lý nhà nước với báo chí. Đây là những định hướng và cơ sở pháp lý để báo chí và các hoạt động liên quan đến báo chí phát triển vượt bậc; quyền tự do báo chí, tự do ngôn luận trên báo chí của nhân dân được bảo đảm và phát huy trong khuôn khổ Hiến pháp và Luật Báo chí; báo chí Việt Nam phát triển mạnh mẽ phục vụ có hiệu quả sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam tiếp tục thống nhất phối hợp chặt chẽ, chủ động trong công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí; thực hiện nghiêm nguyên tắc một đầu mối trong chỉ đạo, định hướng thông tin; bảo đảm việc chỉ đạo, cung cấp thông tin thống nhất, kịp thời và thuyết phục, nhất là những vấn đề quan trọng, nhạy cảm, phức tạp, bảo đảm để báo chí giữ vững vai trò định hướng, chi phối thông tin trong xã hội.

Công tác chỉ đạo, định hướng, quản lý thông tin ngày càng quyết liệt, bám sát hơn với tình hình thực tiễn bảo đảm để báo chí giữ thế định hướng chủ động; nhắc nhở, chấn chỉnh kịp thời đối với các trường hợp thông tin thiếu nhạy cảm chính trị, biểu hiện không bám sát tôn chỉ, mục đích; kiên quyết xử lý các trường hợp thông tin sai sự thật, không thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích.

Tổ chức Hội Nhà báo Việt Nam từ Trung ương đến địa phương tiếp tục chỉ đạo, tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Xây dựng môi trường văn hoá trong các cơ quan báo chí” để hiện thực hoá mục tiêu “Xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại”; tiến hành tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo

về vấn đề chuyển đổi số báo chí, kinh tế báo chí, bản quyền báo chí trên không gian mạng... (Bộ Thông tin và Truyền thông, 2023).

Bên cạnh những ưu điểm, thành tích, báo chí và công tác quản lý nhà nước về báo chí còn một số hạn chế, bất cập.

Nhiều về số lượng cơ quan báo chí nhưng chất lượng chưa tương xứng; còn chông chéo về tôn chỉ, mục đích, nội dung, đối tượng phục vụ; có xu hướng “thương mại hóa” trong hoạt động báo chí; có hiện tượng tư nhân chi phối báo chí và điều này đã làm giảm chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa, chất lượng khoa học.

Trong những năm gần đây, việc phát huy vai trò báo chí trong ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới và còn nhiều bất cập, hạn chế. Công tác chỉ đạo, định hướng và cung cấp thông tin cho báo chí chưa chủ động và kịp thời, hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” có dấu hiệu gia tăng trong đội ngũ những người làm báo.

Bên cạnh đó, lãnh đạo một số cơ quan báo chí còn buông lỏng công tác quản lý, giáo dục chính trị cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên. Quy trình duyệt chưa được coi trọng và thực hiện thiếu nghiêm túc, cá biệt có trường hợp không qua thẩm định, xác minh dẫn đến một số cơ quan báo chí đưa thông tin sai, thậm chí vi phạm pháp luật. Một số cơ quan báo chí thiếu nhạy bén chính trị, chưa làm tốt chức năng tư tưởng, văn hóa, có biểu hiện xa rời sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, xa rời tôn chỉ, mục đích.

Tình trạng “báo hoá” tạp chí, “báo hoá” trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, biểu hiện “tư nhân hoá” báo chí, chấn chỉnh những tồn tại trong hoạt động liên kết. Theo báo cáo của Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chức năng đã xử phạt nhiều tổ chức đối với 47 trường hợp vi phạm pháp luật về báo chí và 135 trường hợp vi phạm pháp luật về thông tin trên mạng. Đặc biệt, 03 cơ quan báo chí có vi phạm nghiêm trọng đã bị tước quyền sử dụng giấy phép trong thời hạn 03 tháng; 01 cơ quan chủ quản bị xử phạt 335 triệu đồng do hoạt động báo chí

trái phép. Bộ Thông tin và Truyền thông đã thu hồi giấy phép của 01 cơ quan báo chí; đình chỉ hoạt động mạng xã hội 01 tháng đối với 01 doanh nghiệp; áp dụng biện pháp buộc gỡ bỏ ứng dụng thu thập thông tin tổng hợp trên các kho ứng dụng (Google Store và Apple Store); xử lý 169 tên miền gây nhầm lẫn với cơ quan báo chí, có dấu hiệu vi phạm pháp luật; ngăn chặn kịp thời một số trang thông tin điện tử tổng hợp hoạt động không có giấy phép.

Nhiều quy định của Luật Báo chí hiện hành còn bất cập, như mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về báo chí và các cơ quan báo chí; quan hệ giữa cơ quan quản lý báo chí ở trung ương và cơ quan quản lý báo chí ở địa phương; quan hệ giữa cơ quan báo chí với công dân, tổ chức xã hội. Nhiều vấn đề mới của đời sống báo chí đang được đặt ra trong thực tiễn, như cơ quan báo chí thực hiện nhiều loại hình, mô hình tập đoàn truyền thông; vấn đề liên kết trong hoạt động báo chí; vấn đề tài chính đối với cơ quan báo chí; vai trò cơ quan chủ quản; chức năng giám sát, phản biện của báo chí... đang rất cần được sửa đổi, bổ sung.

2. Một số yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước đối với báo chí ở Việt Nam hiện nay

Trong điều kiện bùng nổ thông tin và sự phát triển mạnh mẽ, đa diện các phương tiện truyền thông hiện đại, truyền thông số như hiện nay, công tác quản lý về báo chí càng phải được củng cố và tăng cường về nhiều mặt, nhằm thực hiện hiệu quả việc “phát triển đi đôi với quản lý tốt”, quản lý phải đi trước một bước, phải nắm bắt được xu hướng phát triển của báo chí để quản lý hiệu quả hơn.

Một số yêu cầu đặt ra đối với công tác quản lý nhà nước về báo chí hiện nay:

Thứ nhất, quản lý nhưng không gò bó, không cản trở, mà trái lại làm cho việc đáp ứng nhu cầu thông tin xã hội tốt hơn; mặt khác, vẫn bảo đảm và tạo mọi điều kiện để báo chí hoạt động tự do, sáng tạo, đúng pháp luật.

Thứ hai, công tác quản lý phải bắt kịp và ngang tầm trình độ phát triển rất cao của phương tiện kỹ thuật, công nghệ truyền thông hiện đại, truyền thông số.

Thứ ba, trong điều kiện giao lưu hội nhập quốc tế về báo chí ngày càng tăng, hoạt động báo chí ngày càng mở rộng, các báo chí nước ngoài du nhập vào Việt Nam ngày càng mạnh mẽ, đa dạng, công tác quản lý tiếp tục phải được xác lập

những quy định chặt chẽ, phù hợp và hiệu quả hơn nữa đảm bảo vừa phát huy sức mạnh, tính hiệu quả, sự phong phú, đa dạng và tự do báo chí, vừa bảo đảm được an ninh chính trị và bí mật quốc gia.

Thứ tư, trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc quản lý phải bảo đảm cho sự vận động của báo chí vừa phù hợp với sự vận động của thị trường, với quy luật cung cầu về thông tin, đáp ứng kịp thời nhu cầu, thị hiếu của công chúng, vừa dự báo và đủ khả năng ngăn chặn các khuynh hướng thương mại hoá, nhất là sự lũng đoạn của đồng tiền làm chệch hướng, mục tiêu, tôn chỉ của báo chí.

3. Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với báo chí ở Việt Nam trong thời gian tới

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong nhân dân để phát huy vai trò của báo chí trong đấu tranh phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan trực tiếp chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền; Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí. Hội Nhà báo Việt Nam, Hội Xuất bản Việt Nam phát huy vai trò của trong việc nâng cao trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, đạo đức nghề nghiệp của những người làm báo.

Đổi mới công tác chỉ đạo việc tuyên truyền bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đảm bảo có sự tham gia và phối hợp tích cực, chặt chẽ, kịp thời giữa các cơ quan chức năng và báo chí; chỉ đạo, định hướng hoạt động báo chí phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc theo tinh thần Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác tuyên truyền, định hoạt động truyền thông, báo chí phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kịp thời chấn chỉnh và xử lý vi phạm trong hoạt động báo chí, truyền thông.

Tiếp tục thực hiện Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025, sắp xếp hệ thống báo chí hợp lý, tránh trùng lặp, lãng phí và phù hợp với

thực tế phát triển của đất nước hiện nay. Mục tiêu của Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025 là sắp xếp hệ thống báo chí gắn với đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, quản lý báo chí để phát triển hệ thống báo in, báo hình, báo nói, báo điện tử. Xây dựng một số cơ quan báo chí chủ lực, đa phương tiện làm nòng cốt, có vai trò định hướng dư luận xã hội, thông tin đối ngoại. Sắp xếp hệ thống báo chí, khắc phục tình trạng chồng chéo, đầu tư dàn trải, buông lỏng quản lý, hoạt động xa rời tôn chỉ, mục đích; gắn với việc xác định rõ trách nhiệm lãnh đạo, quản lý báo chí của các cấp ủy Đảng, chính quyền, nhất là của người đứng đầu cơ quan chủ quản và cơ quan báo chí. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, biên tập viên có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu phát triển báo chí trong tình hình mới (Thủ tướng Chính phủ, 2019). Rà soát, chấn chỉnh tình trạng cơ quan báo chí xa rời tôn chỉ, mục đích, không chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về báo chí.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, áp dụng các công nghệ đo lường hiệu quả trong hoạt động chỉ đạo, quản lý báo chí; đổi mới, tăng cường các biện pháp hỗ trợ cơ quan báo chí phát triển hạ tầng công nghệ kỹ thuật theo mô hình tòa soạn hội tụ, đa phương tiện. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật về báo chí để có hành lang pháp lý sát thực tế, tạo điều kiện cho báo chí phát triển và tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước về báo chí.

Thường xuyên tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề với các cơ quan chủ quản báo chí, cơ quan báo chí để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan báo chí. Tập trung xử lý căn bản các tồn tại kéo dài, như: “báo hóa” tạp chí, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội, những nhiều cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, không tuân thủ tôn chỉ, mục đích, vi phạm đạo đức người làm báo.

Nhà nước cần đầu tư có trọng điểm nhằm phát triển cơ sở vật chất hạ tầng cho các cơ quan báo chí thuộc hệ thống chính trị, quy định rõ yêu cầu về nội dung cho các dòng sản phẩm báo chí. Nhà nước đầu tư cho các cơ quan báo chí chủ lực gắn với yêu cầu hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ truyền thông tiên tiến và có cơ chế khuyến khích các cơ quan báo chí tiếp cận công nghệ truyền thông tiên tiến; Đầu tư nghiên cứu, phát triển các công cụ, giải pháp kỹ thuật để quản lý tốt báo chí điện tử,

thông tin mạng. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, các chương trình, đề án, dự án bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, tăng diện bao phủ thông tin chính thống, đúng định hướng, đồng thời ngăn chặn, hạn chế tác động của thông tin độc hại, tiêu cực.

Tăng cường lãnh đạo công tác cán bộ, chỉ đạo, quản lý nội dung, định hướng chính trị của báo, về kinh tế của cơ quan báo chí. Tăng cường và thực hiện nghiêm túc việc quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; rà soát, kiện toàn, bố trí cán bộ lãnh đạo và đội ngũ phóng viên báo chí, bảo đảm tiêu chuẩn chính trị, nghiệp vụ.

Tăng cường giám sát, kiểm tra và tập trung giải quyết căn bản các vấn đề “nóng”, có tác động lớn trong xã hội, trong ngành. Giải quyết tốt các đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động báo chí và quản lý báo chí. Xử lý nghiêm các hiện tượng báo chí đưa tin sai sự thật nhưng không cải chính hoặc cải chính không tương xứng, nhất là các tờ báo, tạp chí đi chệch tôn chỉ, mục đích của mình, làm lộ bí mật quốc gia, gây phương hại nghiêm trọng về kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao, an ninh, quốc phòng của đất nước. Chấn chỉnh việc cấp Thẻ nhà báo, đồng thời có biện pháp quản lý những người viết báo tự do, thông qua việc quản lý người đứng đầu các cơ quan báo chí. Thường xuyên bồi dưỡng kiến thức, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ những người làm công tác thanh tra, kiểm tra báo chí.

Kết luận

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ, của các nền tảng truyền thông mới, truyền thông xã hội, hơn bao giờ hết, báo chí phải kiến tạo được dòng thông tin tích cực, chủ lưu, lan tỏa mạnh mẽ, dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội về những điều tốt đẹp trong xã hội; góp phần quan trọng vào việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới. Muốn làm được điều đó, công tác quản lý nhà nước về báo chí, đặc biệt là các cơ quan báo chí, người làm báo cần nỗ lực hơn nữa phát huy kết quả, thành tích đã đạt được, quyết tâm khắc phục những hạn chế, khuyết điểm, giải quyết, xử

lý tốt những thách thức trong hoạt động báo chí để đạt được yêu cầu “chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2017), Kết luận số 23-KL/TW, ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, Hà Nội.
- [2] Bộ Thông tin và Truyền thông (2023), Báo cáo tổng kết công tác báo chí năm 2023, phương hướng nhiệm vụ năm 2024, Hà Nội.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (2019). Quyết định số 362/QĐ-TTg, ngày 03/4/2019 phê duyệt Quy hoạch phát triển và quản lý báo chí toàn quốc đến năm 2025
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr.167.
- [5] Nguyễn Thị Ngọc Hoa (2020), “Quản lý báo chí trong bối cảnh mới: Những vấn đề đặt ra”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17/2020.

NGHIÊN CỨU TỘC NGƯỜI TRONG BỐI CẢNH TRUYỀN THÔNG SỐ

TS. Bùi Minh Hào

Tạp chí Sông Lam

Tóm tắt: Công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ, tác động ngày càng toàn diện và sâu sắc đến mọi lĩnh vực của cuộc sống. Đặc biệt là trong bối cảnh truyền thông số những nhân tố chủ chốt như điện thoại, internet và mạng xã hội đang làm thay đổi căn bản cuộc sống của con người. Nghiên cứu tộc người trong bối cảnh truyền thông số cũng có sự thay đổi mạnh mẽ và về nội dung lẫn phương pháp luận. Dựa trên việc phân tích nội dung và phương pháp tiếp cận của một số nghiên cứu đi trước cùng những trải nghiệm trong quá trình thực hành nghiên cứu tộc người, bài viết này muốn thảo luận thêm về nghiên cứu tộc người trong bối cảnh truyền thông số. Bài viết gợi mở một bối cảnh tổng quan về tác động của truyền thông số đến đời sống tộc người, đến quá trình nghiên cứu tộc người và qua đó góp phần thảo luận thêm về các nội dung và phương pháp tiếp cận mới trong nghiên cứu tộc người gắn với bối cảnh truyền thông số.

Từ khóa: *Nghiên cứu tộc người; Truyền thông số; Công nghệ số; Nhân học số; Nhân học mạng; Phương pháp Nhân học*

Đặt vấn đề

Công nghệ số mà cụ thể hơn là điện thoại, internet và mạng xã hội đã và đang ngày càng phát triển mạnh mẽ ở vùng dân tộc thiểu số, là nhân tố quan trọng tạo nên sự thay đổi to lớn đời sống người dân. Dù được xem là vùng trũng trong sự phát triển của khoa học công nghệ nhưng vùng dân tộc thiểu số đang thay đổi nhanh chóng dưới tác động của công nghệ số. Đời sống người dân đang dần hội nhập với thế giới rộng lớn hơn qua những không gian do công nghệ kiến tạo ra. Những mạng lưới xã hội không ngừng được mở rộng và sự tương tác giữa các cá nhân, các nhóm, các cộng đồng ngày một sâu rộng hơn. Cũng qua truyền thông số mà con người ngày càng tiếp cận thông tin một cách nhanh chóng và đa chiều hơn. Nói chính xác thì công nghệ số đang tác động mạnh mẽ đến đời sống người dân vùng dân tộc thiểu số, làm thay đổi toàn diện và sâu sắc đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của các cộng đồng.

Công nghệ số cũng đang tác động mạnh mẽ đến quá trình nghiên cứu tộc người hay nghiên cứu vùng dân tộc thiểu số. Trong dân tộc học truyền thống,

ngiên cứu là việc riêng của nhà khoa học. Bằng các phương pháp nghiên cứu điền dã, nhà khoa học đã thâm nhập vào đời sống thực tế của người dân, tham gia vào nhiều hoạt động của đối tượng nghiên cứu để sản xuất tri thức về tộc người. Nguồn tư liệu mà họ tiếp cận là các tài liệu thứ cấp từ chính quyền, là các nghiên cứu của các đồng nghiệp, và quan trọng là từ ký ức, kinh nghiệm của một số người có vị thế trong cộng đồng mà họ lựa chọn nghiên cứu. Quá trình sản xuất tri thức về tộc người cũng trở nên khá độc lập giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu bởi đối tượng nghiên cứu không có nhiều điều kiện để tham gia vào quá trình sản xuất tri thức liên quan đến mình hay tiếp cận các công trình nghiên cứu về mình. Nhưng dưới tác động của công nghệ số, gần như nhiều thứ đã thay đổi. Những người dân bình thường cũng đang cung cấp một lượng thông tin lớn về bản thân, gia đình và cộng đồng lên các mạng xã hội và tạo thành một hệ thống dữ liệu lớn liên quan đến vấn đề tộc người. Những câu chuyện của những người dân bình thường cũng đang được nhiều nhà khoa học quan tâm. Cũng qua công nghệ số, cộng đồng chủ thể đang tương tác với các nhà khoa học nhiều hơn về các vấn đề liên quan đến họ. Người dân có thể đọc các công trình nghiên cứu về cộng đồng mình, đưa ra quan điểm để thảo luận hay thậm chí phê phán các nghiên cứu của nhà khoa học. Mặt khác, các nhà khoa học cũng thay đổi quan điểm và phương pháp nghiên cứu tộc người của mình trong bối cảnh công nghệ số. Ngoài việc trực tiếp điền dã theo cách truyền thống thì họ còn tiếp cận các thông tin từ mạng xã hội để khảo cứu. Vị thế và quan hệ giữa nhà dân tộc và đối tượng nghiên cứu cũng có sự thay đổi. Những điều này tạo ra những trào lưu mới trong nghiên cứu tộc người được gọi là Dân tộc học mạng, Dân tộc học số hay Nhân học số...

Trong bối cảnh công nghệ số, dân tộc học sẽ biến chuyển như thế nào? Để thảo luận về vấn đề này, cần phải bắt đầu từ việc công nghệ số đã tác động đến đời sống của người dân vùng dân tộc thiểu số như thế nào? Công nghệ số cũng ảnh hưởng đến quá trình nghiên cứu tộc người ra sao? Và các nhà dân tộc học đã thay đổi quan điểm và phương pháp nghiên cứu của mình như thế nào để phù hợp với bối cảnh công nghệ số. Đây là vấn đề mới mẻ trong học thuật và cần phải được thảo luận nhiều hơn nhằm tìm kiếm, bổ sung những phương pháp luận mới trong nghiên cứu tộc người ở bối cảnh hiện tại.

1. Truyền thông số đang làm thay đổi đời sống các tộc người

1.1. Kiến tạo không gian mới

Không gian truyền thống của người dân tộc thiểu số là các bản làng ở trong vùng rừng núi, sống trong những ngôi nhà sàn cổ truyền. Họ gặp gỡ và trao đổi trực tiếp với nhau theo kiểu mặt đối mặt. Những thành tố văn hóa quan trọng của họ đều gắn với những không gian tộc người truyền thống như vậy.

Công nghệ số và truyền thông số đã tạo ra các không gian mới mà nhiều người gọi là không gian ảo hay mạng lưới xã hội ảo. Mạng lưới xã hội ảo là “một trang web mà nơi đó, một người có thể kết nối với nhiều người thông qua chia sẻ những sở thích cá nhân, nơi ở, đặc điểm học vấn”. Các không gian mới được tạo ra bởi công nghệ số có nhiều vai trò khác nhau và ngày càng có tác động mạnh đến đời sống thực tế của xã hội loài người. Những tác động của mạng xã hội ảo hay không gian mới do công nghệ số tạo ra này đã được nhiều người quan tâm. Hầu hết các trường hợp đều cho thấy những không gian mới mà công nghệ số tạo ra luôn có giá trị nhất định nhưng cũng kèm theo những tiềm ẩn không thể tránh khỏi. Việc tiếp cận không gian này một cách tích cực hay tiêu cực cần phải tính đến nhiều yếu tố khác nhau.

Sự xuất hiện của điện thoại thông minh và internet đã tạo ra một không gian mới cho người dân tộc thiểu số. Đó là không gian ảo được sáng tạo bằng công nghệ số. Ban đầu, không gian mới này đưa đến cho người dân những sự ngạc nhiên nhất định. Rất nhiều người lần đầu tiếp xúc đã không khỏi ngạc nhiên, thậm chí còn không tin vào những gì mình thấy được bởi nó chưa từng tồn tại trong trải nghiệm của họ. Đây có lẽ là phản ứng bình thường với những người trung tuổi ở những vùng nông thôn mà internet chưa phổ biến. Trước đó, việc xem phim trên tivi đã là cả một sự kinh ngạc bởi không hiểu sao một cái màn hình lại có thể tạo ra nhiều con người và nhiều hoạt động như vậy. Đó là cuộc tiếp xúc đầu tiên với không gian ảo - một không gian do công nghệ số tạo ra. Nhưng đến khi mạng xã hội dần quen thuộc, nó lại trở thành một không gian quan trọng trong các tương tác giữa các thành viên trong gia đình, bạn bè, đồng tộc và nhiều đối tượng khác nhau.

Các không gian mới/ảo do công nghệ số và mạng xã hội tạo ra đang ngày càng có vai trò quan trọng đối với đời sống của người dân tộc thiểu số. Những không gian mới này có thể tạo điều kiện cho nhiều người tiếp cận nhiều thông tin hơn, chia sẻ được với nhiều đối tượng hơn, tương tác sâu rộng và nhanh hơn, qua đó tạo ra nhiều lợi ích cho những người tham gia. Nhưng mặt khác, không gian mới tạo thành này cũng là một “xã hội” đa dạng và nếu không cẩn thận thì sẽ dễ bị lợi dụng. Trong những năm gần đây, việc lừa đảo qua mạng xã hội trở nên phổ

biến và không ít người đã bị “tiền mất tật mang” vì giao tiếp trên không gian công nghệ số.

1.2. Kiến tạo mạng lưới xã hội rộng lớn

Mạng lưới xã hội truyền thống của người của các dân tộc thiểu số hình thành trên các quan hệ xã hội truyền thống với sợi dây kết nối trực tiếp qua các quan hệ hàng ngày trong cuộc sống với những người xung quanh. Nhưng công nghệ số phát triển đã tạo ra những không gian mới, qua đó góp phần kiến tạo ra những mạng lưới xã hội mới cho người dân tộc thiểu số qua các mạng xã hội ảo.

Mạng lưới xã hội những mối quan hệ như bạn bè, tộc và những sự chuyển tiếp các mối quan hệ đó (hiểu theo nghĩa quan hệ luôn được mở rộng và những người trong mạng lưới sẽ có quan hệ chuyển tiếp với nhau) làm cho cộng đồng trở thành một mạng lưới và chi phối nhiều hoạt động của các cá nhân cũng như của chính cộng đồng đó. Tổng quát hơn, mạng lưới xã hội được hiểu là tổng hợp các mối quan hệ, các nhân tố kết nối và thể chế gắn kết của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức, cộng đồng được hình thành nhằm chia sẻ những lợi ích cũng như trách nhiệm với nhau trong việc khai thác các nguồn lực để phát triển. Mạng lưới xã hội truyền thống thường gắn với các quan hệ xã hội trực tiếp như gia đình, dòng họ, làng bản... Nhưng truyền thông số phát triển hiện nay đã tạo những điều kiện và cơ hội cho con người giao lưu, liên kết, chia sẻ những sở thích, sự quan tâm, những ý tưởng, những việc làm bằng các phương tiện truyền thông hiện đại - nhất là sự phát triển ngày càng đa dạng của internet, trong đó có mạng xã hội. Sự xuất hiện với những tính năng đa dạng, nguồn thông tin phong phú, mạng xã hội cho phép người dùng tiếp nhận, chia sẻ và chọn lọc thông tin một cách có hiệu quả, vượt qua trở ngại về không gian và thời gian. Như vậy, công nghệ thông tin rõ ràng là một nhân tố quan trọng kiến tạo nên mạng xã hội rộng lớn.

Ở vùng dân tộc thiểu số, truyền thông số, mà cụ thể là điện thoại và internet cũng là nhân tố quan trọng kiến tạo nên các mạng lưới xã hội. Ở các cấp độ khác nhau, tác động của công nghệ số lên số lượng đối tượng cũng khác nhau. Chính truyền thông số đã tạo ra mạng xã hội trong gia đình, khi mà các thành viên được trao đổi với nhau, nhìn thấy mặt nhau và trò chuyện bằng internet dù ở cách xa nhau hàng ngàn cây số. Mạng lưới gia đình trở nên gần gũi hơn, bền chặt hơn khi các thành viên tương tác mạnh mẽ hơn. Truyền thông số cũng giúp cho các quan hệ bạn bè, họ hàng, đối tác làm ăn... trở nên khăng khít hơn. Nếu biết vận dụng,

công nghệ số còn là nhân tố quan trọng tạo nên sinh kế số cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số.

Trong bối cảnh hầu hết thanh niên ở vùng dân tộc thiểu số đang di cư về các đô thị, các khu công nghiệp để mưu sinh, thì công nghệ số và truyền thông số càng thêm quan trọng khi tạo ra mạng lưới xã hội rộng lớn. Phần lớn các hộ gia đình ở đây đều có người đi làm ăn xa và họ luôn giữ mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành các mạng lưới xã hội chặt chẽ. Ở chỗ làm, người dân tộc thiểu số cũng tìm nhau để tạo thành các nhóm nhỏ để chia sẻ, hỗ trợ và gặp gỡ với nhau. Những người đi trước thường là cầu nối để đưa những người sau và giúp đỡ họ có công ăn việc làm. Qua truyền thông số, họ tạo thành các mạng lưới xã hội để tạo điều kiện giúp đỡ nhau. Người ra đi xa có quen biết cũng tự tin hơn và người ở nhà cũng yên tâm hơn. Đương nhiên, bên cạnh những giá trị tích cực thì mạng xã hội cũng gây nên những hệ quả tiêu cực. Sự lạm dụng mạng xã hội rủ rờ nhau làm việc xấu như trộm cắp, ma túy không phải là không có.

1.3. Giúp người dân tiếp cận thông tin đa chiều

Truyền thông số tạo ra những diễn đàn trao đổi thông tin nhanh chóng, rộng lớn và đa chiều, liên quan đến hầu hết các vấn đề của cuộc sống. Hàng ngày, hàng loạt các thông tin được nhiều nhóm đối tượng khác nhau được sản xuất ra dựa trên nhiều góc nhìn, quan điểm khác nhau và truyền đi trên nhiều kênh thông tin khác nhau. Nền tảng công nghệ số cho phép các thông tin này được lan truyền rộng rãi và nhanh chóng mà một cá nhân hay một nhóm muốn xóa bỏ nó cũng không dễ dàng. Những thông tin được sản xuất và lan truyền trên các mạng xã hội dựa vào nền tảng công nghệ số tạo điều kiện cho người dân vùng dân tộc thiểu số tiếp cận được các nguồn thông tin nhanh chóng và đa chiều hơn.

Ngày trước, ở vùng dân tộc thiểu số, người dân chủ yếu tiếp cận thông tin từ hệ thống chính trị, qua các cán bộ địa phương. Cách truyền đạt thông tin truyền thống này vừa chậm, lại dễ bị “tam sao thất bản”, dễ bị sai lệch và dễ rơi vào chủ quan do lệ thuộc vào năng lực tiếp nhận thông tin và khả năng truyền đạt của cán bộ. Cùng với đó là tâm lý ngại trao đổi, ngại thảo luận và sợ gặp cán bộ của đồng bào nên việc tiếp cận thông tin trở nên phiền diện, thụ động và không chính xác, không cụ thể.

Từ khi công nghệ số và truyền thông số phát triển phổ biến, người dân ngày càng chủ động hơn trong việc tiếp cận thông tin đa chiều và biết cách sàng lọc

thông tin. Trước những vấn đề chưa rõ ràng, người dân đã biết vào internet để tìm hiểu. Trước hết họ tìm thông tin, rồi sau đó đi hỏi thêm cán bộ về các chính sách hay thông tin liên quan để thấu đáo hơn. Ở các địa phương, việc lập các nhóm nhỏ qua mạng xã hội để trao đổi, chia sẻ cũng dần phổ biến. Cán bộ địa phương cũng có nhóm riêng, hội phụ nữ, hội cựu chiến binh, đoàn thanh niên, các tổ chức chính trị, các câu lạc bộ, các nhóm nghề nghiệp... đều thành lập nhóm riêng. Khi cần họ chỉ cần nhắn tin là có thể cùng nhau chia sẻ. Mỗi khi có vấn đề gì chưa rõ họ đều hỏi trong nhóm rồi sau đó mới trao đổi với nhau, nhất là các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách. Đây là một thể hiện cho sự chủ động nắm bắt thông tin đa chiều hơn của người dân vùng dân tộc thiểu số.

1.4. Công nghệ số góp phần làm giảm định kiến tộc người

Định kiến tộc người tồn tại từ rất lâu và đi cùng sự phân định tộc người. Dù ở thời đoạn nào thì những định kiến về tộc người cũng luôn tồn tại và thể hiện một cách khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể. Ngày nay, người ta hiểu về “dân tộc” một cách đầy đủ hơn, nhưng không thiếu những định kiến gắn liền với nó. “Dân tộc” bị nhiều người hiểu theo một định kiến miệt thị, là một cái gì đó lạc hậu, chưa phát triển, chưa hiện đại. Nên họ dùng những từ “dân tộc”, “người dân tộc”, hay đơn giản là “tộc” để chỉ sự lạc hậu, kém phát triển của những người ở miền núi. Những định kiến này vốn không chỉ bây giờ mà nó đã tồn tại khá lâu. Và với những người chưa từng sinh sống ở vùng dân tộc thiểu số hay với những người không biết nhiều về người dân tộc thiểu số thì “dân tộc” vẫn là một định kiến tộc người nặng nề. Họ không biết rằng chính mình cũng thuộc về một “dân tộc”, chỉ là ở một quốc gia nào đó thì mình là người dân tộc chiếm đa số. Cùng với đó còn nhiều định kiến khác nữa, như việc canh tác nương rẫy chẳng hạn. Khi nói về cộng đồng người sinh sống chủ yếu bằng canh tác nương rẫy thì người ta nghĩ đó là những người lạc hậu, kém phát triển và phần nào đó nghèo nàn. Thậm chí đó là hình thức du canh du cư, phá rừng... Nhưng họ không hiểu được tính phù hợp của canh tác nương rẫy trong môi trường miền núi là một lựa chọn tối ưu.

Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số đã góp phần hạn chế các định kiến về tộc người. Việc người bản địa ngày càng tham gia vào quá trình sản xuất tri thức một cách chủ động hơn. Không những vậy họ còn tham gia vào việc thẩm định, đánh giá, tranh luận lại về các tri thức khoa học của các nhà nghiên cứu đã làm cho vị thế của họ tăng lên. Và điều đó cũng giúp cho quá trình giải định kiến tộc người được tiến lên những bước đi mới. Các nhà nghiên cứu, một mặt sử

dụng các nguồn tư liệu từ chính những người bản địa tạo ra, một mặt cũng phải đối diện với các ý kiến thảo luận của những người bản địa mà họ phần nào đó phải coi trọng người bản địa là đối tượng nghiên cứu của mình. Giờ đây, họ không còn dám coi người bản địa là lạc hậu, kém phát triển nữa nếu như họ không muốn những nghiên cứu của mình bị chính những người bản địa đánh đổ. Và sự tôn trọng đối với đối tượng nghiên cứu ngày một nâng lên.

Không chỉ với giới nghiên cứu mà cả những người dân bình thường cũng giảm bớt các định kiến về tộc người thông qua các thông tin về tộc người được chia sẻ một cách rộng rãi hơn. Nhiều chàng trai, cô gái vùng dân tộc thiểu số đã vươn lên có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho quê hương và cho đất nước. Những việc làm tốt của họ đã được các phương tiện truyền thông và các mạng xã hội công nghệ đưa tin rộng rãi làm cho nhiều người nhận thức rõ ràng hơn về người dân tộc thiểu số làm thay đổi các định kiến của họ với đồng bào. Nói cách khác, chính công nghệ số đã đưa thông tin một cách chính xác và sinh động hơn về đời sống văn hóa tộc người, qua đó giúp cho các cộng đồng tương tác với nhau một cách mạnh mẽ hơn, hiểu về nhau rõ hơn và gắn bó chặt chẽ với nhau hơn. Điều đó làm cho sự tôn trọng lẫn nhau giữa các cộng đồng cũng được tăng cao, góp phần đảm bảo nguyên tắc bình đẳng dân tộc trong cuộc sống hiện đại.

2. Truyền thông số và sự thay đổi trong nghiên cứu tộc người

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và đặc biệt là công nghệ số đã tạo điều kiện cho người dân tộc thiểu số tạo ra những thông tin dữ liệu về cuộc sống của mình và chia sẻ nó với người khác. Qua đó giúp họ có điều kiện tham gia vào quá trình sản xuất tri thức liên quan đến tộc người mình. Với nhiều ứng dụng thuận lợi, công nghệ số đã tạo ra một hệ thống dữ liệu lớn, đa dạng và phong phú về thông tin và đa chiều về quan điểm trong nghiên cứu tộc người. Nó cũng làm thay đổi mối quan hệ giữa đối tượng nghiên cứu và nhà nghiên cứu một cách tương đối.

2.1. Công nghệ số và hệ thống dữ liệu sống động từ các cộng đồng

Bản chất của cuộc sống là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội. Và cuộc sống của các cộng đồng là một kho dữ liệu cho các ngành khoa học tham gia tìm hiểu. Nhưng các thời đoạn khác nhau, các thức thể hiện và khai thác kho dữ liệu sống sinh động từ các cộng đồng cũng khác nhau rất nhiều. Trong Dân tộc học cổ điển, nghiên cứu tộc người nào thì phải đến địa bàn của tộc người ấy để tiếp cận các tư liệu liên quan. Thực chất của nghiên cứu điền dã là tạo ra hệ thống tri thức

liên quan đến tộc người từ những phương pháp chuyên ngành như phỏng vấn sâu, quan sát tham gia, thảo luận nhóm, khai thác các tư liệu từ các văn bản ở địa phương... Đây đều là các thao tác mà nhà nghiên cứu vận dụng trong quá trình khai thác hệ thống dữ liệu từ cuộc sống của các cộng đồng.

Công nghệ số đã làm cho cộng đồng trở thành một kho dữ liệu sống động hơn nữa. Giờ đây, những người dân bản địa có thể tham gia quá trình sản xuất tri thức thông qua việc cung cấp thông tin cho cộng đồng cũng như cho các nhà nghiên cứu. Hình thành các kênh thông tin quan trọng mang tính cộng đồng và liên quan đến cuộc sống cộng đồng. Công nghệ số cho phép tạo ra các mạng lưới xã hội rộng rãi để chia sẻ những thông tin về các sinh hoạt cá nhân hoặc cộng đồng liên quan. Đời sống cộng đồng vốn dĩ rất sinh động và sự sinh động đó cũng trở thành một nguồn dữ liệu cho khoa học. Trên Fanpage “Người Thái Nghệ An” đã thu hút gần 1.500 thành viên tham gia và hàng ngày cũng chia sẻ hàng chục hình ảnh, clip và những câu chuyện liên quan đến đời sống văn hoá dân tộc Thái. Hay một fanpage khác là “Người Khơ Mú miền Tây Nghệ An” với gần 1000 thành viên cũng tạo ra một mạng lưới tương tác xã hội liên quan đến tộc người Khơ Mú. Các thành viên chia sẻ thường xuyên các bức ảnh, clip liên quan đến cuộc sống của dân tộc Khơ Mú...

Trên các trang mạng xã hội hiện nay có hàng triệu các nhóm xã hội đã tạo lập ra những kênh thông tin riêng, có nhóm công khai cũng có nhóm kín nhưng cơ bản là để chia sẻ những thông tin, những trải nghiệm của các thành viên. Trong đó, hầu hết các tộc người đều có những nhóm riêng để kết nối và chia sẻ. Khi những người sáng lập ra các nhóm (thường là những admin quản lý nhóm) là để chia sẻ những thông tin, những câu chuyện và những trải nghiệm cho những người khác quan tâm đến họ. Họ không có mục tiêu tạo ra dữ liệu cho nghiên cứu khoa học. Một mặt, điều đó cũng dễ làm cho những thông tin khi sử dụng vào nghiên cứu khoa học cần phải được xác minh một cách nghiêm túc. Nhưng mặt khác, cũng vì mục đích chia sẻ trải nghiệm nên những câu chuyện gắn liền với cá thể, với tình tiết cụ thể hơn và nó làm cho hệ thống dữ liệu trở nên linh động hơn.

Đề khai thác hệ thống dữ liệu sống động từ đời sống của các cộng đồng đương nhiên không phải là vấn đề đơn giản. Bên cạnh phải biết phương pháp tiếp cận và thẩm định các thông tin mà mình tiếp cận được, nhà nghiên cứu còn phải có sự nhạy cảm cần thiết với các vấn đề xã hội trên các diễn đàn từ các cộng đồng. Bởi xét cho cùng thì thông tin hay dữ liệu đó do những con người cụ thể sản xuất

ra nên có chân thực và cũng không thiếu những sai số do khách quan hoặc chủ quan. Cách tốt nhất để hạn chế chính là kết hợp cả nghiên cứu hệ thống dữ liệu từ cuộc sống cộng đồng qua các diễn đàn, các mạng xã hội với các phương pháp nghiên cứu truyền thống là tiếp cận trực tiếp để thẩm định thông tin, cảm nhận qua quan sát tham gia hay cả chia sẻ cảm xúc. Sử dụng nhiều phương pháp cùng lúc giúp cho việc vận dụng hệ thống dữ liệu từ cuộc sống các cộng đồng được đảm bảo độ tin cậy hơn và giúp cho quá trình nghiên cứu trở nên khoa học hơn, chặt chẽ hơn.

2.2. Công nghệ số và dữ liệu hóa đời sống cá nhân

Hiện nay, có thể nói rằng nhờ công nghệ số mà tư liệu cuộc đời cá nhân được quan tâm và chia sẻ với cộng đồng và ngày càng trở thành một nguồn tài liệu quan trọng trong nghiên cứu tộc người. Trước đây, khi nghiên cứu tộc người, các nhà nghiên cứu thường tập trung vào khai thác thông tin những người thuộc diện đặc biệt như là “già làng, trưởng bản, người có uy tín, người có hiểu biết...”. Trong một cộng đồng, những trường hợp tiêu biểu chắc chắn ít hơn những-người-bình-thường. Vậy nên, để hiểu một cộng đồng thì chỉ tiếp cận những người tiêu biểu thôi chưa đủ. Nhưng để làm sao cho những-người-bình-thường đó tham gia vào quá trình sản xuất tri thức lại là một vấn đề lớn. Hiện nay, nhờ công nghệ số mà những câu chuyện cuộc đời cá nhân lại trở nên có vai trò quan trọng hơn trong sản xuất tri thức về cộng đồng, về tộc người. Sự tiêu biểu không còn là đại diện quan trọng của cộng đồng nữa mà thay vào đó là sự đa dạng về góc nhìn, cách thức thể hiện và thông tin cuộc sống.

Câu chuyện cuộc đời cá nhân thể hiện được điều đó khi mà họ không cần phải đại diện cho ai cả, chỉ là thể hiện một khía cạnh nhỏ, một trường hợp cụ thể của họ. Nhân học trong nhiều năm gần đây lại quan tâm đến vấn đề này. Những con người bình thường có thể chia sẻ những thông tin, những câu chuyện riêng của mình cho cộng đồng và từ đó lan toả ra với nhiều người khác. Có thể là những câu chuyện liên quan đến dòng đời (timelife) của một người, nhưng cũng có thể chỉ là một bức ảnh và một câu nói cũng làm nhiều người suy nghĩ. Xin nêu ra một ví dụ mà tôi được chia sẻ trong quá trình nghiên cứu điền dã. Tháng 4/2022, một cô gái trẻ người Thái ở Tương Dương đưa lên mạng xã hội facebook của cô một tấm ảnh môi bị sưng và mắt bị bầm tím với một dòng status “Vợ chồng mà không tin tưởng nhau thì có hay không cũng không quan trọng!”. Ngay lập tức, nhiều bạn bè của cô, trong đó có nhiều người là anh em, bạn bè trong làng bản đã vào comment phê

phán hành vi bạo lực đối với cô gái. Rồi gia đình cũng vào cuộc gọi người chồng để làm rõ mọi chuyện. Thì ra cô gái đi làm cán bộ dự án nên hay phải đi địa bàn và đi tiếp khách, anh chồng nghe lời bạn bè khiêu khích nên ghen tuông, khi say rượu về nhà thì gây sự và đánh cô bầm tím mặt mày. Thấy gia đình, bạn bè đều lên án nên ngay tối hôm đó anh chạy qua nhà bố mẹ vợ xin lỗi gia đình, xin lỗi vợ và đón vợ về.

Hiện nay, những câu chuyện nhỏ trong gia đình, vẫn được nhiều nhà nghiên cứu và nhiều người quan tâm khai thác và thảo luận về các phương diện khác nhau. Trong đó tập trung vào một số vấn đề như phòng chống bạo lực gia đình, vấn đề mạng lưới xã hội trong hoà giải và bảo vệ phụ nữ, vấn đề vai trò của mạng xã hội trong thực hiện bình đẳng giới.... Như vậy có thể thấy, chỉ một câu chuyện cá nhân, tưởng chừng như chẳng liên quan đến ai, nhưng lại trở thành một thông tin có giá trị cho quá trình sản xuất tri thức lẫn hành động xã hội. Câu chuyện cuộc đời, dù xuất hiện từ những năm 1970, được Trường phái Chicago ở Mỹ sử dụng trong nghiên cứu về những người nghèo ở đô thị. Sau đó được mở rộng ra trong các nghiên cứu về các vấn đề được cho là “nhạy cảm”. Hiện nay, phương pháp này đang dần phổ biến trong nhiều lĩnh vực khi mà đời tư cá nhân của những con người bình thường ngày càng được coi trọng, được quan tâm hơn. Không chỉ là những người nổi tiếng, người tiêu biểu mà những câu chuyện cuộc đời của những người bình thường cũng là dữ liệu quan trọng, là tư liệu để nghiên cứu. Và nhờ có công nghệ số, nhất là các mạng xã hội đã giúp cho các câu chuyện cuộc đời cá nhân được phổ biến rộng rãi hơn. Giúp cho nhà nghiên cứu có thêm nhiều dữ liệu để tiếp cận đối tượng nghiên cứu, giúp cho sự tương tác giữa các cá nhân, các nhóm thêm phần mạnh mẽ hơn. Giúp cho nhiều người yếu thế được những người khác chia sẻ, tương tác nhằm giải quyết các vấn đề một cách công bằng và được tôn trọng hơn.

2.3. Công nghệ số và sự thay đổi trong quan hệ giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu

Ngày trước, các nhà nghiên cứu khoa học xã hội thường tiếp cận trực tiếp với đối tượng nghiên cứu của mình là các cộng đồng tộc người. Điều này gần như trở thành nguyên tắc với một số ngành học, đặc biệt trong Dân tộc học – Nhân học. Khi nhà nghiên cứu thực hiện nghiên cứu điền dã, họ thực hiện “ba cùng” tức cùng ăn, cùng ở, cùng làm với đối tượng nghiên cứu của họ. Mỗi quan hệ này nghe thì vô cùng chặt chẽ. Nhưng sau quá trình nghiên cứu điền dã, việc phát triển và công bố các nghiên cứu liên quan đến đối tượng nghiên cứu lại trở thành vấn đề riêng

của các nhà nghiên cứu. Các cộng đồng dân tộc thiểu số vốn là đối tượng nghiên cứu lại không hề hay biết về quá trình sản xuất tri thức liên quan đến họ bởi họ chẳng mấy khi có điều kiện để tiếp cận các nghiên cứu này trừ một vài người trong cộng đồng được học hành lên cao và trở thành các nhà nghiên cứu. Nhà khoa học có thể có được công danh, lợi ích từ các công trình nghiên cứu của mình, trở thành chuyên gia, được tăng lương thăng chức. Nhưng đối tượng của họ thì chẳng mấy khi nhận được lợi ích từ các nghiên cứu liên quan. Thậm chí có những cộng đồng phải chịu những hệ lụy to lớn từ các nghiên cứu khoa học liên quan đến họ mà gần như họ không được biết.

Công nghệ số phát triển mạnh mẽ đã đẩy mạnh sự tương tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Bên cạnh trao đổi trực tiếp, các nhà nghiên cứu giờ đây có thể trao đổi với những người bản địa, là đối tượng nghiên cứu của mình qua không gian công nghệ số, mà chủ yếu là qua mạng xã hội, e-mail, điện thoại.... Những điều mà những nhà sáng lập ngành Dân tộc học-Nhân học không tính tới trong bối cảnh cuộc sống của họ. Khái niệm điền dã đang ngày càng được mở rộng ra, bên cạnh đi thực địa trực tiếp thì còn những phương pháp tiếp cận gián tiếp nhưng không hẳn gián tiếp bởi công nghệ số cho phép sự tương tác của các bên liên quan. Nếu như trước đây, nhà nghiên cứu sau khi điền dã về phát triển các ý tưởng, phân tích tư liệu và công bố các công trình nghiên cứu của mình ra với giới chuyên môn và công chúng. Quá trình sản xuất tri thức của họ gần như độc lập với đối tượng mà họ nghiên cứu bởi đối tượng nghiên cứu khó tiếp cận các công trình nghiên cứu và càng khó hơn khi tham gia vào quá trình sản xuất tri thức của các nhà nghiên cứu.

Nhưng hiện nay, phương pháp nghiên cứu dân tộc học cũng đang thay đổi nhanh chóng. Người bản địa, đối tượng nghiên cứu không chỉ cung cấp thông tin một cách đa dạng mà còn tham gia được vào quá trình sản xuất tri thức. Họ có thể tìm kiếm các bài viết liên quan đến họ để đọc và cũng sẵn sàng bình luận hay phản biện lại ý kiến của nhà nghiên cứu về các thông tin hay quan điểm liên quan đến cuộc sống của họ. Nếu những người có hiểu biết ở vùng miền núi mà phát hiện các thông tin, quan điểm không phù hợp với họ thì họ sẵn sàng phản ánh lại, thậm chí tranh luận lại với các nhà nghiên cứu thông qua mạng xã hội hoặc các phương tiện truyền thông. Như vậy, công nghệ số ngày càng đẩy mạnh sự tương tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Người dân bản địa đang chủ động tìm kiếm và xem xét các thông tin, các nghiên cứu liên quan đến họ để hiểu hơn về chính họ

và cũng để “hiệu đính” nếu như những tri thức đó không phù hợp với họ. Và chỉ có khoa học công nghệ hiện đại mới đem đến cho họ thứ quyền năng mà vài chục năm trước họ có tưởng tượng cũng không hình dung đến.

3. Thảo luận về nội dung và phương pháp nghiên cứu tộc người trong bối cảnh truyền thông số

3.1. Tổng quan các nội dung về nghiên cứu tộc người trong bối cảnh truyền thông số

Sự xuất hiện của điện thoại, internet và mạng xã hội đã làm thay đổi cơ bản đời sống của người dân tộc thiểu số. Sự thay đổi này đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trên thế giới, sự xuất hiện của internet vào năm 1983 và ngày càng phát triển mạnh mẽ đã tạo ra mối quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Những năm 1990 đã xuất hiện nhiều nghiên cứu về internet và văn hóa internet. Đến những năm 2000, nghiên cứu về internet và các mạng xã hội càng trở nên mạnh mẽ hơn. Nhiều lĩnh vực tham gia nghiên cứu hơn và chủ đề nghiên cứu cũng trở nên đa dạng hơn. Trong đó, các lĩnh vực như xã hội học, văn hóa học, nhân học, dân tộc học, kinh tế học... đều quan tâm đến vấn đề tác động của internet đối với đời sống con người (Nguyễn Thị Phương Châm 2013).

Internet xuất hiện ở Việt Nam từ năm 1997 và không ngừng phổ biến. Từ đầu những năm 2000 đã bắt đầu có những nghiên cứu liên quan tới sự tác động của internet đối với đời sống con người. Trong đó phải kể đến các nghiên cứu tiêu biểu của Nguyễn Thị Minh Phương và cộng sự (2002), Lê Thanh Bình (2008), Bùi Hoài Sơn (2008)... Những nghiên cứu này tập trung vào một số khía cạnh khác nhau. Nguyễn Thị Minh Phương và cộng sự tập trung phân tích việc sử dụng internet ở trẻ em và đánh giá tác động của nó qua nghiên cứu trường hợp ở một số địa bàn khảo sát cụ thể. Còn Lê Thanh Bình và cộng sự lại phân tích vai trò của truyền thông đại chúng, trong đó nhấn mạnh vai trò của internet với sự phát triển xã hội. Còn Bùi Hoài Sơn lại đi vào khám phá sự thay đổi văn hóa xã hội dưới tác động của phương tiện truyền thông mới mà quan trọng nhất là internet...

Bước sang thập kỷ thứ 2 của thế kỷ XXI, nghiên cứu về vai trò của internet, của mạng xã hội càng được nhiều người quan tâm. Trong nghiên cứu “Internet: mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc”, qua khảo sát thực tế từ đô thị đến nông thôn ở khu vực Hà Nội, Huế và Thành phố Hồ Chí Minh, Nguyễn Thị Phương Châm đã trình có hệ thống về thực trạng sử dụng internet ở giới trẻ, về vai trò của

internet trong việc kết nối các mạng lưới xã hội, về sự thể hiện bản sắc của giới trẻ trên internet, từ đó đặt ra nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến sự kết nối mạng lưới xã hội đến sự thể hiện bản sắc của giới trẻ trên không gian internet (Nguyễn Thị Phương Châm 2013).

Liên quan đến vấn đề vai trò và tác động của mạng xã hội ảo với đời sống con người, cuốn sách “Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh” (Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) 2013) là một nghiên cứu quan trọng. Đây là công trình tập hợp nhiều bài viết liên quan đến chủ đề về mạng xã hội và tác động của nó đến đời sống của giới trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh. Những nghiên cứu của các tác giả trình bày trong cuốn sách này đã phân tích vai trò và tác động của mạng xã hội ảo từ nhiều góc độ khác nhau, cho người đọc có một cái nhìn vừa cụ thể, vừa bao quát hơn về vấn đề này.

Trong bối cảnh nghiên cứu về internet, về mạng xã hội hầu như tập trung vào các cộng đồng xã hội ở miền xuôi, nhất là các đô thị, thì vấn đề này ở vùng dân tộc thiểu số được quan tâm muộn hơn. Internet xuất hiện ở vùng dân tộc thiểu số muộn hơn và tác động chậm hơn nên các nghiên cứu về chủ đề này xuất hiện muộn cũng là một điều dễ hiểu. Nhưng rõ ràng điện thoại, internet, mạng xã hội đang phát triển mạnh mẽ và ngày càng phổ biến ở vùng dân tộc thiểu số, tác động ngày càng mạnh mẽ đến đời sống người dân nên cần phải được nghiên cứu để nhận thức rõ ràng hơn, thảo luận toàn diện hơn nhằm góp phần vào việc hoạch định chính sách phát triển có liên quan.

Bùi Thị Bích Lan (2022) đã dành nhiều mối quan tâm về tác động của internet và mạng xã hội đối với đời sống của phụ nữ dân tộc Hà Nhì ở biên giới Việt - Trung. Qua nghiên cứu sự thay đổi đời sống của phụ nữ Hà Nhì ở huyện Mường Tè (Điện Biên), huyện Mường Nhé (Lai Châu) và huyện Bát Xát (Lào Cai), tác giả đã đi sâu phân tích quá trình tham gia các mạng xã hội ảo, sự thay đổi đời sống văn hóa xã hội của người phụ nữ qua tương tác trên không gian ảo, từ đó đặt ra nhiều vấn đề và đưa ra các khuyến nghị liên quan đến việc phát triển kinh tế xã hội, bảo vệ và nâng cao đời sống của phụ nữ Hà Nhì trong bối cảnh tương tác từ mạng xã hội ảo ngày càng mạnh mẽ hơn.

Vương Xuân Tình (2023) lại tập trung vào việc phân tích mối quan hệ giữa bản sắc tộc người và mạng xã hội ảo. Qua khảo sát các trang facebook của các cá nhân và nhóm, tác giả đã cho rằng mạng xã hội ảo đang ngày càng tác động mạnh

mẽ đến quá trình kiến tạo bản sắc văn hóa tộc người, ở chiều ngược lại, bản sắc tộc người cũng là một nhân tố quan trọng tác động lại các mạng xã hội ảo, nhất là với việc liên kết trong cộng đồng tộc người để giữ gìn bản sắc. Nghiên cứu này cũng gợi mở ra nhiều vấn đề quan trọng liên quan đến quá trình tái tạo bản sắc dân tộc trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

Lý Viết Trường (2023) cũng tiếp cận vai trò của internet và mạng xã hội ảo trong việc kết nối liên tộc người và xuyên biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Từ việc tiếp cận quá trình tương trợ nhau trong việc học tập giữa các thành viên trong một nhóm nhỏ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau qua mạng xã hội, tác giả đã nhấn mạnh đến các giá trị tích cực của mạng xã hội trong việc liên kết và tương trợ lẫn nhau của các thành viên cùng một nhóm nhỏ trong quá trình học tập cũng như các sinh hoạt khác trong cuộc sống.

Tóm lại, vấn đề nghiên cứu về tộc người trong bối cảnh công nghệ số đã được một số nhà khoa học quan tâm. Nhiều công trình bước đầu công bố và nhận được sự chú ý từ các nhà quản lý, dư luận xã hội cũng như giới học thuật. Nhưng các nghiên cứu cũng tập trung nhiều vào sự tác động của công nghệ số, nhất là của internet, mạng xã hội đến đời sống người dân, trong đó quan tâm nhiều đến vùng đô thị và đồng bằng hơn còn vùng dân tộc thiểu số thì chỉ mới được một số nhà nghiên cứu chú ý trong mấy năm trở lại đây. Một vấn đề quan trọng chưa được thảo luận nhiều là sự thay đổi trong phương pháp nghiên cứu về tộc người. Rõ ràng công nghệ số đã làm thay đổi cả quan điểm và phương pháp nghiên cứu tộc người và các nhà dân tộc học cũng đang thay đổi các chiến lược nghiên cứu của mình để phù hợp, vận dụng công nghệ số nhằm nâng cao chất lượng học thuật. Vậy nên cần có những thảo luận liên quan đến vấn đề này một cách khách quan hơn.

3.2. Phương pháp luận mới trong nghiên cứu tộc người dưới tác động của công nghệ số

Phương pháp luận được xem xét chủ yếu trên hai phương diện chính là quan điểm nghiên cứu và phương pháp tiếp cận. Nghiên cứu tộc người trong bối cảnh công nghệ số cần đặt trên nền tảng quan điểm lấy cư dân bản địa là trọng tâm nhằm tăng quyền và trao quyền cho chủ thể; và lấy phương pháp tiếp cận qua công nghệ số để tìm hiểu, bổ sung, cải tiến và thay thế các phương pháp tiếp cận truyền thống sao cho phù hợp và hiệu quả hơn.

Về quan điểm nghiên cứu tộc người, trong những năm gần đây, một mặt do áp lực từ thực tiễn phát triển, mặt khác do ảnh hưởng của quan điểm bản địa học và bản địa học phê phán, nên việc tăng quyền và trao quyền cho người bản địa được quan tâm nhiều hơn. Tăng quyền và trao quyền cho người bản địa còn được xem là một tiêu chí, một đặc trưng của quá trình phát triển: “Phát triển thường hàm ý sự cải thiện (tốt đẹp hơn cho địa phương, quốc gia, toàn cầu), tăng quyền (xây dựng các khả năng lập kế hoạch, quản lý về những biến đổi liên quan đến tăng trưởng) và sự tham gia (là sự nhập cuộc của các thành viên trong các nhóm xã hội vào các quyết định có ảnh hưởng đến họ ở hiện tại và trong tương lai)” (Nguyễn Văn Sửu, 2015: 10).

Tăng quyền và trao quyền cho người bản địa được coi là một phương pháp giải thuộc địa, một con đường giải bỏ, giảm bớt sự bất đối xứng giữa “nhà nghiên cứu” và “đối tượng nghiên cứu” mà nhiều người quan tâm. Có thể nhiều người không khỏi hoang mang khi bước đầu tiếp xúc với quan điểm bản địa học phê phán bởi không định hình được vị trí và công việc của nhà nghiên cứu khi đã tiến hành trao quyền cho người bản địa trong sản xuất tri thức về người bản địa. Thực tế, dù có những tuyên bố mạnh mẽ phê phán các phương pháp nghiên cứu, đặc biệt là quan điểm và cách tiếp cận của chủ nghĩa thực dân, đặc biệt là phê phán chủ nghĩa thực dân bản địa, nhưng các nhà bản địa học cũng không hoàn toàn phủ nhận vai trò của các học giả, các chuyên gia nghiên cứu. Ngay chính Linda Tuhiwai Smith (2012: loc 3937) cũng nhấn mạnh rằng “khi sự bất cân xứng giữa Nhà nghiên cứu và Đối tượng nghiên cứu bị loại bỏ hoặc giảm bớt, các nghiên cứu với tư cách là hoạt động, về cơ bản, sẽ khác nhau và kết quả là, “các câu hỏi sẽ khác nhau, các ưu tiên được xếp hạng khác nhau, các vấn đề được định nghĩa khác nhau, và mọi người tham gia vào các khoản mục khác nhau”. Điều quan trọng, bản địa học phê phán muốn các nhà nghiên cứu và người bản địa xác lập một mối quan hệ chia sẻ, hợp tác lành mạnh trong quá trình sản xuất tri thức. Để làm điều đó, nhà nghiên cứu cũng phải định vị lại chính mình trong quá trình sản xuất tri thức. Bởi trong dân tộc học, sự định vị và tính phản thân là những yếu tố vô cùng quan trọng đối với các nhà nghiên cứu, nhất là trong quá trình nghiên cứu điền dã (Bùi Minh Hào, 2018).

Sự hợp tác giữa các nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu, càng ngày càng trở nên phổ biến, được nhiều học giả coi trọng và hình thành một lĩnh vực trong nhân học: Nhân học hợp tác (collaborative anthropologies). Trong bối cảnh

các nhà nghiên cứu mang lấy quyền lực quá cao và nhiều khi như được xem là người đại diện cho đối tượng nghiên cứu thì sự xuất hiện của nhân học hợp tác mang đến một sự định vị mới mà quan điểm nền tảng được gắn với bản địa học phê phán. Các học giả tiên phong trong nghiên cứu nhân học hợp tác đều nỗ lực định vị lại vị trí của nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu qua quá trình tăng quyền và trao quyền cho người bản địa bằng những phương pháp tiếp cận khác nhau và hướng đến hạn chế, thậm chí xóa bỏ sự bất cân xứng giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu (Stan BH Tan-Tangbau, 2016).

Trong phương pháp tiếp cận cũng có những thay đổi to lớn. Nếu như nghiên cứu về vai trò và tác động của internet và mạng xã hội đối với đời sống con người đã và đang được quan tâm, thì thảo luận về sự thay đổi phương pháp tiếp cận trong khoa học xã hội dưới tác động của internet và mạng xã hội cũng đang thu hút được nhiều người quan tâm. Rõ ràng, sự xuất hiện của internet và mạng xã hội là cơ sở nền tảng để hình thành dân tộc học mạng, dân tộc học ảo hay nhân học số. Đây là một lĩnh vực mới mẻ, tập trung vào việc phân tích đối tượng nghiên cứu trong một không gian mới - không gian số do công nghệ số tạo thành. Việc thay đổi hướng tiếp cận cũng làm cho phương pháp tiếp cận thay đổi để phù hợp hơn. Vấn đề này được Burrell (2009) thảo luận khá kỹ càng trong một nghiên cứu của mình. Trong đó, Burrell nhấn mạnh: “Nhiều tranh luận về phương pháp học xoay quanh vấn đề internet đã bổ sung cho những nỗ lực không ngừng để xem xét những quá trình tổng thể như một chủ đề đích thực của điện dã dân tộc học. Tuy thế vẫn còn thiếu những lời phê bình nhận xét để dân tộc học ảo có được sức mạnh nhất định. Điều quan trọng hơn hết là dân tộc học đã gắn bó rất chặt chẽ với công tác thực nghiệm. Các nhà nghiên cứu, thông qua những quan sát cận kề, phỏng vấn và tham gia trực tiếp cho thấy những cư dân đã trải nghiệm các địa bàn ảo và những dạng thức liên đới nhất định đến internet như thế nào xét trên cả khía cạnh xã hội và không gian ảo một cách sâu sắc. Dân tộc học ảo là chỉnh thể của những tiếp cận dân tộc học và tiếp cận dựa trên địa bàn thực tế và đối với việc nghiên cứu những gì diễn ra trực tuyến (Burrell 2009: 4).

Nghiên cứu dân tộc học mạng hay nhân học số cũng được nhiều nhà khoa học ở Việt Nam quan tâm. Năm 2018, Hội thảo khoa học “Nhân học số ở Việt Nam: Xu hướng, tiềm năng và triển vọng” được tổ chức ở Hà Nội. Tại hội thảo, nhiều nhà khoa học đã tham gia thảo luận nhiều chủ đề liên quan đến đối tượng, phương pháp nghiên cứu và xu hướng phát triển của nhân học số. Qua đó nhấn

manh: “Chúng ta đã tiến tới một thời điểm cấp bách của ngành Nhân học, được đánh dấu bằng sự hội nhập kỹ thuật số trong thế kỷ 21. Chúng ta không thể tiếp tục duy trì các góc nhìn nhân học được đưa ra từ thời kỳ trước... Nhân học số đã hướng đến các khả năng đa dạng khi chúng ta áp dụng các công cụ và phương pháp luận kỹ thuật số nhằm tạo ra các dự án cộng đồng có tính toàn diện, tính tham gia và tăng quyền hơn” (Khoa Nhân học 2018, dẫn theo Bùi Thị Bích Lan 2022: 47). Vấn đề này tiếp tục được Nguyễn Văn Sửu (2023) thảo luận một cách rõ ràng hơn. Dựa vào mối quan hệ giữa phương pháp dân tộc học truyền thống và dân tộc học ảo, tác giả đã đưa ra nhiều ý kiến về việc vận dụng các phương pháp trong nghiên cứu dân tộc ảo. Xem không gian mạng, internet là một không gian để nghiên cứu dân tộc học, Nguyễn Văn Sửu nhấn mạnh: “dân tộc học ảo coi Internet là một tập hợp văn bản (trong khi dân tộc học mạng với Internet là các tương tác xã hội). Sử dụng Internet là quá trình đọc và viết văn bản. Do đó, công việc của nhà dân tộc học ảo là hiểu được ý nghĩa của các thực hành văn bản Internet. Việc đọc và diễn giải ý nghĩa của các văn bản này cần đặt trong bối cảnh chúng được tạo ra và sử dụng, và có thể so sánh với các văn bản được tạo ra và sử dụng trong các bối cảnh khác” (Nguyễn Văn Sửu 2023: 7). Qua phân tích các đặc trưng trong phương pháp nghiên cứu dân tộc học ảo, tác giả cũng đưa ra các nguyên tắc để thực hiện các phương pháp tiếp cận mới. Từ dân tộc học ảo, Nguyễn Văn Sửu phân tích thêm về dân tộc học mạng, dân tộc học số và dân tộc học kết hợp. Đây là những gợi mở quan trọng đối với việc hình thành và vận dụng các phương pháp tiếp cận mới để nghiên cứu dân tộc học trong bối cảnh công nghệ số ngày càng phổ biến.

Quan điểm về tăng quyền và trao quyền cho người bản địa trong sản xuất tri thức liên quan đến họ cũng là nguồn cảm hứng cho nhiều học giả đi tìm kiếm những phương pháp tiếp cận mới trên cơ sở hợp tác với người bản địa. Các phương pháp tiếp cận chủ thể văn hóa, tiếp cận năng lực hay tiếp cận có sự tham vấn cộng đồng,... được vận dụng vào nghiên cứu. Dù có những thay đổi nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề khác trong việc giải bỏ sự bất đối xứng giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu. Các phương pháp này đã quan tâm, coi trọng đến sự tham gia của người bản địa vào quá trình sản xuất tri thức, nhưng cũng dễ tạo ra những mối quan hệ mang tính hình thức mà thực chất, tiếng nói của người bản địa vẫn chưa được xác lập một cách xác đáng. Trong bối cảnh đó, có một phương pháp tiếp cận mới gây được sự chú ý. Đó là phương pháp tiếp cận Câu chuyện cuộc sống (Lifestory). Một trong những người đi tiên phong là học giả Stan BH Tan-Tangbau

qua những nghiên cứu về người Kachin ở Myanmar. Dựa vào công nghệ số và sự tương tác trên mạng xã hội, chủ yếu qua Facebook và Instagram, ông đã nỗ lực hợp tác với những người Kachin để họ tự chia sẻ những câu chuyện cuộc sống thường ngày thành một hệ thống dữ liệu. Những câu-chuyện-cuộc-sống bình thường, như ông nhấn mạnh: “Tôi chỉ muốn người Kachin chia sẻ những trích đoạn về cuộc sống của họ, những bức ảnh chụp cuộc sống hàng ngày hoặc những mẫu chuyện và những kỷ niệm, khi họ sống, nhớ nó và như họ muốn kể. Nói cách khác, họ có thể giải quyết những gì, khi nào, như thế nào và với ai họ muốn chia sẻ những câu chuyện” (Stan BH Tan-Tangbau, 2016-2017: 47). Bắt đầu từ khoảng năm 2009 và số lượng câu chuyện ngày càng tăng dần, đến 2016 đã có khoảng 30.000 câu chuyện được người Kachin chia sẻ, và tạo thành một hệ thống dữ liệu lớn để cho người ta hiểu về người Kachin theo cách của mình. Cách tiếp cận của Stan về người Kachin đã tạo ra tiếng vang lớn trong giới nhân học và khẳng định sự hình thành của nhân học hợp tác, nhân học số, nhưng nó cũng làm cho nhiều người làm công tác nghiên cứu hoang mang vì không biết làm thế nào để định vị lại mình trong mối quan hệ với đối tượng nghiên cứu là người bản địa. Thực ra, Câu chuyện cuộc sống là cách tiếp cận được Trường phái Chicago đưa ra và sử dụng ở Mỹ từ những năm 1970 khi tiếp những người nghèo khổ ở các đô thị và sau này lan rộng ra trong cuộc phê phán chủ nghĩa thực chứng. Thành công của Stan là việc vận dụng phương pháp này gắn với thời đại kỹ thuật số, không gian số, nơi mà sự tương tác, hợp tác giữa nhà nghiên cứu và đối tượng nghiên cứu trở nên dễ dàng hơn, cũng là nơi người bản địa có thể dễ dàng thể hiện tiếng nói của họ hơn. Đây cũng là một quan điểm của Law (2004) được Stan phát triển: Sự biến đổi số đã tái cấu trúc triệt để cấu trúc tri thức vốn đã cơ bản thay đổi vai trò có thể có của các cá nhân bình thường trong việc tạo ra, phổ biến và tiêu thụ kiến thức. Khi là các cá nhân bình thường, họ có lẽ sẽ không thể thử thách tri thức chuyên ngành của các chuyên gia. Nhưng khi họ là những người trực tiếp trải nghiệm các hiện tượng do các nhà khoa học xã hội nghiên cứu, thì họ có thể dựa trên kinh nghiệm bản thân để đưa ra một điều gì đó ở dạng thức thô sơ của nó, với số lượng lớn và lộn xộn đến mức các chuyên gia phải cố gắng biên soạn lại thành một luận điểm logic và liền mạch, luận lý hoá thành một khái niệm trừu tượng và cuối cùng cụ thể hoá thành một lăng kính để nhìn nhận thế giới (Law, 2004, dẫn theo Stan BH Tan-Tangbau, 2019).

Như vậy, phương pháp luận về nghiên cứu tộc người trong bối cảnh truyền thông số đã và đang có sự thay đổi mạnh mẽ cả về quan điểm nghiên cứu lẫn phương pháp tiếp cận. Để bắt kịp với các nền học thuật khác và hội nhập với học thuật quốc tế thì dân tộc học, nhân học Việt Nam cũng cần phải thay đổi theo những xu hướng chính. Muốn vậy cần phải có thêm nhiều nghiên cứu và thảo luận cả về lý thuyết lẫn thực tiễn nhằm tìm kiếm những cách thức phù hợp trong các nghiên cứu cụ thể

Kết luận

Công nghệ số đang làm thay đổi cơ bản đời sống của người dân vùng dân tộc thiểu số. Những người bản địa đang vận dụng công nghệ số vào cuộc sống của mình ngày một phổ biến hơn làm cho đời sống của họ thêm phần đa dạng. Công nghệ số đang góp phần giải cấu trúc xã hội truyền thống, giải cấu trúc văn hóa và giải cả định kiến về tộc người vốn tồn tại lâu nay. Nhưng công nghệ số cũng đưa con người đối diện với nhiều vấn đề phức tạp hơn mà họ chưa từng đối diện. Điều đó làm cho việc nghiên cứu về tộc người trong bối cảnh công nghệ số càng trở nên cấp thiết hơn cả về lý thuyết lẫn thực tiễn.

Nghiên cứu vai trò tác động của công nghệ số đối với đời sống của người dân tộc thiểu số đang trở thành xu hướng quan trọng trong nghiên cứu dân tộc học. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, nhìn nhận vấn đề này từ lăng kính của dân tộc học mạng, dân tộc học số đang được nhiều người quan tâm. Người dân bản địa, chủ thể của các nền văn hóa đang ngày càng tạo ra một hệ thống dữ liệu lớn liên quan đến đời sống của họ trên các mạng xã hội, trên các “trường” công nghệ để làm thay đổi nhận thức của thế giới về chính họ, và cũng giúp họ tham gia nhiều hơn vào việc kiến tạo hệ thống dữ liệu liên quan đến cộng đồng mình. Những người dân bình thường đang đóng góp nhiều tư liệu hơn về cộng đồng họ thông qua những trải nghiệm cá nhân. Với các nhà dân tộc học, công nghệ số cũng đang ảnh hưởng mạnh mẽ đến họ cả về quan điểm nghiên cứu và phương pháp tiếp cận. Quan điểm làm sao để tăng quyền và trao quyền cho người bản địa, cho chủ thể văn hóa ngày càng được quan tâm và từ đó cũng đặt ra việc tìm kiếm những phương pháp tiếp cận mới cho phù hợp.

Tóm lại, nghiên cứu tộc người đang biến đổi nhanh chóng và phức tạp dưới tác động của công nghệ số. Tiếp cận, vận dụng, bổ sung, cải tiến và thay thế những phương pháp tiếp cận cũ để đến với những phương pháp tiếp cận mới một cách

phù hợp sẽ trở thành chủ đề cần thiết phải thảo luận, và cũng trở thành thách thức trong nghiên cứu tộc người ở Việt Nam hiện nay. Những vùng trời thú vị đang vẫy gọi các nhà dân tộc học nhưng cũng sẵn sàng loại bỏ họ ra khỏi cuộc chơi nếu như không tìm được chỗ đứng của mình trong dòng chảy học thuật toàn cầu./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Barnes, J. A. (1954). Class and Committees in a Norwegian Island Parish. *Human Relations*, VII, 1, pp.39-58.
- [2] Lê Thanh Bình (2008). *Truyền thông đại chúng và phát triển xã hội*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thị Phương Châm (2013). *Internet: mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Thị Hậu (chủ biên) (2013). *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hóa-Văn nghệ.
- [5] Bùi Minh Hào (2018). *Sự định vị và tính phản thân trong nghiên cứu định tính-Một tiếp cận phương pháp luận trong nghiên cứu kinh tế thị trường của người Dao ở huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai*. Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc, số 22, tháng 6/2018. Trang 55-61.
- [6] Law, John (2004). *After Method: Mess in Social Science Research*. New York: Routledge.
- [7] Bùi Thị Bích Lan (2022). Không gian ảo cuộc sống thật: ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống của phụ nữ Hà Nhì ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc. *Tạp chí Dân tộc học*, số 3, trang 46-61.
- [8] Trần Thị Ngọc Nhơ (2013). Mạng xã hội và không gian giao tiếp công cộng của giới trẻ. In trong *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 11-25.
- [9] Nguyễn Hải Nguyên (2013). Mạng xã hội trong giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay từ góc nhìn xã hội học. In trong *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 37-47.
- [10] Schwenkel, Christina (2019), *Nghiên cứu tộc người: các phương pháp và lý thuyết của Nhân học*. Bài giảng cho chương trình tập huấn “Những trở ngại cho việc phát triển vùng cao Việt Nam hiện nay: Thách thức đối với người dân tộc

thiếu số” do Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Harvard Yenching tổ chức tại Hà Nội từ ngày 01/7 đến ngày 11/7/2019.

[11] Lương Ngọc Thảo (2013). Mạng xã hội ảo thuần Việt-một nhu cầu thiết thực cho giới trẻ ở Thành phố Hồ Chí Minh. In trong *Mạng xã hội với giới trẻ Thành phố Hồ Chí Minh*. Nxb Văn hóa - Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, trang 89-98.

[12] Lê Minh Tiến (2006). Phương pháp phân tích mạng lưới xã hội trong nghiên cứu xã hội. *Tạp chí Khoa học xã hội*, số 9, tr.66-77.

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TRUYỀN THÔNG TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở VIỆT NAM

PGS.TS. Trần Viết Quang

*Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Trong đời sống hiện đại, đặc biệt là bối cảnh chuyển đổi số, truyền thông phát triển với tốc độ rất nhanh và tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến mọi đối tượng và trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ đó đặt ra yêu cầu tăng cường hoạt động quản lý nhà nước (QLNN) về lĩnh vực này. Bài viết luận giải những vấn đề lý luận QLNN về truyền thông, đồng thời chỉ rõ hoạt động QLNN về truyền thông, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những hạn chế, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN nhằm định hướng sự phát triển và bảo đảm môi trường thuận lợi cho sự phát triển của truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.

Từ khóa: Truyền thông, quản lý nhà nước về truyền thông, bối cảnh chuyển đổi số.

1. Mở đầu

Sự phát triển với tốc độ rất nhanh của truyền thông thời gian qua đã ảnh hưởng nhiều mặt đến đời sống xã hội. Bên cạnh những tác động tích cực, truyền thông cũng có những tác động tiêu cực nếu thông tin, hình ảnh truyền đi mang tính xấu, độc và đối tượng tiếp nhận không có khả năng phân tích, chắt lọc thông tin. Từ đó, đòi hỏi phải có sự định hướng trong hoạt động truyền thông, tăng cường QLNN về truyền thông để vừa bảo đảm đúng về chính sách, pháp luật, vừa khuyến khích, phát huy được mặt tích cực của truyền thông.

Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa trên nhiều lĩnh vực hoạt động xã hội. Quá trình chuyển đổi số vừa tạo ra những cơ hội, thuận lợi, vừa tạo ra những thách thức trong hoạt động truyền thông. Bởi vậy, nghiên cứu chuyển đổi số trên lĩnh vực truyền thông và QLNN về truyền thông là

rất cần thiết nhằm định hướng hoạt động truyền thông, tạo môi trường để thông phát triển nhanh và bền vững.

2. Một số vấn đề về truyền thông và quản lý nhà nước về truyền thông

Truyền thông là hoạt động trao đổi và chia sẻ thông tin giữa các cá nhân, tổ chức, nhóm và cộng đồng xã hội nhằm gia tăng sự hiểu biết, thay đổi nhận thức, điều chỉnh thái độ và hành vi xã hội. Truyền thông có chức năng truyền thông tin, định hướng dư luận xã hội; chức năng giám sát, phản biện xã hội; chức năng tư tưởng, văn hóa, giáo dục, giải trí; chức năng kinh tế, dịch vụ... Đây là hoạt động thiết yếu, đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống xã hội hiện đại. Thông qua các phương tiện đa dạng, truyền thông tác động trực tiếp, mạnh mẽ đến mọi đối tượng và trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

Tùy theo từng góc độ xem xét, truyền thông được chia thành nhiều loại hình khác nhau. Căn cứ vào phạm vi tác động, truyền thông được chia thành: truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm và truyền thông đại chúng. Căn cứ vào kênh chuyển tải thông điệp và phương thức tiến hành, truyền thông được chia thành truyền thông trực tiếp và truyền thông gián tiếp. Truyền thông trực tiếp là hoạt động truyền thông có sự tiếp xúc trực tiếp mặt đối mặt giữa những người tham gia truyền thông. Truyền thông gián tiếp là loại hoạt động truyền thông được thực hiện chủ yếu thông qua các phương tiện truyền thông như: báo chí, phát thanh, truyền hình, điện thoại, email, trang thông tin điện tử, mạng xã hội...

Hoạt động truyền thông tất yếu phải có sự quản lý của nhà nước. Nói đến QLNN đối với truyền thông là nói đến những hoạt động của bộ máy nhà nước nhằm đảm bảo để truyền thông phát triển, thực hiện và phát huy chức năng, vai trò của mình, đáp ứng nhu cầu cá nhân và xã hội. Trước sự phát triển rất nhanh của thông tin và truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, QLNN đối với hoạt động truyền thông ngày càng có ý nghĩa quan trọng để định hướng, bảo đảm truyền thông phát huy tốt vai trò của mình.

Ở Việt Nam, chủ thể QLNN về truyền thông là Chính phủ, các cơ quan của Chính phủ ở cấp Trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp, trong đó, Chính phủ thống nhất QLNN về truyền thông; Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách

nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về truyền thông; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông thực hiện QLNN về truyền thông; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm QLNN về truyền thông tại địa phương. Đối tượng QLNN về truyền thông là các hoạt động truyền thông; các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực truyền thông.

QLNN về truyền thông bao gồm các hoạt động cơ bản: chỉ đạo, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển truyền thông; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về truyền thông; cung cấp và quản lý thông tin; đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý; thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về truyền thông.

3. Một số giải pháp tăng cường quản lý nhà nước về truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số

Thời gian qua, công tác QLNN về thông tin ở nước ta luôn được chú trọng và đạt được những kết quả nổi bật trên nhiều mặt: công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển truyền thông; cung cấp và quản lý thông tin trên trang thông tin điện tử và mạng xã hội; công tác quản lý, thực hiện cấp phép đối với các trang thông tin điện tử và mạng xã hội; công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Tuy nhiên, khi đánh giá tác động chung của tình hình quản lý, cung cấp và sử dụng thông tin trên các phương tiện truyền thông, đặc biệt là trang thông tin điện tử (trừ dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước), mạng xã hội đối với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng..., bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập gây khó khăn cho công tác quản lý và hậu kiểm. Công tác QLNN về truyền thông nhiều khi chưa chặt chẽ, chưa có những cơ chế, chính sách phù hợp trong quản lý; công tác điều hành, quản lý của cơ quan chủ quản đôi lúc còn lỏng lẻo, thiếu kiên quyết, kịp thời chấn chỉnh những sai sót, vi phạm của cơ quan trực thuộc; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ truyền thông còn có những hạn chế; kinh phí và trang thiết bị phục vụ hoạt động QLNN về truyền thông.

Thế giới và Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi số rất mạnh mẽ. Đây không chỉ là việc áp dụng công nghệ, mà còn là quá trình thay đổi phương thức làm việc, tư duy và văn hóa tổ chức. Chuyển đổi số là xu thế tất yếu và đòi hỏi khách quan của sự phát triển trong thời đại ngày nay, mở ra cơ hội cho các quốc gia bứt phá vươn lên. Tại Việt Nam, tiến trình chuyển đổi số đang diễn ra rất mạnh mẽ, sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực truyền thông.

Để khắc phục những hạn chế, yếu kém và phát huy những kết quả đạt, từ đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số, cần triển khai đồng bộ các giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng đối với công tác QLNN về truyền thông. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cơ quan truyền thông nước ta đã trở thành một binh chủng hùng mạnh của công tác tư tưởng, văn hóa, hoạt động hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, như chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và hoạt động thông tin quốc tế. Trong điều kiện tình hình đất nước và thế giới hiện nay với những thuận lợi, thách thức đan xen từ toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với truyền thông là một yêu cầu cấp thiết, có ý nghĩa quan trọng. Các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả Quy định 85-QĐ/TW ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Ban Bí thư về việc cán bộ, đảng viên thiết lập và sử dụng trang thông tin điện tử cá nhân trên Internet và mạng xã hội, Hướng dẫn số 99-HD/BTGTW ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ban Tuyên giáo Trung ương về hướng dẫn thực hiện Quy định số 85-QĐ/TW và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến sử dụng Internet, mạng xã hội. Cần chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt, hướng dẫn cán bộ, đảng viên thực hiện nghiêm các quy định liên quan đến việc sử dụng Internet, mạng xã hội; tạo động lực cho người dân và chính quyền đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin - truyền thông và các phương pháp khoa học dữ liệu để nâng cao chất lượng hoạt động thống kê, dự báo kinh tế - xã hội.

Hai là, tiếp tục hoàn thiện thể chế QLNN về truyền thông. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả QLNN về truyền thông, việc hoàn thiện thể chế QLNN về truyền thông là vấn đề rất quan trọng. Cần thực hiện các quy định của pháp luật về báo chí, viễn thông, công nghệ thông tin để phát triển đi đôi với quản lý tốt các loại hình báo chí và thông tin mạng phù hợp với xu thế phát triển thông tin, truyền thông thế giới và điều kiện Việt Nam. Trong tình hình hiện nay, nhất là bối cảnh chuyển đổi số, cần thực hiện nghiêm pháp luật của Nhà nước về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng và các văn bản liên quan nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trong quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên môi trường mạng. Không gian mạng đã trở thành không gian chiến lược, do đó, phải chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng, không để bị động, bất ngờ. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng phải là một nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên, lâu dài nhằm duy trì môi trường mạng an toàn, lành mạnh, tin cậy cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, song hành với phát triển kinh tế - xã hội. Để bảo đảm an toàn, an ninh mạng quốc gia có hiệu quả, cần thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm, trong đó, bảo vệ an toàn, an ninh mạng cho Đảng, Nhà nước, cho Nhân dân, cho doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ chính trị rất quan trọng.

Ba là, tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về truyền thông. Cần tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ QLNN về truyền thông. Đội ngũ cán bộ cần có trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, luôn trung thành với lợi ích của Đảng và dân tộc. Đứng trước sự bùng nổ thông tin hiện nay, đội ngũ cán bộ quản lý truyền thông cũng phải năng động, thích ứng nhanh với sự phát triển của công nghệ số. Do vậy, cần tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực QLNN về truyền thông đảm bảo phẩm chất, trình độ, kỹ năng đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả quản lý truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số.

Bốn là, tăng cường đầu tư tài chính, các công cụ, giải pháp kỹ thuật để nâng cao hiệu quả QLNN về truyền thông; phòng ngừa, ngăn chặn các hoạt động tấn công làm thay đổi nội dung thông tin trên trang thông tin điện tử; kịp thời phát hiện

những thông tin xấu độc để có biện pháp xử lý. Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định phải “Tăng cường quản lý và phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên Internet. Kiên quyết đấu tranh, loại bỏ các sản phẩm, thông tin độc hại, xuyên tạc, phản động, ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị - xã hội, thuần phong mỹ tục”¹³.

4. Kết luận

Sự phát triển rất nhanh và những tác động mạnh mẽ của truyền thông đến đời sống chính trị, kinh tế, xã hội đã đặt ra yêu cầu đối với các cơ quan nhà nước phải có cách thức quản lý phù hợp để vừa đảm bảo đúng về chính sách pháp luật, vừa khuyến khích, phát huy được mặt tích cực của truyền thông trong bối cảnh chuyển đổi số ở Việt Nam.

Công tác QLNN về truyền thông hiện nay, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế nhất, đặt biệt chưa có những cơ chế, chính sách phù hợp trong quản lý; công tác điều hành, quản lý của cơ quan chủ quản đôi lúc còn lỏng lẻo, thiếu kiên quyết, kịp thời chấn chỉnh những sai sót, vi phạm; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ truyền thông còn có những hạn chế; kinh phí và trang thiết bị phục vụ hoạt động QLNN về truyền thông nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu.

Nhằm góp phần thực hiện mục tiêu phát triển truyền thông chuyên nghiệp, hiện đại trong bối cảnh chuyển đổi số, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ bản: tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với truyền thông; tiếp tục hoàn thiện thể chế quản lý; tăng cường cơ chế phối hợp và xây dựng đội ngũ cán bộ; đầu tư tài chính, các công cụ, giải pháp kỹ thuật trong QLNN về truyền thông.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1. NXB Chính trị Quốc gia, 2021, t.1: 146.

[1] Ban Tuyên giáo Trung ương, *Công văn về việc tăng cường quản lý chặt chẽ thông tin trên mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet*, số 101-CV/BCSD, ngày 28 tháng 7 năm 2021.

[2] Ban Tuyên giáo Trung ương, *Kế hoạch về tăng cường công tác chỉ đạo, quản lý, chấn chỉnh hoạt động báo, tạp chí, trang thông tin điện tử, mạng xã hội trong giai đoạn hiện nay*, số 156-KH/BTGTW, ngày 14 tháng 6 năm 2022.

[3] Bộ Thông tin và Truyền thông, *Báo cáo Công tác báo chí năm 2022, triển khai nhiệm vụ năm 2023*. Hội nghị Báo chí toàn quốc tổng kết công tác năm 2022 và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023 tại Hà Nội.

[4] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.1. Nxb Chính trị Quốc gia, 2021.

[5] Văn phòng Chính phủ, *Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về Truyền thông chính sách: Nhận thức - Hành động - Nguồn lực*, số 387/TB-VPCP, ngày 22 tháng 12 năm 2022.

CHUYỂN ĐỔI SỐ Ở BÁO NGHỆ AN: KẾT QUẢ VÀ KINH NGHIỆM

ThS. Hà Nguyên Sơn

Phó ban Thời sự Chính trị - Báo Nghệ An

Tóm tắt: Chuyển đổi số báo chí, trong thực tế đã và đang diễn ra ở nhiều cấp độ quốc tế, quốc gia và mỗi cơ quan báo chí. Cốt lõi của công cuộc này là vận hành báo chí, truyền thông đa phương tiện trong giai đoạn mới, kết nối giữa lãnh đạo, quản lý tòa soạn, nhà báo, phóng viên, kỹ thuật viên với bạn đọc. Báo chí chuyển đổi số dẫn đến nhiều thay đổi của hoạt động báo chí, từ tư duy chiến lược của nhà quản lý đến vai trò dẫn dắt của người đứng đầu cơ quan báo chí và khả năng tương tác của mỗi phóng viên, kỹ thuật viên trong đơn vị báo chí. Chuyển đổi số báo chí đem đến những khả năng cập nhật tin tức ngay lập tức, khả năng liên kết, tương tác giữa tòa soạn và bạn đọc; nâng cao tính lưu trữ thông tin với đa phương tiện (đa ngôn ngữ thể hiện)... Đích đến của hoạt động chuyển đổi số là phục vụ tốt nhất nhu cầu của bạn đọc, nâng cao khả năng truyền thông của các cơ quan báo chí trong giai đoạn mới. Trong khuôn khổ tham luận này, chúng tôi trao đổi những thông tin về công cuộc chuyển đổi số ở Báo Nghệ An với những kết quả cụ thể và kinh nghiệm thực hiện.

Từ khóa: *Chuyển đổi số, báo chí, báo Nghệ An*

Đặt vấn đề

Chuyển đổi số báo chí, trong thực tế đã và đang diễn ra ở nhiều cấp độ quốc tế, quốc gia và mỗi cơ quan báo chí. Cốt lõi của công cuộc này là vận hành báo chí, truyền thông đa phương tiện trong giai đoạn mới, kết nối giữa lãnh đạo, quản lý tòa soạn, nhà báo, phóng viên, kỹ thuật viên với bạn đọc. Báo chí chuyển đổi số dẫn đến nhiều thay đổi của hoạt động báo chí, từ tư duy chiến lược của nhà quản lý đến vai trò dẫn dắt của người đứng đầu cơ quan báo chí và khả năng tương tác của mỗi phóng viên, kỹ thuật viên trong đơn vị báo chí. Chuyển đổi số báo chí đem đến những khả năng cập nhật tin tức ngay lập tức, khả năng liên kết, tương tác giữa tòa soạn và bạn đọc; nâng cao tính lưu trữ thông tin với đa phương tiện (đa ngôn ngữ thể hiện)... Đích đến của hoạt động chuyển đổi số là phục vụ tốt nhất nhu cầu của bạn đọc, nâng cao khả năng truyền thông của các cơ quan báo chí trong giai đoạn

mới. Trong khuôn khổ tham luận này, chúng tôi trao đổi những thông tin về công cuộc chuyển đổi số ở Báo Nghệ An với những kết quả cụ thể và kinh nghiệm thực hiện.

1. Lấy độc giả làm trung tâm

Báo Nghệ An thành lập ngày 10 tháng 11 năm 1961 xuất bản báo in. Đến năm 2008, Báo Nghệ An điện tử (baonghean.vn) ra đời, khi đó, hệ thống xuất bản – CMS còn đơn giản, giao diện chưa sinh động. Đến 2013, Báo Nghệ An đổi mới hệ thống CMS mới. Tháng 5 năm 2022, Báo Nghệ An thực hiện cuộc cách mạng trên báo điện tử với việc ra mắt giao diện mới, hệ thống xuất bản mới với nhiều tính năng, ứng dụng. Mới đây nhất, tháng 5 năm 2024, Báo Nghệ An tiếp tục có sự đột phá khi ra mắt giao diện mới cùng hệ thống xuất bản hội tụ giữa báo in và báo điện tử. Nêu lên những dấu mốc đó để khẳng định quyết tâm của Báo Nghệ An trong nỗ lực đổi mới, chuyển đổi số.

Giao diện Báo Nghệ An điện tử mới được thiết kế hiện đại, sang trọng, thân thiện với người dùng và tối ưu hóa trải nghiệm của độc giả trên mọi thiết bị theo tiêu chí lấy độc giả làm trung tâm của mọi sự thay đổi. Khi truy cập vào trang chủ của Báo Nghệ An điện tử, độc giả sẽ tiếp cận với cụm tin nổi bật được hiển thị với nhiều điểm nhấn hấp dẫn, thuận tiện cho việc đọc, nghe và xem. Từ trang chủ baonghean.vn, độc giả có thể lướt nhanh để theo dõi được các nội dung nổi bật nhất về mọi mặt đời sống trong tỉnh, trong nước và trên thế giới theo dòng chảy của tin tức.

Độc giả cũng dễ dàng theo dõi được các hoạt động của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy nhờ các chuyên trang riêng biệt, luôn được cập nhật đầy đủ thông tin, hình ảnh về các hoạt động chỉ đạo, điều hành cũng như các quyết sách của tỉnh. Trong giao diện mới, mỗi quận, huyện, thị xã của tỉnh Nghệ An cũng sẽ có một trang riêng biệt, cập nhật thông tin mới nhất về từng địa phương. Trang tin địa phương của các huyện, thành, thị trong tỉnh được thiết kế một cách hiện đại, chuyên nghiệp, sang trọng và đẳng cấp, trở thành nơi cung cấp thông tin đa chiều về các vấn đề tại các địa phương trong tỉnh Nghệ An.

Trong các tác phẩm báo chí được đăng tải, Báo Nghệ An tăng cường ứng dụng công nghệ số khi soạn thảo, trình bày đa dạng, bắt mắt theo hướng đa phương tiện. Cùng với thông tin cốt lõi, tùy theo nội dung, các tác phẩm báo chí được kèm theo đồ họa hoặc video - clip để tăng thêm tính minh chứng và bao quát của thông tin đến bạn đọc. Báo Nghệ An nỗ lực vừa đa dạng trong cách thể hiện từng bài viết, vừa đa dạng hình thức chuyển tải bằng phóng sự ảnh, video – clip hoặc đồ họa, infographic, emagazin, short video, podcast. Qua đó, tạo thuận lợi cho bạn đọc có thể tiếp cận thông tin bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bên cạnh những tin, bài, phóng sự được thể hiện trên báo điện tử, chức năng đọc báo in trên báo điện tử cũng được làm mới, giúp độc giả có thể dễ dàng đọc phiên bản in của Báo Nghệ An với trải nghiệm tương tự như cầm và lật giở tờ báo giấy trên tay. Với việc phát triển theo hướng báo chí đa nền tảng, cùng với báo điện tử, Báo Nghệ An mở rộng tương tác trên mạng xã hội với quan điểm ở đâu có người Nghệ ở đó có Báo Nghệ An. Lướt truy cập trên Báo Nghệ An điện tử tăng trưởng cao, trung bình từ 3,5 - 4 triệu lượt/ 1 tháng. Lướt tiếp cận qua các nền tảng mạng xã hội tăng cao. Hiện Fanpage Báo Nghệ An (tích xanh) với 200.000 người thích, hơn 260.000 người theo dõi; kênh Youtube Báo Nghệ An có trên 426.000 người theo dõi; Tiktok Báo Nghệ An hơn 55.400 lượt follower.

Năm 2024, tổng số tin, bài xuất bản trên Báo Điện tử Nghệ An (tính từ 1/1/2024 đến 05/11/2024) đạt 16.908, tăng 2.000 tin, bài so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tin, bài sản xuất: 7.281; Tin, bài khai thác: 2.739. Trung bình mỗi ngày xuất bản: 55.61 tin, bài, tăng 7,83 tin, bài/ngày so với năm 2023. Tổng số lượt truy cập: 28 triệu, tăng 14,4%; Tổng số người dùng (tính theo phương tiện): 9,3 triệu, tăng 54,8%. Người dùng mới 9,2 triệu, tăng 60,1%.

2. Công nghệ làm nền tảng

Cùng với việc đổi mới về giao diện, tháng 5/2024, Báo Nghệ An chính thức đưa vào sử dụng phần mềm tòa soạn hội tụ để quản lý, xuất bản toàn bộ nội dung trên các chuyên trang điện tử, các loại hình báo chí (in, điện tử, truyền hình) trên một hệ thống phần mềm duy nhất.

Với hệ thống mới, toàn bộ quy trình sản xuất, kiểm duyệt nội dung báo điện tử, báo in được thực hiện trực tiếp trên phần mềm tòa soạn hội tụ. Điều này tiết kiệm được rất nhiều nguồn lực trong việc phát hành ấn bản giấy. Trong hệ thống CMS mới, lãnh đạo tòa soạn có thể dễ dàng theo dõi tiến độ công việc của các cấp phòng ban chuyên môn và toàn bộ người lao động, đưa ra các khuyến nghị, hỗ trợ khi cần thiết. Quá trình thực hiện các nội dung, từ khi phóng viên cung cấp thông tin, lãnh đạo phòng ban chuyên môn biên tập, chỉnh sửa đến khi tác phẩm báo chí được xuất bản trên các loại hình báo chí đều được quản lý trên một phần mềm, bảo đảm khả năng liên thông chặt chẽ giữa các loại hình báo chí.

Để vận hành hệ thống CMS mới, đòi hỏi lãnh đạo, phóng viên, kỹ thuật viên Báo Nghệ An phải tham gia các lớp tập huấn và nắm chắc các kỹ năng, ứng dụng trong sản xuất tin, bài, phóng sự. Qua những lần chuyển đổi hệ thống xuất bản, cùng với tập huấn của chuyên gia cung cấp nền tảng, Báo Nghệ An còn mời chuyên gia từ các cơ quan báo chí Trung ương như: VTV24h, Vietnamnet, Tạp chí cộng sản... về tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên trong công cuộc chuyển đổi, ứng dụng số. Hiện, tất cả các phóng viên, kỹ thuật viên Báo Nghệ An đều thành thạo trong soạn thảo các tác phẩm báo chí từ đơn giản đến phức tạp, nâng cao như longform, emagazin... trên hệ thống CMS. Ở Báo Nghệ An có rất nhiều phóng viên nâng cao khả năng vận hành “4 trong 1” – viết tin, bài; chụp ảnh; quay - dựng phim; sử dụng phần mềm đồ họa.

3. Nội dung là cốt lõi

Quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ hiện đại vào tất cả các khâu trong quy trình sản xuất, kiểm duyệt và phân phối nội dung, Báo Nghệ An xác định “nội dung luôn là cốt lõi”. Thực hiện Đề án nâng cao chất lượng toàn diện, gắn với chuyển đổi số, Báo Nghệ An xác định thế mạnh về nội dung vượt trội là các vấn đề liên quan đến đất và người xứ Nghệ, lịch sử, văn hóa, các danh nhân, các nhà cách mạng người Nghệ và tình hình thời sự, chính trị, kinh tế xã hội trong tỉnh, trong nước, quốc tế.

Cùng với nội dung thông tin hàng ngày, hàng giờ trên baonghean.vn, Báo Nghệ An xây dựng các tác phẩm báo chí dữ liệu, giúp độc giả có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về quá trình đổi mới của quê hương, đất nước. Trong năm 2024, Báo Nghệ An phối hợp hoàn thành 2 chuyên trang báo chí dữ liệu: Chủ tịch Hồ Chí Minh với quê hương Nghệ An (phối hợp với Ban Quản lý Khu di tích Quốc gia đặc biệt Kim Liên xây dựng và ra mắt chuyên trang vào tháng 5/2024, dịp kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 99 năm ngày Báo chí cách mạng Việt Nam) và Cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh 1930-1931 (ra mắt tháng 11/2024, phối hợp với Bảo tàng Xô viết Nghệ Tĩnh). Các chuyên trang báo chí dữ liệu phục vụ độc giả hiện tại và còn là tài nguyên quý về lịch sử, sự kiện, hỗ trợ công tác nghiên cứu, giáo dục truyền thống cho các thế hệ trẻ. Việc xây dựng chuyên trang này phù hợp với định hướng chuyển đổi số báo chí Bộ Thông tin và Truyền thông đề ra.

Với những sự nỗ lực không ngừng, sự đổi mới liên tục cả về công nghệ và nội dung, Báo Nghệ An tiếp tục khẳng định vị thế của mình trong hệ thống báo đảng địa phương toàn quốc. Báo Nghệ An vinh dự được Tặng Bằng khen của Ban Tuyên giáo Trung ương “Có thành tích xuất sắc trong thông tin tuyên truyền thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2023; Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác tuyên truyền về Tết vì người nghèo năm 2024 và hoạt động từ thiện năm 2023 trên địa bàn tỉnh Nghệ An”; Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An Tặng Phòng Thời sự - Chính trị “Đã có Thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giai đoạn 2022 – 2023”; Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An Tặng Phòng Kinh tế “Thành tích trong tuyên truyền về phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn năm 2023”; Bằng khen của UBND tỉnh Nghệ An tặng Phòng Văn xã “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Phòng chống dịch Covid -19 giai đoạn 2020 – 2023”; Giấy khen của Ban Tổ chức giải Búa liềm vàng tỉnh Nghệ An tặng Phòng Thời sự - Chính trị về thành tích xuất sắc tham gia giải Búa liềm vàng tỉnh Nghệ An năm 2023”. Có 02 cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; nhiều cá nhân được UBND tỉnh, bộ, ban ngành tặng Bằng khen, Giấy khen, ...

Báo Nghệ An cũng là đơn vị thuộc топ dẫn đầu về đạt nhiều giải báo chí Trung ương và địa phương. Thống kê trong năm 2024, Báo Nghệ An đạt tổng cộng

59 giải báo chí (cao hơn cùng kỳ 08 giải); trong đó, Giải do Bộ, ngành Trung ương tổ chức đạt 13 giải (cao hơn 6 giải so với năm 2023), giải báo chí do tỉnh và các đơn vị cấp tỉnh tổ chức đạt 44 giải.

Phát huy những thành quả đã đạt được, trong thời gian tới, Báo Nghệ An tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số theo hướng hội tụ công nghệ và quy trình xuất bản, phát triển báo chí đa nền tảng, lấy độc giả làm trung tâm, lấy công nghệ làm nền tảng, lấy nội dung làm cốt lõi, đưa Báo Nghệ An ngày càng phát triển, xứng đáng là cơ quan báo Đảng trên quê hương Bác Hồ, là cơ quan báo chí địa phương tập đầu cả nước.

4. Một số kinh nghiệm trong chuyển đổi số ở Báo Nghệ An

Công cuộc chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ sống còn của các cơ quan báo chí trong giai đoạn mới. Sự thay đổi của công nghệ số diễn ra liên tục, thậm chí cái mới hôm qua, hôm nay đã lỗi thời. Chính vì vậy, Báo Nghệ An xác định tiếp tục theo đuổi chuyển đổi số với nhiều tiện ích hơn cho công việc và thuận lợi cho độc giả tiếp cận thông tin. Với những kết quả trong chuyển đổi số những năm gần đây, chúng tôi mạnh dạn đúc kết một số kinh nghiệm như sau:

1. Trong dòng chảy 63 năm, các thế hệ cán bộ, phóng viên, nhân viên đã đoàn kết xây dựng nên tờ báo Đảng Nghệ An phát triển. Quá trình chuyển đổi số thể hiện vai trò năng động của tập thể Ban Biên tập, sự đoàn kết, cộng sự, quyết tâm của đội ngũ cán bộ, phóng viên, kỹ thuật viên. Những thành công trong chuyển đổi số của Báo Nghệ An khẳng định tầm quan trọng, có tính quyết định là yếu tố nhân lực.
2. Xác định rõ lộ trình trong chuyển đổi số, từ đó có sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa Báo Nghệ An với các đơn vị liên quan. Đa dạng các hình thức huy động nguồn lực để tiếp tục chuyển đổi số hiệu quả hơn. Trong thực hiện có sự đôn đốc, động viên kịp thời từ Ban Biên tập, thúc đẩy các bộ phận nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ đặt ra.
3. Khuyến khích sáng tạo, hiến kế, thực hiện các ý tưởng, cách làm mới để đổi mới hình thức thể hiện các ấn phẩm, đặc biệt là trên nền tảng số để tăng tính tương tác, quảng bá, tăng sự lan tỏa thông tin chính thống, bổ ích từ Báo Nghệ An.

4. Gắn việc thực hiện tốt bồi dưỡng, đào tạo, đào tạo lại đội ngũ phóng viên, kỹ thuật viên đáp ứng được yêu cầu làm báo hiện đại, gắn với thực hiện tốt Quy ước đạo đức nghề nghiệp báo chí; đẩy mạnh áp dụng công nghệ làm báo hiện đại.
5. Tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp tổ chức, bộ máy tòa soạn một cách khoa học, hợp lý, hiệu quả, thực hiện thành công “Chiến lược chuyển đổi số báo chí đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

TÁC ĐỘNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG THUẬN LÝ VÀ NGHỊCH LÝ

TS. Lê Thanh Nga

Khoa Sư phạm Ngữ văn, Trường Sư phạm, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Có thể nói rằng, báo chí, truyền thông đã trở thành một bộ phận cấu thành của xã hội hiện đại, nơi mà sự can thiệp của khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, ngày càng trở nên sâu sắc, nhiều khi tàn nhẫn đối với đời sống con người, nhìn từ cấu trúc tổng thể đến các bình diện cụ thể. Không thể phủ nhận nỗ lực và khả năng làm chủ của con người trong việc tổ chức đời sống xã hội, nhưng lịch sử thế giới hiện đại cho thấy, đôi khi, chính báo chí truyền thông mới là nhân tố quyết định thành bại của một hoạt động, thậm chí của một đời người. Bài viết này không có tham vọng giải quyết tất cả các nội dung nhận thức liên quan đến câu chuyện ảnh hưởng và tác động của báo chí truyền thông đối với xã hội, mà chỉ dừng lại ở việc điệm qua một vài biểu hiện thuận và nghịch của nó.

Từ khóa: *Báo chí, truyền thông*

2. Nội dung

2.1. Tác động và ảnh hưởng của báo chí truyền thông đối với xã hội: từ một chiều đến đối thoại, từ bất bình đẳng đến bình đẳng

Vị trí, vai trò của báo chí trong đời sống xã hội là hết sức to lớn. Không phải ngẫu nhiên mà người ta cho rằng báo chí chính là hệ thống “quyền lực thứ tư”, và các ký giả thường là nỗi sợ hãi của nhiều đối tượng, nhất là những đối tượng “có vấn đề”. Và quyền lực ấy được hình thành, không phải, hoặc không chỉ vì sự o bế của chính quyền, mà chủ yếu từ sự tương tác xã hội.

Tương tác xã hội có những đặc thù riêng. Mỗi cá nhân hay nhóm, trong quá trình tương tác vừa là chủ thể vừa là khách thể, đều chịu ảnh hưởng chi phối của các chuẩn mực giá trị xã hội, tâm lý xã hội và trường văn hóa với những tương đồng và khác biệt. Trong tương tác, mỗi người, mỗi nhóm xã hội chịu những tác

động khác nhau như lợi ích, động cơ, trình độ hiểu biết, văn hóa, nhân cách... [1;85].

Lịch sử gửi và nhận thông điệp báo chí truyền thông là một hành trình ngày càng trở nên phức tạp bởi sự can thiệp của các yếu tố khoa học kỹ thuật, công nghệ như trên đã nói, và ở độ mở ngày càng rộng lớn của thế giới với sự phát triển của các yếu tố khoa học công nghệ. Có thể hình dung rằng, thuở ban đầu của báo chí, thậm chí đến cả hàng trăm năm sau, mối quan hệ này chủ yếu là mối quan hệ một chiều. Ở đó, báo chí, truyền thông là chủ thể cung cấp thông tin trong khi tính chủ thể của công chúng tiếp nhận ít nhiều bị tước đoạt bởi hai thực tế: thứ nhất, có không nhiều cơ quan báo chí, và do đó việc đối chiếu các thông tin để tìm kiếm sự thật là hết sức khó khăn. Thứ hai, công chúng tiếp nhận có quá ít kênh để phản hồi. Việc phản hồi chủ yếu giới hạn trong phạm vi các nhà quản trị xã hội. Ví dụ, tờ báo đầu tiên *Publik Occurrences* - xuất hiện ở Boston – thuộc địa Bắc Mỹ của Anh - năm 1690, nhưng do không được cơ quan có thẩm quyền thông qua, nhà xuất bản tờ báo đã bị chính quyền bắt giữ và tất cả các bản in, bản sao đều bị thiêu hủy [5]. Sự tác động một chiều này, xét trong điều kiện cụ thể, là một tất yếu. Ở Việt Nam, điều này cũng xảy ra kể từ khi tờ báo Quốc ngữ đầu tiên ra đời vào năm 1865 - tờ *Gia Định báo*. Tiền bán thế kỷ XX, trong không khí tự do tương đối, “trăm hoa đua nở”, có thể thấy sự tương tác giữa các báo, tạp chí là khá rõ và công chúng đã thấy giá trị của những tương tác ấy đối với, trước hết là các cơ quan báo chí, xuất bản, và sau đó là đời sống xã hội, nhất là các nội dung thuộc lĩnh vực đời sống văn hóa. Và thực tế này có lẽ vẫn tiếp tục cho đến khi hệ thống internet trở nên phổ biến cùng với sự phổ biến của các công cụ công nghệ hiện đại như máy tính, điện thoại thông minh, nhất là khi điện thoại thông minh đã trở thành vật dụng thân thuộc của mọi giới, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi trong xã hội, khi mà từ các quan chức cao cấp đến phó thường dân, từ thượng lưu đến bình dân, từ giới trí thức đến lao động cần lao, từ cụ già đến em bé... đều sử dụng máy tính hay điện thoại thông

minh. Nói tóm lại trong một thế giới phẳng, ở thời đại công nghệ 4.0, khi xã hội mang bản chất của một cuộc đối thoại liên tục, thì tác động của báo chí truyền thông đối với xã hội càng trở nên sâu sắc trong tình thế vừa cộng tác vừa chia rẽ. Và bức tranh mối quan hệ báo chí truyền thông với xã hội ngày càng sinh động, nóng bỏng.

2.2. Tác động và ảnh hưởng của báo chí truyền thông đối với xã hội: từ lực lượng tinh thần đến lực lượng vật chất

Ở Việt Nam. Tác động của báo chí truyền thông đến đời sống xã hội là không thể phủ nhận. Nghiên cứu lịch sử Việt Nam hiện đại, tính riêng từ 1945 đến nay, có thể thấy vai trò của báo chí là hết sức quan trọng, trước hết ở nhiệm vụ tuyên truyền, định hướng hỗ trợ bảo vệ độc lập dân tộc và bảo vệ chế độ. Hầu hết các tài liệu về báo chí cách mạng Việt Nam đều khẳng định rằng báo chí chế độ ta đã góp phần rất quan trọng vào việc tạo nên sức mạnh để giải phóng dân tộc, bảo vệ chủ quyền đất nước. “...Ngày 21-6-1925, tờ báo *Thanh Niên* do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc sáng lập xuất bản số đầu tiên, đánh dấu sự ra đời của nền báo chí cách mạng Việt Nam. Từ đó đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, báo chí cách mạng Việt Nam luôn đồng hành cùng đất nước vì lợi ích quốc gia, dân tộc, phồn vinh, hạnh phúc của nhân dân, không ngừng trưởng thành vững mạnh về mọi mặt, là lực lượng nòng cốt, giữ vai trò tiên phong trên mặt trận tư tưởng – văn hóa, đóng góp to lớn vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta” [4]. Từ ngày ra đời đến cách mạng Tháng tám 1945, báo chí là phương tiện quan trọng tuyên truyền, phổ biến tư tưởng của Đảng, cổ vũ đấu tranh giành chính quyền. “Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những người làm báo đã vượt lên mọi khó khăn, không quản hy sinh, có mặt trên tất cả các mặt trận để kịp thời phản ánh mọi diễn biến của cuộc đấu tranh. Hàng nghìn lượt cán bộ, phóng viên báo chí đã sát cánh cùng bộ đội, dân công chiến đấu, phục vụ trên các mặt trận. Hàng trăm nhà báo - liệt sĩ đã anh dũng hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc, tô

thấm thêm truyền thống vẻ vang của báo chí cách mạng nước nhà”. [4] Và bước vào công cuộc đổi mới, báo chí cách mạng vẫn là lực lượng nòng cốt trong việc tuyên truyền, phổ biến đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; phát hiện, góp phần cổ vũ, động viên, nhân rộng các điển hình kinh tế, văn hóa, xã hội, người tốt việc tốt...

Ở một mặt khác, báo chí cũng là lực lượng xung kích phát hiện những tiêu cực đe dọa sự trong sạch của chế độ và hạnh phúc của con người. Sau khi đất nước thống nhất, xã hội bắt đầu trở lại với cuộc sống thời bình, khi con người có được không gian để sống với đời sống mà quyền cá nhân được đánh thức, báo chí lại là lực lượng tiên phong trong việc phát hiện những bất cập và sai phạm trong đời sống mới, cất tiếng nói mạnh mẽ bênh vực những con người bị áp bức, bị sỉ nhục. Những năm cuối thập niên tám mươi của thế kỷ trước đã chứng kiến những thành tựu vang dội của báo chí khi phát hiện những tha hóa quyền lực thể hiện ở một số đơn vị, cá nhân và hậu quả tác động của việc duy trì cơ chế quản lý quan liêu, tư duy bao cấp đến, không chỉ kinh tế - xã hội mà cả thân phận con người. Những phóng sự của Trần Huy Quang (“Câu chuyện về ông vua lớp” - *Văn nghệ* 1986; “Lời khai của bị can” - *Văn nghệ*, 1987, “Người biết làm giàu” – *Văn nghệ*, 1987...); của Phùng Gia Lộc (“Cái đêm hôm ấy đêm gì” – *Văn nghệ*, 1988), một số phóng sự khác tiếp tục được in trên báo *Văn nghệ* và một số báo khác, như “Những con sốt vàng ở Hiệp Đức” (Trinh Đường); “Đá nổi xô xao” (Hoài Tố Hạnh); “Làm gì có vui”, “Anh hùng khi đã sa cơ” (Hoàng Minh Tường); “Thủ tục làm người còn sống” (Minh Chuyên); “Người đàn bà quỳ” (Trần Khắc); “Con đường chảy máu” (Trần Quang Quý); “Nỗi oan khuất của cây dâu” (Quách Vinh)... đều cất tiếng nói bộc trực phê phán những khuyết tật - chủ yếu trong quản trị xã hội và bênh vực con người. Điều đáng nói hơn là sau loạt các phóng sự này, một số vụ việc được đưa ra ánh sáng và được giải quyết, thậm chí là giải quyết một cách thấu đáo, ví như câu chuyện bức xúc của ông Nguyễn Văn Chấn - nhân vật chính trong

chuỗi phóng sự của Trần Huy Quang - đã được các nhà quản lý ở Hà Nội tổ chức mấy cuộc họp cùng với báo chí tổ chức thảo luận. Còn “Cái đêm hôm ấy đêm gì” của Phùng Gia Lộc hình như đã góp phần vào câu chuyện Bí thư tỉnh ủy Thanh Hóa bị kỷ luật sau này do sai phạm. Nó đã từng được đánh giá “như một con địa chấn góp phần đẩy nhanh công cuộc đổi mới sau Đại hội Đảng lần thứ 6” [4]; nó khiến “Nông thôn bình tĩnh sau “Cái đêm hôm ấy... đêm gì?” [3] Tất nhiên, từ vụ việc của nhà báo Phùng Gia Lộc, người quan tâm có thể thấy sự nguy hiểm của tác động xã hội trở lại với báo chí, nhất là đối với số phận nhà báo: sau khi thiên phóng sự được đăng tải, Phùng Gia Lộc đã gặp rắc rối với chính quyền địa phương, bị bọn “sai nha” trực tiếp hăm dọa, khủng bố, bị chức sắc gọi là “phản động”, phải trốn lên tận Hà Nội sống thấp thỏm trong vòng tay bảo bọc của bè bạn. Ở đây cũng cần phải nói thêm, các phóng sự kể trên còn giữ vai trò tiên phong, truyền cảm hứng cho công cuộc dân thân “nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật” bởi sau đó, hàng loạt các tác phẩm văn chương viết về những tiêu cực, những bất cập trong xã hội, kể cả trên tinh thần nhận thức lại lịch sử, ra đời và góp phần tạo không khí dân chủ mạnh mẽ, sâu sắc trong đời sống như *Tướng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp, *Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long, *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh... Như vậy kể cả theo cách trực tiếp và gián tiếp, báo chí truyền thông không chỉ tác động đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, mà còn có những tác động sâu sắc đến đời sống tâm hồn con người. Việc góp phần quan trọng, nhiều khi là tiên phong, trong công cuộc chống tiêu cực còn được báo chí duy trì cho đến tận ngày hôm nay, khi nhiều vụ án, thậm chí là đại án, đã được phanh phui trước hết bởi báo chí. Và chính báo chí đã góp một phần quan trọng truyền cảm hứng cho Nhà nước và nhân dân, nhất là nhân dân trong công cuộc đấu tranh chống tiêu cực của lịch sử Việt Nam hiện đại.

2.3. Định hướng dư luận của báo chí truyền thông và tác động, ảnh hưởng đến xã hội: tích cực và tiêu cực

Thế giới trở nên phẳng, đồng nghĩa với trở nên đa chiều. Có thể thấy rằng, khi nhiệm vụ truyền thông chủ yếu do các cơ quan báo chí cách mạng đảm nhiệm, khi chưa hình thành các trang báo mạng, các hình thức truyền thông xã hội như telegram, facebook, blog..., các thông tin được gửi đến công chúng là khá thuần nhất và thuần khiết. Tuy nhiên, khi có sự bùng nổ của thế giới truyền thông, tính thuần nhất, thuần khiết ngày càng bị phá vỡ theo sự phá vỡ cấu trúc báo chí truyền thông truyền thống. Trong không gian cạnh tranh ấy, việc xây dựng hình ảnh, uy tín của tờ báo, trang truyền thông hiển nhiên được chú ý. Điều đó khiến nhiều tờ báo đăng tải tin tức có trách nhiệm hơn, nhất là các website, các tờ báo điện tử của báo chí truyền thống. Việc đăng tải tin bài một cách thận trọng và trách nhiệm tiếp tục thể hiện tinh thần xây dựng, sự khả tín của cơ quan báo chí truyền thông. Và báo chí truyền thông do vậy vẫn có những tác động, ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội, về những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước, về thái độ sống, làm việc, học tập của con người trong tư cách công dân, về kêu gọi lòng bác ái, tinh thần sẻ chia, tương thân tương ái... Tuy nhiên, cũng trong thời đại báo chí truyền thông số, những tác động tiêu cực của báo chí truyền thông đến xã hội ngày càng có dấu hiệu mất kiểm soát. Chưa nói các trang mạng xã hội do các tổ chức trong và ngoài nước không bị kiểm soát, không được cấp phép hoạt động bởi các cơ quan quản lý Việt Nam, mà ngay cả các trang báo chính thống được sự bảo trợ và chịu sự quản lý của nhà nước, do việc các phóng viên chạy theo chỉ tiêu, do áp lực của chính bản thân các tòa soạn, việc đăng tải, cung cấp thông tin một cách vội vã, thiếu kiểm chứng ngày càng phổ biến. Điều này gây hệ lụy không hề nhỏ, nhất là trong xã hội mà phần lớn mang tâm lý đám đông. Trong những năm gần đây, rất nhiều vụ việc thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau được đưa tin trên các phương tiện truyền thông, hoặc vô tình, hoặc cố ý, đã ít nhiều gây nhiễu loạn xã hội, đặc biệt là mang đến tâm lý bất mãn, hoang mang trong dư luận. Việc đưa tin, viết bài theo thiên hướng cảm tính, cảm xúc cá nhân đặc biệt phổ biến trên các

truyền thông ít chịu sự quản lý của Nhà nước như blog, Facebook... là nguyên nhân của không ít sự việc khiến xã hội phải đặt dấu hỏi về tính xác tín và nhất là tính nhân văn của các Facebooker, Blogger...

2.4. Tác động và ảnh hưởng của báo chí truyền thông đến xã hội: tập hợp và chia rẽ

Công nghệ 4.0 đã tạo ra không gian tự do, và một trong những hiệu ứng tích cực nhất mà nó mang lại là tạo không gian cho con người có thể cập nhật liên tục các thông tin để nhận thức đời sống xã hội theo cách nhanh chóng nhất, kích thích, khuyến khích con người suy nghĩ độc lập, cất lên tiếng nói của chính mình. Đó thật sự là may mắn của thời đại. Trong hành trình nhận thức, chia sẻ và đối thoại đó, báo chí truyền thông một mặt góp phần tích cực trong việc tạo khối đoàn kết, yêu thương giữa người với người, nhất là trong những tình thế đặc biệt cần sự chung tay góp sức của toàn xã hội, điển hình là kêu gọi được tinh thần tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách trong thiên tai mà đại dịch covid 19, những thảm họa thiên nhiên trong mấy năm qua. Ở đó, những hình ảnh về con người dân thân vì cộng đồng theo cách này hay cách khác được thông tin kịp thời, tạo được sự lây lan cảm xúc, truyền được nguồn cảm hứng lộng lẫy thiện và nhân văn, tất cả nhìn về một phía. Nhưng mặt khác, việc được độc lập tư duy, được nói bằng lời của mình trong nhiều trường hợp lại gây chia rẽ xã hội một cách sâu sắc, nhất là khi những quan điểm trái chiều có thiên hướng cực đoan do sự khác biệt về tư tưởng hoặc tầm mức nhận thức, tầm mức văn hóa. Điều vừa đáng cười vừa đáng khóc là đôi khi sự chia rẽ ấy lại bắt đầu từ một câu chuyện xa lắc xa lơ. Theo đánh giá ít nhiều cảm tính của người viết bài này, trong vòng năm năm qua, có hai sự kiện, mặc dù xảy ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, nhưng lại chia rẽ người Việt một cách sâu sắc nhất, kể cả người Việt trong nước và người Việt ở nước ngoài, đó là cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm 2020 và cuộc chiến Nga-Ukraine bắt đầu từ năm 2022. Kể cả đối với cuộc bầu cử Tổng thống ỹ năm 2024, mặc dù không còn nóng như cuộc bầu cử năm

2020, nhưng không khí chia rẽ trên các trang mạng xã hội, nhất là Facebook, không phải là đã nguội.

3. Kết luận

Có thể nói rằng, với chức năng, nhiệm vụ của mình, những tác động, ảnh hưởng của báo chí đến xã hội thực sự là muôn màu muôn vẻ trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, trong điều kiện kinh tế xã hội cụ thể, và sự bình đẳng qua lại trong tương tác cũng biến động theo từng thời kì. Đó là điều không thể tránh khỏi. Trong thời hiện đại, báo chí truyền thông là một phương tiện quan trọng giúp con người nhận biết được sự vận hành của xã hội, các giá trị của nó và giá trị của chính mình. Tuy nhiên, để có một môi trường báo chí truyền thông công bằng và an toàn, chúng ta còn rất nhiều việc phải làm, trong đó điều quan trọng nhất là hướng đến tinh thần báo chí truyền thông trung thực, dân chủ và nhân văn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. [PGS.TS. Nguyễn Văn Dũng (2013), *Cơ sở lý luận báo chí*, Nxb Lao Động, Hà Nội;85].
2. [Trung Hiếu (2016), “*Đất nước qua 30 năm đổi mới – Kỳ 2: Nhân chứng trong “Cái đêm hôm ấy... đêm gì?”*”, thanhnien.vn, truy cập ngày 03 tháng 11 năm 2024]
3. [Lê Hoàng (2016), “*Nông thôn bừng tỉnh sau “Cái đêm hôm ấy... đêm gì?”*”, vnexpress.net, truy cập ngày 03-11-2024]
4. [Trần Công Huyền (2023), “*Báo chí cách mạng Việt Nam luôn đồng hành cùng đất nước*”, xaydungdang.org, truy cập ngày 03/11/2024]
5. [Hong Nhung biên dịch (2024), “*Xu hướng phát triển của báo chí thế giới*”, Tapchimattran.vn, truy cập ngày 03/11/2024]

ĐẨY MẠNH CHUYỂN ĐỔI SỐ THEO QUAN ĐIỂM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

BÁO CHÍ - TRUYỀN THÔNG

TS. Phạm Thị Thúy Hồng

Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,

Trường Đại học Vinh

Siu H' Liên

Huyện đoàn Đức Cơ, tỉnh Gia Rai

Tóm tắt: Trong bối cảnh của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, kinh tế tri thức, quá trình chuyển động từ thế giới “tròn” sang thế giới “phẳng” và tình hình dịch bệnh Covid-19 thì chuyển đổi số là tất yếu và cấp thiết. Trong các văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, những khái niệm như: chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số đã lần đầu tiên được đề cập. Chuyển đổi số là một trong những từ được nhắc đến nhiều nhất hiện nay khi đề cập đến vấn đề phát triển. Báo chí - truyền thông phải tiên phong trong chuyển đổi số để nâng cao chất lượng hoạt động. Các cơ quan báo chí - truyền thông cần đánh giá lại thực trạng công tác chuyển tải thông tin nhằm theo kịp thời đại công nghệ 4.0, góp phần xây dựng đất nước phát triển theo hướng hiện đại, bền vững.

Từ khóa: *Đại hội XIII, chuyển đổi số, kinh tế số, truyền thông.*

Đặt vấn đề

Trong các văn kiện của Đại hội Đảng lần thứ XIII, nội hàm của các khái niệm: chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số đã được nhấn mạnh nhiều lần trong mục tiêu, quan điểm phát triển và các đột phá chiến lược. Báo chí - truyền thông trong những năm qua cũng đã chú trọng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của bộ máy, nâng cao chất lượng các sản phẩm báo chí, mở rộng đối tượng người dùng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an toàn mạng, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ chính trị của đất nước và nhân dân. Trước yêu cầu chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, báo chí và truyền thông xác định sứ mệnh tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ

này, góp phần rút ngắn quá trình đổi mới, đáp ứng quyền tiếp cận thông tin của người dân, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia. Đặc biệt, trong ba năm qua, đại dịch Covid-19 đã mang đến một mối đe dọa hiện hữu đối với các phương tiện truyền thông tin tức trên toàn thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng, buộc các tổ chức truyền thông phải suy nghĩ lại về cách họ vận hành. Các tòa soạn truyền thông đã phải đương đầu với sự sụt giảm nghiêm trọng trong việc phát hành báo in, sự kiện và doanh số bán quảng cáo. Các đơn vị báo chí và truyền thông đã chủ động và thích ứng nhanh với diễn biến dịch bệnh, áp dụng sinh động và hiệu quả công nghệ thông tin, công nghệ số vào tác nghiệp và phát hành các ấn phẩm của mình. Các nền tảng trực tuyến, cho thấy năng lực sử dụng công nghệ thông tin của cách hoạt động báo chí và truyền thông đã được nâng lên rõ rệt. Đến nay, báo chí và truyền thông trực tuyến đã trở thành một hoạt động thiết yếu, duy trì việc chuyển tải thông tin đến với nhân dân.

Nội dung

1. Định hướng, quan điểm về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Ngày nay, các thành tựu khoa học công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số đã tạo ra cơ hội, điều kiện thuận lợi để nước ta thực hiện phương thức phát triển đi tắt, đón đầu. Kinh tế số hoạt động trên nền tảng công nghệ số chính là một hình thức cụ thể của kinh tế tri thức mà đất nước ta cần xây dựng. Sau 35 năm Đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; quy mô, trình độ khoa học công nghệ của nền kinh tế đất nước tăng lên, trở thành nước có thu nhập trung bình thấp theo chuẩn quốc tế; tiềm lực, vị thế ngày nay của đất nước tạo điều kiện để Việt Nam có thể tận dụng, nắm bắt được cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem tới để phát triển nhanh, bền vững.

Trong bối cảnh đó, Đại hội XIII của Đảng đề cao ý chí, khát vọng phát triển đất nước, để đến năm 2025 đưa nước ta trở thành nước có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030, nước ta trở thành nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045, nước ta

trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số là một trong những biểu hiện cụ thể, thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước. Đây chính là mục tiêu, ý nghĩa của việc đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế số ở nước ta. Đó là lý do đề Đại hội XIII của Đảng đặc biệt nhấn mạnh chủ trương chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong các văn kiện Đại hội.

Nội dung về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được đề cập đến nhiều lần trong các văn kiện Đại hội XIII. Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) xác định “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.231).

Báo cáo chính trị đề ra 12 định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn 2021-2030. Trong đó, định hướng thứ hai và định hướng thứ ba xác định phải đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực tăng trưởng theo tinh thần bất kíp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đưa ra 5 quan điểm phát triển, trong đó, có hai quan điểm nhấn mạnh về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số được Báo cáo chính trị đưa vào thành một trong những nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ Đại hội XIII. Để thực hiện các định hướng, quan điểm và chỉ tiêu đề ra về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, các văn kiện Đại hội XIII đã đề ra đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể:

Một là, về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Báo cáo chính trị yêu cầu cần phải quan tâm tới thể chế cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, như xây dựng khung khổ pháp luật, môi

trường thuận lợi thúc đẩy phát triển, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) và Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) cụ thể hóa, thể hiện rõ hơn những chủ trương hoàn thiện thể chế kinh tế được nêu trong Báo cáo chính trị. Theo đó, “Thực hiện chuyển đổi số quốc gia một cách toàn diện để phát triển kinh tế số, xây dựng xã hội số. Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số, đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.225).

Hai là, để tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, phát triển các ngành, lĩnh vực, vấn đề chuyển đổi số, phát triển kinh tế số luôn được xác định là một yêu cầu lớn, một nội dung quan trọng, là mũi nhọn được khuyến khích, ưu tiên phát triển để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực, của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021-2030) cũng như trong Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) đều đã đưa ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để làm rõ hơn và triển khai thực hiện các chủ trương, quan điểm của Báo cáo chính trị về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số. Đó là: “Thực hiện chuyển đổi số trong quản trị quốc gia, quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, tổ chức xã hội và quản lý tài nguyên quốc gia. Đẩy nhanh chuyển đổi số đối với một số ngành, lĩnh vực đã có điều kiện, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, ưu tiên công nghệ số, kết nối 5G và sau 5G, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối, in 3D, Internet kết nối vạn vật, an ninh mạng, năng lượng sạch, công nghệ môi trường để chuyển đổi, nâng cao năng suất, hiệu quả nền kinh tế” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.227), “thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử. Thực

hiện chuyển đổi số trong tất cả các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr.235).

Phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) đề ra nhiệm vụ: “Đẩy mạnh công nghiệp hóa dựa trên nền tảng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và công nghệ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; trong đó, tập trung phát triển những ngành ưu tiên có mức độ sẵn sàng cao như công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn, an ninh mạng; công nghiệp chế tạo thông minh; tài chính - ngân hàng, thương mại điện tử; nông nghiệp số, du lịch số, công nghiệp văn hóa số; y tế, giáo dục và đào tạo” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.2, tr.104-105).

2. Nội dung cơ bản của chuyển đổi số trong hoạt động báo chí - truyền thông

Chuyển đổi số về tổng thể là quá trình thay đổi toàn diện của các cá nhân và tổ chức về cách sống, làm việc và phương thức sản xuất trên môi trường số với các công nghệ số. Các mô hình và quá trình kinh doanh số sẽ tái cấu trúc nền kinh tế nói chung và từng lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội nói riêng, trong đó có lĩnh vực báo chí, truyền thông.

Báo chí - truyền thông là một trong những ngành quan trọng trong hệ thống nền kinh tế quốc dân, một lĩnh vực luôn phản ứng nhạy bén với mọi biến động của đời sống kinh tế - xã hội. Để thực hiện tốt các chức năng của mình, báo chí - truyền thông không thể nằm ngoài xu thế chuyển đổi số, thậm chí cần đi đầu trong công cuộc chuyển đổi số.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, trước hết chính là lấy công nghệ làm trung tâm, theo đó, chuyển đổi số là việc sử dụng công nghệ, kỹ thuật để thay đổi cách con người làm việc, giao thương, giao tiếp và các hoạt động khác trong cuộc sống.

Một nội dung quan trọng trong chuyển đổi số của báo chí - truyền thông là lấy thông tin làm trung tâm, theo đó, chuyển đổi số là việc xử lý thông tin thu được từ môi trường diễn ra các hoạt động để làm cơ sở đưa ra quyết định. Khi được khai thác đúng đắn, hợp lý, phù hợp với luật pháp và quy ước đạo đức, dữ liệu lớn là

một loại tài sản mới của các cơ quan báo chí - truyền thông, bên cạnh những tài sản truyền thống, hữu hình như trụ sở, trang thiết bị, vốn tài chính, vốn nhân lực.

Việc ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực báo chí - truyền thông cho phép tự động hóa quy trình tác nghiệp làm giảm các chi phí hoạt động, nâng cao hiệu suất kinh doanh. Bên cạnh giảm chi phí còn rút ngắn, đẩy nhanh các công đoạn, đáp ứng kịp thời hơn nhu cầu của thị trường và sự quan tâm của công chúng.

Một là, trên cơ sở nguồn dữ liệu lớn với việc ứng dụng các công nghệ số không chỉ tự động hóa quy trình truyền thông mà còn cho phép hình thành quy trình mới trong sáng tạo sản phẩm và dịch vụ báo chí - truyền thông mới để đáp ứng nhu cầu công chúng, đồng thời tạo nhu cầu mới đối với thị trường, tăng tính tương tác giữa người làm báo với công chúng, giữa cơ quan báo chí với các cơ quan hoạch định và điều hành chính sách. Chẳng hạn ứng dụng AI, Big Data, IoT tạo ra các sản phẩm mới: ứng dụng trả lời tự động (Chatbot), hay các sản phẩm báo chí dữ liệu, báo chí thị giác, Mega Story, infographic, Timeline, ảnh 360 độ, video 360 độ... Hoặc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm giúp tăng lưu lượng người dùng, truyền tải thông điệp được cá nhân hóa đến từng bạn đọc với nhu cầu khác nhau, gợi ý các nội dung yêu thích của người đọc theo dạng Thư tòa soạn (Newsletter) hay tin tuyển chọn từ Ban biên tập (Editors Picks)...

Hai là, chuyển đổi số mở ra điều kiện tập hợp, thống nhất các nguồn lực vào một mạng lưới trung tâm hỗ trợ hoạt động kinh doanh. Trong quy trình truyền thông có sự tách biệt các nguồn lực, các bộ phận không chỉ về mặt vật lý mà cả về không gian. Như vậy, không những tiết kiệm nguồn lực mà hiệu quả sử dụng nguồn lực được nâng cao hơn.

Ba là, chính chuyển đổi số tạo ra hệ thống để thu nhập số liệu khách hàng phù hợp, liên kết các dữ liệu làm cơ sở cho hoạch định chiến lược phát triển. Ngày nay, cá nhân hóa đóng một vai trò lớn trong tiêu dùng, và việc sản xuất sản phẩm giống nhau cho tất cả mọi người không còn nữa. Sản phẩm phải được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Chỉ bằng cách này, các công ty mới thu hút được sự chú ý của họ và khuyến khích sự chuyển đổi và lòng trung thành. Đây chính là cơ

sở phát triển bền vững đối với mỗi đơn vị báo chí - truyền thông trong điều kiện nền kinh tế thị trường cạnh tranh khốc liệt.

Bốn là, đơn vị báo chí - truyền thông hoạt động trên nền tảng số sẽ mở ra sự linh hoạt và kịp thời giải quyết nhiệm vụ trong những điều kiện môi trường kinh doanh biến động, khắc phục khoảng cách địa lý, bảo đảm hoàn thành tốt chiến lược kinh doanh. Hoạt động báo chí - truyền thông trong điều kiện đại dịch Covid-19 vừa qua minh chứng những ưu thế của hoạt động kinh doanh trên môi trường số.

3. Nâng cao chất lượng hoạt động báo chí - truyền thông trên cơ sở quán triệt quan điểm về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng

Chuyển đổi số báo chí - truyền thông hiện nay ở Việt Nam có nhiều thuận lợi, trước hết là quyết tâm chính trị và chủ trương thúc đẩy quá trình chuyển đổi số ở cấp chiến lược. Tháng 9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Ngày 3/6/2020, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” hướng đến mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đặc biệt, Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “phải đổi mới tư duy phát triển, thay đổi cách làm việc, cách sống, đẩy mạnh cải cách thể chế, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; thực hiện quyết liệt chuyển đổi số, xây dựng nền kinh tế số, xã hội số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, t.1, tr. 213).

Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng *Chương trình Hỗ trợ chuyển đổi số cho các cơ quan báo chí*, theo đó hỗ trợ 3 nền tảng giúp các cơ quan báo chí chuyển đổi số: 1) Nền tảng *Quản lý tòa soạn điện tử*, cho phép xây dựng tòa soạn hội tụ công nghệ hiện đại, đưa toàn bộ nghiệp vụ báo chí lên môi trường số; 2) Nền tảng *Phân tích thông tin, dư luận trên mạng xã hội*, giúp các cơ quan báo chí nắm bắt kịp thời thông tin, dư luận xã hội, nhờ đó nhận biết được nhu cầu thông tin, có tin bài đáp ứng đúng mong muốn của người đọc, đúng thời điểm

người đọc cần; 3) Nền tảng *Hỗ trợ phòng chống tấn công và ứng cứu khẩn cấp* cho hệ thống thông tin của các cơ quan báo chí nhằm tạo lá chắn, bảo vệ hoạt động trên môi trường số cho cơ quan báo chí.

Bộ Thông tin và Truyền thông cũng đã xây dựng kế hoạch chuyển đổi số toàn ngành giai đoạn 2021-2025 gồm 5 danh mục dự án: Hạ tầng số, nền tảng số, phát triển dữ liệu, ứng dụng - dịch vụ và an toàn thông tin. Việc triển khai kế hoạch này sẽ hỗ trợ quá trình chuyển đổi số báo chí - truyền thông (lĩnh vực quan trọng trong hoạt động thông tin và truyền thông nói chung).

Đáng chú ý, ở Việt Nam hạ tầng công nghệ thông tin viễn thông khá tốt, phủ sóng rộng, mật độ người dùng cao (hơn 70% người dân sử dụng Internet, thiết bị thông minh); dân số Việt Nam trẻ, sáng tạo, thích ứng nhanh, được đào tạo tương đối tốt, lao động chăm chỉ, có truyền thống hiếu học... là những lợi thế cho quá trình chuyển đổi số nói chung, trong lĩnh vực báo chí - truyền thông nói riêng.

Ngoài ra, do điều kiện lịch sử trong phát triển, quá trình hiện đại hóa, số hóa muộn hơn so với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam chưa bị trói buộc vào các công nghệ cũ và có tiềm năng để ứng dụng các công nghệ mới. Đây chính là lợi thế của nước đi sau trong tiến trình hiện đại hóa.

Tuy nhiên, còn nhiều khó khăn thách thức trong chuyển đổi số báo chí - truyền thông. Thách thức đầu tiên đến từ mức độ sẵn sàng chuyển đổi số. Không phải cơ quan báo chí - truyền thông nào cũng đủ nguồn lực để đầu tư vào hạ tầng, trang thiết bị hiện đại. Thách thức thứ hai là nguồn nhân lực cho chuyển đổi số. Thách thức thứ ba, được đánh giá là thử thách cốt lõi trong ngành báo chí, đó là năng lực chuyển đổi số trong sáng tạo nội dung báo chí. Yêu cầu của báo chí hiện nay là phải có nguồn dữ liệu lớn được kiểm chứng, do vậy, cần tạo cơ chế để các cơ quan báo chí được kết nối với kho dữ liệu quốc gia. Nội dung báo chí cũng có thể tận dụng kho dữ liệu vô cùng phong phú, mở và sẵn có trên Internet mà ai cũng có thể truy cập được, ví dụ ảnh vệ tinh, hình ảnh bản đồ Google. Tuy nhiên, nhà báo phải kiểm soát chặt chẽ đầu vào số liệu, biết cách lập trình, biết hợp tác liên ngành. Tất cả những điều này hiện đang là thách thức lớn đối với người làm báo, người quản lý báo chí, cũng như giáo dục và đào tạo báo chí. Báo chí Việt Nam có

thực sự chuyển đổi số hay không phụ thuộc vào mức độ thay đổi cách thức sản xuất nội dung báo chí, chứ không phải chỉ dừng lại ở một số thử nghiệm về kênh phân phối (paywall, chatbot) không ảnh hưởng nhiều đến nội dung báo chí như hiện nay.

Nhận diện ba thách thức trong quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí - truyền thông, từ đó có những giải pháp tháo gỡ là cần thiết. Trong thời gian tới, cần chú trọng một số nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Trước hết, cần nhận thức sâu sắc rằng chuyển đổi số trước hết là “chuyển đổi nhận thức” của đội ngũ nhân lực báo chí - truyền thông. Chuyển đổi số đòi hỏi các nhà quản lý, biên tập, phóng viên cần liên tục cập nhật, liên tục học hỏi theo cái mới, cái hiện đại và phải chấp nhận cả thất bại bên cạnh những thành công của sự đổi mới đem lại.

Chuyển đổi số thực chất là quá trình thay đổi, không chỉ về hạ tầng vật chất mà còn phải thay đổi về ý thức và cần được coi như một phương thức phát triển. Trong vấn đề này, vai trò của người lãnh đạo hết sức quan trọng. Nếu lãnh đạo không đi đầu, làm gương trong việc chuyển đổi số, sử dụng các công cụ số trong quản lý, điều hành thì rất khó để yêu cầu bộ máy bên dưới triển khai. Vậy nên, “chuyển đổi số” không phải khái niệm xa vời, mơ hồ mà cần triển khai ngay những giải pháp cụ thể để tổ chức đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực có chuyên môn, bản lĩnh, nắm vững kỹ năng tác nghiệp trên môi trường số.

Nguồn nhân lực là giải pháp quan trọng nhất bảo đảm cho thành công cho quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan báo chí - truyền thông. Do thực tiễn lịch sử để lại, đa phần năng lực công nghệ của phóng viên, biên tập viên còn hạn chế so với yêu cầu tác nghiệp trên môi trường số, nên các cơ quan báo chí - truyền thông cần thực hiện đào tạo bổ sung kiến thức về công nghệ thông tin để phóng viên chủ động ứng dụng các công nghệ số trong tác nghiệp. Trước mắt nên hình thành bộ phận giới công nghệ làm hạt nhân để hỗ trợ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong mỗi cơ quan, đơn vị báo chí - truyền thông.

Hai là, tăng cường thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, làm rõ nội dung, vai trò và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số

nói chung và trong lĩnh vực báo chí - truyền thông nói riêng để tạo quyết tâm, đồng thuận. Chuyển đổi số là con đường để báo chí - truyền thông phát triển, thực hiện các chức năng của mình trong kỷ nguyên số. Đương nhiên việc chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí - truyền thông không chỉ là công việc của các đơn vị báo chí - truyền thông, mà là công việc chung cả xã hội, từ các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản và cộng đồng xã hội, những đối tượng thụ hưởng sản phẩm và dịch vụ báo chí - truyền thông.

Ba là, nghiên cứu, xây dựng hệ thống thể chế liên quan đến hoạt động của báo chí - truyền thông trong môi trường số. Chuyển đổi số không chỉ là cuộc cách mạng của công nghệ mà là cuộc cách mạng về thể chế. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: công nghệ mới, sản phẩm, dịch vụ và mô hình mới.

Bốn là, đầu tư nguồn lực hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, bảo đảm an ninh và điều kiện tác nghiệp trên môi trường số. Việc bảo đảm an ninh, an toàn hoạt động kinh doanh trong môi trường số, ngoài các quy định pháp luật, ý thức và trình độ phóng viên, thì hạ tầng công nghệ hiện đại là điều kiện không thể thiếu. Do vậy cần khai thác các nguồn lực, đầu tư hiện đại hóa cơ sở hạ tầng đi liền với tận dụng, lựa chọn các đối tác có uy tín trong hoạt động bảo mật khi thuê hạ tầng.

Để phát triển hạ tầng dữ liệu, cần hoàn thành các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nền tảng cho chuyển đổi số; tập trung phát triển nền tảng để kết nối, chia sẻ, giám sát, phân tích và tổng hợp dữ liệu.

Năm là, hợp tác, liên kết giữa các chủ thể trên thị trường báo chí - truyền thông trong thực hiện chuyển đổi số. Cần có sự gắn kết giữa các cơ quan báo chí - truyền thông với các công ty công nghệ cũng như sự hỗ trợ của cơ quan chuyên ngành. Việc liên kết, hợp tác mở ra cơ hội phát triển cho mỗi chủ thể và chính quá trình này làm giàu thêm hệ thống dữ liệu. Cùng với việc đầu tư tạo lập cơ sở hạ tầng mở gắn với việc làm giàu thêm dữ liệu số là hai động lực chính của quá trình chuyển đổi số báo chí - truyền thông.

Kết luận

Chuyển đổi số là xu hướng tất yếu của thực tiễn khách quan. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã thay đổi quy trình sản xuất hàng hóa, nâng cao hoạt động giao vận thông minh dẫn đến sự chuyển biến lớn trong các ngành nghề. Bên cạnh đó, đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động báo chí truyền thông truyền thống buộc các tổ chức truyền thông phải suy nghĩ lại về cách họ vận hành. Rõ ràng, thay đổi là điều cấp thiết ngay từ bây giờ nếu báo chí và truyền thông muốn tồn tại và phát triển. Điều tất yếu diễn ra là sự gia tăng của nhu cầu cập nhập, tiếp nhận thông tin, giải trí qua các phương tiện báo chí truyền thông số hóa. Do vậy, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động báo chí truyền thông nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành của bộ máy, nâng cao chất lượng các sản phẩm báo chí, mở rộng đối tượng thụ hưởng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin, an toàn mạng, phục vụ tốt hơn nhiệm vụ chính trị của đất nước và của nhân dân.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Thông tin và Truyền thông. (2021). *Cẩm nang Chuyển đổi số*, Nxb. Thông tin và Truyền thông. Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.1, 2. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [3] Thủ tướng Chính phủ (03/06/2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*. Hà Nội.
- [4] Thomas M Siebel. (2022). *Chuyển đổi số*. Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Tp. Hồ Chí Minh.

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG CHÍNH TRỊ TRONG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

TS. Trương Thị Phương Thảo

*Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Truyền thông chính trị ngày càng đóng vai trò quan trọng trong tạo sự đồng thuận xã hội; đơn giản hóa và giúp người dân tiếp cận nhanh chóng các vấn đề chính trị phức tạp. Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch đang là nhiệm vụ cấp thiết thì hoạt động truyền thông chính trị ở Việt Nam cần có những giải pháp mới, phù hợp thời gian tới.

Từ khóa: Truyền thông, truyền thông chính trị, tư tưởng của Đảng.

1. Khái niệm truyền thông chính trị

Hiện có rất nhiều góc tiếp cận về truyền thông. Do vậy, định nghĩa về truyền thông cũng đa dạng. Nhưng bất cứ cách tiếp cận truyền thông nào cũng đề cập 5 yếu tố cơ bản của truyền thông, gồm: nguồn, người nhận, phương tiện, thông điệp, hiệu ứng. Nói cách khác, truyền thông là quá trình giao tiếp bắt đầu với một thông điệp được hình thành bởi một người gửi. Sau đó, thông điệp này được mã hóa bằng cách dịch thành tín hiệu hoặc chuỗi tín hiệu và được truyền qua một phương tiện hoặc kênh cụ thể đến người nhận, người này sau đó sẽ giải mã và diễn giải thông điệp, đồng thời trả về một tín hiệu, một thông tin thể hiện rằng người nhận đã hiểu hoặc chưa hiểu thông điệp, hoạt động này gọi là cung cấp phản hồi. Trong quá trình thông điệp được truyền đi, “nhiều” có thể xảy ra khiến thông tin không còn được chính xác như lúc đầu.

Truyền thông là quá trình trao đổi thông tin, tương tác thông tin giữa hai hoặc nhiều người với nhau nhằm tăng cường sự hiểu biết và thay đổi nhận thức, tiến tới điều chỉnh hành vi và thái độ phù hợp với nhu cầu phát triển của cá nhân, của nhóm, của cộng đồng và của toàn xã hội.

Chính trị, hiểu theo nghĩa chung nhất là một lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội, bao gồm các hoạt động và các mối quan hệ giữa các chủ thể trong đời sống xã hội liên quan đến việc nhận diện và giải quyết các vấn đề chung của toàn xã hội, nhất là những vấn đề có tính tranh chấp, xung đột mang tính phổ biến trong các mối quan hệ xã hội. Để có thể giải quyết được các vấn đề trên, một quyền lực chung được thiết lập có sức mạnh cưỡng chế nhằm duy trì trật tự, hòa bình và công lý trong xã hội, đảm bảo các quyền, tự do của công dân. Nhà nước được tổ chức để thực thi quyền lực này. Do vậy, quyền lực nhà nước có nguồn gốc từ Nhân dân.

Trong các xã hội có giai cấp, các giai cấp tùy vào khả năng và tương quan lực lượng của mình đều tìm cách để giành quyền lực nhà nước để hiện thực hóa lợi ích của giai cấp mình, trên cơ sở và nhân danh thực hiện mục tiêu chung của xã hội. Chính vì vậy, ở cách tiếp cận này, chính trị được khái quát là quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp trong việc giành, giữ và thực thi quyền lực nhà nước.

Ngày nay, chúng ta có thể hiểu chính trị là toàn bộ những hoạt động liên quan đến các mối quan hệ giữa các giai cấp, giữa các dân tộc, các tầng lớp xã hội mà cốt lõi của nó là vấn đề giành chính quyền, duy trì và sử dụng quyền lực nhà nước, sự tham gia vào công việc của Nhà nước; sự xác định hình thức tổ chức, nhiệm vụ, nội dung hoạt động của Nhà nước.

Chính trị liên quan đến quyền lợi của giai cấp và nhà nước. Chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng, bao gồm hệ tư tưởng chính trị, nhà nước, đảng phái chính trị xuất hiện khi xã hội phân chia giai cấp dựa trên cơ sở hạ tầng kinh tế nhất định. Chính trị còn tồn tại khi nào còn giai cấp, còn nhà nước.

Khi kết hợp hai yếu tố truyền thông và chính trị với nhau trong khái niệm về truyền thông chính trị,

Truyền thông chính trị có thể được hiểu là quá trình các nhà lãnh đạo chính quyền, các cơ quan truyền thông và người dân tương tác, trao đổi, bàn bạc về nội dung những thông điệp hoặc đề xuất liên quan đến việc hình thành các chính sách công; các giai cấp, đảng phái, nhà nước cung cấp thông tin, giải thích, thuyết phục người dân ủng hộ, tán thành và tuân theo tư tưởng, chủ trương, đường lối trong những giai đoạn lịch sử cụ thể; có thể sử dụng nhiều hình thức, biện pháp khác

nhau, như tuyên truyền miệng, tuyên truyền qua sách, báo,... Truyền thông chính trị có sức mạnh to lớn trong việc tạo sự đồng thuận cũng như nâng cao nhận thức của người dân đối với hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền; thấu hiểu hơn các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần hoàn thiện quá trình phân tích, hoạch định và thực thi chính sách, kiến tạo sự phát triển của xã hội.

Truyền thông chính trị là một quá trình bao gồm các bước: Chủ thể truyền thông (chính phủ, cơ quan quản lý nhà nước, nhà lãnh đạo) thực hiện cung cấp thông tin cho các thiết chế truyền thông, sau đó, chuyển tải thông tin thành các thông điệp và phổ biến đến người dân. Đồng thời, người dân cũng tác động ngược trở lại và các thiết chế truyền thông cần có khoảng thời gian để phản hồi các nội dung mà người dân quan tâm. Trong bối cảnh chuyển đổi số, quá trình truyền thông chính trị diễn ra nhanh chóng, đòi hỏi các thiết chế truyền thông phải bắt nhịp nhanh với các phương thức, phương tiện và các loại hình truyền thông mới, theo hướng ngày càng hiện đại, hiệu quả, xóa nhòa ranh giới về thời gian, không gian hoặc vị trí địa lý.

Từ những phân tích trên, có thể thống nhất cách hiểu truyền thông chính trị là các hoạt động truyền thông nhằm tương tác và trao đổi thông tin theo hai chiều, chiều từ trên xuống là của các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có yếu tố chính trị đến người dân và chiều từ dưới lên, là của người dân phản hồi tới các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội. Cả hai chiều tác động này của mỗi thành tố đều nhằm đạt được những mục tiêu chính trị cụ thể của mình. Trong quá trình thông tin được trao đổi, sự sai lệch so với nội dung gốc ban đầu có thể xảy ra.

2. Vai trò của truyền thông chính trị

Truyền thông chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến mọi vấn đề của xã hội. Truyền thông chính sách tác động đến nhận thức của công chúng, từ nhận thức sẽ tác động đến hành động và ứng xử của công chúng. Khi mà một ứng xử của công chúng được lặp đi lặp lại sẽ thành nề nếp, tập quán cuối cùng trở thành những chuẩn mực của xã hội. Nhờ truyền thông chính trị mà những vấn đề này được xã hội chấp nhận và lan truyền nhanh trong công chúng. Vai trò của truyền thông chính trị được thể hiện dưới các góc độ sau:

Thứ nhất, truyền thông chính trị đóng vai trò rất quan trọng trong các hoạt động chính trị và thúc đẩy cho xã hội trở nên công bằng, dân chủ hơn. Khả năng phản biện xã hội của truyền thông chính trị, vai trò dẫn đầu công dân của truyền thông chính trị trong việc tạo ra một không gian thảo luận công cộng, ảnh hưởng của truyền thông chính trị và các phương tiện truyền thông chính trị mới đến nhận thức chính trị của người dân Việt Nam... sẽ là những vấn đề nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu truyền thông chính trị trên thế giới. Việt Nam là một quốc gia đang phát triển. Chúng ta có rất nhiều vấn đề cần đương đầu như xóa đói giảm nghèo, nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ môi trường, chống tham nhũng, tiêu cực... Ở các quốc gia như Việt Nam, truyền thông chính trị được xem là kênh hữu hiệu để đạt được các mục tiêu lớn liên quan đến phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Thứ hai, truyền thông chính trị là kênh giúp Nhà nước có khả năng xây dựng hình ảnh của mình để không bị “hòa tan” trong quá trình toàn cầu hóa. Xây dựng hình ảnh quốc gia là một trong các khía cạnh nghiên cứu khá thú vị hiện nay của truyền thông. Từ việc tìm hiểu các lý thuyết về việc xác lập một quốc gia (nation-states) đến việc xây dựng các chiến lược truyền thông chính trị và triển khai trên thực tế đều rất hữu ích không chỉ cho riêng giới nghiên cứu, mà còn cho chính các quốc gia. Truyền thông chính trị có tác động lớn đến các nhóm đối tượng lớn như:

Đối với chính quyền nhà nước, truyền thông chính trị giúp các cơ quan nhà nước đưa thông tin đến người dân về các chính sách kinh tế, văn hóa xã hội, luật pháp đến với dân chúng, thuyết phục công chúng thay đổi về nhận thức và hành xử đúng pháp luật. Ngoài ra, chính phủ cũng nhờ truyền thông chính trị để thăm dò lấy ý kiến của dư luận trước khi ban hành các văn bản pháp lý. Nhờ truyền thông chính sách, nhà nước điều chỉnh các chính sách quản lý của mình và tạo ra sự đồng thuận cao trong dân chúng.

Đối với người dân: Truyền thông chính trị giúp cho người dân cập nhật thông tin kinh tế, văn hóa, xã hội, pháp luật trong và ngoài nước; Giúp người dân giải trí và học tập về phong cách sống những người xung quanh. Truyền thông chính trị đóng vai trò trong việc tạo ra các xu hướng về lối sống, văn hóa, thời trang... Ngoài ra, truyền thông chính trị còn giúp cho người dân phản hồi, nói lên

tiếng nói của mình, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của mình. Nhờ có truyền thông chính trị mà doanh nghiệp có thể quảng bá sản phẩm và dịch vụ, giúp cho người mua nhận biết và sử dụng sản phẩm và dịch vụ. Truyền thông chính trị cũng tạo ra nhu cầu tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ, giúp các công ty tạo ra công ăn việc làm cho nhiều người, giúp kinh tế phát triển.

Thứ ba, truyền thông chính trị góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Ở Việt Nam, Hiến pháp và pháp luật đã quy định các quyền tự do ngôn luận, tự do truyền thông chính trị, tự do thông tin của con người, của công dân. Các quyền này được đảm bảo ngày càng tốt hơn nhờ sự phát triển nhanh chóng, đa dạng về loại hình và phong phú về nội dung của các phương tiện thông tin đại chúng. Các cuộc tranh luận, chất vấn, phản biện về chủ trương, chính sách tại Quốc hội; các cuộc tọa đàm, tranh luận, các thông tin đa chiều trên phương tiện thông tin đại chúng về mọi vấn đề chính trị, kinh tế - xã hội của đất nước, với sự tham gia tích cực của các tổ chức chính trị, xã hội và người dân là thực tiễn diễn ra hàng ngày trong đời sống của người dân Việt Nam.

Thứ tư, truyền thông chính trị góp phần phát huy quyền, vai trò và trí tuệ của xã hội trong nhận diện các vấn đề chính sách và cân nhắc các giải pháp chính sách... Lắng nghe ý kiến là một nhiệm vụ bắt buộc trong xây dựng chính sách, pháp luật. Thu thập thông tin từ đối tượng chính sách để các chủ thể chính sách hiểu biết tốt hơn các nhu cầu, nguyện vọng, các xu hướng phản ứng của đối tượng chính sách, nhất là trường hợp có quyền lợi vật chất bị ảnh hưởng. Đây cũng là phương thức có tính hệ thống để bảo đảm quyền của công dân, tiếp tục phát huy dân chủ, cung cấp cơ hội cho quyền biết, quyền bàn và quyền giám sát của nhân dân, các nhóm cộng đồng xã hội trong điều hành quốc gia, địa phương, hướng tới thay đổi thái độ, hành vi của công dân, cộng đồng, xã hội trong tuân thủ và xây dựng pháp luật, đóng góp vào bảo vệ chủ quyền và phát triển quốc gia, địa phương.

Thứ năm, truyền thông chính trị góp phần định hướng dư luận. Một chủ trương, chính sách chỉ hiệu quả khi nó được xã hội chấp thuận và khả thi trên thực tiễn để tạo ra các kết quả như trông đợi. Theo cách truyền thống, chính sách được khởi xướng từ các cơ quan công quyền. Với truyền thông chính trị tốt, ngay từ

khâu nhận diện vấn đề chính sách, đề xuất chính sách đều có thể bắt đầu từ cộng đồng. Nói cách khác, truyền thông chính trị cung cấp cơ hội để chuyển quá trình chính sách từ độc quyền sang thành một quá trình nhà nước đồng hành cùng xã hội (đồng thiết kế chính sách). Trong bối cảnh của mạng xã hội, sự lên tiếng đồng tình, ủng hộ hay phản đối một cân nhắc hay quyết định chính sách nào đó tuy không phải là ý kiến quyết định nhưng cần được cân nhắc và thậm chí giải trình (ví dụ thông qua các hình thức truyền thông chính thức) để hạn chế sự lan rộng và leo thang của chống đối hay bất mãn xã hội.

Thứ sáu, truyền thông chính trị cung cấp thông tin giúp chủ thể chính trị tự rà soát các phương pháp, công cụ, cách tiếp cận và cách hành xử của mình đối với các vấn đề xã hội; nhờ đó, hỗ trợ quá trình cải cách thủ tục hành chính, đổi mới bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ. Đặc biệt, để giám sát thực hiện, phát hiện vấn đề, bất cập, lợi dụng thẩm quyền... đưa nhà nước, chính phủ hay chính quyền nói chung đến gần công chúng hơn, tạo dựng và duy trì sự tin cậy của xã hội đối với Nhà nước nói chung hay các chủ thể chính trị nói riêng.

3. Giải pháp phát huy vai trò của truyền thông chính trị trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Để nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông chính trị thời gian tới cần chú ý thực hiện những giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 28-CT/TW, ngày 16-9-2013 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XI về tăng cường công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng; Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới; Quyết định số 874/QĐ-BTTTT, ngày 17-6-2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội; Chỉ thị số 12/CT-TTg, ngày 12-5-2021 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng hoạt động truyền thông, báo chí phục vụ nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kịp thời chấn chỉnh và xử lý các vi phạm trong hoạt động báo chí, truyền thông; Chỉ thị số 7/CT-TTg, ngày 21-3-2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách...

Đặc biệt là Quyết định số 407/QĐ-TTg, ngày 30-3-2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022-2027”. Chú trọng tăng cường các nội dung tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng; truyền thông bảo vệ Đảng, nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế...

Bên cạnh đó, truyền thông chính trị cần được coi là cơ sở để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, góp phần vào thành công chung trong nhiệm vụ nhận diện, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Thứ hai, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của hoạt động truyền thông chính trị; thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức, chất lượng hoạt động tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên các ấn phẩm báo chí, truyền thông và không gian mạng.

Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nhận thức lý luận chính trị cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý, phóng viên, biên tập viên báo chí, truyền thông. Nâng cao vai trò của các cơ quan báo chí chủ lực như Báo Nhân Dân, Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ... trong truyền thông chính trị, truyền thông chính sách.

Thứ ba, tăng cường rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cũng như nghiên cứu các giải pháp quản lý truyền thông nói chung, truyền thông chính trị nói riêng, bảo đảm phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới; nâng cao chất lượng, quản lý chặt chẽ hoạt động và hiệu quả của nhà quản lý, nhà cung cấp dịch vụ và người dùng internet, mạng xã hội; phân định rõ chức năng, đối tượng, vai trò của báo chí điện tử, tạp chí điện tử, trang thông tin điện tử...

Xây dựng các thiết chế rà soát, xử lý thông tin sai lệch, bao gồm bảo đảm tính minh bạch thông tin; ban hành quy định pháp lý chặt chẽ, nghiêm minh về

việc xử lý những đối tượng sản xuất, phát tán tin giả, tin không chính xác, gây thiệt hại cho cộng đồng.

Thứ tư, báo chí, truyền thông cần coi trọng, kiên trì thể giới quan, phương pháp luận khoa học và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; truyền bá, phát triển hệ giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời, nghiên cứu, kế thừa tinh hoa giá trị và các thành tựu mới của nhân loại. Xây dựng chiến lược, nội dung truyền thông chính trị toàn diện, thường xuyên và lâu dài, sử dụng nhiều loại hình báo chí, truyền thông khác nhau, cách thức thể hiện nội dung hấp dẫn, thuyết phục.

Các cơ quan báo chí lớn dựa trên tiềm lực về công nghệ và mạng lưới phóng viên, cộng tác viên chủ động tham gia xây dựng các dự án kiểm chứng thông tin, góp phần phục vụ hiệu quả công tác truyền thông chính trị; nâng cao trách nhiệm, nhận thức trong phát hiện tin giả, tin xấu, độc, tin chống phá Đảng và Nhà nước, từ đó giúp người dân hiểu rõ tác hại của tin giả và có ý thức tránh phát tán, chia sẻ những nội dung sai lệch.

Thứ năm, các cơ quan báo chí, truyền thông phát huy vai trò dẫn dắt thông tin chính thống, định hướng dư luận xã hội tích cực, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, hiểu biết xã hội, gia tăng sức “đề kháng” trước các quan điểm sai trái, thù địch trong các tầng lớp nhân dân, cộng đồng mạng; đồng thời, thông điệp truyền thông đưa ra cần định hướng người dân vào những suy nghĩ, cách nhìn tích cực, ngôn ngữ sử dụng nên rõ ràng, tránh bị suy diễn.

Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền hấp dẫn, nhanh chóng, chính xác; cập nhật, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ kỹ thuật, phương tiện đấu tranh hiện đại, nhất là các tiện ích mới nhằm thu hút công chúng tham gia chia sẻ; chú trọng xây dựng hệ thống thiết chế, phương tiện, kỹ thuật đủ mạnh, đủ khả năng tham gia và cạnh tranh với các tập đoàn truyền thông trên thế giới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Trần Thị Thanh Thủy (2021). Vai trò và các yêu cầu đối với truyền thông chính sách, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/01/05/vai-tro-va-cac-yeu-cau-doi-voi-truyen-thong-chinh-sach/>, cập nhật ngày 05/01/2021.

- [2] Hà Thị Thu Hương (2022). Thông điệp truyền thông chính sách qua một số nghiên cứu trên thế giới, <https://nguoilambao.vn/thong-diep-truyen-thong-chinh-sach-qua-mot-so-nghien-cuu-tren-the-gioi-n54234.html>, cập nhật ngày 18/02/2022
- [3] Trần Thị Thanh Thủy (2021). Vai trò và các yêu cầu đối với truyền thông chính sách, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/01/05/vai-tro-va-cac-yeu-cau-doi-voi-truyen-thong-chinh-sach/>, cập nhật ngày 05/01/2021
- [4] Thủ tướng Chính phủ (2018). Quyết định số 1497/QĐ-TTg, ngày 08/11/2018 phê duyệt Chiến lược phát triển thông tin quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn 2030
- [5] Đỗ Thị Thu Hằng, Trần Quang Diệu (2017). Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Cách mạng công nghệ 4.0: Báo chí cần làm gì để không bị tụt hậu?, truy cập từ <http://www.tapchicongsan.org.vn>
- [6] Nguyễn Văn Thanh (2018). Xây dựng nền văn hóa Việt Nam trước tác động của kỷ nguyên công nghiệp 4.0, truy cập từ <http://tapchikhxh.vass.gov.vn>
- [7] Văn phòng Trung ương Đảng (2016). Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Hà Nội, tr. 126 - 127.
- [8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng
- [9] Bộ Chính trị (2019). Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư

NGÔN NGỮ PHÓNG SỰ CỦA HUỲNH DŨNG NHÂN

TS. Nguyễn Thị Khánh Chi,

Khoa Ngữ văn, Trường Sư phạm - Trường Đại học Vinh

Nguyễn Thị Ngọc Anh,

Học viên K28, Ngôn ngữ Việt Nam

Tóm tắt: So với các nhà báo chuyên viết phóng sự cùng thời, Huỳnh Dũng Nhân nổi bật lên với phong cách viết phóng khoáng, hồn hậu. Cái hồn hậu ấy được tạo nên từ nhiều yếu tố, nhưng đóng một vai trò quan trọng phải kể đến là cách dùng từ ngữ hết sức tự nhiên và điêu luyện. Bằng phương pháp thống kê - phân loại, phân tích - miêu tả, bài viết này chỉ ra những đặc sắc trong ngôn ngữ phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân, chủ yếu trên phương diện dùng từ.

Từ khóa: *Huỳnh Dũng Nhân, phóng sự, phong cách, ngôn ngữ*

1. Đặt vấn đề

Phóng sự là thể loại có sự giao thoa giữa báo chí và văn học. Mặc dù chất báo chí chiếm ưu thế, nhưng không thể phủ nhận sức hấp dẫn của phóng sự một phần lại đến từ chất văn chương của nó. Một bài phóng sự hay phải được tạo nên từ vốn sống phong phú, sự trải nghiệm thực tế và tài năng của người cầm bút. Người viết phóng sự phải tinh nhạy để nắm bắt được đề tài, phải thông minh để xử lý khai thác đề tài đó, phải bản lĩnh dân thân để trau dồi cảm xúc và phải tài năng để truyền tải thông tin đến bạn đọc một cách hấp dẫn. Thế nên bài phóng sự không đơn thuần chứa đựng tin tức mà còn chứa đựng cả tri thức và tâm hồn của người cầm bút.

Huỳnh Dũng Nhân là một minh chứng tiêu biểu cho người làm báo với bề dày hơn 40 năm cầm bút. Người được mệnh danh là “con sói phóng sự” này đã rong ruổi khắp nẻo đường đất nước, đã gặp gỡ chuyện trò với bao phận người, đã không ít lần xông pha vào nơi “hang cùng, hẻm tận” để làm đầy thêm chất liệu

cuộc sống cho ngòi bút của mình. Những trang phóng sự của ông là những trang viết lấm lem bụi đường, thấm vị mồ hôi chứ không phải là những trang viết được sáng tác trên chiếc bàn đánh vécnì của toà soạn. Điều hấp dẫn của phóng sự Huỳnh Dũng Nhân đến từ nhiều yếu tố, trong đó yếu tố ngôn ngữ đóng vai trò vô cùng quan trọng. Từ việc chú ý đến những lớp từ ngữ tiêu biểu như từ địa phương, thuật ngữ, từ nghề nghiệp, tiếng lóng, khẩu ngữ... đến việc sử dụng chúng một cách sáng tạo; từ việc sử dụng thành thạo, linh hoạt các biện pháp tu từ đến việc tạo ra những kết hợp ngôn từ độc đáo, ngộ hâu đem đến cho độc giả những trang phóng sự chất lượng... đã góp phần thể hiện một thái độ làm việc nghiêm túc của “anh phu chữ” Huỳnh Dũng Nhân.

Bài viết này của chúng tôi chính là muốn giới thiệu những đặc sắc của phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân trên bình diện ngôn từ.

2. Những đặc điểm nổi bật trong ngôn ngữ phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân

2.1. Sử dụng hiệu quả, phong phú các lớp từ ngữ

Chức năng chính của phóng sự báo chí là phản ánh những sự việc có thực của đời sống, hơn thế, nó còn có nhiệm vụ dựng lại hiện trường cho người đọc quan sát, phán xét. So với các thể loại thông tấn khác, ngôn ngữ phóng sự thiên về tự sự, miêu tả nên từ ngữ trong phóng sự cũng phải mang những màu sắc riêng. Huỳnh Dũng Nhân đặc biệt quan tâm đến yếu tố này trong việc tạo ra một tác phẩm phóng sự có giá trị. Kết quả thống kê của chúng tôi cho thấy, Huỳnh Dũng Nhân đã sử dụng rất đa dạng các lớp từ ngữ trong phóng sự theo một cách rất riêng nhằm làm bật nổi các sự kiện được phản ánh, đồng thời đem đến cho độc giả những cảm xúc thẩm mỹ nhất định.

2.1.1. Từ nghề nghiệp

Trong phóng sự của mình, Huỳnh Dũng Nhân đã rất khéo léo sử dụng lớp từ nghề nghiệp. Lớp từ này thường xuất hiện ở những bài phóng sự phản ánh những

vấn đề nào đó liên quan đến một ngành nghề nhất định như: nghề thợ mỏ, nghề y, nghề chăn nuôi (nuôi cá sấu, nuôi cá biển, nuôi nghêu, nuôi hổ, nuôi bò...). Trong tác phẩm phóng sự đầu tay “Hai giờ dưới lòng đất”, Huỳnh Dũng Nhân đã ghi lại chuyến đi thực tế xuống mỏ than Mông Dương, mỏ lò giếng sâu nhất nước ta, âm 130m so với mực nước biển. Hàng loạt từ ngữ của nghề thợ mỏ được sử dụng trong thiên phóng sự như: *mỏ lò, ủa than, than cám vụn, xe gòong, lò cái, lò chợ, hầm lò, thợ lò, quang lật* (nơi đổ than), *suốt thiu* (làm xong công việc của mình)...¹⁴ Chính những từ ngữ mang đậm chất nghề nghiệp ấy đã giúp người đọc dễ dàng hình dung những công việc hàng ngày của người thợ mỏ, được sống với không khí lao động khẩn trương, được thấm thía với những nỗi nhọc nhằn, được chia sẻ với những lo lắng đời thường của họ, “*của những người ăn trên than, ngủ trên than, lam lũ suốt ngày mà hai bàn tay họ không có một tài sản gì giá trị*”. Người thợ mỏ phải làm việc trong một điều kiện vô cùng khó khăn, thiếu thốn trăm bề, đối diện với bao nguy hiểm. Bởi lẽ lò ngắn nhất và dễ nhất mỏ Đông Dương cũng phải “*Cả tiếng đồng hồ mới lấy được vài xe gòong than đấy*”, rồi thì “*thợ lò phải bò như con rắn mới trong hang*”. Thế nhưng, những con người nơi đây vẫn hăng say lao động, vẫn yêu nghề và làm nghề đầy trách nhiệm. Trong lấm lem than bụi vẫn lấp lánh những nụ cười hồn hậu, tinh thần lạc quan, tin tưởng vào tương lai phía trước.

Liên quan đến mảng y tế, Huỳnh Dũng Nhân đã cho “trình làng” một số phóng sự tiêu biểu như “Nỗi đau máu trắng”, “Vượt cạn thời dịch vụ”, “Hành trình đến xứ sở Hansen”... Ông một lần nữa thể hiện sự nghiêm túc tìm tòi và trải nghiệm của mình khi sử dụng hàng loạt những từ ngữ chuyên môn. “Nỗi đau máu trắng” là một sự quan tâm đặc biệt của nhà báo Huỳnh Dũng Nhân dành cho những bệnh nhi không may bị mắc căn bệnh quái ác này. Bằng việc sử dụng các từ ngữ y

¹⁴ Từ đây, các dẫn chứng minh hoạ được chúng tôi trích dẫn từ các phóng sự của nhà báo Huỳnh Dũng Nhân in trong hai tập phóng sự “Ăn tết trong rừng chó sói” (Nxb Lao động, 1995) và “Kính thưa Osin” (Nxb Thông tấn, 2012).

khoa như: *bạch cầu, ác tính, cấu tạo máu, phóng xạ, quang tuyến, thể tử, dòng lanhpô, tử đồ, chọc tử...* căn bệnh máu trắng đã hiện hình rõ nét với đầy đủ những nỗi đau đớn giày xé thân xác các bệnh nhi và âm ỉ gặm nhấm tâm can của thân nhân người bệnh. Còn “Vượt cạn thời dịch vụ” lại ra đời trong một hoàn cảnh hết sức đặc biệt: chính là lần nhà báo hộ tống vợ đi đẻ. Ở vào cái tình huống có phần “rối ren” ấy mà Huỳnh Dũng Nhân vẫn kịp quan sát để đưa ra những nhận định vô cùng thú vị của sự “vượt cạn” trong “thời dịch vụ”. Tuy là nam nhi ngoại đạo nhưng ông đã sử dụng nhiều từ ngữ chuyên môn của sản khoa một cách hợp lý: *vượt cạn, vỡ ối, mở máy phân, khâu thẩm mỹ, giục sinh, băng huyết, sản phụ, hộ lý, nữ hộ sinh...* Chẳng hạn: “*Suốt mấy ngày, đầu tôi luẩn quẩn với hằng hà sa số chuyện về **sinh đẻ**, không muốn cũng phải nghe. Nào là **vỡ ối**, thai xuống thấp **máy phân** thì đẻ. Nào là phải **mổ** thì nằm bao lâu, **khâu** như thế nào cho có “thẩm mỹ”. Rồi thì chuyện **thuốc dục sanh**, chuyện dùng **kẹp** kéo **thai nhi**, cả chuyện xấu nhất có thể xảy ra như **băng huyết** chẳng hạn*”. Cách viết hài hước, góc nhìn tinh tế đã giúp tác giả tái hiện lại rất chân thực cái khoảnh khắc thiêng liêng chào đón những sinh linh bé nhỏ trong hoàn cảnh mới, thời đại mới.

Huỳnh Dũng Nhân còn dành sự quan tâm của mình đối với những ngành kinh tế mới được khai thác, như nghề nuôi cá biển, nghề nuôi nghêu ở Tiền Giang, nghề nuôi cá sấu, thậm chí cả nuôi hổ... Mỗi ngành nghề này đều có những lớp từ ngữ nghề nghiệp chuyên biệt mà không phải ai cũng biết. Chẳng hạn như nghề nuôi cá biển, chỉ trong một đoạn văn ngắn mà tác giả đã có thể miêu tả lại cụ thể cái “nghề chơi cũng lắm công phu” này: “*Khi đánh bắt được, việc đầu tiên là bỏ ra 3 - 4 ngày để xử lý **áp suất**, chăm sóc vết thương của cá, giúp chúng mau bình phục, mau làm quen với nhau và chịu khó dùng thử các món ăn mới lạ. Sau đó sẽ cho các chàng các nàng và bọc ni lông, **bơm oxy**, bỏ vào thùng xốp chuyển lên máy bay đưa về thành phố Hồ Chí Minh. [...]. **Hồ cá** thì kính khoảng 5 li, đáy dày 10 ly, các **thiết bị oxy, lọc nước** đều ngoại nhập mới đảm bảo. Cá thì tùy loại,*

trong số cá tôi có thì con cá hoàng đế đắt nhất là 400 USD, kể đến con cá bần đồ 350 USD, rồi đến cá chim vàng, cá mặt quỷ, cá mao tiên, cá bò bông, cá mập da beo, da xám, vây trắng, vây đen...”.

Có thể thấy, mỗi trang phóng sự giá trị phải là một quá trình lao động nghiêm túc, từ sự nghiên cứu chuyên môn chuyên sâu đến trải nghiệm thực tế, từ sự quan sát tinh tế đến những trăn trở với mỗi vấn đề mình viết. Bất kể viết về vấn đề gì Huỳnh Dũng Nhân cũng cố gắng để hiểu về nó. Đó cũng là một trong những phương châm cầm bút của ông .

2.1.2. Tiếng lóng

Một lớp từ ngữ rất thú vị cũng được sử dụng trong các thiên phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân đó là tiếng lóng. Tiếng lóng là một bộ phận từ ngữ do những nhóm, những lớp người trong xã hội tạo ra dùng để gọi tên những sự vật, hiện tượng hành động, vốn đã có tên gọi trong từ vựng chung, nhằm giữ bí mật trong nội bộ nhóm mình, tầng lớp mình. Lâu nay, tiếng lóng vẫn thường được hiểu là ngôn ngữ riêng của những bọn lưu manh trộm cắp, bắt lương, làm ăn bất chính... Cách hiểu này có phần hẹp hòi và không phản ánh đúng thực tế cuộc sống ngôn ngữ. Sự thật là mỗi tầng lớp xã hội đều có thể có những từ ngữ riêng được quy ước dùng cho những mục đích giao tiếp đặc biệt. Trong *Sổ tay từ ngữ tiếng lóng tiếng Việt*, Đoàn Tử Huyền và Lê Thị Yến cho rằng tiếng lóng là một phương ngữ xã hội chỉ được dùng trong giao tiếp không nghi thức, có giá trị trong một phạm vi xã hội hạn hẹp và có tính chất lâm thời. Đây là một lớp ngôn ngữ đặc biệt mang đậm hơi thở của cuộc sống đời thường, vì thế được các tác giả viết phóng sự chú ý khai thác.

Tiếng lóng xuất hiện trong phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân tập trung ở một mảng đề tài nhất định, đề cập đến những vấn đề đang nổi cộm và có phần nhạy cảm trong xã hội bấy giờ như nạn bia ôm, mại dâm, đĩ điếm, cướp bóc...

Viết về tệ nạn bia ôm, Huỳnh Dũng Nhân đã phát hiện ra cái sự đang phát lên của món nghề rất mới này - nghề mà qua trang viết của ông đã cho người đọc thấy được đầy rẫy những mảnh mun, kỹ xảo. Bằng cách sử dụng hàng loạt các từ lóng, biệt ngữ như: *gác tay, gác chân, cọ quẹt, tiền bo, phục vụ liên tục, bia ôm đồng, các cháu bia ôm, tăng hai, tăng ba, phòng Nhật, phòng Osin,...* vắn nắn mà xã hội đang khá đau đầu đã được Huỳnh Dũng Nhân tái hiện hết sức chân thực và sống động. Cái hay của Huỳnh Dũng Nhân là không chỉ tái hiện lại sự việc mà còn tạo cho người đọc cả cái cảm giác như đang được nghe, được tận mắt chứng kiến và rồi nhận ra, ẩn khuất sau cái xô bồ sượng sùng ấy là những số phận đầy cay đắng, như lời tâm sự của một cô gái lỡ bước chân vào con đường ấy: *“Mẹ em biết em đi bán bia ôm để nuôi em ăn học nên đêm nào cũng ra đầu hẻm đón em với một gương mặt buồn nặng trĩu. Em luôn nghĩ đến hình ảnh ấy nên không để mình sa ngã hơn được”*.

Huỳnh Dũng Nhân là một trong rất ít nhà báo “dám” đặt chân đến thành phố cảng Hải Phòng để khám phá những “góc tối” ở thành phố nhiều ánh sáng ấy. Ở đó, *“đã có lúc, các khu 2, 3, khu Thung Lũng xanh từ “**khu hạn chế**” bung ra, cho trai thanh gái lịch vào thoải mái. “**Bãi tắm Tiên**” - một cách gọi thơ mộng của bãi tắm truông - được khôi phục. Mùa hè đông nghịt. Gái mãi dâm “liên tỉnh” xuất hiện. Bọn **đầu gấu** đến. **Băng** này băng kia thanh toán nhau vì tranh giành cát cứ. Hàng chục vụ bắt cóc gái vào khu vắng để “**chiêu đãi**” nhau xảy ra”*. Tác giả đã tái hiện lại nhịp sống phức tạp nơi “Góc tối ở phố Cảng” một cách sinh động, từ việc mua bán theo kiểu “mài dao chém” đến việc lên ngôi của các “đầu gấu”, “đại bàng” theo kiểu cá lớn nuốt cá bé: *“Ngay hôm anh đưa 3 cô gái đến khách sạn ăn náu, bọn “**đại bàng**” khu vực này đã đến **kiếm ăn**, song ngay sau đó chính chúng lại là kẻ phải chịu khuất phục làm “**ong**” cho “**đại bàng**” mới và khi kiếm được “**quả**” nào là lại đem đến cho **đại ca** theo **luật giang hồ**...”*. Khi đọc những trang viết của Huỳnh Dũng Nhân về các tệ nạn trong xã hội, độc giả vừa được thỏa mãn

sự tò mò trước những vấn đề đang nổi cộm mà bản thân nhiều lúc thật khó để có thể trải nghiệm thực tế, vừa có được góc nhìn đa chiều đối với các vấn đề đó. Trong cuộc sống xô bồ ấy, có lẽ những số phận làm người ta phải suy nghĩ nhiều nhất là các “bớ” (gái mãi dâm). Họ dạt về phố cảng vì nhiều nguyên nhân, mỗi người là một số phận, một hoàn cảnh nhưng đã sa chân lỡ bước nên đành nhắm mắt đưa chân. Họ thậm chí còn bị xem như một món hàng rẻ tiền, “*bị bà chủ bán lại cho các “xới” (ổ điểm) với giá một triệu rưỡi đồng một cô*”. Huỳnh Dũng Nhân từng tâm sự, khi viết về số phận những cô gái này, ông tránh việc hỏi quá sâu về hoàn cảnh vì sợ họ đau, họ buồn. Quả thật đọc xong phóng sự về mảng đề tài xã hội này, độc giả như bị ám ảnh bởi những ánh mắt trĩu buồn của nhân vật và ánh mắt ngậm ngùi của tác giả.

Phóng sự “Tháng mười ở xứ Lạng” của Huỳnh Dũng Nhân tập trung phản ánh về vấn nạn cướp bóc và buôn lậu đang hoành hành tại một địa phương thuộc vùng biên giới. Hàng loạt từ ngữ trong giới buôn lậu đã được tác giả tái hiện trong trang viết của mình: *qua núi* (qua biên giới), *ăn* (lời), *quân khu* (quân phục), *rắn* (làm nghiêm), *mềm* (lỏng), *làm luật*... Để có những từ ngữ mang đậm hơi thở đời thường đó, Huỳnh Dũng Nhân đã trải qua chuỗi ngày lăn lộn trên những chuyến xe hàng qua biên giới, lân la ở các quán cóc ven đường để hỏi han, làm quen và lắng nghe chính những người trong cuộc. Đó là những trang phóng sự thấm đẫm mồ hôi của người viết.

Trong phóng sự “Hà Nội mùa thu”, Huỳnh Dũng Nhân khiến người đọc phải giật mình khi nhận ra cái nếp sinh hoạt ở Hà Nội dường như đang xuống cấp, thể hiện rõ ở phong cách ngôn ngữ trong giao tiếp. Tác giả đã liệt kê một loạt những tiếng lóng đang xâm nhập vào đời sống của vùng đất ngàn năm văn hiến, vốn là niềm tự hào “*Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An*” của bao thế hệ người dân nơi đây: “*Tốc độ phát triển của tiếng lóng và tiếng tục nhanh hơn gấp nhiều lần những biện pháp rằng đe phòng ngừa. Buôn bán lỗ thì gọi là “lỗm”; đồng ý thì*

bảo” hát vang đi”; từ chối thì bảo “quên đi”; đồ lính thì gọi là “đồ quân khu”; muốn bảo người khác đừng lo thì bảo “vô tư”; gọi mọi đồ vật bằng con, thí dụ “con xe cub”, “con đồng hồ”; dốt kém thì nói ví von là “nhà xa trường học”; bia hơi quốc dân thì gọi là “bia bom” (do thùng đựng bia giống trái bom)”.

Sử dụng tiếng lóng trong phóng sự viết về mảng xã hội là một lựa chọn đúng đắn bởi thứ ngôn ngữ đời thường này làm cho những trang viết trở nên thật hơn, đời hơn, đồng thời cũng phản ánh được những vấn đề nổi cộm đang xảy ra ở xã hội đương thời. Tuy nhiên vì đây là lớp từ đặc biệt, khi sử dụng tác giả cũng phải thật khéo léo. Sử dụng vừa đủ thì sẽ phát huy tác dụng, nhưng nếu lạm dụng sẽ dễ gây khó hiểu, thậm chí trở nên dung tục.

2.1.3. Từ địa phương

Huỳnh Dũng Nhân đến với phóng sự như mỗi duyên tiền định để thực hiện nhiều nhất có thể cái khát vọng “đi – yêu và viết”. Hành trình thực hiện khát vọng cũng là hành trình không ngừng tìm kiếm cái mới trên mỗi chặng đường. Từ khi bước chân vào làng báo và gắn với nghiệp cầm bút, Huỳnh Dũng Nhân bắt đầu rong ruổi đến mọi miền trên đất nước, dấu ấn của những chuyến đi ấy đã in đậm trong những trang viết của ông, thể hiện rõ qua hệ thống từ địa phương và cách sử dụng khẩu ngữ. Từ địa phương được coi là một trong những phương tiện có màu sắc tu từ của tiếng Việt. Mặc dù không phải là lớp từ ngữ của văn học, báo chí, nhưng khi cần tạo ra màu sắc địa phương, từ địa phương chính là một lựa chọn đầy ưu thế.

Theo chân “chàng lãng tử” Huỳnh Dũng Nhân, độc giả có dịp ngược lên vùng miền núi phía bắc để gặp gỡ những *lụ mang tang* (con ngoài giá thú), qua đó, những mảnh đời của các nữ thanh niên xung phong dần được tái hiện khiến người đọc không khỏi xót xa. Họ là những người con gái đã dành cả thanh xuân của mình để cống hiến cho đất nước để bây giờ phải chịu dang dở cả một đời. Hàng loạt các từ ngữ của dân tộc Thái: *côn nhính* (phụ nữ); *lụ trai* (đứa con trai); *lụ nhính, chòng*

phù (đưa con gái); *ngong* (em); *pi, ai* (anh); *hặc ngong* (yêu)... được đưa vào trang phóng sự một cách tự nhiên như một cách để bày tỏ sự đồng cảm của nhà báo Huỳnh Dũng Nhân đối với những phận người bé nhỏ, kém may mắn ấy.

Trong phóng sự “Ăn tết trong rừng chó sói”, tác giả đưa người đọc đến với vùng đất Lâm Đồng, đến với xã Lát, nằm cách Đà Lạt gần 20 ki lô mét dưới chân núi Langbiang. Đồng bào dân tộc ở đây đang đón Noel vì phần lớn xã đều theo đạo Thiên Chúa. Sự quyến rũ của con người và vùng đất nơi đây được tái hiện rõ nét nhờ tác giả đã khéo léo sử dụng các từ địa phương, từ việc quây quần bên các *ché rượu cần* đến việc nhảy lên đồng rơm đánh *đồng la*, từ cái dáng ngậm *thuốc lá sâu kền* của cụ già đến cái e thẹn của các cô gái đang rúc vào vai nhau mà kêu lên *ơ bai, ơ bai* (không dám, không chịu đâu).

Với phóng sự “Một chuyến hành hương nam”, Huỳnh Dũng Nhân đã tái hiện rất sinh động con người và vùng đất miền cực Nam của tổ quốc qua lớp từ địa phương đậm chất nam bộ. Đó là những từ ngữ gắn với vùng miệt vườn sông nước như: *kênh rạch, cù lao, cầu khỉ, thuyền ghe, nói phét, bo bo, lọt sinh, xẻo,...*; là cách nói chuyện mang đậm giọng điệu của dân Nam Bộ: “*Ở đây người ta vẫn nướng **mọi** như **zậy!***” hay “*Con cá **gô** bỏ vào **gổ**. Nó nhảy **gồ gồ***”. Cách dùng từ cũng rất đặc biệt “*bà bếp không **tâm** tiếc gì*”, “*ăn nhậu thả giàn*”, “*làm vài món đưa cay*”, “*nói cười sang sảng*”,... Cách xưng hô cũng rất dung dị “*Rượu đây, ai uống tại chỗ bao nhiêu cũng được, **mấy chú!***”. Cái tính hào sảng, phóng khoáng thênh thang tự nhiên của người miền Tây nó ăn vào máu và cứ thế được bộc lộ tự nhiên qua lời nói, qua cử chỉ, qua cả thói quen *nhậu thả ga* - một nét sinh hoạt rất đặc trưng của người dân bản địa.

Trong hai “Kí sự xuyên Việt”, độc giả có dịp rong ruổi cùng Huỳnh Dũng Nhân qua bao miền đất nước. Ở những nơi mà ông đi qua, ông đều ghi nhận lại những điều mình được thấy, được nghe, được trải nghiệm với chính cảm xúc chân thật nhất của mình. Không cần nhiều, chỉ điểm qua một vài từ địa phương, một vài

phong tục, thói quen, vài món đặc sản cũng đủ để người đọc hình dung ông đang viết về mảnh đất nào. Đó cũng là cái hay, cái tài của ông. Người đọc chỉ cần nhìn vào lớp từ địa phương cũng đủ hiểu cái thú “xê dịch” của nhà báo này. Đối với chàng lãng tử Huỳnh Dũng Nhân, mỗi trang phóng sự là kết tinh của hành trình “đi và viết”- đi để trải nghiệm, để được nhìn, được nghe, được hiểu hơn về những vùng đất, những con người, những sự việc đang xảy ra trong cuộc sống và viết là lúc ông nhờ ngôn từ chuyển tải giùm những điều đã thấm, đã ngấm từ những chuyến đi ấy. Có lẽ vì thế từng trang phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân đều mang đậm dấu ấn những nơi ông đi qua.

2.1.4. Từ khẩu ngữ

Về khái niệm, có thể hiểu từ khẩu ngữ là những từ ngữ được sử dụng trong giao tiếp đời thường, mang tính tự nhiên, mộc mạc, giản dị thậm chí suồng sã. Việc sử dụng lớp từ khẩu ngữ là một lựa chọn đầy cân nhắc của người làm báo. Báo chí nói chung và phóng sự nói riêng là kênh thông tin xã hội, nó đòi hỏi ngôn ngữ phải đảm bảo tính chuẩn mực. Nhưng độc giả tìm đến phóng sự không chỉ để biết mà còn để cảm nhận, để chia sẻ, để chiêm nghiệm về một vấn đề nào đó. Bài phóng sự thành công phải chạm đến được cảm xúc của người đọc. Vì thế, bên cạnh những chuẩn mực về ngôn ngữ, trong những hoàn cảnh cho phép, người viết báo vẫn có thể sử dụng ngôn ngữ đời thường, lời ăn tiếng nói hàng ngày, những từ ngữ “chệch chuẩn” một cách phù hợp và sáng tạo. Lớp từ khẩu ngữ ấy nếu được khai thác hợp lý sẽ giúp trang phóng sự nói riêng báo chí nói chung gần gũi với cuộc sống hơn, chuyển tải được nhiều cảm xúc hơn, kéo gần hơn trang viết với cuộc đời.

Từ khẩu ngữ trong phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân được sử dụng rất đa dạng với một tần suất khá dày đặc. Theo khảo sát của chúng tôi, 100% tác phẩm phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân đều có từ khẩu ngữ. Đó có thể là các từ ngữ dùng trong sinh hoạt hàng ngày, cũng có thể là các thành ngữ, tục ngữ trong kho tàng văn học dân gian quen thuộc.

Trong phóng sự “Con đường bia bọt”, để miêu tả quang cảnh con đường “30 nhà mà có đến 32 quán nhậu”, quá trình biến đổi của con đường thơ mộng trở thành con đường nồng nặc mùi bia, Huỳnh Dũng Nhân đã viết: “*Thật ra, con đường của tôi cũng đôi lần được quan tâm giải tỏa lòng lè đường. Rồi **đâu lại vào đấy**. Sau quy mô hơn trước. Chứng tỏ “phong trào tạm lắng phong trào lại lên” và “**bất khả chiến bại**”. Không biết ông Thi Sách hồi xưa có **nhậu nhẹt** gì không mà con đường mang tên ông lại **đổ đốn** đến thế. Tôi vừa xem tuồng “Tiếng trống Mê Linh”, thấy một ông Thi Sách khẳng khái, lẫm liệt lắm, không giống một **bộm nhậu** chút nào (thế nên Bà Trưng Trắc **mới** chọn làm chồng **chứ**)”. Để rồi ngỡ ngàng khẳng định “**Bia bọt** đã khai tử cả ánh trắng lẫn lá me của tôi rồi. Bây giờ đi qua cứ phải nghe những tiếng “**Dzô, dzô đi anh 2**” (trừ những lúc tôi treo mớ rau muống trên tay lái xe để chứng minh mình là kẻ trung thành với bữa cơm nhà). Nhờ sự xuất hiện của hàng loạt các từ ngữ rất đậm chất dân “bụng bia” mà bộ mặt của con đường bia bọt dần được hiện rõ, vừa sinh động cụ thể, vừa hóm hỉnh hài hước, hóm hỉnh nhưng không phải không có trần trở suy tư.*

Có dịp dừng chân ở xứ Lạng vào những ngày tháng mười, tác giả được chứng kiến sự bán buôn nơi vùng biên giới - một vấn đề nóng hổi đang rất được quan tâm lúc bấy giờ. Nếu rơi vào tay của một anh phóng viên phóng sự điều tra chắc độc giả sẽ có cơ hội được xem một bài phóng sự ly kỳ, kịch tính, nhưng qua ngòi bút của Huỳnh Dũng Nhân câu chuyện lại được trình bày một cách rất riêng:

“*Tôi ngồi **im thin thít**. Khi biết tôi đi Lạng Sơn, nhiều người đã dặn trước về nạn trộm lặt đang hoành hành. Tôi đâu có ngờ mức độ lại nghiêm trọng đến vậy. Một bà cụ đẹp lão ở gần đó đến ngồi quán vui miệng góp chuyện:*

*- Đúng đấy! Chú là người lạ cứ phải **lặng như thóc**. Không biết thì đừng có hỏi chỗ đông người, ra là chết.*

Rồi bà kể:

- Tối hôm trước tôi đi từ đầu cầu về đây bị trấn đúng bốn lần. Lần đầu tôi đưa ra mấy nghìn, chúng chê ít, đòi thêm. Những lần sau chúng còn khăm túi, thấy không có tiền thật, chúng còn chửi: “Bà già **“quái thai”**, tiền cất đâu hết rồi?”

Một ông cụ đã trên 70 - theo lời kể của bà - cũng bị bọn chúng lấy mất cái mũ cối Trung Quốc, **mất toi** mấy chục ngàn đồng. Nhưng sau đó ông phát hiện ra thằng nhỏ **trấn lột** là con một ông bạn, thế là nó phải đền ông một cái mũ khác”.

Những trang viết nhẹ nhàng hài hước nhưng cũng rất chân thật cụ thể.

Khi viết về nghề “bia ôm”, “mại dâm” - các đề tài vốn nhạy cảm, để viết cho đúng sự thật mà không bị thô vụng quả không phải là việc dễ dàng. Huỳnh Dũng Nhân đã lựa chọn một loạt các từ ngữ: *gác tay, gác chân có tre, có trúc, cọ quẹt, hôn hít đầm thắm, lý lịch rất hoàn cảnh, khách ruột, phục vụ tầng 2, tầng 3, uống ve kê...* để miêu tả cái nghề “không bỏ vốn” ấy. Huỳnh Dũng Nhân có kể một câu chuyện liên quan đến những bài phóng sự viết về đề tài này, đó là khi nhà báo Trần Trọng Thức biên tập lại bài, lúc đầu đã muốn cắt bỏ đi một vài từ và câu như “gái mại dâm lấy lỗ làm lãi”, câu ấy có phần thô tục quá. Suy nghĩ đi rồi lại nghĩ lại, đúng là ‘thô’ nhưng nó ‘thật’, chính cái sự thô ráp của đời thường ấy mới phản ánh đúng bản chất của vấn đề. Vậy nên cuối cùng ông không cắt bỏ. Thế mới thấy phóng sự cần được diễn đạt bằng ngôn ngữ có chất văn học, đời thường nhưng không kém phần nhân văn.

Từ khẩu ngữ khiến ngôn ngữ phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân khi thì hài hước: “*Nhậu ở miền tây cũng **“tốc chiến tốc thắng”** chứ không chỉ **lai rai**. Nhà báo đến thì chủ nhà quý lắm, gọi vợ làm ngay một con vịt bầu, lại giục làm trước bộ lòng xào mướp để kịp **“đưa cay”**- đưa qua đưa lại hết bộ lòng thì nhà báo **lăn đùng ra sỉn**. Thế là nguyên con vịt bầu vợ con chủ nhà **quất** hết. Vẫn được tiếng là quý khách như thường”,* khi lại hết mực tẻ nhị, thâm thúy: “*Nhiều người có tiền của chẳng biết làm gì để **“giàu cho lệ”** bèn **hùn hạp** mở quán bia ôm. Đã xuất hiện những tổ hợp bia ôm “liên hoàn”, “trương trợ” nhau khi cần thiết. Bia ôm ít*

khi bị đóng cửa, ít bị đưa ra tòa bởi vì nó là một cái nghề có cửa trước và cửa sau, với những ông chủ “rất biết điều” và “rất chịu chơi”. Từ khẩu ngữ góp phần miêu tả cảm xúc một cách tài tình: *“Một bở hơi tai, sụm hi đầu gối thật đấy, nhưng con mắt thì “đã” không chịu được”*. Chỉ một từ “đã” thôi mà ta cảm nhận được hết cái cảm giác sung sướng, sảng khoái, đầy tận hưởng của những con người vừa chinh phục được đỉnh cao.

Qua lớp từ khẩu ngữ, người đọc vừa tiếp nhận được nội dung mà tác giả đang đề cập, vừa cảm nhận rõ thái độ của người viết, rồi từ đó tự mình ngẫm ngợi để rồi bật ra những chiều liên tưởng thú vị. Nhiều lúc bật cười sảng khoái nhưng cũng lắm khi rung rung xúc động, phải dừng lại để suy tư, chiêm nghiệm. Cứ như vậy, đọc những trang phóng sự của Huỳnh Dũng Nhân, người đọc như đang đắm chìm trong một cuộc trò chuyện rất thú vị với tác giả.

2.2. Tạo ra những kết hợp từ ngữ mới lạ

Một trong những dấu ấn tạo nên phong cách riêng của ngôn ngữ phóng sự Huỳnh Dũng Nhân chính là sự kết hợp từ ngữ vừa quen vừa lạ, vừa gần gũi tự nhiên nhưng cũng không kém phần sáng tạo.

Cái ấn tượng đầu tiên đến ngay từ cách đặt tên tiêu đề của tác phẩm, *“Tít hấp dẫn làm cho ngay cả độc giả lười nhất cũng cảm thấy không cưỡng lại nổi [...] Số phận của bài báo phụ thuộc rất nhiều vào tít”* [Loïc Hervouet, dẫn theo 2, tr. 151]. Đối với phóng sự, tiêu đề (tít) có những đặc trưng riêng. Bên cạnh những yêu cầu cần có của một tiêu đề báo chí thông thường thì tiêu đề trong phóng sự cần biểu cảm hơn, văn học hơn và gây ấn tượng hơn. Phóng sự tuy là một thể tài báo chí nhưng mang tính văn học cao. Trong chừng mực nào đó, mỗi bài phóng sự phải được coi là một tác phẩm, và tiêu đề là một bộ phận chính thể đó. Vì vậy đặt tiêu đề của phóng sự không hề là một việc đơn giản. Tiêu đề của phóng sự Huỳnh Dũng Nhân không gây ấn tượng bởi những ngôn từ bay bướm, đưa đẩy hoặc mơ hồ xa lạ. Ông cũng hiếm khi cài cắm những từ ngữ mang tính hô hào cổ động mà

ngược lại các vấn đề trọng tâm thường được thể hiện trực tiếp. Chính yếu tố này đã góp phần khách quan hóa tối đa điểm nhìn trần thuật, độc giả có thể nhận thấy rất rõ nội dung của bài viết (như sự kiện, địa điểm, nhân vật) ở ngay trong tiêu đề, chẳng hạn như: “Voi ơi ta bảo voi này”, “Cao Bằng mùa hạt dẻ”, “Góc tối ở thành phố Cảng”, “Một em bé không được vào lớp một”,... Ngay cả việc sử dụng các biện pháp tu từ ẩn dụ, hoán dụ cũng được sử dụng hết sức gần gũi dễ hiểu như: “Vượt cạn thời dịch vụ”, “Vết xe lăn trên cát Long Hải”, “Hành trình đến xứ sở Hansen”,... Tuy giản dị là thế nhưng các tiêu đề ấy lại tạo ấn tượng ở sự kết hợp từ sức độc đáo.

“Tôi đi bán tôi”: động từ “bán” đã khái quát được cái nổi cơ cực của những con người phải đứng ở một nơi gọi là “chợ người” để bán chính sức lao động của mình trong cuộc sống mưu sinh đầy vất vả.

“Kính thưa ôsin”: “kính thưa” là động từ thường được dùng cho vai vế bề trên nhưng lại kết hợp với từ “ô sin”- một nghề mà theo suy nghĩ quan niệm vốn có là người làm thuê, người đi ở. Chính sự kết hợp đó tạo nên sự tò mò thích thú cho người đọc.

“Vượt cạn thời dịch vụ”: “vượt cạn”- cái hành trình đau đớn mà thiêng liêng của những người phụ nữ liệu khác nhau như thế nào giữa những thời đại khác nhau?

“Voi ơi ta bảo voi này”: Lấy nhại của câu nói dân gian “Trâu ơi ta bảo trâu này” vừa gợi nét gần gũi vừa hóm hỉnh.

Thế giới có “con đường tơ lụa” thì Huỳnh Dũng Nhân có “Con đường bia bọt”.

Nếu đọc kỹ ta thấy cách đặt tiêu đề của Huỳnh Dũng Nhân không cầu kỳ như cách đặt tiêu đề của tác giả Xuân Ba. Xuân Ba chú tâm khá kỹ đến những nốt nhấn - sự tạo tác chữ nghĩa trên nhan đề như kiểu “Một chiều chốn phật ghé thăm”, “Đăm đăm một một lộ trình”, “Mười lăm năm lơ lửng một án treo”. Ngược lại,

tiêu đề phóng sự của Huỳnh Dững Nhân lại giản dị tựa như phong cách đời thường của chính ông vậy.

Điểm đặc biệt tiếp theo là cách dùng từ “chệch chuẩn”. Huỳnh Dững Nhân đã từng khẳng định: *“Mặc dù đi ra khỏi cái chuẩn của ngôn ngữ nhưng chệch chuẩn không phải là cái sai, ngược lại nó là một sự sáng tạo nghệ thuật được công chúng chấp nhận và đón nhận một cách thú vị. Chệch chuẩn là một thủ pháp sáng tạo cách tân phù hợp với chuẩn, cái đúng, cái thích hợp và được thói quen dùng chấp nhận”*[3, tr.134]. Thế nên những cái “chệch chuẩn” sẽ không làm cho người đọc khó chịu mà ngược lại nó khiến diễn đạt của tác giả trở nên thú vị. Nhiều cái “chệch chuẩn” trong diễn đạt của Huỳnh Dững Nhân không phải được tạo lập bởi lối sáng tạo công phu hoàn toàn mới, mà tác giả đặt khéo léo dựa vào những cái đã có, đã quen. Chẳng hạn biến đổi cấu trúc của các thành ngữ, tục ngữ, khẩu ngữ như: *học với hành, chồng với chả con, đàn ông đàn iếc, con gái con đũa, cô nuôi dạy hổ...*

Một biệt tài nữa của Huỳnh Dững Nhân là sáng tạo ra những cách định danh mới cho những thứ đã cũ. Những từ ngữ ấy đã ra đời trong những hoàn cảnh khác nhau tưởng chừng rất ngẫu hứng nhưng vô cùng hợp lý. Ông tự gọi mình là “đồng chí Nhân”, gọi cái xe máy chở ông đi xuyên việt là “con lạc đà”, gọi con dê bạn nuôi là “con dê máy ảnh” (con dê được mua bằng tiền tiết kiệm mua máy ảnh), gọi máy ảnh của anh bạn là “máy voi đá” (gợi nhắc lại sự việc đi chụp ảnh thì bị voi đá bay máy ảnh). Những chú gà bị vặt sạch lông nằm tơ hơ bày bán trên quầy là “gà khỏa thân”, gọi nha sĩ là “nghề bẻ răng các bệnh nhân”, hùng dũng vượt qua hai cái đèo “đàn em” của đèo Hải Vân, gọi ngày chủ nhật đi từ Đà Nẵng đến Kon Tum trên đoạn đường “thời đại đường đá” là “ngày chủ nhật bùn”. Những bộ đồ tắm khêu gợi thì gọi là “chiến đấu”, những gã đàn ông có vợ rồi mà vẫn “tạm ứng” bên ngoài. Chiết tự từ địa danh một cách thú vị “Cù Mông: một nửa mông của Phú Yên, một nửa mông của Bình Định, nên có cù thì phải cù hai mông”, nghị định

36CP là “con bão số 9” vì $3 + 6 = 9$. Có lúc cao hứng gọi trời là “Mitxto”, rồi khi ở Quảng Ninh là “chàng”, “tên đầu gấu”; gọi voi ở Xuyên Mộc là “chàng voi đực Ytruk”...

Bằng việc sử dụng ngôn từ độc đáo như thế, Huỳnh Dũng Nhân đã định hình được cá tính trên mỗi trang viết, vừa tài hoa vừa gần gũi mộc mạc chân tình.

3. Kết luận

Với sự lao động miệt mài và trách nhiệm trong khai thác đề tài, quan sát để tìm ra những góc nhìn sâu sắc, cân trọng từng câu chữ, Huỳnh Dũng Nhân đã cho ra đời những trang viết mang hơi thở thể sự nhưng cũng thấm đẫm tình người. Qua những trang viết ấy, ông vừa thể hiện được cái bản lĩnh của một nhà báo tài năng, vừa mang dấu ấn nghệ sĩ của một tay lãnh tử. Sự kết hợp hòa quyện giữa ngôn ngữ đời thường với ngôn ngữ văn chương đã mang đến cho phóng sự Huỳnh Dũng Nhân một giọng điệu đặc biệt: Dân dã, lém lỉnh mà trữ tình, sâu lắng; đôn hậu, chân tình mà sắc sảo, tinh tế; hóm hỉnh, đáng yêu mà lắm lúc cũng thật khắc khoải, xót thương.

Tài liệu tham khảo

1. Đức Dũng (2004), *Phóng sự báo chí hiện đại*, Nxb thông tấn Hà Nội, H.
2. Vũ Quang Hào (2004), *Ngôn ngữ báo chí*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
3. Huỳnh Dũng Nhân (2012), *Để viết phóng sự thành công*, Nxb Thông tấn, H.
4. Dương Xuân Sơn (2004), *Các thể báo chí chính luận nghệ thuật*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.

TRUYỀN THÔNG NÂNG CAO NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC NHỮNG THỦ ĐOẠN LỪA ĐẢO TRỰC TUYẾN HIỆN NAY

Nguyễn Văn Hiệp, Nguyễn Thanh Ánh,

Vương Lê Quỳnh Anh, Nguyễn Trung Tá

Nhóm NCKH cựu sinh viên khóa 61 Báo chí, Khoa Chính trị và Báo chí

Trường Khoa học xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Các cơ quan chức năng và truyền thông xã hội đã có nhiều nỗ lực trong việc quảng bá thông tin về các hình thức lừa đảo trực tuyến nhằm nâng cao nhận thức cho người dân nói chung và người trẻ nói riêng, tuy nhiên, các hành vi lừa đảo vẫn liên tục biến hóa và gia tăng dưới nhiều hình thức. Bài viết này tập trung hệ thống hóa các vấn đề lý luận và thực tiễn về lừa đảo trực tuyến, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp trong nâng cao nhận thức của sinh viên trước những thủ đoạn lừa đảo trực tuyến hiện nay.

Từ khóa: Truyền thông, lừa đảo trực tuyến, sinh viên

Đặt vấn đề

Lừa đảo trực tuyến là một hình thức hoạt động gian lận và lừa đảo được thực hiện thông qua mạng Internet và các nền tảng trực tuyến, bao gồm các hoạt động như gửi email lừa đảo, trang web giả mạo, tin nhắn gian lận, trò chơi lừa đảo trực tuyến và các hình thức khác nhằm lừa đảo người dùng để lấy thông tin cá nhân, tiền bạc hoặc gây hại cho họ. Theo Cục An toàn thông tin (Bộ TT&TT), trong 6 tháng đầu năm 2023, tình hình lừa đảo trực tuyến tại Việt Nam tăng 64,78% so với cùng kỳ năm trước; tăng 37,82% so với 6 tháng cuối năm 2022. Với nhiều thủ đoạn tinh vi như cài cắm link ứng dụng cờ bạc, cộng tác viên bán hàng online, chứng khoán, tiền ảo..., tội phạm sử dụng công nghệ cao dễ dàng lừa gạt lòng tin từ các nạn nhân. Theo đó, sinh viên là một trong những nhóm đối tượng tội phạm sử dụng công nghệ cao hướng đến vì đa số sinh viên có sự thay đổi về môi trường sống, học tập, cộng thêm sự thiếu thông tin về các hình thức lừa đảo, cho nên dễ trở thành nạn nhân cho các đối tượng này.

Nội dung

1. Một số vấn đề về lừa đảo trực tuyến ở nước ta

Cùng với sự phát triển của internet, số lượng người dùng trực tuyến tại Việt Nam gia tăng nhanh chóng, cho phép người dùng chia sẻ, trao đổi thông tin, kết nối toàn cầu. Điều này kéo theo việc tội phạm trên không gian mạng gia tăng lừa đảo trực tuyến với các phương thức thủ đoạn, đa dạng, tinh vi, gây hậu quả khó lường. Trong quá trình chuyển đổi số phát triển công nghệ thông tin luôn song hành cùng an toàn, an ninh mạng. Việc nâng cao nhận thức về sử dụng internet an toàn sẽ là cách tốt nhất để hạn chế rủi ro tấn công lừa đảo trực tuyến.

Trong hơn 20 năm qua, internet Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ với tỷ lệ sử dụng đạt 70,3%, trở thành nhu cầu thiết yếu của người dân, là nền tảng để phát triển kinh tế số, xã hội số. Tuy nhiên, song hành với sự phát triển này là tình trạng gia tăng tấn công lừa đảo trực tuyến trên không gian mạng với nhiều hình thức tinh vi, gây hậu quả khó lường.

Báo cáo gửi các đại biểu Quốc hội tại Phiên họp thứ 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 10/8/2022 của Bộ Công an, lực lượng an ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao toàn quốc đã phát hiện, khởi tố 474 vụ án, 1.071 bị can liên quan các loại tội phạm sử dụng công nghệ cao xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Nổi lên là tội phạm đánh bạc, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tấn công ngân hàng, sử dụng các thiết bị giả trạm thu phát sóng để đánh cắp thông tin.

Theo thống kê của Liên minh chống lừa đảo toàn cầu (GASA) trong năm 2022 đã có hơn 300 triệu người dùng phản ánh bị lừa đảo trực tuyến (qua điện thoại, mạng xã hội, ...). Ghi nhận của Cục An toàn thông tin, Bộ Thông tin và Truyền thông trong 6 tháng đầu năm 2023, tình hình lừa đảo trực tuyến tại Việt Nam tăng 64,78% so với cùng kỳ năm ngoái; tăng 37,82% so với 6 tháng cuối năm 2022. Số liệu trên cho tình trạng báo động về vấn nạn lừa đảo trực tuyến đang ngày càng trở nên nghiêm trọng. Với bối cảnh phát triển của khoa học công nghệ hiện nay cùng với sự tương tác của người dùng với các ứng dụng công nghệ ngày càng cao đã trở thành mục tiêu cho các đối tượng lừa đảo tận dụng và khai thác triệt để, các vụ việc lừa đảo sẽ xảy ra ngày càng nhiều do tính dễ dàng tương tác với người dùng của đối tượng lừa đảo.

Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đang dần trở nên phổ biến với những phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt. Hiện nay, có những chiêu trò lừa đảo tuy không mới nhưng nhiều người vì tâm lý hoang mang, lo lắng, nhẹ dạ cả tin vẫn trở thành nạn nhân của các hành vi lừa đảo với thiệt hại lên đến hàng triệu, hàng tỷ đồng. Có thể kể đến một số thủ đoạn lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng nổi bật như:

- *Hack tài khoản mạng xã hội*

Hack tài khoản mạng xã hội với mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản hiện nay đang là vấn đề nhức nhối và phổ biến, thủ đoạn lừa đảo ngày càng tinh vi, dễ dàng đánh lừa người dùng. Các thủ đoạn chiếm quyền sở hữu (hack) tài khoản mạng xã hội mà các đối tượng thường sử dụng có thể kể đến như: gửi một đường link qua ứng dụng như Messenger khi người dùng đăng nhập, thông tin về tài khoản và mật khẩu sẽ được gửi về cho đối tượng; thủ đoạn lừa khôi phục hoặc lấy lại tài khoản mạng xã hội đã bị khóa hoặc bị hack; thủ đoạn dò đoán mật khẩu. Sau khi đã chiếm được quyền sở hữu tài khoản, đối tượng sẽ thay đổi các thông tin đăng nhập như mật khẩu, email, số điện thoại. Sau đó, đối tượng sử dụng tài khoản này để thực hiện hành vi lừa đảo bằng cách nhắn tin cho những tài khoản trong danh sách bạn bè để hỏi vay tiền, nhờ chuyển tiền.

- *Lừa đảo trúng thưởng*

Theo số liệu từ Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng (CT&BVNTD), tính đến tháng 6 năm 2021, Tổng đài Tư vấn, hỗ trợ người tiêu dùng 1800.6838 của Cục CT&BVNTD đã nhận được hàng trăm cuộc gọi tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ những vụ việc liên quan đến các chương trình trúng thưởng của các doanh nghiệp, các kênh quảng cáo trên truyền hình hoặc nhận được những tin nhắn trúng thưởng qua Messenger của Facebook... Dựa trên tình hình phức tạp và mức độ phản ánh của người dân có thể hình dung hành vi lừa đảo trúng thưởng qua các chiêu thức phổ biến như: mời chào mua hàng để nhận mã trúng thưởng; gọi điện thông báo trúng thưởng.

Diễn hình là trong thời gian gần đây, ngày 23/2/2023, Ban chuyên án Công an huyện TC (Nghệ An) đã phát hiện nhóm đối tượng nghi vấn hoạt động phạm tội

lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua mạng của các bị hại. Với phương thức, thủ đoạn lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin của các bị hại, nhóm đối tượng này đã gọi điện cho nạn nhân để thông báo trúng thưởng tài sản và tiền mặt có giá trị lớn. Nếu các bị hại muốn “nhận thưởng” thì phải đóng tiền cọc. Bằng thủ đoạn trên, trong năm 2022, nhóm đối tượng này đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều nạn nhân với tổng số tiền hơn 1 tỷ đồng.

- *Lừa đảo trên sàn thương mại điện tử*

Hiện nay khung pháp lý cho hoạt động thương mại điện tử ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu của xã hội, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử Việt Nam đang trên đà tăng trưởng mạnh mẽ, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong hệ thống thương mại nội địa. Tuy nhiên, mỗi ngày có không ít khách hàng bị kẻ gian lợi dụng để lừa đảo, chiếm đoạt tài sản một cách công khai. Trước tình trạng đó, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (Bộ Công thương) phối hợp với PA05 (Công an Thành phố Hà Nội) đã cảnh báo một số thủ đoạn chiếm đoạt tài sản qua sàn thương mại điện tử như sau[4]: Thứ nhất, đối tượng lập tài khoản Người bán với thông tin giả trên sàn thương mại điện tử để giả mạo các cửa hàng, công ty kinh doanh trên thực tế nhằm tạo lòng tin cho khách hàng. Sau đó đối tượng sử dụng các thủ đoạn để lừa người bị hại chuyển khoản thanh toán rồi chặn liên lạc. Thứ hai, các đối tượng cài đặt đơn hàng ở trạng thái hủy đơn hàng nhưng vẫn tạo đơn vận chuyển của các công ty vận chuyển logistic đến địa chỉ người mua. Thứ ba, các đối tượng tự nhận là nhân viên của các sàn thương mại điện tử hỗ trợ về việc đổi trả đơn hàng mà bạn đã đặt trên các sàn thương mại điện tử trước đó.

- *Vay tiền online*

Lợi dụng sự phát triển của công nghệ trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, nhiều đối tượng đã tạo ra các app online, lợi dụng nhu cầu cần vay vốn gấp của người dân để thực hiện hành vi chiếm đoạt. Đặc điểm chung của hình thức này là thủ tục nhanh chóng, dễ dàng, hồ sơ đơn giản, thậm chí không cần bất cứ một giấy tờ thế chấp nào. Hiện nay một số hình thức lừa đảo vay tiền online phổ biến như:

Thứ nhất, lừa đảo khi vay tiền qua app bằng cách thu phí trước vay. Đây là hình thức lừa đảo núp bóng dưới app cho vay tiền online với những thủ tục nhanh chóng, dễ dàng cùng với lãi suất thấp. Sau khi khách hàng khai báo đầy đủ thông tin, app sẽ thông báo khoản vay của khách hàng đã được duyệt và chờ giải ngân. Lợi dụng tâm lý cần vay tiền gấp của khách hàng, các đối tượng thường yêu cầu khách hàng nộp trước 1 khoản phí gọi là phí duyệt vay hoặc phí giải ngân. Tuy nhiên sau khi khách hàng đã nộp phí, khoản vay của họ không được giải ngân và họ cũng không liên hệ được với bên cho vay.

Thứ hai, lừa đảo bằng cách không giải ngân nhưng vẫn đòi nợ. Đây là thủ đoạn khi khách hàng đăng ký vay tiền online xong, các đối tượng sẽ thông báo giải ngân khoản vay nhưng thực chất khách hàng không nhận được giải ngân của khoản vay nào. Tuy nhiên trên hệ thống của app vẫn ghi nhận khách hàng đã vay tiền thành công. Đến hạn trả nợ, các đối tượng sẽ đòi nợ khách hàng, ép buộc khách hàng trả nợ dù thực tế họ chưa vay được tiền.

- *Trung gian hoặc trực tiếp trao đổi, mua bán trên mạng*

Đây là một hình thức lừa đảo trung gian hoặc trực tiếp trao đổi, mua bán trên mạng thường được thực hiện thông qua các thủ đoạn như sau:

Thứ nhất, thủ đoạn trung gian trao đổi, mua bán trên mạng. Các đối tượng thực hiện hành vi mớ là quản trị viên của một nhóm lớn, nạn nhân sẽ mất cảnh giác với các đối tượng này. Họ cho rằng các đối tượng này là những người uy tín, từ đó giao tiền, tài sản cho các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Thứ hai, thủ đoạn lập trang web giả mạo. Các đối tượng lừa đảo sẽ tự lập các trang web riêng giả mạo các trang web chính thống và chạy quảng cáo trên các trang mạng xã hội. Nhiều nạn nhân không tìm hiểu kĩ, thấy ưu đãi gấp nhiều lần nên đã click vào trang web giả mạo, nạp thẻ điện thoại, chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng trên các trang web giả để mua hàng.

Thứ ba, thủ đoạn lừa đảo người bán. Trong trường hợp này, đối tượng lừa đảo hỏi mua các vật phẩm, đồ dùng qua các cửa hàng trên mạng xã hội. Các đối tượng lừa đảo đã sử dụng mạng Internet hay các phần mềm photoshop để làm giả

hóa đơn chuyển khoản, người bán nhiều khi không chú ý tiền đã về tài khoản mình chưa mà đã mang hàng hóa đi gửi chuyển phát.

- *Lừa đảo tuyển dụng CTV online*

Hiện nay, hình thức lừa đảo phổ biến nhất vẫn là lừa tuyển cộng tác viên "việc nhẹ lương cao" - giả mạo các trang sàn thương mại điện tử như Tiki, Shopee, Lazada và các thương hiệu lớn để chiếm đoạt tài sản của các nạn nhân. Khoản tiền các đối tượng lừa chiếm đoạt được từ hình thức này thường từ vài triệu đến vài trăm triệu đồng.

Các đối tượng khi thực hiện hành vi lừa đảo này thường có những dấu hiệu như sau:

- Yêu cầu tạm ứng tiền: Nạn nhân được yêu cầu nộp một khoản tiền tạm ứng trước khi bắt đầu công việc, hãy cảnh giác. Lừa đảo thường sử dụng chiêu này để chiếm đoạt số tiền của nạn nhân mà không cung cấp công việc thực tế.
- Yêu cầu thông tin tài khoản cá nhân: Lừa đảo có thể yêu cầu nạn nhân cung cấp thông tin tài khoản cá nhân, bao gồm số thẻ tín dụng hoặc thông tin ngân hàng, với lý do để thực hiện thanh toán hoặc tạo tài khoản.
- Trang thanh toán đơn hàng không an toàn: Kiểm tra xem trang thanh toán đơn hàng có đủ các biểu tượng bảo mật như khóa SSL hay "https://" trước URL không. Nếu trang không có các biểu tượng này, đó có thể là dấu hiệu của một trang web giả mạo và thông tin cá nhân có thể bị đánh cắp.
- Quảng cáo công việc quá hấp dẫn và dễ dàng: Lừa đảo thường hứa hẹn công việc có thu nhập cao và dễ dàng, mà không yêu cầu kỹ năng hay kinh nghiệm đặc biệt.
- Thiếu thông tin công ty hoặc không có thông tin liên hệ: Kiểm tra thông tin về công ty hoặc người tuyển dụng. Nếu không có thông tin rõ ràng hoặc không có thông tin liên hệ, đó có thể là dấu hiệu của một hoạt động lừa đảo.
- Thiếu hợp đồng hoặc thoả thuận rõ ràng: Nếu không có hợp đồng hoặc thoả thuận rõ ràng, khả năng có thể gặp rủi ro bị lừa đảo rất cao.

2. Nhận thức của sinh viên trước các thủ đoạn lừa đảo trực tuyến

Các thủ đoạn lừa đảo trực tuyến đối với sinh viên diễn ra dưới nhiều hình thức tinh vi, đa dạng và phức tạp. Một trong những hình thức lừa đảo phổ biến nhất hiện nay, thu hút số lượng lớn sinh viên từ các trường đại học, cao đẳng tham gia là kinh doanh đa cấp trái phép.

Kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả cho thấy rất nhiều sinh viên bị lôi cuốn, dụ dỗ tham gia các hình thức kinh doanh đa cấp trái phép, dẫn đến bỏ học, bỏ gia đình và bị lừa một khoản tiền lớn. Chẳng hạn, năm 2020, tổ chức “Team khởi nghiệp 360”, với nhiều chi nhánh ở khắp các thành phố lớn ở nước ta đã thu hút hàng ngàn sinh viên tham gia hệ thống. Có trường hợp sinh viên bị dụ dỗ nên đã đóng số tiền nhiều nhất lên đến 400 triệu đồng hoặc có nhiều trường hợp khác sinh viên phải đóng 200 triệu đồng để trở thành “Doanh nhân đồng”. Hầu hết các nạn nhân đều là sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai, chưa có nhiều kinh nghiệm xã hội. Nguyên do là khi thấy thông báo tuyển dụng với thông tin hấp dẫn như công việc nhẹ nhàng, thu nhập cao, giờ làm việc linh hoạt, có cơ hội thăng tiến... trên các tờ rơi, tờ quảng cáo, Mạng xã hội (MXH) nên họ đã đăng ký tham gia và vô tình trở thành nạn nhân. Cụ thể, sau khi phỏng vấn, các nạn nhân được nhận vào làm công việc trực điện thoại, nhập dữ liệu... nhưng sau ba ngày được đào tạo thì bị lôi kéo, dụ dỗ sang bộ phận kinh doanh để “phát triển năng lực bản thân”. Nạn nhân được yêu cầu mua gói sản phẩm hơn 9 triệu đồng để trở thành thành viên của hệ thống. Sau đó, họ phải tiếp tục đầu tư thêm tài chính để mua các gói sản phẩm lên đến hàng trăm triệu đồng nhằm đạt các mức “Doanh nhân đồng”, “Doanh nhân bạc” và “Doanh nhân vàng”.

Bên cạnh hình thức lừa đảo thông qua bán hàng đa cấp, hiện nay cũng xuất hiện nhiều hình thức lừa đảo mới đối với sinh viên như lớp học tiếng Anh miễn phí 100% hoặc các lớp học tiếng Anh vì cộng đồng do các tổ chức trong và ngoài nước tài trợ, tổ chức giảng dạy tại các trung tâm ngoại ngữ, được học với giáo viên bản ngữ, có cơ hội nhận học bổng đi du học nước ngoài. Nhiều sinh viên đã đăng ký tham gia các khóa học trên với hy vọng nâng cao trình độ ngoại ngữ của mình với chi phí thấp. Tuy nhiên, khi sinh viên đăng ký tham gia các khóa học, đối tượng lừa đảo tiến hành thu các khoản tiền như phí giữ chỗ, phí photo giáo trình, tài liệu,

tiền hỗ trợ thuê cơ sở vật chất, tiền điện, tiền nước phục vụ cho việc dạy và học tiếng Anh. Tổng các khoản phí phải đóng có khi lên tới nhiều triệu đồng, chứ không phải là hoàn toàn miễn phí như quảng cáo. Sinh viên bị rơi vào tình thế buộc phải đóng tiền và chờ đến ngày khai giảng lớp học. Tuy vậy, khi đến ngày khai giảng theo lịch hẹn, trung tâm đột ngột đóng cửa mà không thông báo đến người học hoặc các lớp học tiếng Anh vẫn được tổ chức nhưng chất lượng giảng dạy không như cam kết ban đầu, dẫn đến sinh viên bị chán, thôi học và hiển nhiên là bị mất các khoản phí đã đóng.

Ngoài ra, với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, mạng viễn thông, mạng internet, tình hình tội phạm sử dụng công nghệ cao để lừa đảo tại Việt Nam, đặc biệt tại các thành phố lớn, có xu hướng phát triển mạnh, tăng về số lượng, mức độ nguy hiểm và hậu quả thiệt hại, dẫn đến tình trạng mất an ninh, an toàn mạng ở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hay cá nhân sử dụng máy tính, thiết bị thông minh. Hàng năm, có rất nhiều vụ tội phạm sử dụng không gian mạng, mạng viễn thông, mạng internet và phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản gây thiệt hại hàng nghìn tỷ đồng cho các nạn nhân. Trong đó, có nhiều nạn nhân là sinh viên các trường đại học, cao đẳng tại các thành phố trong cả nước. Các thủ đoạn lừa đảo phổ biến như: kết bạn ảo qua mạng, giả mạo người thân, giả mạo các cơ quan thực thi pháp luật, lập website giả, đường link giả... để đánh cắp thông tin cá nhân, yêu cầu chuyển tiền, nộp tiền vào tài khoản, đề nghị cho mượn tiền và sau đó thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ở Việt Nam, các MXH như Facebook, Zalo, Instagram, Youtube, Tiktok... ngày càng được sử dụng rộng rãi với số lượng người dùng lớn. Tính đến tháng 1 năm 2023, Việt Nam có khoảng 77,93 triệu người dùng internet, chiếm 79,1% dân số. Về MXH, Việt Nam có 70 triệu người dùng đang hoạt động, đạt tỉ lệ 71% tổng dân số. Đối tượng sử dụng MXH đa nền tảng chủ yếu là giới trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên.

Các trang MXH rất có sức hút đối với giới trẻ do các tính năng tiện lợi như giao diện đẹp, tính tương tác cao, đăng ký, tạo lập tài khoản một cách dễ dàng, không tốn các khoản phí cũng như không xác thực thông tin người dùng. Đây là

điều kiện thuận lợi cho các đối tượng lừa đảo sử dụng công nghệ cao để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với giới trẻ trong cả nước nói chung và sinh viên đang học tập tại các thành phố lớn trong cả nước nói riêng.

Trước tình hình đó, Bộ Công an đã cảnh báo về thủ đoạn mạo danh các cơ quan tổ tụng, cơ quan thực thi pháp luật để lừa đảo, gây thiệt hại hàng nghìn tỉ đồng. Chỉ tính riêng các vụ lừa đảo liên quan đến MXH được người dân trình báo, trong 06 tháng đầu năm 2020, công an cả nước đã tiếp nhận 776 vụ, với số tiền lừa đảo lên đến hàng nghìn tỉ đồng. Đặc biệt, trong đó nổi lên hình thức lừa đảo bằng cách giả danh cơ quan, tổ chức nhà nước, mạo danh công an, viện kiểm soát, thanh tra, tòa án, bưu điện, nhà mạng... để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo số liệu thống kê của cơ quan công an, tỉ lệ tội phạm sử dụng không gian mạng để lừa đảo chiếm trên 65% . Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông đã kêu gọi người dân, trong đó có học sinh, sinh viên, cần nâng cao cảnh giác với các đối tượng lừa đảo bằng hình thức giả danh công an, viện kiểm soát, thanh tra, tòa án, bưu điện, nhà mạng... gọi điện đến số điện thoại cá nhân hoặc điện thoại cố định yêu cầu họ nộp tiền vào tài khoản được chỉ định để phục vụ công tác điều tra hoặc cung cấp thông tin về số tài khoản cá nhân của họ, sau đó, chúng dùng thủ thuật để chiếm đoạt tiền của nạn nhân. Tuy vậy, trong 6 tháng đầu năm 2023, số vụ lừa đảo trực tuyến tại Việt Nam tăng 64,78% so với cùng kỳ năm ngoái, và tăng 37,82% so với 6 tháng cuối năm 2022.

Bên cạnh hình thức lừa đảo bằng cách mạo danh các cơ quan nhà nước, cơ quan thực thi pháp luật, có nhiều sinh viên bị sập bẫy bởi hình thức lừa đảo trên MXH bởi một Fanpage của Facebook có 49.000 thành viên tham gia. Với thông tin chuyển nhượng lại các lớp dạy kèm, công việc gia sư với mức lương hấp dẫn đăng trên Fanpage này, nhiều sinh viên đã chuyển tiền đặt cọc nhưng sau đó phát hiện mình đã bị lừa mất tiền. Mặt khác, có nhiều sinh viên bị sập bẫy với hình thức lừa đảo đăng tin tuyển nhân viên làm thêm, làm bán thời gian, làm thời vụ.... Sau khi sinh viên liên lạc và đồng ý nhận việc, các đối tượng lừa đảo yêu cầu sinh viên mua đồng phục, bảng tên và ký quỹ cam kết nhận việc với số tiền lớn. Tuy nhiên,

tính chất công việc không đúng và không phù hợp, nên sinh viên xin nghỉ việc sau một thời gian ngắn và chịu mất các khoản chi phí nói trên.

Hiện nay, ngoài những hình thức lừa đảo cũ, còn xuất hiện các hình thức lừa đảo mới sử dụng công nghệ cao. Hậu quả của các hình thức lừa đảo nói trên đối với sinh viên là rất lớn. Sinh viên không những bị mất tiền, bị ảnh hưởng đến kết quả học tập, mà còn bị ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý của cá nhân. Sự xuất hiện các hình thức lừa đảo cũ và mới này đối với sinh viên là do những nguyên nhân cơ bản như sau:

Nguyên nhân khách quan, các trường đại học, cao đẳng thường tập trung ở các đô thị lớn, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đầu mối giao lưu và hợp tác trong nước quốc tế. Khu vực tập trung đông sinh viên cũng đồng thời là nơi có mật độ dân số cao, nhu cầu việc làm cao, dân cư đông đúc và phức tạp. Đây cũng là mảnh đất màu mỡ mà các kẻ lừa đảo nhắm đến để thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản, nhất là đối với sinh viên của các trường đại học, cao đẳng trú đóng trên địa bàn.

Nguyên nhân chủ quan, sinh viên là một nhóm xã hội đặc biệt, đang theo học tại các trường đại học và cao đẳng để tiếp thu kiến thức, kỹ năng, trình độ chuyên môn trước khi bước vào hoạt động nghề nghiệp. Họ cũng là đối tượng có ý thức cao, có năng lực, trí tuệ và tình cảm phát triển; khao khát đi tìm cái mới, thích tìm tòi khám phá; có nhu cầu và khát vọng thành đạt. Bên cạnh những mặt ưu, sinh viên không tránh khỏi những mặt hạn chế chung của lứa tuổi thanh niên. Đó là sự thiếu hiểu biết về xã hội, ít trải nghiệm cuộc sống, bản lĩnh chính trị của bản thân chưa vững vàng, trình độ nhận thức còn hạn chế, dẫn đến sự bồng bột, thiếu kinh nghiệm trong hành động hoặc tiếp thu, học hỏi cái mới. Mặt khác, sinh viên khi tập trung về các đô thị để học tập đa phần có sự thay đổi môi trường sống, do đó, sự thích nghi với một môi trường sống hiện đại, năng động, nhiều rủi ro vẫn còn chậm. Với những hạn chế của cá nhân cộng với sự thay đổi môi trường sống theo hướng mở rộng hơn đã làm cho các em không nhận thức được các hình thức lừa đảo mà tội phạm nhắm đến mình khi sống và học tập trong môi trường mới. Đây là

nguyên nhân chính mà các đối tượng lừa đảo thường chọn sinh viên để thực hiện hành vi lừa đảo.

3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức của sinh viên trước các thủ đoạn lừa đảo trực tuyến

Trước thực trạng của những hình thức lừa đảo ngày càng tinh vi đối với sinh viên tại nước ta hiện nay, cần quan tâm nghiên cứu đề xuất các giải pháp để giúp sinh viên chủ động nhận diện và phòng tránh chúng một cách hiệu quả. Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả mạnh dạn đề xuất một số giải pháp cụ thể như sau:

Đối với sinh viên:

Cần chú trọng thực hiện những vấn đề sau:

(a) Chủ động, tích cực học tập nhằm nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức pháp luật cho bản thân. Tích cực tham gia các hoạt động do Nhà trường, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam tổ chức, nhất là các hoạt động về tuyên truyền pháp luật;

(b) Chủ động nâng cao kiến thức xã hội về mọi mặt để thích nghi với hoàn cảnh sống mới, môi trường sống mới và cuộc sống tự lập tại các thành phố lớn như TP. HCM. Luôn theo dõi các trang thông tin của nhà trường và trang thông tin của địa phương nơi mình đang sinh sống và học tập để cập nhật thông tin hàng ngày nhằm giúp cho họ tránh được những rủi ro về các hình thức lừa đảo;

(c) Tự tạo cho mình tâm lý đề phòng, thận trọng trong bất cứ môi trường nào. Chủ động lắng nghe và học hỏi kinh nghiệm từ bạn bè, người thân và thầy, cô giáo để nhận biết rõ các hình thức, thủ đoạn lừa đảo hiện nay;

(d) Trong thời gian sinh sống và học tập tại các thành phố lớn, ngoài học tập chính khóa trên giảng đường, sinh viên nếu có nhu cầu trao đổi cho bản thân các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm trước khi ra trường, thì chỉ nên tham gia các câu lạc bộ, đội nhóm ở trong trường, hoặc cần tìm những địa chỉ tin cậy để tham gia nhằm tránh những chiêu thức lừa đảo, thu tiền bất hợp pháp;

(e) Khi tiếp cận với không gian mạng để học tập và giải trí, sinh viên cần trang bị cho mình kiến thức cơ bản về công nghệ. Cần nâng cao cảnh giác, không nhẹ dạ, cả tin mà bị sập bẫy các đối tượng lừa đảo. Đặc biệt, tuyệt đối không cung cấp các thông tin cá nhân, địa chỉ, số điện thoại, thông tin tài khoản ngân hàng của mình cho các đối tượng mà mình không quen biết. Đồng thời, có biện pháp bảo vệ các thông tin tài khoản ngân hàng, tài khoản cá nhân để tránh bị kẻ xấu lợi dụng, chiếm đoạt;

(f) Trong trường hợp không may bị các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tài sản, không nên dấu diếm, mà phải trình báo với cơ quan chức năng, gia đình, nhà trường để có biện pháp xử lý kịp thời. Nội dung chính sách, pháp luật thường tập trung vào các vấn đề vĩ mô, nhiều cơ quan chỉ sử dụng cách tiếp cận thông tin truyền thống, gây khó khăn cho việc tiếp cận và hiểu biết về nội dung của chính sách, pháp luật. Vẫn tồn tại tình trạng thông tin thiếu cân đối, không đảm bảo sự đồng đều trong phân phối thông tin.

Đối với các cơ sở giáo dục

Cần chú trọng thực hiện những vấn đề sau:

(a) Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác giáo dục tư tưởng, phổ biến chính sách, pháp luật của nhà nước và các chế tài xử lý đối với tội phạm và các vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong những năm đầu khi sinh viên tham gia học tập tại trường, đặc biệt là trong chương trình giáo dục định hướng đầu khóa hay tuần sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho sinh viên. Đổi mới hình thức giáo dục pháp luật trên giảng đường, cần kết hợp giảng dạy lý thuyết và thực tiễn về hoạt động lừa đảo, hình thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm giúp sinh viên hiểu rõ các hình thức, thủ đoạn của tội phạm lừa đảo hiện nay để có biện pháp phòng, tránh hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý sinh viên, xây dựng các kênh truyền tải thông tin, sử dụng đa dạng các hình thức tư vấn, hỗ trợ sinh viên để tuyên truyền và giải đáp những thắc mắc của sinh viên về kiến thức pháp luật, tình huống pháp luật trong quá trình học tập tại trường.

(b) Cần thường xuyên tổ chức tuyên truyền pháp luật theo chủ đề, trong đó chú trọng tuyên truyền các chủ đề về phòng ngừa tội phạm lừa đảo nhằm nâng cao

nhận thức của sinh viên về vấn đề này. Đặc biệt, cần kết hợp với các cơ quan chức năng về phòng, chống tội phạm lừa đảo để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về phương thức, hình thức, thủ đoạn, hậu quả và các quy định pháp luật liên quan đến những hành vi lừa đảo nhằm nâng cao ý thức của sinh viên về vấn đề này. Về tổ chức thực hiện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên Việt Nam là hai tổ chức nòng cốt trong hệ thống chính trị của các cơ sở giáo dục trong cả nước, có chức năng, nhiệm vụ tuyên truyền kiến thức pháp luật đến sinh viên.

Về cách thức thực hiện, cần xây dựng hoạt động giáo dục pháp luật với hoạt động phong trào để tăng cường giáo dục kiến thức pháp luật thông qua hoạt động thực tiễn. Tổ chức các sân chơi, tìm hiểu kiến thức pháp luật, trong đó chú trọng đến kiến thức pháp luật về các hình thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cần mạnh dạn đổi mới các hình thức tuyên truyền kiến thức pháp luật bằng đa dạng các hình thức truyền thông như tuyên truyền bằng miệng, băng rôn, pa nô, áp phích, hội nghị, báo cáo chuyên đề, các cuộc thi...qua hình thức sử dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền như internet, mạng xã hội...nhằm tạo sự tương tác tích cực với sinh viên trong công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật.

Đối với cơ quan quản lý

Cần hoàn thiện hành lang pháp lý, đặc biệt là những quy định của hệ thống pháp luật về tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Xây dựng những quy định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan chức năng đấu tranh phòng chống tội phạm lừa đảo. Tiếp tục quán triệt thực hiện Kết luận số 05-KL/TW ngày 15 tháng 7 năm 2016 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 48- CT/TW của Bộ Chính trị khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Kết luận số 44-KL/TW ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW của Ban Bí thư khoá XI về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”; Nghị quyết số 96/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về công tác phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật, công tác của Viện kiểm sát nhân dân, của Tòa án

nhân dân và công tác thi hành án. Quan trọng hơn, cần nghiêm túc thực hiện Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo, chiếm đoạt tài sản.

Kết luận

Công nghệ số phát triển khiến quá trình học tập, lao động, trải nghiệm và tận hưởng cuộc sống của con người nói riêng và sinh viên nói chung càng ngày càng thuận lợi và tiện dụng. Bên cạnh đó, những tội phạm công nghệ cao cũng không ngừng len lỏi trên không gian mạng và thực hiện đa dạng các chiêu thức lừa đảo trực tuyến, trong đó, đối tượng dễ dàng sa vào bẫy nhất chính là sinh viên hiện nay. Họ là những người sinh ra trong thế hệ Z, gắn liền với thời đại internet và các thiết bị thông minh, họ có nhu cầu trực tuyến lớn để phục vụ mọi mặt đời sống.

Mặc dù vậy, sinh viên Việt Nam chưa được trang bị nhiều về kiến thức an ninh mạng và có ý thức bảo mật khi tham gia trực tuyến. Đây là nhóm đối tượng dễ bị lừa và phần lớn thiếu ý thức chủ động trang bị kiến thức về các hình thức lừa đảo, bởi vậy khi các thủ đoạn lừa đảo càng ngày càng đa dạng, họ càng dễ tổn thương và thiếu kỹ năng ứng phó hơn. Để tránh tình trạng càng ngày càng gia tăng các vụ án về lừa đảo trực tuyến, cần có giải pháp tích cực và đồng bộ đến từ chính bản thân sinh viên, từ cơ sở giáo dục và cả các cơ quan quản lý. Cần phải chú trọng tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, nâng cao nhận thức, tuyên truyền kiến thức pháp luật cho sinh viên dưới nhiều hình thức khác nhau. Đây chính là trách nhiệm của nhà trường, các tổ chức chính trị xã hội trong nhà trường, gia đình, xã hội và sự nỗ lực tìm hiểu kiến thức pháp luật của bản thân sinh viên. Mỗi sinh viên cần trang bị cho mình sự hiểu biết về những hình thức lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Từ đó, có thể giúp họ chủ động có những biện pháp phòng, tránh tốt nhất đối với các hình thức lừa đảo phổ biến hiện nay

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Socical Catfish, 2021, Nghiên cứu của về lừa đảo trên Internet năm 2021

[2] Bộ Công an – Bộ Quốc phòng – Bộ Tư pháp – Bộ Thông tin truyền thông – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao (2012), Thông tư liên tịch số 10/2012/TTLT-BCA-BQP-BTP-BTTTT-VKSNDTCTANDTC hướng dẫn áp dụng quy

định của Bộ luật Hình sự về một số tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và viễn thông, khoản 2 Điều 3.

[3] Lê Thanh Hòa, Hồ Văn Đức, Nguyễn Xuân Hồng, Một số hình thức lừa đảo đối với sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh hiện nay: Nhận diện và giải pháp, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, 2021

[4] Nguyễn Thị Xuân Thu, Nhận diện một số phương thức, thủ đoạn của tội phạm sử dụng công nghệ cao, Tạp chí Cảnh sát nhân dân, 2018

[5] Trần Thị Nhật Thanh, 2023, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng – Thực trạng và giải pháp, Tạp chí Tòa án

VAI TRÒ CỦA TRUYỀN THÔNG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CHU TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ GỢI Ý CHO VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thị Lê Vinh

Khoa Chính trị và Báo chí, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,

Trường Đại học Vinh

Tóm tắt: Truyền thông chính sách là cầu nối quan trọng giữa cá nhân, cơ quan, tổ chức trong xã hội với Nhà nước. Một mặt, truyền thông đưa thông tin về chính sách đến người dân, thuyết phục họ thay đổi nhận thức và hành vi đúng pháp luật, mặt khác là kênh để chính phủ lấy ý kiến nhân dân khi xây dựng chính sách mới, điều chỉnh chính sách hiện tại, tạo ra sự đồng thuận xã hội. Nhận thức rõ vai trò của truyền thông chính sách sẽ giúp Nhà nước có chiến lược phù hợp, xây dựng sự đồng thuận xã hội. Bài viết làm rõ vai trò của truyền thông chính sách đối với hoạt động của Nhà nước, cụ thể là trong các giai đoạn của chu trình chính sách, từ đó gợi ý cho truyền thông chính sách của Việt Nam.

Từ khóa: Truyền thông chính sách, Nhà nước, Việt Nam.

Đặt vấn đề

Truyền thông chính sách được hiểu là quá trình liên tục trao đổi hoặc chia sẻ thông tin nhằm tạo sự liên kết để thay đổi nhận thức và hành vi của các bên liên quan về chính sách. Truyền thông chính sách chủ yếu được sử dụng để đạt được các mục tiêu chính trị. Trước khi nền dân chủ xuất hiện, truyền thông chính sách chỉ có ý nghĩa tuyên truyền và thúc đẩy các công dân phục tùng Nhà nước. Với sự ra đời của nền dân chủ, truyền thông chính sách thực hiện chức năng thông báo và gây ảnh hưởng nhằm bảo đảm công dân biết quyền, trách nhiệm của mình đối với công việc của Nhà nước và xã hội. Đảng và Nhà nước ta khẳng định truyền thông chính sách có vai trò, ý nghĩa rất quan trọng, là một trong những chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị. Làm tốt công tác truyền thông chính sách sẽ mở ra những nguồn lực lớn, tạo nên sức mạnh lớn, hiệu quả cao trong xây dựng, thực thi chính sách [1].

Nội dung

1. Khái quát về truyền thông chính sách

Truyền thông chính sách được rất nhiều học giả trên thế giới xếp vào là một nhánh của truyền thông chính trị, để tìm hiểu về khái niệm truyền thông chính sách thì cần hiểu rõ khái niệm về truyền thông chính trị.

Chính trị là là hoạt động trong lĩnh vực quan hệ giữa các giai cấp, cũng như các dân tộc và các quốc gia với vấn đề giành, giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực Nhà nước; là sự tham gia của nhân dân vào công việc của Nhà nước và xã hội, là hoạt động chính trị thực tiễn của giai cấp, các đảng phái chính trị, các nhà nước nhằm tìm kiếm những khả năng thực hiện đường lối và những mục tiêu đã đề ra nhằm thỏa mãn lợi ích.

Truyền thông chính trị được hiểu là “các hoạt động truyền thông nhằm tương tác và trao đổi thông tin theo hai chiều, chiều từ trên xuống là của các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có yếu tố chính trị đến người dân và chiều từ dưới lên, là của người dân phản hồi tới các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội. Cả hai chiều tác động này của mỗi thành tố đều nhằm đạt được những mục tiêu chính trị cụ thể của mình. Trong quá trình thông tin được trao đổi, sự sai lệch so với nội dung gốc ban đầu có thể xảy ra.” [5, tr.53].

Chính sách là một tập hợp các biện pháp của Nhà nước nói chung và Chính phủ nói riêng lựa chọn, được thể chế hóa và bảo đảm thực thi để giải quyết các vấn đề xã hội hoặc phát triển xã hội theo kỳ vọng.

Truyền thông chính sách là một phần trong hoạt động truyền thông chính trị của Nhà nước nhằm đưa thông tin về chính sách đến người dân, thuyết phục họ thay đổi nhận thức và hành vi đúng pháp luật, là kênh để Nhà nước lấy ý kiến nhân dân khi xây dựng chính sách mới, điều chỉnh chính sách hiện tại, tạo ra sự đồng thuận xã hội. Truyền thông chính sách được hiểu là “những hoạt động trung tâm của các công chức chính phủ trong tổng thể quy trình chính sách từ xây dựng chương trình nghị sự, xây dựng chính sách, thực thi chính sách, đánh giá chính sách, trong đó chính phủ trung ương và địa phương xây dựng tốt các mối quan hệ với công chúng và các nhóm lợi ích, khuyến khích họ tham gia vào quy trình chính sách”[2, tr.68].

2. Vai trò của truyền thông đối với chu trình chính sách

Truyền thông chính sách chính là việc sử dụng và phát huy vai trò của truyền thông trong toàn bộ các khâu của chu trình chính sách của Nhà nước.

Thứ nhất, trong giai đoạn hoạch định, truyền thông chính sách hỗ trợ Nhà nước xây dựng thành công chính sách và giúp cho chính sách hoàn thiện hơn.

Khi thiết lập chương trình nghị sự chính sách hoặc sửa đổi một chính sách nào đó, cơ quan hoạch định chính sách cung cấp thông tin và tham vấn ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của chính sách, các cơ quan, cá nhân, tổ chức trong xã hội.

Ở chiều ngược lại, các cá nhân, cơ quan, tổ chức phát hiện và truyền tải các vấn đề đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và xã hội thông qua các phương tiện truyền thông. Nhờ đó, các cơ quan hoạch định chính sách, các nhà chính trị, nhà quản lý phát hiện kịp thời, chính xác những vấn đề phát sinh từ thực tiễn đời sống xã hội cần giải quyết bằng chính sách, thiết lập mục tiêu và xác định các giải pháp chính sách phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội, với mong muốn và nguyện vọng của người dân.

Thứ hai, truyền thông chính sách có tác động rất lớn đến hiệu lực và hiệu quả của giai đoạn thực thi chính sách.

Truyền thông chính sách như một kênh phổ biến, tuyên truyền chính sách tới người dân và xã hội, góp phần làm cho công chúng trở nên quan tâm hơn đến chính trị và chính sách; làm cho quá trình chính sách rõ ràng, kích thích sự tham gia của người dân vào các quá trình chính sách. Vai trò của truyền thông chính sách không chỉ giới hạn để cung cấp thông tin mà còn giáo dục người dân về các vấn đề chính sách quan trọng, liên quan đến cuộc sống của người dân và thống nhất hành động trong thực thi chính sách.

Truyền thông chính sách còn tham gia vào giai đoạn thực thi chính sách với vai trò của một cơ quan giám sát, phản biện theo nhiều chiều khác nhau. Truyền thông chính sách phản ánh kịp thời những bất cập, chưa hợp lý của các chính sách so với thực tế đời sống xã hội đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kịp thời đưa ra những sửa đổi, bổ sung chính sách. Thậm chí nếu chính sách được áp dụng

không mang lại lợi ích chung đối với người dân, truyền thông có thể chỉ trích chính sách này đến mức khơi dậy sự phản đối của người dân đối với Nhà nước để thay thế hoặc chấm dứt chính sách.

Thứ ba, truyền thông chính sách làm trung gian thực hiện các phân tích, đánh giá, tổng kết chính sách. Thông qua các hình thức như mở chuyên mục, phỏng vấn, hội thảo và diễn đàn công cộng..., các cơ quan truyền thông thu thập thông tin, khảo sát ý kiến của các đối tượng liên quan đến chính sách, từ đó đưa ra những nhận xét, đánh giá về kết quả và tác động của chính sách, cung cấp minh chứng cho khâu đánh giá và điều chỉnh chính sách.

Bên cạnh những mặt tích cực, truyền thông chính sách cũng có một số ảnh hưởng tiêu cực đối với chu trình chính sách. Thứ nhất, truyền thông chính sách có xu hướng vượt qua giới hạn của nó. Do sự cạnh tranh giữa các cơ quan truyền thông nhằm thu hút lượng người xem, nên một số chương trình truyền thông chính sách... được phát sóng vội vàng, thiếu sự kiểm soát dẫn đến phản ánh sai lệch chính sách, gây bức xúc dư luận. Vì vậy, giám sát truyền thông không chỉ là công việc của các cơ quan nhà nước mà còn là trách nhiệm của công chúng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất sự sai lệch của truyền thông. Thứ hai, truyền thông chính sách dễ bị thao túng bởi các thế lực kinh tế. Mối quan hệ giữa quyền lực chính trị và quyền lực kinh tế rất phức tạp. Khi truyền thông rơi vào tay một số tập đoàn, các nhà truyền thông định hình các chương trình nghị sự chính sách bằng cách chủ động chọn lọc các vấn đề phù hợp với lợi ích của các doanh nghiệp.

3. Một số gợi ý cho Việt Nam

Trong thời gian qua, Việt Nam đã rất chú trọng tới việc truyền thông chính sách, thể hiện qua Chỉ thị số 07/CT-TTg ngày 21/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác truyền thông chính sách, báo chí và các phương tiện truyền thông khác được xác định là kênh thông tin và công cụ cơ bản, quan trọng để thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách. Công tác thông tin và truyền thông đưa chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống ngày càng hiệu quả hơn, với những chuyển biến và kết quả tích cực. Nội dung, hình thức thông tin,

truyền thông đang ngày càng đa dạng và phong phú, đáp ứng được nhu cầu thông tin ngày càng cao của người dân.

Tuy nhiên, truyền thông chính sách tại Việt Nam chủ yếu được khai thác theo chiều từ Đảng và Nhà nước xuống dưới người dân, chứ chưa được triển khai nhiều theo chiều từ người dân lên các tổ chức chính trị.

Nội dung chính sách, pháp luật thường tập trung vào các vấn đề vĩ mô, nhiều cơ quan chỉ sử dụng cách tiếp cận thông tin truyền thống, gây khó khăn cho việc tiếp cận và hiểu biết về nội dung của chính sách, pháp luật. Vẫn tồn tại tình trạng thông tin thiếu cân đối, không đảm bảo sự đồng đều trong phân phối thông tin.

Trong bối cảnh khoa học công nghệ phát triển mạnh mẽ, nhiều loại hình truyền thông mới xuất hiện, chủ trương của Đảng ta là xây dựng nền báo chí, truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và hiện đại; đẩy mạnh truyền thông chính sách trên các phương thức truyền thông mới và nhiều chiều. Để phát huy vai trò của truyền thông chính sách trong bối cảnh mới cần lưu ý một số nội dung sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò và ý nghĩa hết sức quan trọng, thiết thực của truyền thông chính sách. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách về truyền thông chính sách. Công tác truyền thông chính sách cần phải bám sát các yêu cầu, nhiệm vụ thường xuyên, đồng thời góp phần tham gia giải quyết những tồn đọng kéo dài cũn như những vấn đề mới phát sinh, để người dân hiểu, chia sẻ với Đảng, Nhà nước.

Thứ hai, tăng cường ứng dụng công nghệ số, chuyển đổi số; đưa các kênh thông tin đa phương tiện phục vụ cho công tác truyền thông chính sách. Xây dựng công cụ đo lường, đánh giá hiệu quả truyền thông chính sách. Trong bối cảnh đất nước ta hướng tới Chính phủ điện tử, Chính phủ số, truyền thông chính sách cần dựa trên nền tảng hệ thống dữ liệu quản lý nhà nước doanh nghiệp và xã hội, cung cấp đầy đủ các yêu cầu về thông tin, bảo đảm quyền được tiếp cận thông tin như Luật Tiếp cận thông tin đã quy định.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ nhân lực làm công tác truyền thông chính sách có chuyên môn, có tâm, có đức bảo đảm hoạt động chuyên nghiệp hiệu quả. Bố trí,

sắp xếp, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ đội ngũ làm công tác truyền thông chính sách cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

Thứ tư, thiết lập phương thức truyền thông chính sách phù hợp với từng đối tượng công chúng, đặc biệt là giới trẻ. Cần sử dụng các phương tiện truyền thông mới để tiếp cận được với giới trẻ như các ứng dụng phát trực tuyến, các nền tảng mạng xã hội...

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Chính phủ Việt Nam (2022), *Thông báo số 387/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ: Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tại Hội nghị trực tuyến toàn quốc về Truyền thông chính sách: Nhận thức - Hành động - Nguồn lực*, truy cập ngày 29/11/2024 tại

<https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=207043>

[2] Học viện Báo chí và Tuyên truyền - Báo Đại biểu nhân dân - Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (2017), *Truyền thông chính sách - Kinh nghiệm Việt Nam và Hàn Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

[3] Thomas Meyer (2002), *Media Democracy: How the Media Colonize Politics*, Cambridge: Polity Press.

[4] Đặng Thanh Nhân, Lê Thị Hồng Hải, Truyền thông về giới trên phương tiện truyền thông mới – Vấn đề đặt ra cho quản lý nhà nước, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, truy cập ngày 29/11/2024 tại

<https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/07/19/truyen-thong-ve-gioi-tren-phuong-tien-truyen-thong-moi-van-de-dat-ra-cho-quan-ly-nha-nuoc/>

[5] Nguyễn Thị Thu Trang (2023), Truyền thông chính sách trong hoạch định chính sách công và một số gợi ý cho Việt Nam, Luận án tiến sĩ ngành Chính trị học.

BÁO CHÍ VỚI VẤN ĐỀ ĐỊNH HƯỚNG VĂN HÓA ỨNG XỬ TRÊN KHÔNG GIAN SỐ HIỆN NAY

ThS. Trần Thị Phương Nhung

Khoa Báo chí – Truyền thông, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Tóm tắt: Nghiên cứu phân tích và chỉ ra vai trò của báo chí trong việc định hướng văn hóa ứng xử trên không gian số trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và mạng xã hội. Trên không gian số, việc giao tiếp và chia sẻ thông tin diễn ra nhanh chóng và dễ dàng, nhưng cũng tiềm ẩn nhiều vấn đề như lan truyền thông tin sai lệch, phát ngôn thiếu văn hóa và các hành vi tiêu cực khác. Trong bối cảnh đó, báo chí có vai trò quan trọng trong việc cung cấp thông tin chính xác, định hướng dư luận, và thúc đẩy một môi trường giao tiếp văn minh, có trách nhiệm. Bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hóa ứng xử trên mạng, trong đó báo chí không chỉ là cầu nối thông tin mà còn là công cụ giáo dục, tuyên truyền về đạo đức và trách nhiệm trong giao tiếp trực tuyến.

Từ khóa: *Báo chí; Định hướng; Môi trường văn hóa số; Văn hóa ứng xử*

1. Đặt vấn đề:

Văn hóa nói chung và văn hóa ứng xử luôn là vấn đề được xã hội quan tâm và tìm cách nghiên cứu để góp phần xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh. Những yếu tố tác động, chi phối văn hóa ứng xử cũng được xem xét dưới nhiều góc độ nhằm đưa ra những luận giải về những thay đổi trong lối sống và hành vi của con người trong đời sống hiện đại. Ngày nay, khi internet tạo ra một môi trường văn hóa hoàn toàn mới – văn hóa mạng, tồn tại song song với nền văn hóa truyền thống lâu đời của nhân loại, những hoạt động, hành vi, ứng xử của con người trong môi trường văn hóa này cũng tạo ra những ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc sống thực của con người.

Ở Việt Nam hiện nay, các nền tảng số đang ngày một phát triển một cách nhanh chóng và phong phú dẫn đến nhu cầu và thói quen tiếp cận nội dung số của công chúng cũng tăng lên. Theo Oberlo, Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia có lượng người dùng Facebook nhiều nhất thế giới với 66,2 triệu tài khoản. Số liệu thống kê mới nhất của Data Reportal, tính đến 5/2023, Việt Nam cũng góp mặt trong top 10 quốc gia có số người dùng Tiktok nhiều nhất với 50,6 triệu người – xếp vị trí thứ 6.

Việc sở hữu lượng người dùng mạng xã hội và hoạt động tích cực trên các nền tảng số tạo ra cho Việt Nam không ít những cơ hội trên nhiều lĩnh vực bao gồm: thương mại điện tử, truyền thông, giải trí...nhưng đi kèm với cơ hội luôn là thách thức. Một trong những thách thức mà tất cả các quốc gia đang phải đối mặt trong đó có Việt Nam chính là sự tác động của văn hóa mạng vào sự thay đổi lối sống của con người, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của xã hội bao gồm: văn hóa, kinh tế, chính trị...trong đó có cả văn hóa ứng xử.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhấn mạnh đến vai trò và tác động của báo chí chính thống đến văn hóa ứng xử của công chúng trên môi trường văn hóa số ở Việt Nam hiện nay nhằm điều chỉnh nó phù hợp với nền văn hóa chung của dân tộc và hạn chế tối đa những hậu quả tiêu cực đến những người đang hoạt động trên các nền tảng số nói riêng và xã hội nói chung.

2. Nội dung

2.1 Văn hóa và giá trị văn hóa Việt Nam trong đời sống hiện đại

Khái niệm "văn hóa" ban đầu được xem xét liên quan đến xã hội như một hiện tượng hẹp hơn - một trong những thể chế xã hội của một nhóm xã hội cụ thể hoặc mức độ văn minh (văn hóa của xã hội). Kể từ thế kỷ 20, văn hóa đã bắt đầu được xem xét theo nghĩa rộng hơn - như một hiện tượng liên quan đến xã hội. Khái niệm "xã hội - văn hóa" hiện đang được sử dụng khá rộng rãi bởi các đại diện của

hiều ngành khoa học và được hiểu như một chiều kích văn hóa của xã hội trong tất cả các khía cạnh của nó. Như vậy, trong bất kỳ hiện tượng xã hội nào, thành phần văn hóa đóng vai trò quan trọng. (Putsiata Iryna và cộng sự, 2023)

Về sau, khái niệm về văn hóa được các nhà nghiên cứu nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau như: Triết học, nhân học và xã hội học. Văn hóa được hiểu là hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội (Trần Ngọc Thêm, 1997).

Văn hóa Việt Nam cũng là một thành viên của nền văn hóa phương Đông nói chung và văn hóa Châu Á nói riêng. Trong đó có một đặc trưng cơ bản nhất đó là chủ nghĩa tập thể trong xã hội Châu Á được duy trì thông qua các giá trị chung đặt trên các nghĩa vụ và cam kết xã hội (Li & Wright,2000, Noronha,2002) và các mối quan hệ gia đình (Sui Pheng & Leong,2001). Bên cạnh đó, theo GS Trần Ngọc Thêm (1999), Việt Nam do ở tận cùng phía Đông – Nam nên thuộc loại văn hóa gốc nông nghiệp điển hình. Theo đó, mang nặng các đặc trưng của văn hóa gốc nông nghiệp là: Sống định cư, thái độ tôn trọng, ước mong sống hòa hợp với thiên nhiên; thiên về tổng hợp và biện chứng trong quan hệ, chủ quan, cảm tính và kinh nghiệm; Trọng tình, trọng đức, trọng văn, trọng nữ; Linh hoạt và dân chủ trong tập thể; Dung hợp trong tiếp nhận, mềm dẻo, hiếu hòa trong đối phó.

Ngoài ra, Việt Nam là một quốc gia có lịch sử phát triển lâu đời, trải qua những biến thiên của lịch sử, các giá trị văn hóa của người Việt cũng được hình thành và hun đúc qua các thế hệ. Theo PGS.TS Bùi Hoài Sơn (2022): Giá trị văn hóa (cultural value) do con người ở mỗi xã hội nhất định sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, nhưng một khi hệ giá trị văn hóa đã hình thành thì nó lại có vai trò định hướng cho các mục tiêu, phương thức và hành động của con người trong các xã hội ấy.

Như vậy, có thể thấy, giá trị văn hóa trong xã hội Việt Nam hiện nay là sự kết hợp cả văn hóa truyền thống và những giá trị văn hóa mới được hình thành từ đời sống xã hội hiện đại. Những giá trị văn hóa này ảnh hưởng rất lớn ứng xử, giao tiếp và sinh hoạt của người Việt không chỉ trong đời sống xã hội mà qua những thể hiện của họ trong không gian số.

Ứng xử là một biểu hiện của quá trình giao tiếp được thể hiện qua sự phản ứng của con người dưới tác động của người khác, hoặc một sự việc nào đó trong một tình huống nhất định thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, ngôn ngữ,... Xét trên bình diện nhân cách, ứng xử phần nào thể hiện tính cách, trình độ, văn hóa của con người. Tuy nhiên, không phải lúc nào biểu hiện ứng xử trong một trường hợp nào đó cũng có thể đánh đồng với nhận xét về bản chất của một con người. Ứng xử còn phụ thuộc vào mối quan hệ giữa các đối tượng giao tiếp trong từng hoàn cảnh, những tác động phát sinh từ bên ngoài, tâm lý của con người trong những giai đoạn nhất định và môi trường ứng xử.

Có thể thấy rằng, văn hóa ứng xử là một bộ phận của văn hóa nói chung được hình thành trong quá trình hoạt động, sinh hoạt, tham gia vào các mối quan hệ xã hội của con người. Do đó, văn hóa ứng xử cũng chịu sự tác động của những yếu tố như: quốc gia, tôn giáo, tín ngưỡng, lịch sử hình thành và phát triển của xã hội,...Ngoài ra nó cũng chịu ảnh hưởng bởi đặc điểm tâm lý, tính cách, giáo dục, môi trường sống, môi trường sinh hoạt của cá nhân mỗi người.

2.2 Môi trường văn hóa số

Xây dựng môi trường văn hóa là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của sự nghiệp xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) khẳng định trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII trang 262 ghi rõ: “Xây dựng môi trường văn hóa một cách toàn diện ở gia đình, nhà trường, cộng đồng dân cư, trong các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể,

doanh nghiệp để văn hóa thực sự là động lực, đột phá phát triển kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế”

So với môi trường văn hóa lâu đời được hình thành và trải qua những biến thiên của lịch sử, môi trường văn hóa trên không gian số có lịch sử khá ngắn, đi cùng với sự lịch sử phát triển của internet. Tuy nhiên, với sự gia tăng số lượng người dùng internet hiện nay ở trên thế giới cũng như Việt Nam, môi trường văn hóa trên không gian số cũng ngày càng rộng mở và nảy sinh nhiều hiện tượng, vấn đề. Sự trỗi dậy của văn hóa mạng trong những thập kỷ gần đây đã mang đến một cuộc cách mạng về văn hóa, có thể kể đến sự trưởng thành và ứng dụng rộng rãi của công nghệ trong sản xuất văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, những giá trị nhân văn, thì hiện nay, môi trường văn hóa số cũng đang bị “ô nhiễm” do những hành vi ứng xử thiếu văn minh, những nhận thức lệch lạc, phiến diện của không ít người dùng, thậm chí là những âm mưu, toan tính của các thế lực thù địch muốn lợi dụng môi trường, không gian số để đầu độc, hủy hoại nhân cách con người, đe dọa nghiêm trọng đến vấn đề an toàn con người và an ninh quốc gia. (Nguyễn Huy Phòng, 2023)

Theo Kayisli (2011): Internet như một công cụ giao tiếp liên tục buộc chúng ta phải thay đổi lối sống, thói quen văn hóa, giá trị và thái độ của mình theo cách tích cực hoặc tiêu cực. Điều này khiến chúng ta phải điều chỉnh một cách đáng kể những thói quen mà chúng ta đã hình thành trong lối sống truyền thống. Tại thời điểm này, chúng ta phải đối mặt với hai giá trị: thứ nhất là văn hóa mạng; thứ hai là báo chí trên internet, một yếu tố quan trọng trong cấu trúc của văn hóa mạng.

2.3 Văn hóa ứng xử của công chúng trên không gian số ở Việt Nam hiện nay

Có thể thấy rằng, việc chia sẻ và sáng tạo các nội dung trên môi trường số đã và đang ảnh hưởng lớn đến tư duy, nhận thức và hành động của người dùng

internet, xa hơn là ảnh hưởng đến cả nền văn hóa của một quốc gia. Mạng xã hội đã góp phần đẩy nhanh và mạnh tiến trình quốc tế hóa, toàn cầu hóa trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Một số quốc gia còn tìm cách áp đặt văn hóa của mình cho các dân tộc khác thông qua những hành động trên không gian số. Những điều này đang làm mai một dần các đặc điểm và truyền thống dân tộc, đồng thời sản sinh ra sự lai tạp văn hóa.

Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của mạng xã hội và những đặc điểm của môi trường mạng xã hội trên không gian số cũng làm nảy sinh những vấn đề trong văn hóa ứng xử của công chúng trên môi trường số. Môi trường truyền thông mạng xã hội (theo Wenjing You – 2020) là một nền tảng trao đổi thông tin dân chủ, bình đẳng, tự do và lỏng lẻo hơn so với phương thức thông tin độc quyền trước đây. Mọi người có thể tham gia vào nền tảng thông tin mới này với tư cách vừa là người sản xuất thông tin, vừa là người truyền bá thông tin.

Một đặc điểm nữa dễ nhận thấy trên không gian mạng đó là tương tác ảo. Internet không chỉ xây dựng một không gian ảo cho mọi người, mà nó còn cho phép con người tạo ra danh tính ảo cho mình và sử dụng danh tính ảo đó để hoạt động trong không gian rộng lớn này. Người dùng internet được quyền xây dựng cho mình một hình ảnh hoàn toàn khác biệt so với thực tế, chính vì vậy, trong tương tác mạng, người dùng có thể che giấu những thứ mà họ không thể che giấu ngoài đời thực như tên tuổi, ngoại hình, giới tính, công việc,...

Với hai đặc điểm nói trên, mạng xã hội cung cấp cho người dùng và công chúng một môi trường có thể tự do sáng tạo. Sự sáng tạo này không chỉ làm giàu cho văn hóa mạng mà còn góp phần làm phong phú hơn...văn hóa truyền thống trong đời sống của mỗi quốc gia, thay đổi một số các giá trị văn hóa trong giao tiếp ứng xử, thu hẹp khoảng cách, hiểu biết giữa các thế hệ trong cùng một cộng đồng.

Văn hóa ứng xử trên môi trường văn hóa số là cách mà con người phản ứng với những vấn đề, câu chuyện, mối quan hệ diễn ra trên không gian mạng. Xét về mặt lý thuyết, văn hóa ứng xử trong cuộc sống và văn hóa ứng xử trên không gian số về cơ bản có nhiều điểm tương đồng, cũng bị chi phối bởi các yếu tố như nhau. Tuy nhiên với đặc điểm của môi trường văn hóa số, văn hóa ứng xử trên internet chịu tác động bởi sự khác biệt về môi trường giao tiếp. Môi trường toàn cầu, không có ranh giới tôn giáo, sắc tộc, văn hóa trên mạng xã hội, khối lượng thông tin tiếp cận khổng lồ, cơ hội gặp gỡ với nhiều nhóm đối tượng giao tiếp khác nhau, cơ hội quan sát nhiều hình mẫu khác nhau,...tất cả những yếu tố này ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành văn hóa ứng xử trên mạng của công chúng hiện nay.

Thêm vào đó, một trong những đặc điểm khiến văn hóa ứng xử trên môi trường số nảy sinh nhiều vấn đề từ đó dẫn đến những ứng xử thiếu chuẩn mực, thiếu văn hóa, thậm chí bôi nhọ, bịa đặt ác ý đối với cá nhân, chống phá Đảng, Nhà nước...đó chính là “tương tác ảo”, “danh tính ảo” như đã trình bày ở trên. Việc không phải giao tiếp trực tiếp theo phương thức “mặt đối mặt” khiến công chúng dễ dàng bày tỏ ý kiến mà không có quá nhiều sự lo ngại. Ngoài ra, không có kỹ năng sử dụng và đối phó với những nguy cơ trên mạng xã hội, không đủ kiến thức, hiểu biết về pháp luật, không lường được hậu quả cho hành vi ứng xử của mình...cũng là những nguyên nhân dẫn tới các vấn đề trong văn hóa ứng xử trên mạng xã hội của công chúng trẻ hiện nay.

2.4 Vai trò của báo chí trong việc định hướng văn hóa ứng xử trên môi trường văn hóa số ở Việt Nam hiện nay

Như đã trình bày, trong thời đại số, khi công nghệ và internet phát triển mạnh mẽ, môi trường văn hóa số trở thành một không gian rộng lớn để giao tiếp, học hỏi và trao đổi thông tin. Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của các nền tảng trực tuyến cũng kéo theo những thách thức về hành vi và văn hóa ứng xử.

Chính vì vậy, báo chí đóng một vai trò quan trọng trong việc định hướng và xây dựng văn hóa ứng xử cho công chúng trên môi trường này.

Thứ nhất, cung cấp thông tin chính thống và đáng tin cậy

Trong môi trường văn hóa số hiện nay, khi mà các nền tảng trực tuyến như mạng xã hội, diễn đàn, blog, và các ứng dụng nhắn tin ngày càng trở nên phổ biến, lượng thông tin chia sẻ hàng ngày là vô cùng lớn và đa dạng. Tuy nhiên, không phải tất cả thông tin đều chính xác hay đáng tin cậy. Thực tế này tạo ra nhiều thách thức cho người dùng khi phải đối mặt với thông tin sai lệch, tin đồn, hay thậm chí là thông tin có chủ đích gây hại. Chính vì vậy, vai trò của báo chí trong việc cung cấp thông tin chính thống và đáng tin cậy càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết.

Ngoài cung cấp thông tin chính thống, báo chí còn có nhiệm vụ **chống lại thông tin sai lệch và tin đồn**, kiểm chứng các thông tin trước khi đăng tải, qua đó giúp ngăn sự lan rộng của các tin đồn hay thông tin giả mạo. Bên cạnh đó, báo chí còn phải đảm bảo tính minh bạch trong quá trình đưa tin. Các cơ quan báo chí có trách nhiệm giải trình nguồn thông tin, phương pháp thu thập dữ liệu và các quyết định biên tập để đảm bảo rằng công chúng có thể tin tưởng vào sự chính xác và công bằng của thông tin. Điều này là một phần trong việc xây dựng niềm tin của công chúng đối với các phương tiện truyền thông chính thống

Thứ hai, xây dựng các chuẩn mực đạo đức trên không gian mạng:

Báo chí có thể thiết lập các chuẩn mực về đạo đức khi giao tiếp và hành xử trên mạng xã hội thông qua các bài viết về đạo đức truyền thông, quyền riêng tư, và cách thức bảo vệ thông tin cá nhân. Các bài viết về các vấn đề như tôn trọng, không phân biệt đối xử, và không lan truyền thông tin gây tổn thương có thể giúp hình thành một môi trường mạng xã hội lành mạnh hơn.

Để làm được điều này, báo chí cần xác định lấy văn hóa làm “chuẩn mực” cho nội dung số trên mạng xã hội. Khi đánh giá nội dung các hiện tượng trên mạng

xã hội, những nhà phê bình và truyền thông thường sử dụng cụm từ “lệch chuẩn”. Vậy đâu là “chuẩn” để đánh giá các hành vi, nội dung “lệch chuẩn” trên nền tảng mạng xã hội. Có thể thấy rằng, có rất nhiều yếu tố hình thành nên “Chuẩn mực” của một xã hội, một trong số đó là văn hóa – bởi văn hóa là những giá trị đã được tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn [Trần Ngọc Thêm, 1999], do đó, trong một phạm vi nhất định nó có thể được dùng làm “thước đo” cho những chuẩn mực trong đời sống xã hội.

Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội [Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2014], do đó, nền tảng này càng vững chắc thì xã hội mới có thể phát triển bền vững. Các giá trị văn hóa như: tinh thần tập thể, gia đình, tình yêu đất nước, yêu cái đẹp, sáng tạo, lạc quan... cần phải được truyền bá và phát huy trong cộng đồng thông qua nội dung số trên nền tảng mạng xã hội bởi đây là nền tảng dễ dàng tạo ra sự tương tác, tham gia của người dùng internet, từ đó mang đến những hiệu quả truyền thông tích cực.

Thứ ba, giám sát và phản biện hành vi trên mạng xã hội đồng thời Khuyến khích giao tiếp văn minh và có trách nhiệm

Báo chí có vai trò giám sát và chỉ ra những hành vi tiêu cực, vi phạm quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, như phát tán thông tin sai sự thật, bạo lực mạng, và quấy rối trực tuyến. Những bài báo phản ánh thực trạng và các vụ việc liên quan đến những hành vi này có thể tạo ra sự chú ý và thúc đẩy những thay đổi trong cách thức ứng xử trên mạng xã hội. Bên cạnh đó, thông qua các bài viết và chương trình phỏng vấn với các chuyên gia về mạng xã hội, báo chí có thể hướng dẫn cộng đồng cách sử dụng mạng xã hội một cách có trách nhiệm, nhấn mạnh những lợi ích của việc giao tiếp tích cực và những tác hại của hành vi tiêu cực như xúc phạm, lan truyền tin đồn, hay khủng bố mạng.

Đối với các hiện tượng tích cực, cần có sự lan tỏa mạnh mẽ, những nhân vật mang đến các giá trị tốt đẹp cần phải được xuất hiện trên truyền thông để tạo cảm hứng như một cách ghi nhận sự đóng góp của họ. Đối với các hiện tượng tiêu cực cần kiên quyết bài trừ, và đề xuất các biện pháp xử lý dứt khoát, đồng bộ, phù hợp với nền tảng văn hóa xã hội.

Thứ tư, thúc đẩy đối thoại, hoàn thiện quy định pháp luật và bộ quy tắc ứng xử trên không gian số

Báo chí có thể là cầu nối giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức xã hội, cộng đồng người dùng và các doanh nghiệp công nghệ. Thông qua các bài viết, phỏng vấn, tọa đàm và các chương trình thảo luận, báo chí tạo ra diễn đàn công khai để các bên liên quan trao đổi, thảo luận về các vấn đề nổi cộm trong không gian số.

Bên cạnh đó, ngoài việc thông tin, phổ biến các chính sách pháp luật về quy tắc ứng xử trên mạng xã hội, báo chí đóng vai trò quan trọng trong việc phản ánh thực tiễn và đề xuất những điều chỉnh cần thiết trong hệ thống pháp luật liên quan đến không gian số. Báo chí có thể chỉ ra những khoảng trống pháp lý, những vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng như quyền riêng tư, bảo vệ dữ liệu cá nhân, hay việc xử lý các hành vi phạm pháp trên mạng. Qua đó, báo chí thúc đẩy các cơ quan nhà nước xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp lý nhằm bảo vệ người sử dụng và duy trì trật tự trong môi trường số.

Như vậy, báo chí không chỉ là công cụ cung cấp thông tin mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc thúc đẩy đối thoại, hoàn thiện quy định pháp luật và xây dựng bộ quy tắc ứng xử trên không gian số. Vai trò của báo chí trong việc này là vô cùng quan trọng, giúp xây dựng một môi trường số văn minh, bảo vệ quyền lợi người dùng và tạo ra sự công bằng trong việc sử dụng các nền tảng trực tuyến.

3. Kết luận

Trong xã hội Việt Nam, văn hóa ứng xử vẫn luôn là vấn đề được quan tâm, giáo dục và rèn dũa. Với đặc trưng của nền văn hóa cộng đồng, người Việt từ xưa đến nay vẫn luôn coi trọng mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội. Đối với sự phát triển của internet như hiện nay, mỗi người dùng đều ý thức rất rõ, không gian mạng là không gian ảo, tuy nhiên, hệ lụy của nó là thật, do đó, kiểm soát, định hướng, điều chỉnh và tạo ra những chuẩn mực riêng cho văn hóa ứng xử trên mạng xã hội của công chúng là trách nhiệm của tất cả các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Báo chí với chức năng và nhiệm vụ của mình cần phải thực hiện tốt vai trò và nghĩa vụ xã hội trong công tác này. Muốn làm được điều này, chính các cơ quan báo chí, nhà báo phải trang bị cho mình đầy đủ kiến thức, kỹ năng và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động thông tin. Nắm bắt và áp dụng nhanh chóng xu hướng phát triển của báo chí và truyền thông hiện đại để biến các cơ quan báo chí chính thống trở thành lựa chọn hàng đầu của công chúng trong việc tìm kiếm nguồn tin từ đó mới có thể tiếp tục thực hiện các hoạt động định hướng của báo chí.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay có thể thấy trên không gian số ở Việt Nam đó là sự nhầm lẫn của công chúng đối với các trang tin tổng hợp, các fanpage đăng tải tin tức, các tài khoản cá nhân tự tạo ra nguồn tin...và báo chí chính thống. Bên cạnh đó, việc coi thường đạo đức nghề nghiệp, chạy theo thị hiếu công chúng, câu view, câu like của báo chí cũng khiến cho việc xây dựng chuẩn mực về văn hóa ứng xử trên mạng xã hội bị ảnh hưởng. Chính vì vậy, để thực hiện tốt và có hiệu quả vai trò đối với văn hóa ứng xử của công chúng trên môi trường văn hóa số, báo chí cần phải có những định hướng nhất quán trong hoạt động, tìm hiểu và nắm bắt nhu cầu của công chúng, lan tỏa và chia sẻ những hành vi tích cực bên cạnh đó phải kiên quyết và thể hiện rõ thái độ, kịp thời thông tin, đề xuất và kiến nghị cho các cơ quan chức năng trong việc xử lý các vi phạm trên không gian mạng.

Trong tương lai, môi trường văn hóa số sẽ còn tiếp tục phát triển, những vấn đề mới sẽ nảy sinh buộc những người làm báo phải liên tục cập nhật, điều chỉnh hoạt động của mình. Tuy nhiên, dù ở xã hội nào, báo chí vẫn phải luôn đảm nhận tốt chức năng của mình trong việc góp phần tham gia vào công tác giáo dục, định hướng thẩm mỹ và giám sát, quản lý xã hội.

Tài liệu tham khảo:

1. Ban tuyên giáo Trung Ương (2021), *Bài phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc 2021*
1. Bộ Thông tin và truyền thông (2021), *Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội*
2. Cao, Q., Lu, Y., Dong, D., Tang, Z., & Li, Y. (2013), *The roles of bridging and bonding in social media communities*. Journal of the American Society for Information Science and Technology, 64(8), 1671 – 1681.
3. Datareportal (2020), Digital 2020 Viet Nam, link: <https://datareportal.com/reports/digital-2020-vietnam?rq=Viet%20nam>
4. Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2014 Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
5. Korhan Kayisli (2012), *Internet journalism in cyberculture and its effect on adult attitude*, Part B Social and Educational Studies 4, ISSN 1535-1546
6. Oberlo (2023), Social media sites, link: <https://www.oberlo.com/blog/social-media-sites>
7. Nguyễn Huy Phòng (2023), *Xây dựng môi trường văn hóa số - Xu thế tất yếu và những vấn đề đặt ra*, tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 527, 3/2023
8. Putsiata Iryna, Yuriy Bidzilya, Vasyl Putrashyk, Volodymyr Tarasiuk, Yevhen Solomin (2023), *Sociocultural Influence on Modern Journalism in the Context of Social and Political Perestroika: Analysis and Creation of Prerequisites*

for the Regulation of Influence Factors, Lex Humana, v. 15, n. 4, 2023, ISSN 2175-0947

9. Qui, L., Lin, H. & Leung, A.K-y (2013), *Cultural differences and switching of in group sharing behaviour between an American (Facebook), a Chinese (Renren) social network site*. Journal of cross – cultural Psychology, 44(1), 106-121
10. Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục
11. Trần Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.

VAI TRÒ CỦA BÁO CHÍ TRUYỀN THÔNG TRONG VIỆC NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ LUẬT AN NINH MẠNG HIỆN NAY

Th.S Nguyễn Thanh Hải

*Khoa Chính trị & Báo chính, Trường Khoa học xã hội và Nhân văn,
Trường Đại học Vinh*

Tóm tắt: Trong giai đoạn hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, sự phổ biến của internet, mạng xã hội các thông tin được lan truyền một cách nhanh chóng và rất khó kiểm soát, trong đó có những thông tin có nguồn gốc không đáng tin cậy sai sự thật. Bên cạnh đó việc bảo vệ hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn dữ liệu của cá nhân, trong hoạt động quản lý các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đồng thời đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thời đại công nghệ số trở thành vấn đề được quan tâm hơn bao giờ hết. Báo chí truyền thông có vai trò quan trọng trong việc định hướng nhận thức và hình thành dư luận xã hội về an ninh an toàn thông tin. Bài viết này phân tích vai trò, những thách thức mà báo chí truyền thông phải đối mặt, đồng thời đề xuất một số giải pháp của báo chí, truyền thông trong việc nâng cao nhận thức về Luật An toàn an ninh mạng trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: *báo chí, truyền thông, nhận thức, Luật An ninh mạng*

1. Một vài nét chung về Luật An ninh mạng

Ngày 12/6/2018, tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội Khóa XIV đã thông qua Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019. Với 7 chương, 43 điều, Luật An ninh mạng quy định về hoạt động bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Luật An ninh quy định những nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia; phòng ngừa, xử lý hành vi xâm phạm an ninh mạng; triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng và quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Luật quy định về các biện pháp, hoạt động bảo vệ tương xứng với mức độ quan trọng của hệ thống thông tin thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, trong đó nêu ra tiêu chí xác định, lĩnh vực liên quan, quy định các biện pháp như thẩm định an ninh mạng, đánh giá điều kiện, kiểm tra, giám sát an ninh và ứng phó, khắc phục sự cố an ninh mạng đối với hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia. Luật An ninh mạng

cũng quy định các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh, xử lý nhằm loại bỏ các nguy cơ đe dọa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật, bao gồm: phòng ngừa, xử lý thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; làm nhục, vu khống; xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; phòng, chống gián điệp mạng, bảo vệ thông tin bí mật nhà nước, bí mật công tác, thông tin cá nhân trên không gian mạng; phòng ngừa, xử lý hành vi sử dụng không gian mạng, công nghệ thông tin, phương tiện điện tử để vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự; phòng, chống tấn công mạng; phòng, chống khủng bố mạng; phòng, chống chiến tranh mạng; phòng ngừa, xử lý tình huống nguy hiểm về an ninh mạng; đấu tranh bảo vệ an ninh mạng. Đây là hành lang pháp lý để người dân có thể buôn bán, kinh doanh hay hoạt động trên không gian mạng, là các quy định về triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng một cách đồng bộ, thống nhất từ Trung ương tới địa phương, trọng tâm là các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, quy định rõ các nội dung triển khai, hoạt động kiểm tra an ninh mạng đối với hệ thống thông tin của các cơ quan, tổ chức này.

Luật An ninh mạng cũng đã quy định doanh nghiệp trong và ngoài nước cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet và các dịch vụ giá trị gia tăng trên không gian mạng tại Việt Nam có hoạt động thu thập, khai thác, phân tích, xử lý dữ liệu về thông tin cá nhân, dữ liệu về mối quan hệ của người sử dụng dịch vụ, dữ liệu do người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam tạo ra phải lưu trữ dữ liệu này tại Việt Nam trong thời gian theo quy định của Chính phủ. Luật An ninh mạng cũng đã quy định đầy đủ các nội dung bảo đảm triển khai hoạt động bảo vệ an ninh mạng, xác định lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực an ninh mạng chất lượng cao, chú trọng giáo dục, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức về an ninh mạng. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân cũng được quy định rõ trong Luật An ninh mạng, tập trung vào trách nhiệm của lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng được bố trí tại Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Ban Cơ yếu Chính phủ. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ, ngành chức năng, ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện đồng bộ các biện pháp được phân công để hướng tới một không gian mạng ít nguy cơ, hạn chế tối đa các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng.

Luật An ninh mạng là cơ sở pháp lý quan trọng để bảo vệ an ninh quốc gia, xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật trên không gian mạng. Bảo vệ hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia, được xác định trong các lĩnh vực quan trọng đặc biệt đối

với quốc gia như quân sự, an ninh, ngoại giao, cơ yếu; trong lĩnh vực đặc thù như lưu trữ, xử lý thông tin thuộc bí mật nhà nước; phục vụ hoạt động của các công trình quan trọng liên quan tới an ninh quốc gia, mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia hoặc những hệ thống thông tin quan trọng trong các lĩnh vực năng lượng, tài chính, ngân hàng, viễn thông, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, hóa chất, y tế, văn hóa, báo chí. Luật An ninh mạng ra đời nhằm phòng, chống tấn công mạng. Luật An ninh mạng là văn bản Luật đầu tiên quy định khái niệm của hoạt động “Tấn công mạng”. Đồng thời, quy định các nhóm hành vi cụ thể liên quan tới tấn công mạng; quy định cụ thể các nhóm giải pháp cụ thể để phòng, chống tấn công mạng, quy định trách nhiệm cụ thể của cơ quan chức năng, chủ quản hệ thống thông tin.

Như vậy, việc ban hành Luật An ninh mạng giúp hệ thống thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân được bảo vệ trước hoạt động tấn công mạng; Các hệ thống thông tin quan trọng về an ninh quốc gia được bảo vệ tương xứng với tầm quan trọng đối với an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được bảo vệ trước các hành vi tấn công mạng. Luật An ninh mạng cũng quy định cụ thể cơ chế phối hợp phòng, chống tấn công mạng của các bộ, ngành chức năng, xác định trách nhiệm cụ thể của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Ban Cơ yếu Chính phủ trong phòng, chống tấn công mạng.

2. Vai trò của báo chí, truyền thông trong việc nâng cao nhận thức về Luật An toàn an ninh mạng hiện nay

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi báo chí, truyền thông đại chúng là phương tiện, vũ khí sắc bén để tuyên truyền, cổ vũ, động viên, tập hợp, tổ chức và vận động nhân dân thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong đó, truyền thông, báo chí là lĩnh vực có chức năng, vai trò hết sức quan trọng việc nâng cao nhận thức về Luật An toàn an ninh mạng hiện nay. Thông qua việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật đúng và đầy đủ đối với an ninh mạng sẽ góp phần nêu cao ý thức chính trị, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ không gian mạng quốc gia. Từ đó, quần chúng nhân dân sẽ có ý thức tuân thủ quy định của pháp luật; kịp thời cung cấp thông tin liên quan đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bảo đảm an ninh mạng.

Thực tiễn cho thấy, báo chí, truyền thông, truyền thông xã hội đã có những tác động, ảnh hưởng lớn đến chính trị, đóng vai trò là những công cụ định hướng tư tưởng, văn hóa của người dân. Mỗi ngày có hàng trăm tin bài được đăng tải trên các phương tiện

báo chí, website và phương tiện thông tin đại chúng, phản ánh nhiều mặt liên quan đến an ninh, an toàn thông tin. Qua đó có thể thấy được tầm quan trọng của báo chí, truyền thông.

Thứ nhất, các cơ quan báo chí, truyền thông đang đóng một vai trò vô cùng quan trọng, hỗ trợ đắc lực cho cơ quan quản lý nhà nước về công tác nghiệp vụ, phổ biến các thông tin chính sách tới xã hội trong lĩnh vực an ninh, an toàn. Ngoài ra, các đơn vị báo chí, truyền thông cũng góp phần cung cấp, cập nhật các thông tin nhanh và chính xác về tình hình, thực trạng an toàn thông tin (ATTT), làm cầu nối giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp, tổ chức và đông đảo người dùng trên cả nước.

Thứ hai, báo chí truyền thông góp phần tuyên truyền cảnh báo về hình thức tấn công mạng, thủ đoạn hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức cảnh giác, kỹ năng về an toàn thông tin cho cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa.

Thứ ba, với sự phổ biến của Internet, mạng xã hội, hiện nay, các thông tin được lan truyền với tốc độ nhanh và rất khó kiểm soát. Trong đó có nhiều thông tin có nguồn gốc không đáng tin cậy, thông tin sai sự thật.... Do đó, các đơn vị truyền thông, báo chí có một nhiệm vụ quan trọng là hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trong việc định hướng dư luận xã hội để ngăn chặn các nguồn thông tin sai lệch, không chính thống.

Báo chí, truyền thông là nhân tố, là phương tiện có sức mạnh đặc biệt to lớn trong việc định hướng nhận thức, hình thành dư luận xã hội về ATTT. Với sức mạnh đó, truyền thông góp phần quan trọng hỗ trợ đắc lực cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chính sách, phổ biến về việc đảm bảo Luật an ninh mạng tới toàn xã hội.

Ví dụ: Tạp chí An toàn thông tin của Ban Cơ yếu Chính phủ là một trong những đơn vị truyền thông đi đầu trong công tác hỗ trợ tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về Luật an ninh mạng tại Việt Nam. Trong 10 năm qua, Tạp chí đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực bảo mật và ATTT nhằm phục vụ hoạt động quản lý nhà nước; là diễn đàn trao đổi thông tin lý luận, kết quả hoạt động khoa học - công nghệ trong lĩnh vực ATTT; luôn phản ánh kịp thời các hoạt động, giới thiệu những thành tựu khoa học công nghệ, những sản phẩm, công nghệ mới trong lĩnh vực bảo mật và ATTT trong nước và thế giới. Với vai trò là một trong những Tạp chí đầu tiên về ATTT tại Việt Nam,

Thứ tư, góp phần xây dựng chính sách và quy định: Với vai trò là nguồn thông tin và đối tác đáng tin cậy, báo chí, truyền thông có thể tạo áp lực cho các chính quyền và tổ

chức quốc tế để thúc đẩy việc xây dựng chính sách và quy định về an ninh, an toàn thông tin. Bằng cách đưa tin về các vụ việc vi phạm an ninh mạng và nhấn mạnh tác động của chúng, tạo động lực cho các quyết định gia tăng hợp tác quốc tế và thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh mạng toàn cầu.

Thứ năm, hỗ trợ đào tạo và giáo dục: Để nâng cao nhận thức về an ninh mạng, truyền thông có vai trò quan trọng trong việc tạo ra các chương trình đào tạo và giáo dục. Đây có thể là các khóa học trực tuyến; các buổi tọa đàm với sự tham gia của nhiều khách mời là nhà khoa học, quản lý, chuyên gia bảo mật; chương trình phát thanh hoặc phim tài liệu về an ninh, an toàn thông tin mạng.

Thứ sáu, tạo sự nhất quán và đồng thuận: Thông qua truyền thông, việc tạo ra một môi trường thông tin mở, minh bạch và nhất quán sẽ giúp đảm bảo rằng công chúng nhận được thông tin chính xác và đáng tin cậy, từ đó khuyến khích họ tham gia, đóng góp tích cực vào việc xây dựng và bảo vệ không gian mạng. Hơn nữa, truyền thông có vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự đồng thuận và ủng hộ cho việc thực hiện biện pháp và chính sách an ninh mạng. Ví dụ, khi truyền thông thông báo về việc một tổ chức đã thành công trong việc ngăn chặn một cuộc tấn công mạng hoặc phục hồi từ một sự cố an ninh mạng, điều này sẽ truyền đạt thông điệp rằng việc bảo vệ an ninh, an toàn thông tin mạng là khả thi và có giá trị.

Thứ bảy, góp phần xây dựng nhận thức và hành động cá nhân: Truyền thông không chỉ cung cấp thông tin, mà còn giúp người dân nhận thức rõ về trách nhiệm cá nhân trong việc bảo vệ an ninh, an toàn thông tin. Thông qua việc cung cấp những tin bài, hình ảnh, video, podcast, phóng sự... về các sự cố tấn công mạng và hậu quả chúng gây ra, truyền thông sẽ giúp người dùng cá nhân nhận thức rõ hơn về các mối đe dọa và hành động để bảo vệ mình trên không gian mạng. Từ đó người dân có thể triển khai các giải pháp phù hợp để bảo vệ dữ liệu, tài khoản trực tuyến như cài đặt phần mềm bảo mật, sử dụng mật khẩu mạnh, xác thực đa yếu tố...

Thứ tám, cơ quan báo chí truyền thông tuyên truyền phổ biến pháp luật về an ninh mạng đồng thời cần bảo đảm an ninh truyền thông, báo chí. Trong giai đoạn hiện nay, với sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, vai trò của truyền thông, báo chí ngày càng lớn, tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của con người. Chính vì vậy, ngoài việc là cầu nối giữa luật an ninh mạng với nhân dân thì việc bảo đảm an ninh cho chính truyền thông, báo chí cũng trở thành một phần hết sức quan trọng của an ninh con người.

3. Những thách thức của báo chí, truyền thông trong việc phổ biến về luật An ninh mạng

Thứ nhất, đối tượng truyền thông đa dạng: Người dùng Internet hiện nay rất đa dạng và phong phú về lứa tuổi và đối tượng, từ các doanh nghiệp đến cá nhân, từ người già đến trẻ em. Vì vậy, báo chí, truyền thông phải tìm cách đưa thông tin một cách rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Đặc biệt đối tượng là trẻ em, truyền thông cần phải sử dụng ngôn ngữ đơn giản, trực quan, hướng dẫn thực tế và dễ hiểu giúp các em hiểu rõ hơn về những nguy cơ có thể gặp phải khi sử dụng Internet. Trong đó, việc truyền thông trên các nền tảng mạng xã hội phổ biến như Facebook, Youtube, Tiktok... cần phải triển khai các quy trình, chiến lược và công nghệ kiểm duyệt để ngăn chặn những nội dung xấu, độc hại gây ảnh hưởng đến người dùng nhỏ tuổi và thanh thiếu niên.

Thứ hai, sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành: Một thách thức khác đó là việc giải thích những khái niệm phức tạp về an ninh mạng cho người dùng không chuyên. Các thuật ngữ liên quan đến các phần mềm độc hại như Spyware, Ransomware, Botnet... đều là những khái niệm tương đối trừu tượng với người dùng thông thường. Báo chí, truyền thông cần phải sử dụng ngôn ngữ đơn giản, dễ hiểu và trực quan để giải thích các khái niệm này một cách rõ ràng.

Thứ ba, văn hóa quốc gia: Mỗi quốc gia, mỗi khu vực đều có một nền văn hoá khác nhau, do đó dẫn đến những đặc thù riêng về an ninh mạng. Truyền thông cần phải hiểu và thích nghi với sự khác biệt về văn hoá để có thể truyền tải thông tin an ninh mạng một cách hiệu quả. Mỗi quốc gia trên thế giới đều có chính sách kiểm duyệt Internet riêng, vì vậy báo chí, truyền thông cần phải đưa ra các thông tin về an ninh, an toàn thông tin phù hợp và tránh các nội dung nhạy cảm có thể dẫn đến vi phạm luật truyền thông của các nước sở tại. Văn hóa của mỗi quốc gia có thể ảnh hưởng đến cách mà người dân và các phương tiện truyền thông tiếp cận và đánh giá các vấn đề liên quan đến an ninh mạng. Ví dụ như tại Trung Đông, nơi mạng Internet trở thành một phương tiện quan trọng trong việc phổ biến các thông điệp tôn giáo và chính trị. Do đó, chính phủ và các tổ chức tôn giáo trong khu vực này thường có xu hướng kiểm soát và giám sát mạng để đảm bảo rằng các nội dung phải phù hợp với giá trị và tôn giáo của họ

Thứ tư, lạm dụng trí tuệ nhân tạo (AI): Ngày nay, sự phổ biến của công nghệ AI để tạo hình ảnh, video, âm thanh và văn bản tổng hợp có độ chính xác và chân thực cao đã mang lại những trải nghiệm thú vị và cung cấp các tiện ích phù hợp cho người sử

dụng. Nổi bật nhất thời gian qua phải nói đến ChatGPT, ứng dụng chatbot của OpenAI được đông đảo người dùng trên toàn thế giới đón nhận. Tuy nhiên, việc quá lạm dụng công nghệ này cũng có thể dẫn đến những vấn đề liên quan đến tính xác thực thông tin.

Thứ năm, tội phạm mạng: Với tính chất rộng mở, tự do của các phương tiện truyền thông xã hội, xu hướng các nhóm tội phạm mạng tấn công các trang tin điện tử của nhiều cơ quan báo chí nhằm thay đổi giao diện và làm sai lệch nội dung truyền tải để phục vụ các mục tiêu chính trị đang trở nên thường xuyên hơn. Vào nửa đầu năm 2022, theo thống kê của Công ty nghiên cứu và phân tích bảo mật KonBriefing Research (Đức), đã có 47 cuộc tấn công mạng thành công vào các tòa soạn, nhà xuất bản, đài phát thanh, đài truyền hình và tổ chức truyền thông trên toàn thế giới [1]. Gần đây nhất, phải kể đến cuộc xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine, vào tháng 02/2023 các nhóm tin tặc ủng hộ Ukraine đã giành kiểm soát các kênh truyền hình của Nga để phát đi các thông điệp phản đối hành động của Điện Kremlin [2].

4. Một số giải pháp của báo chí, truyền thông trong việc nâng cao nhận thức về an ninh mạng

Một là, các cơ quan báo chí, truyền thông cần tiếp tục phân đấu, tích lũy, cập nhật các công nghệ, nâng cao chất lượng, cung cấp toàn diện, đầy đủ, kịp thời các thông tin kỹ thuật liên quan tới ATTT phù hợp với tốc độ phát triển của công nghệ.

Hai là, tiếp tục chú trọng xây dựng đội ngũ phóng viên, biên tập viên theo hướng chuyên sâu, gắn với các hoạt động nghiệp vụ về Luật an ninh mạng; Có cơ chế thu hút nguồn nhân lực trình độ cao: Phối hợp chặt chẽ với Bộ Thông tin và Truyền thông và các đơn vị chức năng, chuyên môn để liên tục cập nhật chính sách, phổ biến pháp luật, thông tin trong lĩnh vực luật an ninh mạng.

Ba là, tiếp tục mở và tăng thời lượng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền quy định của pháp luật về an toàn, an ninh mạng và bộ quy tắc ứng xử trên không gian mạng; trong đó, chú trọng hướng dẫn về các kỹ năng bảo đảm an toàn, an ninh mạng trên các thiết bị có khả năng kết nối Internet (IoT), bảo vệ dữ liệu cá nhân. Xây dựng mới hoặc lồng, ghép nội dung công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng vào các chương trình phát thanh, truyền hình, các kênh truyền thông phù hợp với các đối tượng người dân trong đó đối với giới trẻ các kênh truyền thông như Facebook, Tiktok, Instagram sẽ phát huy hiệu quả phổ biến tuyên truyền. Có thể tiếp nhận câu hỏi của người dân, doanh nghiệp về các nội dung an toàn, an ninh mạng trên Cổng Thông tin điện tử gửi cơ quan có thẩm quyền trả lời

Bốn là, cơ quan báo chí, truyền thông cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan nghiên cứu trong nước, các lực lượng tác chiến trực tiếp của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông để hợp tác nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức, và thường xuyên cập nhật những nội dung mới trên không gian mạng để phổ biến tuyên truyền trên các kênh phát sóng.

Những giải pháp trên chưa phải là tất cả những cũng là những giải pháp chủ yếu nhằm phát huy vai trò của báo chí truyền thông trong việc nâng cao nhận thức của người dân về Luật an ninh mạng.

5. Kết luận

Với sự phổ biến của Internet, mạng xã hội, các thông tin được lan truyền với tốc độ nhanh chóng và rất khó kiểm soát, trong đó nhiều thông tin có nguồn gốc không đáng tin cậy, thông tin sai sự thật, trở thành những mối lo ngại được chính phủ các nước đặc biệt quan tâm. Với vai trò quan trọng của mình, truyền thông là cầu nối giúp tuyên truyền, phổ biến các chính sách, nâng cao nhận thức về an ninh, an toàn thông tin không chỉ tại Việt Nam mà còn trên toàn thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] <https://konbriefing.com/en-topics/cyber-attacks-2022-ind-media-h1.html>
- [2] <https://www.infosecurity-magazine.com/news/russian-tv-stations-hacked/>
- [3] Luật an ninh mạng, Luật số 24/2018/QH14